

PHAN - CHÂU - TRINH

Giai Nhân KỲ NGỘ

PUYNH THỨC KHANG
PHAN TÂY HỒ TIÊN SINH LỊCH SỬ

LÊ VĂN SIÊU
BÌNH GIẢI VÀ CHÚ THÍCH



✻ ANH HÙNG CA ✻ ✻ ✻

NHA XUẤT BẢN
HƯỚNG DƯƠNG

GIAI - NHÂN KỲ - NGỘ

một thiên anh-hùng-ca của

Cụ PHAN-CHÂU-TRINH

do Cụ Ngổ-Đức-Kế in lần thứ I

tại Hà-nội năm 1926

bị tịch-thâu và thiêu-hủy.

●

Đến nay, 1958 mới in ra tại Saigon
do nhà xuất - bản HƯỚNG-DƯƠNG

●

LAM-HỒNG Tổng phát hành

●

Sách in kèm theo bài viết
PHAN-TÂY-HỒ TIÊN-SINH LỊCH-SỬ
của Cụ HUỲNH - THÚC - KHÁNG
cũng viết từ hồi 1926, vẫn dấu kỹ
đến nay mới công-bố

●

Bìa do Hoạ-sĩ Tạ-Tỵ trình bày
Thơ cảm đề do Thi-sĩ TCHYA viết

●

Ngoài những bản thường có in thêm
100 bản trên giấy quý, không bán.

PHAN - CHÂU - TRINH

GIAI - NHÂN KỶ - NGỘ

(ANH - HÙNG - CA)

PHAN-TÂY-HỒ TIÊN-SINH LỊCH-SỬ

HUỲNH-THÚC-KHÁNG

BIÊN - SOẠN

LÊ - VĂN - SIÊU

BÌNH-GIẢI VÀ CHÚ-THÍCH

NHÀ XUẤT-BẢN

HƯỚNG DƯƠNG

LAM - HỒNG

TỔNG PHÁT HÀNH

1958

PHAN-TÂY-HỒ TIÊN-SINH VĂN-TẬP



Đầu Pháp chính-phủ thư

Ký Dân-Quyền hội thư (tức Trung-kỳ Dân-biến thì mạc ký)

Pháp-Việt liên-hiệp hậu chi tân Việt-Nam

Cuộc ngoại nhân kim nhật chi Trung-Quốc quan

Tình quốc-hồn ca (hai bài quốc-âm)

Hai bài diễn-thuyết ở hội Thanh-niên Saigon (quốc-âm)

Ký Khải-Định Hoàng-đế thư

Hán-văn thi (hơn 50 bài)

Quốc-văn thi (gần 300 bài)

Đông-Dương chính-trị luận

Giai-Nhân Kỳ-Ngộ diễn ca (quốc-âm)

Tường Trưng-Vương

Các bài đăng báo Pháp-quốc và Trung-quốc

Tập-trước.



1

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

CẢM-ĐỀ

(DIỄN-ÂM)

Âu Ấ phong-trào hám ngú châu.
Anh-hùng tâm tụy tự-do lâu.
Bạch đầu tráng-sĩ chân ưu quốc,
Hồng tỵ giai-nhân giải báo cừu,
Đàm tiểu nhân ky không nhất thế
Tử sinh nhân tự tức thiên thâu.
Hào tình diệu luận phân phân thị
Nhất độc linh nhân nhất diêm đầu.

(DIỄN NÔM)

Cụm sóng Âu-châu đập cái đùng
Tan gan nát ruột kẻ anh-hùng.
Kìa người tóc trắng còn chặm nước,
Đến ả mày xanh cũng biếng chồng.
Ba kiếp vẻ vang coi đã chắc,
Một đời lúc-nhúc ngó như không,
Ngàn câu máu nóng trăm dòng lụy,
Độc đến ai không nhủn tấm lòng.

PHAN-CHÂU-TRINH

MỤC - LỤC



TRANG

—

Thơ (cảm đề Giai-Nhân Kỳ-Ngộ	
<i>của Cụ Phan-Châu-Trinh</i>	VII
Mấy lời bình-giải của Lê-Văn-Siêu	XI
Kính dâng vong-linh bác	
<i>Huỳnh Minh-Viên</i>	XXXIX
Phan-Tây-Hồ Tiên-sinh lịch-sử	
<i>của Cụ Huỳnh-Thúc-Kháng</i>	XXXIII

GIAI - NHÂN KỶ - NGỘ

(Chính truyện)

Nói rõ về cách trình-bày sách	3
<i>Hồi thứ nhất : Gặp gỡ giai-nhân</i>	5
<i>Hồi thứ hai : Lừa tình đã bén</i>	41
<i>Hồi thứ ba : Giai-nhân nẻo nào ?</i>	75
<i>Hồi thứ tư : Mỹ-nhân kể</i>	105
<i>Hồi thứ năm : Vượt ngục</i>	143
<i>Hồi thứ sáu : Nhưng U-LAN chưa chết</i>	169
<i>Hồi thứ bảy : Tụ-tức đích-xác</i>	193
<i>Hồi thứ tám : Đoạn kết</i>	223

PHẦN PHỤ-LỤC	225
-----------------------------	-----

PHỤ-LỤC I

<i>Hồi thứ tám (tiếp).. .. .</i>	227
<i>Hồi thứ chín</i>	253
PHỤ-LỤC II	260
PHỤ-LỤC III	270
PHỤ-LỤC IV	271
PHỤ-LỤC V	275

MẤY LỜI BÌNH-GIẢI

CỦA

LÊ-VĂN-SIÊU

SÁCH này cụ Phan viết ra đã lâu, chưa rõ vào năm nào, có lẽ vào hồi cụ sống ở bên Pháp. Nhưng trong thời-kỳ nước nhà mất quyền tự-do, sách đã không in ra được, nên rất ít người biết đến.

Một lần đầu, khoảng năm 1926, cụ Ngô-Đức-Kể đã in ra ở Hà-nội. Nhưng sách vừa in xong chưa kịp phát-hành một quyền nào thì nhà chức-trách đã tịch-thâu và đốt hết.

Chỉ còn một bản-thảo mà con gái lớn của cụ (*Cụ Phan-thị Châu-Liên*) cùng rề cụ (*Cụ Đốc Lê-Ấm*) đã đem ngày kín-dáo và kính-cần giữ-gìn suốt ba mươi năm, cho đến ngày nay.

Độc-giả tất đã biết ba mươi năm qua sóng gió tràn-lan trên đất nước ta như thế nào. Ấy thế mà hai cụ âm-thầm giữ được, để cho kho-tàng văn-hóa của ta không mất đi một viên ngọc quý.

Viên ngọc quý ấy bây giờ mới bắt đầu tỏa hào-quang, tuy tiếc là chậm, nhưng nghĩ kỹ cũng có một duyên may nào đến cho toàn cả dân-tộc chúng ta, để bắt đầu từ nay, sách mới ra đời mà sắm vai trò lịch-sử của nó.

Trước đây, đề ru ngủ nhân-dân, đề đầy tâm-hồn người vào vòng ủy-my, với những tình những duyên vụn-vặt, những thơ những mộng tầm-thường, và đề mở những chân-trời lầy-lụa với những khí-phách anh-hùng rơm, những tinh-thần trượng-phu giả, .. trước đây, để làm những việc ấy, thì người ta đã có nhiều những truyện khác để cho chúng sắm vai trò lịch-sử của chúng.

Chắc cụ Huỳnh-Thúc-Kháng đã đọc sách *Giai-Nhân Kỳ-Ngộ* này, nhưng vì tình thế chính-trị phải giữ kín, nên khi bắt buộc phải hạ-sát công việc của Phạm-Quỳnh đưa truyện *Kiều* lên thành một thứ quốc-giáo (1), cụ đã chỉ nói đến « con dĩ *Kiều* » mà không nhắc tới sách này như một đối-tượng để so-sánh.

Thành ra có cái điều bất-khoản nhất của toàn-thê quốc-dân về văn-học là : tại sao trong suốt thời-kỳ Pháp-thuộc, một nước văn-hiến như

(1) Phạm-Quỳnh nói : *Truyện Kiều còn, nước ta còn*,

nước ta, giữa cái oằn-oại của muôn ngàn nhà ái-quốc, lại không sản-sinh nổi một tác-phẩm dài hơi nào, đề tiêu-biểu cho tinh-thần bất-khuất của dân-tộc ?

Cái điều băn-khoăn ấy của mọi người bây giờ đã giải được ra, như người thở hắt ra được một tiếng :

— Tác-phẩm ấy đã có !

Tác-phẩm ấy là một thiên Anh-Hùng-Ca. Nó ra đời ngày hôm nay như một tiếng sét nổ giữa thình không.

CÁ-NHÂN* TÁC-GIA

Độc-giả đọc tác-phẩm bất-hủ này sẽ thấy mình không còn bị lồng khung vào trong tình thương một con người « hồng-nhan, bạc-phận » hay trong một tình yêu vụn-vặt hẹp-hòi nữa, mà sẽ mở rộng được lòng mình ra, đề :

*Gắm trong sống chết nhiều đường
Dầu mà sống đục cũng phừng cỏ cây
Sao cho dân nước xum vầy
Một lần trôi máu phơi thấy cũng đành. (c 486 và 487)*

Độc-giả sẽ được thấy hiện-hiện trước mắt hình ảnh những người quân-tử (theo quan-niệm Không, Mạnh cổ-truyền của Á-đông) sinh-hoạt trong bối-cảnh lịch-sử mới của thế kỷ XVIII và XIX. Những người quân-tử ấy, dầu là người Á-đông hay là người Âu Mỹ, cũng vẫn có cùng một nhân-loại-tính khi sinh-hoạt trong truyện. Họ sinh-hoạt mà không một chút gì có thể khiến người ta nghĩ là hủ-lậu, lỗi thời. Trái lại, người ta phải phục và phải lấy làm nòng-cốt cho cuộc sống quốc-tế mới.

Chẳng hạn như việc này :

*Hồng-Liên lại hỏi một hai :
« Bữa qua xem báo có người Biền-Đông
Rủ nhau lên các ngòi trông
Nhân bàn việc nước cảm lòng người Anh
Một người đứng hỏi rõ ràng :
« Ái-Lan độc-lập các anh thế nào ? »
Hai người hăm-hở rằng : « nào !
Mang gươm thẳng tới xông vào giúp chơi ! » (c 432 tới 435)*

Ấy thế rồi, nàng Hồng-Liên này, lại hỏi người ấy là người thế nào, thì :

*Chàng liền vội vủ thưa qua
Một người đứng hỏi thiệt là tiều sanh. (c 438)*

GIAI-NHÂN KỶ-NGỘ

Chúng ta thấy cái thần-nhiên gặp việc nghĩa thì làm của một người quân-tử, nó đẹp đến chừng nào ?

Rải-rác trong sách gần như đoạn nào cũng có những cái khí-phách làm rộn người lên như vậy. Nhưng chúng tôi nghĩ không cần phải nói tới khía-cạnh ấy nhiều, vì ngòi bút của cụ Phan viết, thì ai cũng đã đoán được thế tất phải có khí-phách ấy.

Cụ Phan là một nhà chí-sĩ được toàn dân kính-mến về nhân-cách quân-tử. Cho đến bây giờ, chỉ nhắc tên cụ một cách cộc-lốc, có người còn thấy trong lòng rộn lên một sự gì như là thiếu kính-trọng cụ. Và ngay trong hồi còn sống, đến vua Khải-Định sang Pháp, nhận được bức thư « Thất-diệu » của cụ cũng phải cúp tai lại mà về nước, đến các sĩ-phu trong nước kể cả cụ Phan-Bội-Châu, khi đương sôi lên một tinh-thần vọng-ngoại đề bài ngoại, cụ viết : « Không nên trông người ngoài, trông người ngoài thì chắc ngu ; không nên bạo-động, bạo động thì chắc chết », cụ viết như thế mà không một ai dám có một lời gì phản-đối, đủ thấy uy-tín của cụ lớn đến thế nào.

Với thơ « *Chí thành thông thánh* », phú « *Danh sơn lương ngọc* », thơ « *Cây đèn sáp* »... bụng trung của cụ đã thấm đến cây cỏ núi sông.

Nhưng với « *Giai-nhân Kỷ-ngộ* » này thì nghĩa-khí của cụ lại sẽ miên-trường với lịch-sử.

Cụ là người như thế nào, độc-giả có thể xem tập *Phan-Tây-Hồ tiên sinh lịch-sử* của cụ Huỳnh-Thúc-Kháng viết (1), sẽ được thấy rõ-ràng. Chúng tôi nói gì thêm cũng không thể nào bằng được.

Có một điều làm chúng tôi rất đổi ngạc-nhiên, khi làm việc chú-thích sách này. Chúng tôi đem con mắt kẻ đi sau ba mươi năm, giữa sự-kiện trao-dôi quốc-tế về văn-hóa khi thế-giới đã sống trong một nhà, sau thế-chiến thứ hai, để nhìn vào tác-phẩm. Chúng tôi thấy cụ đã vượt xa khỏi tinh-thần quốc-gia mù-quáng, khỏi tinh-thần chủng-tộc hẹp-hòi. Ở cụ đã nở ra một tinh-thần quốc-tế, mà ai cũng phải công-nhận là gương-mẫu cho cuộc sống quốc-tế hiện-thời.

Cụ mặt-sát không từ một cử-chỉ vô-nhân-đạo của bất cứ một nước nào. Cụ khen-ngợi cũng không từ một người làm việc phải của bất cứ một

(1) Một tài liệu cũng đề dành ba mươi năm, nay in chung vào với *Giai-Nhân Kỷ-Ngộ* này.

nước nào. Mặt-sát hay khen ngợi theo cái ống kính của người « quân-tử Việt-nam » và luận việc đời, việc năm châu bốn bể, cũng theo cái ống kính ấy. Thế mới lạ !

Cụ thuộc lịch-sử cách-mạng của các nước như thuộc kinh-diễn cũ và nhắc lại rai-rác trong sách, khiến chúng tôi tra-cứu lại thì thấy rợn người lên vì rất đúng. Thế mới lạ !

Cụ không vụ ở hình-thức và thề-chế mà vụ ở tinh-thần và nội-dung. Cụ là người đề-xướng dân-chủ đầu tiên ở nước ta, mà khi nói về nền dân-chủ của các nước, có những xấu-xa gì thì cụ cũng vẫn dả-kích rất dữ-dội. Đó lại là điều lạ lùng hết sức nữa, nhất là đối với thể-hệ của cụ.

KỸ-THUẬT

Cụ đã gói-ghém những cái lạ ấy vào trong một quyển truyện thơ lục bát dài ba ngàn tám trăm tám mươi câu kép (và còn dài nữa nếu cụ còn sống (2)) đề kể lại những việc đã xảy ra tại Âu Mỹ, với những nhân-danh địa-danh bị cụ Việt-hóa (3) những ý-niệm về thời-gian không-gian bị cụ Việt-hóa (4), những sự việc, những tồ-chức, những tước-phàm,... cũng bị cụ Việt-hóa (5).

Nghĩa là cụ là tác-giả, cụ đã hoàn-toàn làm chủ câu chuyện đề dẫn nó từ đầu chí cuối, cho nó thấm vào không-khí Việt-Nam đề người Việt-Nam hiểu, cảm và sống theo khi đọc.

Nhờ thế mà khi nói về cuộc tranh-đấu giành độc-lập của Hoa-Kỳ chẳng hạn, thành Boston, New-York, Philadelphie bị tàn phá, toàn những cái tên rất khó phò vào thơ, cụ đã viết một cách rất dễ-dàng :

Mô-si-đốn phá ra tro

Phủ-tấn khỏi rã, Bí-đô mây tàn, (c 19)

(2) Truyện Kiều của Nguyễn-Du dài 1634 câu kép.

(3) Như Lafayette là La-dầu tướng-quân, Serrano là Phong-Lôi, New-York là Phả-Tân, Philadelphie là Phủ-Bí, Suez là Tô-Hà, Delewarre là sông Đề-thủy.

(4) Như bóng ác phát phơ non đoài ; — xưởng cao đá giục tiếng còi sang tư ; — đồng-hồ đếm khắc đã hầu sang tư ; — tới nơi đã quá canh gà, người đi vắng-về sương sa lơ-mờ. Hay như : rộng dài ước đặng nửa cung, hai bờ dương liễu bay bông là đà.

(5) Như dọt pháo xông tên đề nói về chiến-tranh Âu-châu ; đầu triều đề nói về vị thủ-tướng chánh-phủ ; bịch-văn đề nói về tuyên-ngôn ; chùa chiền đề nói về nhà thờ.

GIẢI-NHÂN KỶ NGÔ

Tả một cảnh đồng ruộng bên Âu-Tây cụ viết :

*Trời chiều gió thổi phát-phơ,
Gọi hầu nàng bảo bấy giờ cuốn song
Trông ra vườn ruộng mênh-mông
Núi xanh thấp thoáng chập-chồng bên mây
Chim kêu thanh thót lùm cây
Le le, cộc cộc mấy bầy bên sông,
Vác bừa cặm cuốc mấy ông
Tay roi tay thêu mục-đồng năm ba. (c 1139 tới 1142)*

Rõ là cảnh-trí của trời Âu xa lạ được lọc qua con mắt của một nghệ-sĩ Việt-Nam đề ngòi bút tự-nhiên chảy ra những hàng chữ.

Không có một chút gì là dấu-hiệu của sự gò bó đề tìm chữ, tìm tiếng, hay một chút gì là câu-nệ ở hình-thức văn-chương.

Chính nhờ vậy mà cụ đã nâng được khả-năng của thơ lục bát lên đến một độ, mà đời trước chưa khai-thác được.

Đây là một cảnh đầm tàu :

*Ừn-ừn nổi gió tuôn mây
Mưa rầm, sét rộ, sóng xáy nên hòn.
Mặt tàu sóng phủ như non
Dẫn lên vật xuống, thon vọn giữa vời
Khi cao, cao ngất chín trời
Thấp như chôn tận chín vời suốt sáu
Ai ai tối mắt choáng đầu
Nhào ngang, té ngửa, vớ cầu, vịn thang
Tan-tành sóng đập cửa gương
Đùng đùng nước ngập vào khoang nhầy tràn
Tiếng kêu, tiếng khóc, tiếng than,
Tiếng rơi, tiếng bề, nhọn nhàn như sỏi
Tình-linh một tiếng kêu trời.
« Thuyền đà đụng núi xin người lên thôi ! »
Bò thang thiếp chạy tới nơi
Trông ra từ phía khỏà trời sóng cao
Khóc chà, trối mẹ, ngán-ngao
Tiếng người, tiếng sóng, ồn-ào, lẫn vang*

Bốn bề đất ngửa trời ngang
 Chúa tàu liễu thác tìm phương cứu người
 Đò con bỏ xuống tức thời,
 Vội-vàng chở khách dặng bơi qua cồn
 Giành nhau chen-chức ép dồn
 Hùn-hùn lớp sóng ập-ồn tới nơi
 Lộn nhào kẻ té, người rơi,
 Nổi lên chìm xuống chơi với sóng cuộn. (c 2141 tới 2153)

Lời văn khi nhanh, khi chậm, khi ngắn, khi dài, khi cao, khi thấp, đã diễn tả như vẽ được ra một cảnh vô cùng linh-dộng trước mắt người đọc.

Đây nữa là một cảnh chen đường đề đánh tháo tù nhân :

Ba người núp phía gò cao
 Trông chừng xe ngựa đã hầu tới nơi
 Trước xe lính rê hàng hai
 Trong xe chúa ngục với Ngài ngồi chung.
 Xe vừa chạy tới ùng ùng
 Thình-lình-tiếng súng lạnh-lùng thương ôi !
 Thất-kình va mới van trời
 Năm ba phát súng nổ bồi sấm vang
 Lính hầu nhào ngã ra đàng
 Ba người xô súng buông cương đuổi liễu
 Va thì phách lạc hồn xiêu
 Quơ roi thét ngựa nhảy liễu chạy bay
 Đụng cầu xe phải dừng ngay
 Va liền sảng-sốt lay-quay nức cười
 Nàng Lan lớn tiếng kêu người :
 « Quân ta tiếp tới giết loài gian-hung ! »
 Lính nhào xuống nước ùng-ùng
 Bỏ xe va mới hái-hùng chạy ra
 Phạm-Khanh nhảy tốc theo va
 Thích cho một đấm, lăn ra giữa đàng
 U-Lan chạy lại vội-vàng
 Bắt va, bịt mắt, trói ràng gốc cây
 Tìm cha nàng mới thưa ngay :
 « Đội ơn hai gã ra tay giúp nà

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

*Phải lo kiếm lối tìm đường,
Xa xa rồi sẽ xin tường thủy chung »
Cùng nhau thay dạng đổi dung
Bốn người bốn ngựa thẳng xông đường tràng.
Tướng quân đi trước đem đường
Trông về đông bắc buông cương rần-rần. (c 1966-1980)*

Lời văn kể chuyện thật là linh-dộng, đến độ chúng ta phải nhận là văn lục bát từ xưa không có. Chúng ta nhớ lại cảnh bắt cóc nàng Kiều, dưới ngòi bút thiên tài của Nguyễn-Du cũng chỉ tả :

*Dưới hoa dây lủ ác nhân
Ăm ăm khốc quỷ kinh thần mọc ra
Đầy sân gương tuốt sáng lòe
Thất kinh nàng chưa biết là làm sao
Thuốc mê đầu đã tưới vào
Mơ-màng như giấc chiêm-bao biết gì.
Vực ngay lên ngựa tức thì
Phòng đào viện sách bốn bề lửa giông.
Sẵn thấy vô chủ bên sông
Đem vào đề đó lộn sông ai hay.
Tôi đòi phách lạc hồn bay
Xông pha bụi cỏ gốc cây ăn mình.*

Chúng ta thấy rõ một cảnh sống, tả như đắm hồn người đọc vào trong, và một cảnh mờ mờ, rồi ai muốn tưởng-tượng thêm thế nào thì tưởng-tượng.

Đến tả cảnh chiến-tranh nữa :

*Bốn bề trống giục sấm vang
Hai bên xáp trận nhọn-nhàng mũi tên
Mịt-mù khói phủ bốn bên
Cờ bay phấp-phới dưới trên rợp dàng
Ngựa xe qua lại nhọn-nhàng
Ngút trời khói súng, nức đường hơi gươm
Tiếng người tiếng súng om-sòm
Đôi bên đua sức hùm-hùm như sét
Thình-linh một tiếng thương ôi !
Một bên thất trận lăn vùi chạy quay.*

Địch quân thừa thế theo ngay
 Đùng-đùng kéo tới thẳng vấy kinh-thành
 Tiếng hăm tiếng hét xung-quanh
 Tả-tơi bóng xí tan-tành dẫu xe.
 Đạn bay tứ phía vo ve.
 Minh liền bị đạn dăm-dề máu rơi. (c 825 tới 832)

Trong cảnh chiến tranh ấy chúng ta không thể ngờ và tưởng-tượng được trên đời lại có ngòi bút viết làm lạnh được xương sống chúng ta lên với những câu :

Chàng càng mặt héo mày nhăn
 Gan xầu bảy lá, ruột quặn chín chiều
 Thừa rằng : « Lúc ấy ban chiều
 Quân nhà thất trận, binh kiêu vấy thành.
 Một nhà quyết chí quyên-sinh
 Mẹ già dắt trẻ lánh mình núi sáu.
 Anh cả bị trận Việt-Châu
 Anh hai cũng phải Dã-châu bỏ mình
 Anh ba cầm giữ mối binh,
 Cha già gắng-gượng liều mình Quách-môn.
 Chú tôi mộ lính lập đồn,
 Binh thua rồi cũng thấy chôn sa-trường.
 Một trời đạn gió lên sương
 Trận mưa ngút-ngút bóng dương lơ-mờ
 Tiếng quân reo dậy bốn bờ
 Súng rầm-rĩ đất khới mờ-mịt máu
 Tôi còn tuổi trẻ thơ ngây,
 Mút tên cũng quyết ra tay chống kình.
 Trong khi từ già gia-đình
 Mẹ già nạt dặn rằng : mình tướng-môn
 Sao cho khỏi thẹn tổ tôn
 Đầu rơi trước trận thấy chôn ngoài thành. (c 578-588)

Và chúng ta không thể tưởng-tượng được cái cảnh bà mẹ chàng

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

chiến-sĩ Nhật ấy, sau khi nạt dạn con như vậy, thì đã tự-vận một cách rùng-rợn đến thế nào :

*Trọng tình em trẻ đau lòng
Lúc vừa bảy tuổi mẹ bỗng trên tay
Mấy lời mẹ dặn đắng cay :
« Đợi con dưới đất vui vầy anh cha ».
Bấy giờ tan-tác một nhà
Còn ai hương khói ông bà nữa nao ?
Thương ôi ! một ngọn hỏa-hào
Đưa người múa mũ cười vào cửu-nguyên. (c 596 tới 599)*

NỘI-DUNG CHÍNH

« Giải-Nhân Kỳ-Ngô » quả là một thiên anh-hùng-ca, một thiên anh-hùng-ca duy-nhất trong lịch-sử văn-học Việt-Nam, nêu cao những đức-tính tốt đẹp và những cử-chỉ hào-hùng, của người các nước, để mở màn cho cuộc sống « Tứ hải giai huynh đệ » hiện thời.

Tác-giả đã khéo khiến tác-phẩm hấp-dẫn bằng cách lồng những đức-tính và những cử-chỉ ấy vào trong một câu chuyện tả cuộc gặp-gỡ dị-kỳ giữa những trang cân-quắc anh-hùng với những người nghĩa-sĩ mà lòng hào-hiệp cao vút tới trời xanh.

Đây đã dành không phải thứ tình trai gái, sớm muộn tới dào. Cũng không phải thứ tình đồng-chí đưa thần-tượng « Đảng » lên thay cho thần-tượng « Quốc-gia » hẹp hòi cũ hay thần-tượng quốc-tế một chiều mới. Mà đây là cái tình người — người quân-tử, — cùng thù ghét những gì hèn-hạ nhơ-bẩn, cùng mê say những gì cao quý tốt-đẹp, cùng đặt tình-nghĩa trên quyền-lợi, cùng coi công-danh, phú-quý, mạng sống, nhẹ như lông hồng, dễ gặp việc nghĩa thì làm, làm dầu có nát thân ra vì người tri-kỹ cũng không một lời ân-hận.

Cái tình người ấy có siêu-phàm thoát-tục chắng, là có đối với cái phàm-tục của xã-hội sa-dọa hiện-thời, chớ thực không có gì là lạ-lùng đối với những chí-sĩ nhơn-nhơn bốn-đào hải-ngoại.

Đối với những người này (mà tác-giả là một người tiêu-biểu), cái tình người ấy đã như không-khí, như lẽ sống, như cái gì tất-nhiên phải thế, dễ liên-kết mọi người đồng-thạnh-khí lại với nhau, trong tình bạn thiêng-liêng.

Cả quyền truyện Kiều của Nguyễn-Du không có một câu nào nói về tình bạn, kể cả Kim-Trọng với Vương-Quán, cho tới Khuyển-Ứng với Khuyển-Phê. Nhưng cả quyền Giai-Nhân Kỳ-Ngộ này thì đã chỉ có TÌNH BẠN mà thôi.

Tình bạn ấy đã được diễn tả ra như thế này :

Cô U-Lan, nhà nữ-ái-quốc Tây-Ban-Nha được tin cha bị bắt giam thì giao lại gia-tài sản-nghiep cho cô bạn Hồng-Liên, nhà nữ-ái-quốc Ái-Lan, để trở về nước tìm kế cứu cha. Cô dặn bạn : nếu tôi sống thì sẽ trở qua với chị, nếu tôi chết, thì chị dùng sản-nghiep như của chị để phụng-sự cho chánh-nghĩa nước chị.

Nhưng cô Hồng-Liên không nhận, nhất định về giúp bạn một tay trong việc riêng của bạn. Còn nhà cửa thì giao lại cho chàng ái-quốc Trung-Hoa là Phạm-Khanh.

Phạm-Khanh cũng không nhận và nhất-dịnh đòi theo đi để giúp bạn.

*Phen này tôi nếu lánh mình
Một đời xấu hổ học-hành bỏ đầu. (c 1461)*

Thế là ba người bạn ở ba nước xa lạ ấy lên đường về Tây-Ban-Nha tìm kế cứu cha nàng U-Lan, một cách thần-nhiên, y như câu đã dẫn trên : « Hai người hăm-hở rằng nào, mang gươm thẳng tới xông vào giúp chơi ! »

Khi về đến nước, cô Hồng-Liên ấy đã vì bạn tự hạ thân mình làm gái điếm-đàng mà dùng sắc đẹp, dụ-dỗ viên chúa ngục để lừa vào bẫy, mà đánh tháo được cha nàng U-Lan.

Tình hy-sinh vì bạn ấy, thật không còn bút nào tả được cái đẹp của nó. Trong lịch-sử Đông-Tây, người ta dùng mỹ-nhân-kế cũng đã nhiều. Nhưng mỹ-nhân-kế để được lợi, được danh, được nước hay dăng ghi ơn vào thanh-sử, hay được thỏa mãn sự trả hờn báo oán. Còn đây mỹ-nhân-kế chẳng được gì hết, chỉ được vẹn tình với bạn. Nó mới cao quý biết bao nhiêu.

*Hồ mình chút phận trẻ trong
Gài mối son phấn đặt vòng gót trắng
Đủ điều liếng xáo lẫng-những,
Nhắc ra lại sợ lòng chàng cười chẳng ?
Vì mang chút nghĩa đá vàng
Liều thân mà trả xin chàng xét soi. (c 1844 tới 1846)*

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

Nghe người bạn gái ấy thủ-thỉ kể chuyện lại cho mình, là người tình-nhân đương thao-thức nghe tin người bạn tình của mình, với những lời-lẽ ấy, chúng ta tưởng-tượng người trong truyện có thể cảm-động đến rưng được trái tim ra.

Người tình-nhân ấy chẳng phải người anh-hùng có trái tim sắt đá, để có thể nhìn một cử-chỉ của con người như một cử-động của cái máy vô hồn, hay nhìn một con người trong cuộc đời như một chất-liệu vất thêm vào cuộc nhào-nặn vô tình và tàn-bạo.

Trái tim của con người ấy cũng như muôn ngàn trái tim khác, gặp cùng một cung-diệu yêu-đương thì cũng vang lên cái tiếng ngàn muôn thuở của tình yêu bất-diệt.

Tình yêu vốn không có gì là tội-lỗi. Có tội-lỗi chẳng là người yêu không chế-ngự được nó, để trở lại nó thú-vật-hóa mình.

Ở đây, những người tình-nhân ấy cũng tha-thiết tưởng-tượng đến nhau, như bao nhiêu người tình-nhân khác :

*Thiếp rằng : chốc đã ngàn đêm
Bây giờ chàng chắc ngồi thềm nhà ta.
Bên rào Lan héo thiết-tha,
Dưới hồ Sen rụi mưa sa dầm-dề,
Quê xưa cảnh cũ bộn-bề
Tưởng chàng trông thấy ử-ê xiết nào (c 1548 tới 1551)*

Và họ cũng dứt ruột ra khi phải xa nhau :

*Hành-trang dọn-đẹp đã an
Nàng còn nương bóng thờ-thần một mình
Thiếp liền cặn-kê ngọn-ngành
Nàng rằng còn vương chút tình bấy lâu
Thình-lình sấm-sét rơi đầu
Muốn quên mà dạ quên đâu cho đành
Xót thay cho khách đa-tình
Tìm hoa sau lại vịn cành xiết-bao (c 1493 tới 1946)*

Đề tất cả câu chuyện về sau, là sự dôi theo hành-tung nhau, của đôi tình-nhân, khi kẻ ở trời nam người ở bề bắc. Thật là :

*Non Áu nước Mỹ muôn dặm lạ lòng,
Trôi giạt đầu bằng chàng kìa thiếp đấy. (c 966)*

Trong sự đối theo nhau ấy, đề nói lên cái tình nồng-nàn của đôi tình-nhân, chúng ta thấy đã có nhuốm vào một sắc-thái khác, nó khiến phân-biệt tình yêu tình-thần với tình yêu thể-xác, phân-biệt cái gì cao-thượng với cái gì thấp-hèn, phân-biệt cái « phải-thể » với cái « vãn-thể » để làm gương sáng cho mọi người vươn lên cao-cả.

Trong truyện này, nàng U-Lan (vai chính), đã vì hiếu, nhưng trót đã có một người tình, khi phải về nước tìm kế cứu cha, nàng đã đau đớn lắm đề xa người tình ấy. Nhưng nàng vẫn nén được cái đau-đớn đó, đề tỏ ra không u-mê mà viết lại cho chàng một bức thơ với những lời lẽ như sau :

.

*Trong khi phân rã, muốn thấy mặt chàng
Đã chút tình thương, kéo còn đeo-đăng
Thời giờ quá vãn, chàng chớ chấp chi.
Hồng nhan lưu-li, bay đi về bắc.
Tủi mình phận bạc, tâm sự lổ-làng
Biết ngày nào cho thấy mặt chàng
Xui lòng thiếp trăm ngày khôn nghĩ
Non Âu nước Mỹ muốn dặm lạ-lùng,
Trôi giat dẫu bằng chàng kia thiếp dấy.
Chiêm-bao năm thấy hồn-phách mơ-màng.
Gió giat mưa tan, ra tình lạt-lẻo.
Phụng bay lan héo, đau đớn lòng đây.
Thời-mạng khiến vay, phải sao chịu vậy.
Nhưng mà,
Đấng trượng-phu bốn phương lừng-lẫy.
Trong năm châu chẳng khác xóm làng
Vị dầu lòng chàng hấy còn thương thiếp,
Dẫu cho muôn kiếp như thấy mặt nhau.
Lựa phải mai chiều ăn chung ở chợ
Trăm điều giao-giã mới gọi rằng thương.*

Thiếp chúc cho chàng :-

Lập công mã cách

Đề tên sử sách

Tuổi chàng trẻ trong

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

*Khuyên chàng gắng công
Muôn vàn trân-trọng.
Lòng thiếp còn mong
Ngày khác biên Đông
Có kẻ anh-hùng,
Ra phò chánh-khí
Dựng cao cờ xí
Giành lại tự-do
Thiếp bấy giờ,
Xin cũng liều chút phận bụi tro,
Quyết rong-ruổi trong vòng nhung mã.
Thiếp xin hầu-hạ,
Thang-thuốc cho chàng,
Đến lúc khải-hoàn,
Rước mừng đầu ngựa,
Bắt tay mừng rỡ,
Chàng chắc thiếp còn.
Nếu rủi thon-von
Chàng không thấy thiếp,
Chắc là bỏ kiếp,
Trả nợ núi non,
Hồn' xuống chín sông,
Chàng đừng trông nữa. (c 959 đến 1004)*

Chúng ta thấy thái-độ đối-phó với nghịch-cảnh của nàng U-Lan ở đây đã khác với thái-độ thông-thường. Sở-dĩ khác là vì nàng là một con người có lý-tưởng. Lý-tưởng của người con gái ấy đã không phải là thứ lý-tưởng « trương rủ màn che », chàng với nàng ái-ân, ân-ái, nhìn vòm trời như trời của riêng mình, đầy những thơ những mộng, chung quanh không một tiếng động, làm rối-loạn không-khí gia-đình ấm-cúng của « hai ta ».

Mà lý-tưởng ấy là kẻ anh-hùng « ra phò chánh-khí » « dựng cao cờ xí, giành lại tự-do » đề lúc bị thương thì hầu-hạ săn-sóc cho chàng, lúc khải-hoàn thì rước mừng đầu ngựa « Lựa phải mai chiều ăn chung ở chạ, Trăm điều giào-giã mới gọi rằng thương ».

Cho nên với lý-tưởng ấy, giữa lúc đau-dớn nhất đời là lúc hai người yêu phải rời xa nhau mà không được gặp mặt nhau lần chót, người ta

thì có thể đã chết ngất đi, nhưng U-Lan thì nàng đã cho lắng cái đau đớn xuống bề sâu để chỉ nghĩ rằng :

Ngày chàng về áo gấm mỹ-miêu

Chính lúc thiếp hang beo thề bỏ mạng (c 1592)

Chỉ nghĩ như thế, để thờ dài mà thương cho tình-quân khi tới tìm hoa không thấy bóng, thì chắc sẽ đứng vin nhành mà ngơ-ngẩn giờ lâu.

Tiếng thờ dài ấy ở đây đã là tiếng thờ dài nặng vô cùng mà chỉ những người ở xã-hội quen sống trong nội-tâm như xã-hội Việt-Nam mới thức-cảm nỗi. Ở xã-hội ấy, người chạ nghe tin con bị bắt, hay người vợ nghe tin chồng bị tử-thương,... người ta đã lặn người đi để chỉ nói được một vài tiếng, chứ không ai có thể kè-lẽ được dài dòng.

Chúng ta thấy đoạn tả tâm-lý đau-dớn của người tình-nhân này, tác-giả đã nói ra được thực rõ cái nẫu-nà trong gan ruột ở bề sâu, khi ở bề mặt chỉ là một tiếng thờ dài nhẹ-nhẹ.

Tình yêu của một con người có lý-tưởng vẫn là tình yêu ghi sâu trong gân óc, mà cuộc đời sóng gió chỉ càng làm nó ghi sâu thêm.

Có thông-cảm được điều đó, chúng ta mới hiểu nỗi thái-độ khác thường của nhân-vật tiêu-thuyết với những tình-tiết khác mà tác-giả đã xây-dựng thiệt là nhất-trí và chặt-chẽ.

Từ những lúc đôi tình-nhân tâm-tình với nhau, người con gái đã khuyên người con trai :

Nghĩ thôi càng ngán-ngao đường

Tài cao phải chịu trăm đường đắng cay

Cây cao thì phải gió lay

Người cao thì phải kẻ dầy người chê

Xưa nay dẫu úp ê-hề

Mà lòng chí-sĩ vẫn thề non sông.

Muốn qua thì phải lội sông,

Muốn cho thỏa chí phải xông vào đời.

Kề chi những lũ đông-dài,

Túi cơm giá áo chơi-bời no say.

Xiết bao mặt dạn mày dầy,

Trong vòng thế-lợi khoanh tay cúi đầu.

Mặc ai chỉ ngựa làm trâu,

Vắng vắng dạ dạ biết đâu ngõ-ngang... (c 499 tới 505)

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

Người con gái đã khuyên người con trai như vậy, đề người con trai ấy phải giặt mình mà nhận :

*Một thân khích-liệt lâm-lý
Khiến người ngồi đó cũng ghê cho tòi ! (c 510)*

Nó khiến chúng ta thấy rất rõ một giá-trị người trong một thế-giới tiều-thuyết hết sức là đẹp.

Thế-giới tiều-thuyết ấy của Giai-Nhân Kỳ-Ngộ quả là thế-giới tranh-dấu của những con người làm lịch-sử, muốn xé mây mà lên, những con người « siêu-nhân » — có lẽ có người muốn nói như thế, — nhưng là những siêu-nhân có thực bằng xương bằng thịt, đã sống giữa mọi người, hòa lẫn với mọi người, để làm gương sáng cho mọi người noi theo.

NGHỆ-THUẬT

Đó có thể là khía-cạnh tác-dụng văn-ngệ mà đứng trên lập-trường văn-ngệ chúng ta không cần nói tới nhiều, để chỉ giới-thiệu khía-cạnh văn-ngệ của tác-phẩm mà thôi.

Thì ngồi bút của cụ Phan, từng đã chấm vào nghiên mực nhân-bản Á-đông trong cái học cò-diễn cũ, nên cũng dễ có những câu văn vắn-tắt một vài chữ, đề vẽ cả một cảnh đầy thi-vị !

*Hai bên rêu cỏ rườm-rà
Anh-đào đôi cụm lập-lòa đơm bông
Nước trong cá lội đáy sông
Bốn bề quanh-quể sạch không bụi trần
Đàn-nguyên dấu cũ in ngần
Đời nay کیا hơi tỵ Tần là ai ? (c 52 đến 54)*

Song bên cạnh cái học cò-diễn Á-Đông ấy, tác-giả còn có thêm cái sống mới của thời mới nữa, nên tác-giả đã dùng ngòi bút uyển-chuyển được hơn một từng nữa.

Thí-dụ đề tả một cảnh kêu gọi của đôi tình-nhân âu-yếm nhau trong vắng-lặng tác-giả đã viết :

*Và rằng có chỗ gần đây
Núi sông đẹp-đẽ cỏ cây lạnh-lùng.
Hai ta mặc sức cạn-cùng,
Nhành cao chim đậu lá chông ve kêu.*

*Dưới dòng nước chảy trong veo,
Ngoài không gió thổi hiu-hiu mấy bờ.
Áo đôi gió thổi phất-phơ,
Bóng đôi lấp-loáng tình-cờ đáy khe.
Trắng thề chỉ có chim nghe,
Hoa cười chỉ có mắt ve dòm mờ. (c 1864 tới 1868)*

Khi tả một người con gái đẹp Âu-châu thì tác-giả đã tả :

*Cửa ngoài sẵn thấy một nàng
Xa trông lấp-ló trắng vàng mấy che
Gần xem trong-trẻo nhỏ-nhe
Mĩa-mai hạc trắng lập-lòe thềm tiên
Độ chừng mười chín hoa niên,
Tân-trang đẹp-để sánh tiên Quảng-Hàn.
Đủ màu thu thủy xuân san
Nói cười nườm-nở dung-nhan mỹ-miêu
Xiêm the vừa thất ngang eo,
Gót sen thấp-thoảng hương đeo nức người. (c 119 tới 123)*

Tả một cảnh giả vờ ghen, đề moi-móc những bí-mật của một chàng chúa ngục mê gái, thì :

*Thiếp rằng : đừng nói đông-dài
Vì mình lắm dạ nên người hay nghi.
Thôi thôi, hãy thú thiệt đi
Thành nam mấy bữa thăm-thì cô nao ?
Đề tôi ruột tức gan trào,
Trăm năm còn mộng chắc vào lưng ai ?
Lại còn dối-trá lời-thôi
Rằng vì việc nước vua sai đó mà !
Rõ-ràng đề thiếp đàn bà
Vạy nên đến dối bốn ba mai chiều,
Tủi mình chút phận má điếu,
Mến ngài lắm nỗi nên xiêu tấm lòng.
Đương khi lửa bén hương nồng,
Mà tình bạc-béo đã hòng dờ-dang
Xin ngài hãy bước ra đàng,
Sá chi những cánh hoa tàn bơ-vơ ! (c 1796 tới 1803)*

GIAI-NHÂN KỲ-NGŨ

Tả một cảnh chạy trốn trong rừng núi thì :

*Kéo nhau vội-vã ruồi-rong
Trèo đèo lội vũng chạy vòng phía tây.
Chập-chồng núi dựng như xây,
Luồng mù ngút đất, vừng mây khóa trời.
Tứ bề vắng gió bật hơi
Vượn ca dăng-dỏi chim trời lộn nhào. (c 2042 tới 2044)*

Tả một kẻ đáng khinh-bĩ thì :

*Có người Tợ-Ninh họ An,
Là người Thụy-sĩ mừng màn tham mưu
Lượng va như vũng chân trâu
Tài va như thề quả bầu lưng tròn.
Múa-men khoe mạnh bên-chôn,
Ăn to nói lớn, có mồm không gan. (c 2806 đến 2808)*

Tả một vị đại-tướng đáng trọng thì :

*Quả-nhiên tướng-mạo đường-duong
Thịt cây, xương đá, tóc sương, da ngà.
Tuy là tác ố m luồi già,
Oai-phong so với Phục-Ba kém nào. (c 1746 — 1747)*

Tả một con hầu người da đen thì :

*Một giây thấy có một con hầu
Chạy ra mở cửa, đầu lâu nực cười
Thoạt trông mới thấy nửa người,
Dày môi, thấp mũi, trót tai, đỏ đầu
Răng dài như thề răng hầu
Mặt như rô xạo, nói câu cà-cà. (c 1067 đến 1069)*

Mà đến kể một cái trò chơi là nuôi con chim anh-vô cho nó học nói, tác-giả cũng cho được vào miệng nó nói ra một lời ý-nghị đề thêm duyên cho mối tình nồng cháy của hai nhân-vật chính trong truyện :

*Vùng đông bóng đã chói lò
Vội-vàng sửa áo bước ra chuyện-trò
Thình-lình một tiếng kêu to :
« Chàng đừng bỏ thiếp mần mo mối sầu ! »*

*Thất kinh chàng mới quay đầu
Thấy con anh-vô nuôi lâu trong lòng.
Tình cờ lại gặp nàng Hồng
Nhìn nhau mủm-mỉm ra lòng mĩa-mai.
Cười rằng : « nghĩ cũng khen ai
Dạy con anh-vô lắm lời nhỡn-nhờ ».* (c 840 tới 844)

Độc-giả sẽ được sống một cuộc sống phong-phú với Giai-Nhân Kỳ-Ngộ, vì cuộc sống trong tiểu-thuyết đã gần với thời-dại của mình, cũng như gần với cõi lòng của con người bắt đầu quốc-tế-hóa. Cho nên những tính-cách thực của truyện đã cuốn hút người ta, khiến người ta thấy những con người « siêu-nhân » trong truyện cũng đã chỉ là người thực, cùng chung thờ hút với người ta, cái không-khí mà tác-giả tạo ra.

Với nét biến-hiện kỳ-ảo ấy, ta phải nhận tác-giả đã đạt đến chỗ tối-cao của nghệ-thuật.

Kể thực ra, một phần lớn cũng còn nhờ ở văn-chương, cái văn-chương không văn-chương của tác-giả. Đọc kỹ tác-phẩm, người ta sẽ thấy không một chỗ nào tác-giả cố ý sửa gọt lời văn, để cho lời hại đến ý, cũng không một chỗ nào cố ý làm đáng làm duyên trong văn-chương, đến thành cầu-kỳ, lố-lăng, ngớ-ngẩn.

Từ một con hầu gái mọi đen, cà-cà cái giọng hồn-hào xéch-mé, đến một bà mệnh-phụ dịu-dàng tha-thiết với giọng xã-giao của người quý-phái, đến những nhà ái-quốc cởi mở lòng mình khi gặp người tri-kỷ, đến một ông vua từ bỏ ngôi báu về làng, đến một nhà chánh-trị đầu-cơ, một anh buôn dân bán nước..., tác-giả đã chuyển giọng thật đúng như một cuốn phim thời-sự bày ra trước mắt người đọc vậy.

Cứ theo di-bút của cụ để lại, thì đây mới chỉ là một vị-dịnh-cảo mà tác-giả chưa kịp có thì-giờ sửa lại hình-thức câu văn. Nhưng xét kỹ ra, đây không phải là một văn-phẩm thuộc loại thù-tạc để ngâm vịnh chơi-bời, lấy sự chải-chuốt lời văn làm cốt-yếu. Mà đây là một thiên Anh-hùng-ca thuộc loại văn kể chuyện lấy sự chân-thành ở lời văn làm cốt-yếu. Sự chân-thành ấy đòi-hỏi những bộc-lộ vụt ra từ đáy lòng, không một chút giấu-gọt thêm-thắt, khiến lời có thể diễn-dịch sai với ý, mà mất thú-vị của câu chuyện và mất nhất-trí trong kiến-trúc tác-phẩm.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

Cho nên giữa cái đơn-sơ mộc-mạc của câu văn, người ta vẫn đã thấy thú-vị hết sức ở sự đột-ngột bật lên những chữ hết sức thần-tinh mà tưởng-tượng dầu muốn sửa cũng không ai sửa nổi. Tỉ-dụ như chữ *chơi* trong câu :

Ái-Lan độc-lập các anh thế nào ?

Hai người hăm-hở rằng : nào !

Mang gươm thẳng tới xông vào giúp chơi

hay như chữ *cười* trong câu :

Thương ôi ! một ngọn hỏa hào

Đưa người máu mủ cười vào cứu-nguyên.

hay như chữ *nạt* trong câu :

Trong khi từ giã gia-đình

Mẹ già nạt dặn rằng : mình tướng-môn

Sao cho khỏi then tở-lôn

Đầu rơi trước trận thấy chôn ngoài thành.

Mà những chữ như thế thì thấy rải-rác cả trong sách, rải-rác đề bộc-lộ cái thần-khí chính của tác-giả, cái mà ngoài tác-giả ra, không dễ gì có ai có được.

Tản-Đà từng cũng đã có nhiều những chữ thần như thế, nhất là trong những cái táo-bạo văn-chương, bộc-lộ bản-chất của người thi-bá say mà ngông, chẳng hạn như đề viết thư hỏi Giời xin cưới Hằng-Nga làm vợ. Ở đây, cụ Phan không say với men rượu đề ngông như Tản-Đà, mà đã say với men đời, đề ngông hơn, mà đưa hai tay lên bắt «lão trời già», hỏi mấy câu chơi, hể lão trả lời được thì sẽ thả :

Ta ngắm nghĩ đôi câu chương-chướng

Muốn hai tay lôi bướng lão trời già

Hỏi : lười Ông sao rách-rứt lắm mà

Một đời luống giúp tà mà hại chán.

Đời sao lại có suy có thịnh ?

Người sao lại có đại có khôn ?

Lan huệ, sao Ông làm cho héo, cho đơn ?

Gai gốc, sao Ông lại thà khấp non khấp núi ?

Bông hoa sao nở đề mưa tàn gió rụi ?

Bá tòng sao nở cho tuyết dụi sương xô ?

*Hùm, beo, ó, là lũ hồ-đồ
Việc gì Ông lại thêm vầy thêm cánh ?
Làm cho chồn, cheo, chim, chuột
Khôn đường trốn-tránh mới sướng bụng Ông sao ?
Gì là sống ? gì là thác ? gì là nghèo ? gì là giàu ?
Mơ-màng trong một giấc chiêm-bao,
Ông nói suốt thì tôi đây xin thả.*



*Trăng sáng giữa trời soi khắp cả.
Gió xao mặt nước sóng lông-lông
Đầu lâu đêm vắng ngồi trông. (c 2301 tới 2316)*

Chính chúng tôi khi viết những dòng chữ này, cũng bắt đầu thấy ngạc nhiên muốn hỏi sao ông « trời già » đã phú cho cụ một cuộc đời làm chính-trị vì nước vì dân đẹp đến như thế, ông lại còn cho cụ thêm một thiên-tài kỳ-lạ đến thế này về văn thơ nữa ?

Cụ quả đã thành với mình từ trong ý-thức đến trong tiềm-thức, thành đề yêu đời, thương đời, thành đề đau xót cảnh nhà tan nước mất ; có thành như thế, thì khi đặt bút, cụ mới viết ra được những lời thơ thống-thiết đến như thế. Từng đoạn, từng đoạn cũng như toàn-tập, quả đã là :

*Một thiên máu liễu hồn hoa
Tiếng trong gan ruột mưa ra rỏ-ràng (c 430)*

Cái kỳ-thú mà cũng là cái bí-quyết của văn-chương là phải dùng tiếng nôm hoàn-toàn thì mới nói được vào lòng người đọc. Từ Hồ-Xuân-Hương đến Nguyễn-Dù, Nguyễn-Công-Trứ, Nguyễn-Khuyến, Tản-Đà, và bây giờ đến Phan-Châu-Trinh, những đoạn văn thơ làm rung-dộng đến khía sâu-thẳm của tâm-hồn người ta, vẫn là những đoạn văn nôm mộc-mạc và ý-nghị. Lạc đến chỗ bất-đắc-dĩ phải dùng tiếng Hán-Việt, dù là dùng hết sức tài tình đi nữa, cũng đã chỉ là đi vào trí đề cố-ý hay vô-tình tỏ-lộ sự làm văn-chương. Mà văn-chương, nhất là văn-chương anh-hùng-ca, thì tối-ky sự làm văn-chương ấy.

Những thiên tuyệt-bút trên thế-gian này đã không phải là những tác-phẩm được tác-giả cho ra đời đề cố-ý khoe một cái tài văn-chương nào với thiên-hạ. Mà thường thì đã chỉ là một cái gì, không-là-cái-gì-cả, trong đó tác-giả thấm được vào tinh-thần của tiếng mẹ, đề đặt những tiếng vô cùng kỳ-diệu ấy, vào đúng chỗ của nó, mà truyền-cảm, và cuốn-hút người đọc theo.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

Có những người sáu bảy mươi tuổi rồi, nằm dài chờ ngày về với tiên-tổ, lắng tai nghe một tiếng ru con bên hàng xóm, đúng cái tiếng mà xưa kia mẹ mình đã ru mình, những người ấy cảm thấy như mình trẻ hẳn lại, dễ dàng nằm trong lòng mẹ mà thiu-thiu ngủ.

Tiếng mẹ 1 tiếng mẹ linh-thiên vẫn ủ-ấp các con dân như bầu không-khí vẫn thực có mà như không. Con dân nào thực thành-tâm lau chùi linh-hồn mình cho sạch để thẩm-nhập vào tiếng mẹ thì, như một cái máy thấu-thanh tốt, con dân ấy sẽ làm cho bật được lên, cái tiếng mẹ mến yêu.

Sự thành-công của những thiên-cồ kỳ-bút là ở đấy,

Chúng tôi chưa dám nói Giai-Nhân Kỳ-Ngộ đã là một thiên-cồ kỳ-bút. Bởi mỗi tác-phẩm văn-ngệ, tự nó có một đời sống riêng của nó, qua mọi biến-thiên lịch-sử, để cho lòng người tùy từng thời-dại sẽ tiếp-nhận nó, phê-bình nó, tùy theo từng tâm-trạng của thời-dại ấy.

Có những hồi tác-phẩm này được đẩy lên cao, để tác-phẩm khác bị hạ xuống thấp, tự tác-phẩm và tác-giả không nói gì hết, nhưng nhìn vào sự tiếp-nhận tác-phẩm của xã-hội ấy, thì người ta đã thấy thực rõ bộ mặt của xã-hội, như soi vào một tấm gương thần.

Giá-trị vĩnh-cửu của tác-phẩm văn-ngệ là giá-trị của tấm gương thần ấy. Còn giá-trị phê-bình lâm-thời là giá-trị tô son điểm phấn của một loại người nhất-dịnh, trong một giai-đoạn lịch-sử nhất-dịnh, để khai-thác tác-phẩm theo một chiều-hướng nhất-dịnh.

Mà đó chính là những chuyện gặp-gỡ không ngờ, nó khiến đem lý-thú lại cho cuộc sống của tác-phẩm văn-ngệ trong lịch-sử văn-học. Trong cuộc sống ấy của tác-phẩm văn-ngệ, giá-trị bản-thân của tác-phẩm đã dành cho tác-phẩm cái quyền chủ-động ở cái phần có *sống trên cuộc đời*. Như thế kẻ cũng đã là đời.

Nhiều tác-phẩm không có đến cả sự sống ấy nữa. Bởi vì nó xấu quá, nó tầm-thường quá, nó là quái-thai, nó vừa ra đời chưa kịp làm giẫy khai-sinh thì tự nó, nó đã đi tìm sự chết của nó.

Nhưng cũng có nhiều tác-phẩm người ta muốn giết chết đi ngay từ trong trứng mà không giết được, bởi vì sức sống của nó vĩ-dại quá, nó tự tìm đường tự-tồn và tự tìm đường bật lên, để sắm vai trò lịch-sử của nó. Đó là trường-hợp của Giai-Nhân Kỳ-Ngộ này.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ VÀ ENÉIDE

Một sự giống nhau tình-cờ nữa, giữa thiên anh-hùng-ca Việt-Nam, Giai-Nhân Kỳ-Ngộ này với thiên anh-hùng-ca La-Mã Enéide của Virgile làm cho chúng ta khắc-khoải. Chúng ta không biết nên oán trời hay nên cảm ơn trời. Và chúng ta cũng không biết từ thi-bá Virgile sống cách đây 1976 năm, đến thi-bá Phan-Châu-Trinh, có một dòng tình-thần miên-tục nào, giữa cuộc sống của loài người, nó lắng xuống qua bao nhiêu ngàn vạn dặm bờ bề, qua bao nhiêu thế-hệ người, để nó lại trời lên ngày hôm nay ở đất nước Việt-Nam chúng ta, mà nhắc lại một duyên-phận giống nhau, giữa hai cái tinh-hoa của nhân-loại.

Thi-bá Virgile viết Enéide cũng không kịp sửa lại lần chót tác-phẩm của mình, và viết cũng dở-dang, muốn cho thêm đoạn nói về Hy-Lạp và Đông-Phương vào tác-phẩm, thì đã chết (năm 51 tuổi).

Thi-bá Phan-Châu-Trinh viết Giai-Nhân Kỳ-Ngộ cũng không kịp sửa lại lần chót tác-phẩm của mình, và viết cũng dở-dang, dương nói đến Hung-Gia-Lợi và Trung-Đông thì chết (năm 55 tuổi).

Virgile cũng nhờ bạn là Varius giữ-gìn tác-phẩm cho đề sau sẽ xuất-bản.

Phan-Châu-Trinh cũng nhờ bạn là Huỳnh-thúc-Kháng, Ngô-Đức-Kế giữ-gìn tác-phẩm cho cùng với con rể con gái, đề sau sẽ xuất-bản.

Sách Enéide chỉ nhắc lại đề ca-tụng những người và những việc có thực đã xảy ra ở thời thượng-cổ.

Sách Giai-Nhân Kỳ-Ngộ cũng làm việc ấy đối với những người và những việc đã xảy ra mới cách đây chưa tới trăm năm.

Sách Enéide làm cả nước chờ đợi, khiến Properce viết « tôi không từng thấy cái gì lớn hơn sự ra đời của anh-hùng-ca Iliade » (Je ne sais quoi de plus grand que l'Iliade est en train de naître) (1)

Sách Giai-nhân Kỳ-ngộ chưa ra đời mà cũng đã làm cho cả một chính-quyền thực-dân bối-rối đến phải tịch-thâu mà thiêu-hủy đi. Tuy sách không nói gì phạm đến chính-quyền ấy.

(1) Iliade là thiên anh-hùng-ca Hy-Lạp của Homère, được dân-gian truyền-tụng quá đến tiếng Iliade thành một chỉ-dịnh-từ nói chung về thể thơ anh-hùng-ca. Ở đây Properce nói đến Iliade là nói đến anh-hùng-ca Enéide của Virgile.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

Sách Enéide, tác-giả đọc lên đã khiến Hoàng-Hậu Octavie phải chết ngất đi, khi nghe tới những đoạn tả thân-phận của chàng Marcellus.

Sách Giai-Nhân Kỳ-Ngộ này thì những độc-giả phụ-nữ như Octavie cũng phải coi chừng lắm khi nghe nàng Hồng-Liên nói cho chàng Táo-Sĩ biết thân-phận của người tình U-Lan thân-mến của chàng :

Nàng Lan gĩa Phạm hai người

Đã rơi hãm cá còn lồi một mình

hay nghe nàng tả cảnh đắm thuyền :

Lộn nhào kẻ té người rơi

Nồi lên chìm xuống chơi-vơi sóng cuộn

Thiếp đà mất vía tan hồn

Bốn người chẳng biết ai còn ai không.

Hải hùng loáng mắt vừa trông

Cha con nàng đã ngồi trong chiếc đò.

Muốn theo thiếp mới so-ro

Sóng đầu phủ lụt chìm đò lạnh tanh ! (c 2153 đến 2156)

Hai tiếng lạnh tanh ở đây đã như tiếng một lưỡi dao bén cắt đứt ruột người ta ra.

Độc-giả đã thấy rõ chẳng, cái Nghệ-Thuật viết bằng chữ hoa, cái nghệ-thuật mà nghìn đời trước đến nghìn đời sau, cao lắm cũng chỉ đến thế được mà thôi?

KẾT - LUẬN

Tôi say Giai-Nhân Kỳ-Ngộ.

Cũng như Servius đã ngây-ngất ca-ngợi Enéide của Virgile.

Chẳng phải vì đề dựa-dắm vào uy-danh của tác-giả mà hưởng chút hương thừa nào cho cái thân « bóng-bọt » này. Mà vì lúc này tinh-thần người ta xuống đà quá thấp, không có anh-hùng-ca Giai-Nhân Kỳ-Ngộ thì khó mà cứu nổi những con người lạc-lổng đương bì-bôm trong những vũng bùn nhơ. Lúc này chúng ta phải hợp sức nhau lại để quét dọn cho sạch-sẻ cửa nhà, ngõ hầu đề-cao chánh-học lên, cho những tà-khí văn-chương không hư-hoại được tinh-thần của dân-tộc nữa.

PHAN-CHÂU-TRINH

Dầu sao, sau truyện Kiều, từ nay nước ta có Giai-Nhân Kỳ-Ngộ.

Cuộc sống văn-học ở mỗi thời, thế là lại có thêm một sự đóng góp, với những sắc-thái khác nhau, cho vườn văn của chúng ta mỗi ngày một nức-rỡ tốt tươi.

Cho nên nhìn vào tác-phẩm đề viết mấy dòng này, kẻ viết tuy chẳng khỏi thẹn-thường vì không xứng-đáng với tiền-nhân, nhưng cũng vẫn sung-sướng vì không mất được tin-tưởng ở những thế-hệ tương-lai sẽ được những tác-phẩm như thế này ưu-dúc.

LÊ-VĂN-SIÊU



HUỖNH-THÚC-KHÁNG

PHAN-TÂY-HỒ TIÊN-SINH
LỊCH-SỬ

KÍNH DÀNG VONG-LINH

B Á C

HUỲNH MINH - VIÊN

Năm 1926, Bác ở Quảng-Nam ra Huế, cầm trao cho chúng cháu quyền PHAN-TÂY-HỒ. Tiên-sinh lịch-sử và dật-sự, của Bác soạn, và chính tay Bác viết. Bác bảo cất giữ làm vật kỷ-niệm và cho phép chúng cháu được tùy-ý xuất-bản.

Bác cũng nói : lúc bấy giờ nếu in ra thì có thể bị cấm hay bị kiểm-duyet xen bỏ bớt, vô-ích, nên đợi cơ-hội tốt hơn....

Ôm mỗi cảm-xúc thâm-thúy trước sự ân-cần của Bác, chúng cháu phụng-thủ làm vật gia-bửu vô cùng quý-giá : trải hơn ba mươi năm, không có dịp nào thuận-tiện để truyền-bá tác-phẩm của Bác : chỉ được một cái may là đã bao nhiêu lần tang-thương mà cũng khỏi mất ! Xin Bác biết cho cái khổ-tâm của chúng cháu !

Nay nhân dịp công-bố quyền sách ấy với đoạn phụ-biên kể thêm cùng với truyện GIAI-NHÂN KỶ-NGỘ này, chúng cháu xin kính-cần dâng lên vong-linh Bác tấm lòng thành-thật cảm-ân và lời cầu chúc cho Tinh-thần Bác, cũng như Tinh-thần của Gia-nghiêm chúng cháu, được vĩnh-viễn trường - tồn trong dân-tộc ta !

Hội-An, ngày 10 tháng 7 năm 1957
PHAN-THỊ CHÀU-LIÊN đồng gia-quyển
Kính dâng

PHAN - TẤY - HỒ TIÊN - SINH NIÊN - BIỂU ĐỒ

Cụ HUỖNH-THỨC-KHÁNG soạn năm 1926

1872 Tự-Đức Nhâm Thân sinh: 1 tuổi	1882 Nhâm Ngọ 11 tuổi	(1892) Thành-Thái Nhâm- Thìn — Học trường ông Cử An-Tráng Giao Minh-Viên 21 tuổi	1902 Nhâm-Dần ở nhà vì ông anh cả mất 31 tuổi	1912 Nhâm-Tý. Từ đây về sau ở Pháp. Học tập, khảo-sát và vận-dộng chính-trị 41 tuổi	1922 Nhâm-Tuất (Khải- Định năm VII) Gởi thơ cho Vua Khải-Định 51 tuổi
2 tuổi	12 tuổi	1893 Học với ông Huân Lộc-Son tại Cầm-Y 22 tuổi	1903 Quý-Mão. Bò làm hừa-biền Bộ Lễ ở Kinh. Học tán học 32 tuổi	— id — 42 tuổi	52 tuổi
3 tuổi	13 tuổi	1894 Thi khoa đầu bảng trường nhì (Chiến-tranh Trung-Đông) 23 tuổi	1904 Giáp-Thìn (Nhật Nga chiến-tranh) Giao Phan-Sào-Nam cùng Thanh-Mỹ 33 tuổi	1914 (Pháp Đức chiến- tranh bắt đầu) Bị giam 9 tháng 43 tuổi	53 tuổi
4 tuổi	1885 Hâm-Nghị nguyên-niên Ất Dậu Kinh- thành thất thủ bỏ học	1895 Học với quan giáo Lương-son tại Thăng-Bình. Lại học với Cụ Huân Lộc-son ở Phú-Lâm 24 tuổi	1905 Ất-Tý Nam-du làm bài phú Danh-son lương- ngọc và bài thơ Chí-thành thông thành. (Cụ Sào- Nam di Nhật) 24 tuổi	1915 Bị giam đến tháng 7 được tha. Học nghề chữa ảnh và làm ăn 44 tuổi	1925 Ất-Sửu (Khải- Định X). Về nước diễn thuyết tại hội Thanh-Niên 54 tuổi

5 tuổi	15 tuổi	1896 Học với ông Nghệ Xuân-Đài. Ở Phủ Thăng-Bình 25 tuổi	1906 Bắc-du. Tới đồn Đê-Thảm, Sang Tàu, Nhật rồi về. Đầu thơ Pháp chính-phủ 35 tuổi	1916 Lâm ăn và hoạt động chính-trị 45 tuổi	1926 Bình-Dân tháng 3 dl ngày 24 hồi 9 giờ rưỡi tới, mất tại phố số 54, Rue Pellerin Saigon 55 tuổi
6 tuổi	1887 Đông-Khánh Đình Hội. Ông Cụ mái. Ở núi về nhà 16 tuổi	1897 Đi thi hòng trường ba rồi ở nhà 26 tuổi	1907 Ra thành Hà-nội diễn thuyết ở Đông-Kinh nghĩa-thực. (Duy-Tân năm đầu) 36 tuổi	— id — 46 tuổi	
7 tuổi	1888 Bắt đầu học lại, học ở nhà với Ông Bùi-Giám 17 tuổi	1898 Học với Cụ Đốc Trần-Má-Sơn (Chánh biên Trung-quốc) Giao Thái-Xuyên 27 tuổi	1908 Mậu-Thân, Trung-Kỳ dân-biến. Đầy ra Côn-Lôn 37 tuổi	— id — 47 tuổi	
8 tuổi	— id — 18 tuổi	1899 Bỏ vào học-sinh trường Tỉnh 28 tuổi	— id — 38 tuổi	— id — 48 tuổi	
9 tuổi	— id — 19 tuổi	1900 Canh-Tý. Bỏ Cử-nhơn (Ở Trung-quốc, Liên-binh vào Bắc-Kinh) 29 tuổi	— id — 39 tuổi	— id — 49 tuổi	
Đi học 10 tuổi	20 tuổi	1901 Tân-Sửu Bỏ Phó-Bàng 30 tuổi	1911 Tha về Mỹ-ho. Saigon, rồi đi Tây. Gởi thơ cho hội Nhân-quyền và chính-phủ Pháp 40 tuổi	— id — 50 tuổi	

PHAN-TÂY-HỒ TIÊN-SINH LỊCH-SỬ

TỰ A



LÀ M một người chí-sĩ đã khó, mà làm chí-sĩ một nước đã mất rồi, lại càng khó ; chí-sĩ nước mất đã khó, mà làm chí-sĩ nước đã mất rồi như nước Việt-Nam ta trong khoảng đầu thế-kỷ hai mươi này lại càng khó nữa :

Trên thì một nước văn-minh cường thịnh nhất trong thế-giới, thi-hành cái chánh-sách bảo-hộ khôn-khéo chặt-chịa, ra thần vào quỷ, đè đầu mà chặn cổ ; trong thì đám quan-dăng chiếm cả thế-lực trong nước, gốc chắc rễ bền, thành cao ao sâu, ôm chặt cái chánh-thề chuyên-chế mấy mươi đời, cộ cái pháp-luật độc-ác đó đè ngấm độc mà hại người ; giữa thì bọn Hán-học mục xương, bọn Âu-học đầu lười, cũ không thành cũ, mới chẳng ra mới, gạc vênh sừng, chia nhà cắt ngõ, chống-chỏi nhau mà không sao hiệp lại làm một được ; dưới thì mười mấy triệu dân ngu, đã đuổi điếc câm què, mà lại ốm đau đói rách, sống say chết ngủ, ngo-ngáo lao-nhao, chỉ cúi tai gãi trốt nhảm mắt mà theo càn.

Một người chí-sĩ có lòng yêu nước mà ở trong hoàn-cảnh như thế, khác nào bị vây giữa trận giặc, đầy đất chông gai, tứ bề tên đạn, sức mình đã không chống nổi, mà cũng không trông mong vào đâu là người tới cứu mình ; trừ ra một cách thoát thân ra vòng ngoài, làm sách làm báo để kêu van tỉnh thức người trong nước, như ông Sào-Nam. (1) đã làm đó, hầu như không còn mớ tay vào chỗ nào được.

(1) Sào-Nam : Ông Phan-Bội-Châu, hiệu Sào-Nam, một người đại-chí-sĩ nước ta. Nghỉ ở trong nước không làm chi được, vọt sang Nhật-bản làm sách gởi về trong nước.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

Thế mà cù! cù! một mình, xông pha trăm ngã, gây thù chác oán, ngậm đắng nuốt cay, càng ngã xuống càng đứng lên, càng bị thua càng háng-hái, trước sau ôm một cái chủ-nghĩa, lăn mình vào cánh khổ đã nói trên, mà tìm một con đường rộng, cùng ông Sào-Nam chia đường đưa tới, để cảm nêu chỉ lối cho người sau.

Ấy, dầu như đờm-thức không đủ, nhiệt-thành không tới nơi, thì làm sao lui mà dịch với xã-hội, lại tới mà dẫn đường cho xã-hội, mà làm một đấng tiên-thời nhân-vật ít-cái như thế?

Tuy là công vẫn chưa thành, chí vẫn chưa thỏa, còn đợi có người sau tiếp theo, và lại, cả nước xem như kẻ cừu, trọn đời chìm trong bể khổ, mà nhờ cái chân-lý là trận chiến-thắng lần cuối cùng, đến lúc cái-quan (2) mà công-luận lại càng rõ-rệt, tin buồn truyền khắp nơi, đồng bào sa nước mắt, dầu cho những kẻ bình-nhật muốn đâm muốn giết, muốn làm cho đầy-đọa cực-khổ, để hả lòng giận riêng của mình, trông thấy cảm-tình quốc-dân đối với một người chí-sĩ, sùng-bái hình-hương, không thể nào ngăn được, cũng phải động vĩa mà rùng mình, không biết tại có gì vậy.

Than ôi! không phải hào-kiệt mà được thế ru! Thì Phan-Tây-Hồ tiên-sinh ta là chính một người như thế. Vậy tóm cả sự-tích một đời Tiên-sinh, chia mấy thời-kỳ, làm một quyển sù, trước là hiền-bạch tâm-sự một người đại-chí-sĩ, sau cũng để làm gương cho người sau; ấy cũng là nghĩa-vụ một người học-giá đối với quốc-dân mà phải gắng vậy.

Thanh-Bình, ngày 20 tháng 6 dl năm 1926

HUỲNH-THỨC-KHÁNG

(2) Cái-quan : nghĩa là đầy nấp quan-tài lại, là chết rồi. Danh thần đời Minh có câu : « cái-quan luận định ». Nói người đã chết rồi mới chắc là người thế nào.

I.— GIA-THỂ

Buổi nhỏ cùng thời-kỳ học cử-nghiệp

(Từ nhỏ đến ba mươi tuổi)

Tiên-sinh họ Phan, tên Châu-Trinh, tự Tử-Cán, hiệu Tây-Hồ, biệt-hiệu Hy-Mã. Quê ở làng Tây-Lộc, huyện Tiên-Phước, phủ Tam-Kỳ (trước là huyện Hà-Đông, phủ Thăng-Bình) thuộc tỉnh Quảng-Nam. Gia-thể là một nhà vọng-tộc trong huyện. Ông bà Tô (người ta gọi là ông Điều bà Điều) nhà giàu mà tánh hào, thường hay giúp kẻ nghèo khó, có tiếng nhân-dức, xa gần đều biết. Ông thân-sinh tên là Bình, học trò thi, quyền Bá-hộ, làm Quản-cơ sơn-phòng, tán-tài kiết-khách, thanh gươm yên ngựa, có chí muốn lập công-danh ; mẹ họ Lê, con nhà danh-tộc làng Phú-Lâm, có đức hiền-lành. Sinh ba người con trai, lớn Phan-văn-Cừ, thứ Phan-văn-Uyên, tiên-sinh là con thứ ba, sinh năm 1872 (Tự-Đức nhâm-thân).

Tiên-sinh buổi nhỏ mất mẹ, đang thời-kỳ ấu-học lại gặp khoảng nhà nước nhiều việc : Nam-kỳ đã cắt làm nhượng-dịa, Bắc-kỳ cũng đã làm phụ-dầu, mà trong xứ thì vùng Hàn-hải Trà-sơn hằng ngày thường nghe tiếng súng. (Dân gian có câu ca-dao rằng : Tai nghe súng nổ cái dưng, tàu Tây đã đến Vũng Thùng anh ơi ! (1) Trên triều-dình thì nội-chánh lới-thôi, ngoại-giao rắc-rối, đánh đã không xong, hòa cũng không được, kể đã cùng rồi, tiếp đến nạn năm Ất-dậu (1885), kinh-thành Huế thất-thủ, vua Hàm-Nghi phải chạy trốn, mà việc nước hỏng cả, không còn chuyện gì nói được nữa.

(1) Vũng Thùng : Một bên núi Hải-vân, một bên bãi Đà-năng, hòn Trà, có một vùng biển rộng mà tròn, gọi là vùng Thùng, hình như nửa mặt trăng, nên cũng gọi là Bán-nguyệt-loan.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

Tiên-sinh nhỏ mà thông minh, ông cụ đi đâu thường đem theo ; lúc đó hội Cần-vương khắp cả trong nước mà ông cụ cũng là một người trong hội ấy, thường ở đồn Kim-khoáng, A-bá (ở miền nguồn huyện Tiên-phước) ; tiên-sinh mới mười bốn tuổi, bỏ học đi theo, thường đi săn bắn trong núi, tập việc cung mã. Năm 1887 (Đinh-hợi Đổng-Khánh) ông cụ bị nạn, hội Cần-vương trong tỉnh cũng tan, tiên-sinh mới về nhà, thì đã mười sáu tuổi đầu rồi. Huyết-thống di-truyền cùng gia-đình giáo-dục, đã nắn nắn một cái đặc-tánh vì nước quên nhà từ lúc nhỏ vậy.

Cái học khoa-cử của nước ta, đã thành ra không-khí cha dạy con, thầy bảo trò, anh em bè bạn khuyên nhau, gần như trông đời không còn có công việc thứ hai nữa ; cho đến nỗi nhà nước suy-mòn, giống-nòi tan-tát, mà sĩ-phu trong nước vẫn cứ say-mê trong vực ấy mà không tỉnh dậy. Tập-tục xoay người, dầu cho người hiền-hào cũng không tránh khỏi ; ở trong không-khí như vậy, ít nhiều sao cũng có lụy. Tiên-sinh chất đã thông-minh, trí lại sâu-sắc, hạ xuống mà làm nghề ấy, tuy tuổi lớn mới học, mà học ít hiểu nhiều ; đọc sách có con mắt riêng, làm văn tạo xuất-cách mới, không làm những lối tìm câu lật chữ, vẽ bóng pha màu, như bọn văn-sĩ xằng. (Tiên-sinh thích học sách Luận-ngữ, Mạnh-tử cùng các món sử. Kinh thì Thi, Thơ, Xuân-thu có xem đến, còn kinh khác thì không thềm đề mắt vào). Bất-kỳ dễ-mục gì, vào đến tay tiên-sinh thì sao cũng mở ra một lối mới đề tỏ ý bi-ca khảng-khái của mình ; cử-nghiệp là một nghề thừa đó thôi, song cũng cách xa bọn học-con-sáo nọ xa lắm. Từ khi ở núi về, nhà cửa cháy nát, chẳng còn chút gì, người anh cả sửa-sang chỉnh-dốn lại, rước thầy về nhà mà cho tiên-sinh bắt đầu học lại. Học trong nhà hơn bốn năm (thầy dạy đầu tiên là Bùi-Giám, một người túc-nhो trong làng) mới ra ngoài du-học các nơi, (trường ông Cử An-Tráng, ông Huấn Lộc-sơn, ông giáo Lương-sơn, ông Nghè Xuân-Đài. Xem trước niên biểu), tới đâu nòi tiếng đó ; những kẻ thức-giả, ai cũng cho là một tay hào-khiết. Năm 1899, (kỷ-hợi), cụ Đốc Trần-Mã-Sơn bỏ vào học sinh ở trường tỉnh. Năm 1900, (canh-tý), đỗ Cử-nhân thứ ba, năm 1901, tân-sửu, đỗ Phó-bảng luôn. Lúc đó tiên-sinh đúng ba mươi tuổi.

II.— Làm Bộ thuộc ở Kinh cùng thời-kỳ tân-học du-nhập (Từ 30 đến 35 tuổi)

Chính-thê chuyên-chế tầng tầng đè nén nhau, nên trong quan-trường đặt ra vô số giai-cấp ; Kinh-dô Huế là chính một nơi thế-lực to-lớn trong

dám quan-trường, nên bọn cầu danh cầu lợi thường phải gá chân tại đó. Cái mục-dịch có một không hai của bọn đó là : Khéo chiều quan trên, choặng danh-dự ; chờ ngày thăng trật, đặng làm quan to. Vì thế nên những người ngày nay vênh dõng ngồi cao, an-nhiên chịu người ta đua hót mình mà không lấy làm lạ đó, tức là những người ngày trước đã từng lòn gối cúi đầu, đua hót người ta mà không biết xấu vậy. Một thói giả-dối, tập lâu thành quen, trờ ra chuyện làm quan cùng lo làm quan, không còn có việc gì nữa. Thịnh-thoảng cũng có một đôi người, đang lúc ban đầu biết quý sĩ, mà vào trong ít lâu, lòng hoạn đặc hoạn thất, sinh ra nước sữa hòa lẫn nhau mà những tính khía-góc ngày trước sinh ra tròn cả. Cho nên Kinh-dô chính là một cái lò lớn, đúc ra tính-chất thứ hai người ta đó. Thế mà không lấy điều đó mà luật Phan-tiên-sinh được.

Lệ thường đỗ đại-khoa ra kinh, bắt đầu đã bỏ viện hàm, (Hàn-lâm biên-tu, kiểm-thảo, trước-tác v.v...) làm thuộc-viên trong các bộ, dặng học-tập chánh-sự, hoặc một năm hoặc hai năm chẳng hạn, thì bỏ ra làm tri-phủ, tri-huyện v.v... Một anh học trò nhà quê, được một thanh-chức như thế thanh-giá biết chừng nào ! Việc quan đã thông-thả, không chức-trách gì, mà lại bỗng đến tháng thì cấp, trật đủ năm thì thăng ; cái hạnh-phúc cao-xa tứ mã vinh thân phì gia ngày sau, đã thấy rõ tới trước con mắt. Ai được cái địa-vị như thế, mà không lo hai tay ôm chặt, sợ rủi-ro mà xây đi ; lom-khom nhóm-nhém cho qua ngày, khăn áo cho đẹp, da mặt cho trơn, ngực đeo bài ngà, chân mang đôi giày hạ, vác mặt tự đắc mà khoe với người ta rằng : cụ lớn yêu tôi ! cụ lớn yêu tôi ! Thứ hàn-lâm chúng ta thuở nay, chỉ trà cho ngon là đủ, việc nước quách thầy can chi mình mà nói cho mệt. Ấy thói thường liêu-thuộc ở Kinh như thế, song mà tiên-sinh thì khác hẳn.

Đầu hết phái sang trường Quốc-học, học chữ tây như bạn đồng bảng, tiên-sinh lấy cỡ lớn tuổi không chịu học, quan đốc trả về bên bộ, mới bỏ-chức thừa-biện bộ Lễ. Lúc đầu tiên-sinh cũng vào ra với bọn liêu-thuộc, nghĩ rằng chắc có công việc hăng ngày phải làm ; ít lâu biết rằng không có việc gì, chẳng qua là đường tắt núi Chung-Nam (1) ở giữa chốn kinh đô đó thôi ; không lấy làm đều nữa, câu cá đánh chim thích dẫu đi đó, không

(1) Đồi Đường có anh ở ẩn núi Chung-Nam, sau ra làm quan. Người ta chỉ núi Chung-Nam mà cười rằng : đó là một đường tắt đi làm quan.

GIAI-NHÂN KỶ-NGỘ

khác chi lúc ở nhà, thường có khi vài tháng không tới bộ. Ông Thượng bộ Lễ (cụ Lê-Trình) cười mà bảo người ta rằng : bộ tôi có một anh thừa-biện mà cả năm tôi không thấy mặt, là lời nói thật đó.

Một người thích-thắng như tiên-sinh mà lọt vào trong đám bó buộc mọn-mạ như vậy, những điều tiếp-xúc đã không chịu được, gia-dĩ mắt thấy cuộc đời, lòng lo việc nước, thường sinh lòng bức-tức, thỉnh-thoảng lại thổ-lộ ra bề ngoài. Người ta cười rằng : việc triều-dinh thì đã có công hầu khanh tướng, một tên thừa-biện nhỏ mọn mà dám cả gan nói đến việc nước, không phải là người điên hay sao ? ! Tiên sinh nghe thế, chỉ cười ngẫm mà thôi, lại càng ham bàn việc đời ; một đôi khi giữa đám đông người nói to la lớn, không kiêng-kỵ gì, như trước mặt không có ai cả ; những người nghe nói, nhắm mắt le lưỡi, có kẻ sợ mà lên trốn đi, không dám ngồi nghe cho hết lời.

Đương khoảng mấy năm đó, người nước Tàu đã trải qua một cuộc Trung-Nhật chiến-tranh (1894), đã hơi tỉnh dậy, lại tiếp đến cuộc Mậu-tuất chính-biến, canh tí liên-binh nữa, sách mới báo mới xuất-hiện đã nhiều, đã tràn qua nước ta, mà ảnh-hưởng lớn nhất là sách Khang-Hữu-Vi cùng Lương-Khai-Siêu, vì sách ấy có dân-quyền tự-do, phát-minh được chân tướng văn-minh Âu-tây nhiều ; tiên-sinh thường qua lại với các ông Thân-Trọng-Huê (2) Đào-Nguyên-Phổ (3) mượn sách ấy mà xem, trong lòng ham thích, quên ngủ quên ăn ; từ đó trong tư-tưởng đổi hẳn ra một cách mới mẻ vậy.

Tiên-sinh dõm-thức tốt người, lại giàu đường huyết tấu, từ buổi nhỏ đi học đã đề con mắt xem đời mà chứa sẵn một lòng yêu nước ; song khổn vì ở trong nhà quê, chung quanh rành những xã-hội hủ bại, bình-sinh được thấy chỉ một lớp tường đảng Cần-vương mà thôi ; nghe thấy đã hẹp hòi, lịch-duyet cũng chưa rộng, nhiều khi cảm-xúc mà không chỗ đầu mà mở-mang ra, vẫn cho là việc đời không làm gì được trong lòng uất-ức, thường làm ra thì văn đề tỏ ý mình.

*1. — Thôi cũng cùng đầu xem cuộc thế,
Có đầu dư bụng chứa từng đời.*

(2) Thân-Trọng-Huê người Huế, một nhà tây học sớm nước ta có bài sớ xin bỏ khoa cử, sau làm Thượng-thor.

(3) Đào-Nguyên-Phổ người Bắc, đỗ Hoàng-giáp, ở Huế, ham tân học, mua sách mới nhiều, sau làm chủ bút báo Đại-Việt.

2.— *Giông mây cuộc thế xoay sao được,*

Đền sách công phu trả chữa xong

3.— *Lẽ giống da vàng đành lấp đất ?*

Chán phường áo trắng lại lo trời ! v.v...

Ở Kinh hai năm, về học-giới tiên-sinh đã quan-hệ cũng được sức nhất, là có hai điều như sau này :

1^o) Kinh-dô là nơi trung-tâm-diêm học-thuật chính-trị nước ta ; mà cũng một chỗ đô-hội, hội-hiệp cả sĩ-phu trong nước ; tiên-sinh ở đây, dễ lòng xem-xét, chánh-giáo mình hủ-bại ra thế nọ, sĩ-phu mình liệt-nhược ra thế kia ; cái nguồn gốc hư-hỏng nước mình là tại đó, thấy được rõ ràng ; biết hẳn rằng công việc cải-cách to lớn không trông mong vào một bọn danh lợi cùng lão hủ đó được, những điều chiêm-bao lãng-miêu triều-dinh ngày xưa, không còn dây-dính trong óc chút nào, ấy là một.

2^o) Người Pháp sang ta đã hơn năm mươi năm, mà sĩ-phu trong nước không biết Tây-học là cái gì ; cho đến độ này, người Tàu đem học-thuyết Âu-Tây dịch ra làm sách làm báo để truyền-bá mà tỉnh-thức người nước, tiên-sinh được học-thuyết đó, như một trận gió mát thổi vào trong óc, thời sạch cả những đám mây mù che dầy thuở nay, ấy là hai.

Từ đó, học-thức tiên-sinh tiến tới một bước dài, mà tấm lòng nhiệt-thành ái-quốc cũng cao thêm mấy độ nữa ; ngày trước là : thời sự vô khả vi, nay trong lòng và trước con mắt, thấy rõ-ràng có một đảng, mà phương-châm hạ-thủ làm thế nào, cũng từ đó mà nhất-định. Tiên-sinh thường nói rằng : Cái độc chuyên-chế cùng cái hủ nhà nho ta, đã thành chứng bệnh bất-trị mà học-thuyết tự-do dân-quyền Âu-Tây chính là vị thuốc đắng đầu chữa bệnh đó. Ngày trước người mình cứ thấy đầu trị đầu, thấy chùn trị chùn, thuốc không nhằm bệnh nên không hiệu là phải. Chí-hướng đã định rồi, xảy có cuộc Nga-Nhật chiến-tranh (1904) phong-triều giục đến một bên, mà tiên-sinh không thể ngồi yên được vậy.

III.— *Giao-thiệp với ông Sào-Nam cùng thời-kỳ đi du-lich*

(Từ 33 đến 35 tuổi)

Cá lớn thì khe nhỏ không dung được, mà nói biền với ếch trong giếng cũng mệt mà vô ích. Tiên-sinh ở Kinh, có ý mong trong đám quan trường,

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

vạn nhất có người, có thể bàn việc cải-cách được (Tiên-sinh tỏ ý với một ông quan có danh tiếng nhất hồi đó, biết không làm gì được, làm một bài *Điền-xá ông truyện*, đề châm-chọc rồi bỏ quan đi ; ông Sào-Nam làm sách *Lưu-cầu huyết lệ*, cũng có trao cho ông quan ấy, cũng không thấy nói ra câu gì) ; kịp biết không nói chuyện gì được, mới quyết-chí bỏ quan đi tìm kẻ đồng-chí.

Ông Phan-Bội-Châu, hiệu Sào-Nam, người Nghệ-An, là một người chí-sĩ ái-quốc như tiên-sinh, độ đó cũng vào ở Huế, mượn tiếng học trường Giám đi thi Hội, đề tìm người đồng-chí, có làm quyển sách *Lưu-Cầu huyết-lệ lần-thư*, mượn tiếng Lưu-cầu đề nói việc nước mình và tỏ ý-kiến cho người trong nước. Tiên-sinh đã nghe tiếng ông Sào-Nam lại thấy sách ấy, cho là một người hào-khiet nóng lòng việc nước, mà kiến-thức thì chưa thoát khỏi khuôn sáo cũ chút nào. Dịp đó rồi hai người gặp nhau, nghị-luận tuy có chỗ không hiệp nhau mà vẫn phục nhau ; có cùng nhau bàn việc phế khoa-cử, lập hội thương, trường-học, song cũng chưa làm. Tháng chạp năm ấy (1904), ông Sào-Nam vào Quảng-Nam, tới thăm tiên-sinh tại nhà, rồi về đi Nhật-bản. (Tiên-sinh mới gặp ông Sào-Nam, bác rứt bài *Lưu-cầu huyết-lệ*, cho là không hiệp thời-thế cuộc đời bấy giờ, song ông Sào-Nam lúc đầu đang nóng về chủ-nghĩa bài ngoại, nên cũng không chịu phục).

Năm 1905 (kỷ-ty), tháng hai, tiên-sinh cùng ông Nghè Trần-Quý-Cáp đi chơi trong miền Nam, đi qua tỉnh Bình-Định (ông Nghè Trần có quen một cậu ấm « Kỳ-xuyên Công-tử », người Nam-trung, nhà ở Bình-thuận, muốn rủ cùng đi Nam) ; xây gặp ngày tỉnh hạch học trò, người hội hạch đông có năm bảy trăm. Tiên-sinh nghĩ rằng : cái học khoa-cử làm hại nước ta đã lâu, ngày nay đã thành đồ bỏ, mà sĩ-phu ta còn chui đầu vào trong như kiến ; giấc mộng mê say này, không cho một gậy ngang đầu, không thể nào thức dậy được ; bèn mượn đề mục bài hạch đó, làm một bài thi, một bài phú (Thi « *Chí thành thông thánh* », phú « *Danh sơn lương ngọc* »), nói việc thời-thế cùng tề sĩ-phu mình, xen lẫn vào trong quyển hạch học trò cho dễ truyền-bá. Một tiếng sét đánh vang lừng cả nước. Học-giới nước ta trong hai mươi năm nay, lấy văn-tự cồ-dộng mở-mang phong-khí, thì bài thi bài phú đó, cũng là một bài có ảnh-hưởng trong lúc đầu tiên vậy.

Đến Phan-Thiết, có ý vào lục-tĩnh, rồi cảm bệnh, ở đó mấy tháng, cùng anh em đó (ông Nguyễn-trọng-Lôi v.v...) bàn việc thương việc học. Kế

được thư anh em giục ra Bắc, tiên-sinh trở về ; ra đến Phú-Yên, được tin ông Sào-Nam đi Nhật-bản đã về, tiên-sinh thẳng về Quảng-nam, cùng ông Nghè Trần, ông ẩm Thanh-Mỹ (1) bàn về việc đi Bắc. Khi ấy là tháng chạp năm 1905.

Tiên-sinh được những sách ông Sào-Nam ở Đông gửi về, vẫn lấy làm phục mà cũng có chỗ không bằng lòng ; muốn sang Nhật-bản cho giáp mặt ông mà thương-xác một đôi chỗ. Có người hỏi mục-dịch của tiên-sinh thế nào, tiên-sinh nói rằng : Việc đời không thề ngồi một xó mà nói được, huống chi thời-cuộc chừ, gió mây biến đổi, trăm dạng ngàn hình, có đi tới nơi mới thấy rõ được. Tiên-sinh ra Hà-Nội, vào trong Nghệ, Tĩnh, thẳng ra tỉnh Lạng, vào đồn Đề-Thám. Đề-Thám là Huỳnh-hoa-Thám, một người đề-binh đảng Cần-vương trước, cứ-hiềm chống với Pháp hơn 20 năm, chính một tay tướng giỏi, có danh tiếng nhất trong đám võ nhân nước ta. Tiên-sinh tới nói năm ba câu chuyện và xem ý-hướng ra thế nào. Đề-Thám muốn cầm ở lại giúp việc, tiên-sinh không nhận lời, nghĩ rằng đương thời cuộc cạnh-tranh này mà nội-tình ngoại-thể không biết, bo-bo một góc, thế nào tồn-tại được ; bèn từ đi. Xuống Hải-phòng sang Tàu, đến Quảng-Đông, gặp ông Sào-Nam cùng sang Nhật-bản lượn. Ở Đông vài tháng, ước-lược xem-xét công-cuộc duy-tân, hiện-trạng xã-hội, tình-hình ngoại-giao nước Nhật-bản một ít, cùng ông Sào-Nam bàn-bạc mấy điều cốt-yếu : việc ngoài thì giao một mình ông Sào-Nam, mà nhận việc hành-dộng trong nước, làm chủ nghĩa mình ; rồi từ về, ông Sào-Nam đưa đến Hương-cảng.

IV.— Đi Nhật-bản về và hành-dộng trong nước

(Từ 35 đến 37 tuổi)

Tính-cách tiên-sinh nhiều điều khác người mà nhất là cái tinh-thần tự-chủ. Không kỳ việc gì, không kỳ người hạng nào, chỉ bằng theo lương-tâm mình mà phán-đoán đối-phó, không khi nào chịu gò mình mà theo tình-thế bề ngoài ; vì thế nên câu nói việc làm, thường-thường hay vượt ra ngoài vòng lưu-tục nghĩ-nghị, người ta lấy làm kinh hãi ; dầu cho người trong đảng-phái mà không phải tâm-trí, cũng không mấy người thích. Từ tin ông Sào-

(1) Ẩm Thanh-Mỹ tên là Nguyễn-Thành hiệu Tiều-La ở làng Thanh-Mỹ bạn thiết với ông Sào-Nam cùng tiên sinh, chính một người danh tiếng trong đảng Cần Vương trước mà cũng là một người quan hệ trong đám tân nhân vật,

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

Nam Đông-dộ đồn khắp cả nước, tiếp tiên-sinh lại đi nữa ; người trong nước nhao-nhao không biết làm gì, chỉ nhón chân ngóng cò, chống con mắt mà trông ra ngoài ; nay đồn huyền chuyện này, mai thăm lom chuyện khác, lộn-xộn cả ngày mà không lo chuyện gì cả. Thoạt nghe tin tiên-sinh về, kẻ nhất thì bùng tai le lưỡi, người dạn thì trợn mắt giương mày ; tiếng tăm rầm lên, cái tâm-lý người nước đối với việc tiên-sinh Đông-dộ trở về, nửa mừng nửa sợ, phần nghi-ngờ, phần sai-trắc, không biết đầu vào đâu, thành ra một cái quái-tượng có đủ mấy về.

10) Đã sang Nhật-bản, không lẽ về không, đã về thì chắc có viện binh theo sau.

20) Đã trốn mà đi, thì về cũng phải bí-mật, sao lại minh-minh bạch-bạch, không sợ người ta nghi, sao to gan thế ?

30) Có việc quan-hệ gì, không thể người khác được, nên về Hà-thành rồi vào Nam-Kỳ, quyết không có lẽ trở về đất Trung-Kỳ ?

40) Có kẻ gởi thư cho ông Sào-Nam nói tiên-sinh về không lợi cho anh em, vì xướng chủ-nghĩa dân-chủ, ông Sào-Nam thoạt nghe tin ấy, sợ đảng trong nước không thuận nhau, gởi cho tiên-sinh một bức thư, nói việc chưa nên xướng dân-chủ vội v.v...

Tiên-sinh thấy tiền-dồ quốc-dân mà sinh lo ; tuyệt khẩu không nói đến việc ngoài. Nghĩ rằng lấy nội-tình ngoại-thể và thời-cuộc mà nói, ngày nay không có quốc-dân nội-lực, thì làm chi cũng không có lương kiết-quả được. Người mình không lo khai-thông dân-trí liên-lạc đoàn-thề, để làm cơ-sở mà chỉ ngồi trông người ngoài ; cái bệnh dục-tốc kiến-tiêu đó, không những không ích mà lại có hại. Không những thế học-hội dân-doàn là cần nhất không có không được và nên tổ-chức đầu tiên cả, mà theo tình-thể trong nước ngày nay, thì phải lấy công-lý yêu-cầu, làm việc quang-minh chính-dại, chớ không có thể làm lén làm chùng được. Nước Pháp là một nước để ra dân-quyền cho thế-giới, làm tiền-dạo cả phương Tây, nay lại bảo-hộ ta, đương hời-cuộc ngọn triều Âu-hóa tràn khắp phương Đông, các nước mạnh láng giềng lại có lòng dòm ngó như thế này, mà cứ để cho dân thuộc-dịa mình đã ngu lại nghèo, thì chắc cũng không phải là lợi cho nước bảo-hộ. Khốn vì sĩ-phu trong nước, thuở nay không có người nào chịu tới cửa chánh-phủ Pháp phơi gan trải dạ, chỉ rõ điều lợi điều hại, nên bọn quan-lại an-thường

thủ-cự, cứ giữ thói lợi-kỷ, đem phương ngăn-ngừa che-đậy, thành ra ngăn-trở dấy thôi. Nếu có người chỉ rõ cuộc nguy-hiểm ra thế này, nguồn tệ-hại ra thế kia, mà bàn-bạc một cách lưỡng lợi lâu dài, lại biết đầu chánh-sách bảo-hộ người ta không thay đổi lại. Nghĩ thế mới làm một bài điều-trần gửi ngay cho Toàn-quyền, Khâm-sứ cùng các nhà báo, đại-khái nói tình-trạng nguy-cấp bên Đông-dương này, cùng tình-tệ quan-lại, làm cho tình-ý hai nước không liên-hiệp nhau, mà kết-cuộc xin cải-lương chánh-sách bảo-hộ. Hiện nay người ta truyền rằng : *Đầu Pháp chánh-phủ thư* tức là bài đó.

Từ bài ấy truyền ra, dư-luận nước Pháp biết tiên-sinh là một người chí-sĩ yêu nước, hiểu thấu cuộc đời, chánh-sách khai-hóa thuộc-địa thành ra một vấn-đề quan-trọng, càng nhiều người nói đến, cũng có thi-hành một đôi điều như lời tiên-sinh đã nói, mà quan-trưởng An-nam thì xem tiên-sinh như gai trước con mắt, căm-giận đến xương, vì cái màn che đậy thuở nay bị một tay tiên-sinh dỡ toang ra, những lớp tuồng xấu, gian-tham hủ-lậu ai ai cũng dòm thấy rõ-ràng, không dấu-diểm được nữa ; vì thế mà cái nạn của tiên-sinh càng không thể tránh được vậy.

Tiên-sinh xướng cái thuyết tự-trị, ông Nghè Trần-Thái-Xuyên hết lòng tán-trợ (ông ấy có làm một bài sĩ-phu tự-trị luận) mà bạn tân-học cũng biểu-đồng-tình. Lúc Tiên-sinh ở Đông về, thì học-hội, thương hội, thư-xã, diễn-thuyết, cùng hội nông, hội trồng quế, cũng đã nhiều nơi lập, mà nhiều nhất là trong tỉnh Quảng-Nam ; tiên-sinh đến đâu cô-lệ đó.

Năm 1907 (dinh mùi), cảm bệnh ở nhà hơn nửa năm, tháng bảy lại ra Hà-thành diễn-thuyết tại trường Đông-Kinh Nghĩa-thục. (trường của anh em tân-học ở Hà-nội lập ra để dạy học trò), người tới nghe đông lắm. (Chủ báo Đại-Việt là ông Ba-Bút nghe tiếng tiên-sinh, thường qua lại chơi, tiên-sinh cũng thỉnh-thoảng làm một hai bài thời-sự đăng trong báo Đại-Việt cùng báo Đăng-cờ. Bài *Hiện-trạng vấn-đề*, truyền khắp cả nước, chính làm hồi đó. (Bài ấy có câu kết-luận rằng : « Không nên trông người ngoài, trông người ngoài thì chắc ngu, không nên bạo-động, bạo-động thì chắc chết ».) Khoảng đó, trong Nghệ. Tỉnh do thân-sĩ bị tình-nghị mà phải bắt giam, nên trong bài ấy tiên-sinh có ý biện-hộ.)

Ông Ba-Bút muốn mời làm báo với ông ta, tiên-sinh từ không chịu làm. (Ở Hà-nội thuở đó, trong đám quan-trưởng có một tên cáo với quan rằng : Phan Mỗ ở Hà-thành thường xướng học-thuyết vô-quân, xin đuổi ra ngoài Hà-nội v.v.)

V.— Bị đẩy ra Côn-Lôn cùng tha về Sài Gòn

(Từ 37 đến 40 tuổi)

Trong bức thư « đầu Pháp chánh-phủ », tiên-sinh nói tình-tệ quan trường rạch-ròi cặn-kẻ, và cả cái trạng-thái nhu-gian cang-ác không sót chút nào. Bọn ấy cầm bụng cần răng, toan sao cũng trả nũa lại cho được mới chịu, mà chính tiên-sinh cũng tự biết rằng chắc có một ngày kia mình phải vào chỗ địa-ngục. Năm 1908 (mậu thân) dân Trung-kỳ nổi lên xịp thuế, đầu phát từ tỉnh Quảng-Nam, rồi lan khắp cả mấy tỉnh. Quan-trưởng sẵn cừu cho tiên-sinh, nhưn dịp này, mới thừa-cơ báo-phục : cho rằng ngày nay dân-biến là tại bọn xướng dân-quyền mà thành ra, mà tiên-sinh chính là người xướng-thủ, lại giao-thông với người ngoại-quốc là Phan-Bội-Châu ; thương với Khâm-sứ Kinh, đánh điện ra Thống-sứ Hà-nội bắt tiên-sinh giải về Huế ; tiên-sinh không ăn mấy ngày ; Khâm-sứ giao qua bên Hộ-thành giam, rồi lập hội-dồng yấn xử, quan Tây quan Nam đều đủ cả.

Khi hội-dồng hỏi, tiên-sinh biện nói một cách khẳng-khái, lời ngay lẽ thẳng không ai bẻ bác được chút nào cả. (Đồ tội dân-biến cho tiên-sinh, tiên-sinh nói rằng : các ngài ngồi trên đầu dân lại ăn lộc nước mỗi ông một tháng hoặc bốn năm trăm đồng, hoặc hai ba trăm đồng, dưới nữa cũng một trăm, tám chín chục, bổng ấy không phải là máu mủ của dân sao ? Thế mà cứ ngồi yên ăn lặt, không lo vì dân mở đường sinh-kế, toan việc công lợi, để cho nó cùng vô sở xuất, không biết lấy chi nộp thuế mà rủ nhau làm hạ sách đi yêu-cầu như thế, ấy là cựa tại các ngài, các ngài đã không biết tội thì chớ, lại đổ cho người khác sao ?). Các quan giận lắm muốn kết án tử hình, quan Tây không chịu (nghe đâu có hội Bảo-trợ Nhân-quyền bình vực, và cũng có một ông quan Nam không ký tên), mới giảm đẳng, kêu án xử tử phát Côn-Lôn, ngộ xá bắt nguyên (1). Tiên-sinh về Kinh nghĩ rằng chắc chết, đến khi giải ra cửa Đông nam mới hay đẩy đi đảo Côn-Lôn, có ngâm bài tuyệt cú rằng :

*Xiềng sắt lang thang ra cửa đông,
Ngâm nga ngời hát lữ còn không ?
Giống nổi mồn mõi non sông lộng,
Ai dễ Côn-Lôn ngã tấm lòng !*

(1) Ngộ xá bắt nguyên : gặp dịp ân-xá không được hưởng.

PHAN-CHÂU-TRINH

(Sau tôi gặp một người quen làm việc ở Kinh nói rằng : án tiên-sinh có lấy câu nô-vị trong bài điều-trần làm chứng, kết rằng : một câu nô-vị đã rõ là không biết có vua. Nay xét trong bài ấy nói « nô-vị » là chỉ xã dân cả nước không phải chỉ vua, mà đem kết tội được có nực cười không ?)

Cuộc dân-biến năm 1908, là một vở tuồng rất hoạt-dộng trong lịch-sử ta mấy nghìn năm chưa từng có, mà cũng là một vở tuồng rất bi-thảm nữa : một bầu nước yên-diềm, ngọn triều dẫu tràn tới, mấy động cơ vừa nhúc-nhích, dây dăng ngực đã bỏ lan, áo khăn ngồi đầy lao, xiềng gông, đi khắp xứ ; từ đó đảo Côn-Lôn là một hòn cù-lao mồ-côi giữa biển, cách-biệt trong đất, thuở nay người Pháp lấy làm một nơi đầy kẻ tù tội, nay mới có vết chươn bợn quan to quốc-sự-phạm này, mà tiên-sinh chính là người đầu tiên trong bộ sử Côn-Lôn quốc-sự tù tội đó vậy.

Năm 1908 (mậu thân), tháng tư dầy ra Côn-Lôn. Khi mới ra giam tạm trong một khám trong « banh » (baigne : tức nhà giam tù) không bàn đồ tù, không ăn cơm tù, cũng không phải làm công việc tù ; mỗi ngày sớm mai và chiều ra trước hiên đi qua lại bách bộ độ một đôi giờ. Được năm bảy ngày, tham biện (directeur du pénitencier) cho ra ngoài ở làng An-Hải, tự-do sinh lý ; mỗi tuần lễ, ngày chủ nhật tới nhà giấy gardien chef trình diện một lần mà thôi. Tiên-sinh học nghề làm đôi-mồi và đi câu di lưới chơi cũng được thông thả.

Côn-Lôn (Poulo-Condore) là một hòn đảo ở phía Đông-Nam biển Saigon ; tàu thủy ở cửa Saigon đi độ 16, 17 giờ thì đến. Trước thuộc tỉnh Vĩnh-Long ; từ thuộc về Pháp lấy làm một nơi giam tù, Lục-tỉnh, Bắc-kỳ, Cao-miền, Ai-lao, tù án nặng thường giam tại đó. Duy Trung-kỳ không có vì còn thuộc chính-trị hình-luật Annam. Quan cai trị có một tham-biện, một ký-lục, một gardien chef, và lính canh tù : có một quan binh (quan hai) coi, hơn một trăm lính tây, một sở dây thép. Đại-khái chánh-thề cũng vì tù tội mà đặt ra, nên hình-phạt tra-xét nghiêm-ngặt khác trong đất liền. Đồ dùng phần nhiều ở Saigon chở ra, mỗi tháng có hai kỳ tàu đi về. Ở đó công việc chi cũng người tù làm cả, đủ cả các sở (thợ mộc, thợ hồ, nuôi heo, làm ruộng v.v...) có hai tiệm buôn của người Tàu ; có nhà đèn (phare) có vô-tuyến-diện v.v... Theo trên giấy má việc quan thì đảo đó cũng như một hạt trong Nam-Kỳ ; khác là chỉ cai-trị những người tù mà thôi. An-Hải là một làng thổ-nhân hiện còn bây giờ, cũng y như người lục-tỉnh, có lý-dịch đủ, được bảy tám nhà, thường có tù án lưu xứ, hoặc an-trí thì cho ra ở làng đó.

GIAI-NHÂN KỲ-NGÔ

Một mình tiên-sinh, trăm mũi tên châm vào, song bởi thể mà quan-lại oán, cũng bởi thể mà người tây (những người có lòng bình-dẳng bác-ái) có lòng yêu trọng. Tiên-sinh ở Côn-Lôn xem như người tây có một cách biệt-dãi. Ở gần hai năm, được thư ông Ba-Bút chủ bút báo Đại-Việt gửi thăm và báo tin sẽ được tha về. Ít lâu thì Thống-Đốc Saigon ra, tới tận nơi tiên-sinh trọ, thăm hỏi một cách ân-cần ; rồi ít lối có giấy lại tha về. Về đến Saigon, mới biết rằng hội Bảo-trợ Nhân-quyền vì mình kêu oan mà thủ tướng Pháp là Poincaré nhậm lời. Tiên-sinh ở Côn-Lôn gần ba năm ; lúc về là tháng (?) 1911.

Ở Saigon, chánh-phủ có đặt một hội-dồng, Tham-biện Mỹ-Tho ông Couzineau bị cử làm chủ-tọa, có đủ đề-hình chương-ly cả. Ông Couzineau đọc diễn-văn có câu rằng : « Thay mặt cả dân nước Đại-Pháp, tôi trả cái tự do lại cho ông » Lại hỏi tiên-sinh muốn nói điều gì. Tiên-sinh ước lược phát biểu chánh-sách liên-lạc Pháp-Việt và yêu cầu mấy điều rồi xuống ở Mỹ-Tho. (Tiên-sinh xin : 1) tha bốn quốc-sự-phạm ; 2) Trị tội Phạm-Ngọc-Quát, vì giết ông Nghè Trần-quý-Ćáp là người vô tội ; 3) Xin đi tây).

Ở Mỹ-Tho tuy tiếng rằng tự-do mà thực thì nhà-nước còn trông nom quản-cổ, tiên-sinh không bằng lòng, cho rằng đã được tha về là người không tội mà lại không được tự-do hành-động, thì không khác chi ở tù, bèn làm thư gửi cho chính-phủ xin trả ra Côn-Lôn. Chính-phủ biết tiên-sinh là người không chịu trói buộc như kẻ khác, không lấy chước vật mà ngăn-cấm được, mới nhận lời yêu-cầu cho tiên-sinh đi sang Pháp. Tháng tư năm ấy, đồng thuyền với ông toàn-quyền Klobukowky đi Tây và đem con là Phan-Châu-Dật sang học luôn (thư gửi cho hội Nhân-quyền, Trung-kỳ dân-biến thì mặc ký (sẽ xuất bản) cùng sách Pháp-Việt liên-hiệp — có lẽ làm tại năm ấy).

VI.— Mười bốn năm ở nước Pháp

(từ 1911 đến 1925)

Tiên-sinh biết rằng dân nước mình chưa có tư-cách độc-lập, quyết nhân dịp phong-triều Âu-hóa này, liên-lạc với người Pháp dặng thiệ-hành việc cải-cách trong nước, mở-mang trí-thức cho người mình ; lại thường xem-xét chánh-sách bảo-hộ mà có một điều lấy làm lạ : nước Pháp là một nước dân-chủ, đề-xướng nhân-đạo cho cả thế-giới, những câu bình-dẳng

bác-ái, đàn bà trẻ con cũng thường nói nơi đầu lỗ miệng, thế mà nước ta chịu ở dưới bóng cờ bảo-hộ đã mấy mươi năm, chưa được hưởng cái học-thuyết văn-minh đó chút nào ; và đương thời-cuộc này giông gió ồn ào, láng giềng dóm ngó, tiếng « huỳnh họa » đã gieo trên các báo, mà xét kỹ trong chánh-sách thuộc-địa Pháp, thì chưa tỏ ra chút gì là có lòng thành-tâm khai-hóa người miah. Ấy chắc hẳn bọn quan-lại qua cai-trị bên này, chỉ quen thấy tình-thế trước mắt mà không nghĩ xa, lợi chỗ dân mình ngu hèn cho dễ cai-trị, nên làm thói che tai trộm lạc như thế, chớ chắc không phải toàn quốc-dân nước Pháp và bên Pháp-dinh đồng-ý như thế. Đem cái hiện-cuộc cùng tình-tệ bên Đông-dương này, bày-tỏ qua bên Pháp-dinh, và tuyên-bố cho công-chúng biết, sao cũng có người nhận-nhân quân-tử, xem trước nghĩ sau, xét đến tương-lai, soi khỏ-tâm mình, cùng biểu-dồng-tình mà tỏ lòng liên-lạc, thì mình sẽ có cơ làm được công việc to lớn, đề đạt cái mục-dịch mình. Định-kiến như thế nên lúc Đông-dộ về, gửi thư cho chính-phủ Pháp đã có ý muốn sang Tây : tiếp lấy việc dân-biến mình lại bị tù, nhờ có hội Nhân-quyền bênh-vực mà ra khỏi, tiên-sinh cho là thời-cơ không bỏ qua được, mà cái chí đi sang bên Tây như tên phát ra mà không ngăn được vậy. (Tiên-sinh ở Côn-Lôn đã tỏ ý đi Tây với anh em, cũng có người giao-cổ không biểu-dồng-tình).

Tiên-sinh sang Pháp ở tại thành Paris, xem-xét ý-kiến các chánh-dang cùng các nhà ngôn-luận đối với chánh-sách Đông-dương ra thế nào, lại thường đem những tình-tệ quan-lại bảo-hộ bên này phát bố ra đề cò-động dư-luận ; một bức thư gửi cho hội Nhân-quyền, kể những việc dân-biến binh-biến, cùng phương-pháp bảo-hộ đối-phó ra thế nào, quan-lại trong nước tạ-doan sinh-sự ra thế nào, cùng những thăm-trạng trong dân-gian cùng sĩ-phu bị lụy ra thế nào, nguồn cơn ngọn ngành chun tót kể rằng, kể ra rõ-ràng lắm ; lại phát-biểu chánh-kiến liên-lạc Pháp-Việt của mình, cùng công việc đã làm, mà tỏ ý phản-đối với quan-lại bên này. Việc Khiêm-lăng bị đào, tiên-sinh cho là vô-nhân-đạo, đăng trong các báo, chê mắng dữ-dội, các nhà ngôn-luận cũng ồn lên, quan-lại bên Đông-dương lấy làm khó chịu lắm. Lại thường đòi người học trò ta sang học bên ấy mà có tư-tướng khá, bàn-bạc việc tương-lai nước mình v.v...

Tiên-sinh một mình ở dậu nước người mà tiếng-tầm cũng như một nước, nên kẻ yêu-trọng cũng nhiều mà người thù-hằn cũng không ít. Mấy năm mới sang, bộ thuộc-địa còn cấp lương, sau vì có tiên-sinh hay nói xấu

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

quan-lại bảo-hộ, trừ đi không cấp nửa ; tiên-sinh không lấy làm đều, học nghề vẽ, vẽ bóng phóng-dại cho người ta để nuôi mình. Có khi đau ốm, con Dật phải bỏ học đi làm công để nuôi ; tiên-sinh vẫn xem như thường vậy, không có chút chi là phàn nàn. Năm 1914, cuộc Âu-chiến xảy ra ; tiên-sinh không chịu đi lính, dâng thư cho tiên-sinh vu rằng thông với người Đức (lấy cớ một cái thư gửi cho người nào không biết thiệt giả) ; bị bắt giam tại ngục quốc-sự phạm (maison de santé) Tiên-sinh ở trong ngục, phần thương vận nước bề dẫu, phần xót tẩm thân trôi nổi, muôn sầu chất chứa, không chỗ hở hơi, dùng tục-ngữ nước nhà làm đề-mục, làm hơn hai trăm bài thi bằng quốc âm, trong tập thi, những bài *Vàng thiệt sợ chi lửa, Ấn coi nổi ngồi coi hướng* v.v... tức làm hồi đó. Bị giam chín tháng, đảng Xã-hội cùng Xã-hội Cấp-tiến biết tiên-sinh là oan-khuất, bênh-vực được thả bổng.

Tiên-sinh vốn là kẻ cừu với chánh-thề chuyên-chế, vừa đọc sách Âu Tây thì say mê những học-thuyết họ Lu (Lu-Soa) họ Mạnh (Mạnh Đức Tư Cưu) nay ngụ ở thành Paris là danh-dô một nước dân-chủ văn-minh cường-thạnh, hô-hấp cái không-khí tự-do đã lâu năm, dõm-thức càng ngày càng cao, phách-lực càng ngày càng mạnh, hễ có điều gì xúc-dộng đến, thì diễn-lực trong hồn não phát-sinh liền ra không thề ngăn được. Năm 1922 vua Khải-Định sang Tây ; một đức quân-chủ chuyên-chế nước nhỏ, lại ở dưới quyền bảo-hộ một nước dân-chủ, hốt-nhiên mượn thể bảo-hộ, chưng nghi-vệ, phí kim-tiền, dất tột tở, vượt mấy muôn dặm đường biên, sang cho đến một nơi danh-dô nhứt trong thế-giới này, dặng xem chơi phong-cảnh, mà về việc tiền-dồ quốc-dân không quan-hệ gì ; các báo nhao lên, cho việc đi ấy là vì quyền-lợi quân-chủ riêng, hành-dộng không được quang-minh mà có phần ám-muội, dặng lên báo chương lấy làm trò cười. Tiên-sinh tức giận, lấy việc ấy làm nhục đến quốc-thề, và là theo ý riêng một người, không phải quốc-dân đều biểu-dồng-tình như thế, làm một bức thư, gửi thẳng nơi hành-tại (1) trong đó kê rõ bày điều trái phép ; viện luật tây : quân-chủ trái với hiến-pháp thì quốc-dân được kê tội mà trị, v.v... Thư ấy truyền ra các báo tây, những nhà tây học có tư-tưởng mới cùng bọn thanh-niên ai cũng tỏ ý hoan-nghe, mà đám quan đảng nghe nói le lười, càng cừu cho tiên-sinh thêm nữa.

(1) Hành-tại là nơi vua đi mà nghỉ, mà trọ.

Tiên-sinh ở Pháp hơn 14 năm (1911 đến 1925), danh-dô thắng-tích, du-lịch đã khắp, hiền-nhân quân-tử giao-kết cũng nhiều (Những người trong đảng Xã-hội cùng hội Nhân-quyền, quen biết cũng đông ; tình thiết như anh em, như M. Capitaine Roux etc...) cho đến học-thuyết các nhà danh-nho, phong-triều, mấy đảng Xã-hội, chánh-sách nhà ngoại-giao, phươg-châm trị-thuộc-dịa, đều dễ lòng khảo-sát, thấy được một cách rõ-ràng. Trông người lại gần đến ta, mưa gió quê người, mộng hồn nước cũ, trăm cay ngàn đắng, nếm đủ mùi cực khổ mà không chút nào ngã lòng. Không những thế, cái tinh-thần tự-chủ cùng tấm lòng yêu nước thương nòi, lại càng già càng tiến lên, càng cay chua càng bền chặt ; những bợn cừu cho tiên-sinh, tìm đến quấy rối, nào là dổ-dành, nào là dọa-nạt, nào là làm cho đầy-dọa thân thể, muôn phương nghìn chước cũng không làm sao được. Tiên-sinh thường nói rằng đã vì việc nước, mang thân đến đây, ngoài cái xác bầy thước này, không còn có cái gì nữa ; khi nào dầu rơi xuống đất là việc ta xong ; sở-dĩ nuôi một chút hơi này là muốn ra công giúp cho tổ-quốc một đôi việc đó thôi.

VII.— Về nước và bệnh già

(1925 — 1926)

Tiên-sinh ở nước Pháp, cùng đảng Xã-hội, hội Nhân-quyền có quan-hệ mật-thiết, có chí muốn liên-lạc thành một đảng lớn để giúp việc cải-cách trong nước nhà. Rủi đâu có cuộc Âu-chiến, nước Pháp lại chính phải ra đương đầu, trong nước nhiều đều rắc-rối, việc gì cũng đình-dốn cả, còn ai nói đến chánh-sách thuộc-dịa nữa. Thiên-diên đến mấy năm trời, rút cuộc vẫn chiếm được thắng lợi, mà người hao của tốn, làm ngăn-trở đến cuộc tiền-dồ cũng nhiều. Trong mấy năm đó, tiên-sinh ôm bụng mà rầu, không biết ngó cùng ai được. Cuộc Âu-chiến yên, tiên-sinh đã có lòng về nước ; nghĩ rằng chất-chứa lấy một lòng nhiệt-huyết, đồ nơi đất người cũng vô-ích, thà đem về rưới giữa non-sông đất nước mình, họa có ảnh-hưởng đến quốc-dân, có người khởi lên mà nối theo chí mình, thì mình có nhắm mắt cũng yên được. Bèn tới Bộ thuộc-dịa, tỏ ý muốn về nước. Ông quan nọ can rằng : quan đảng bên Đông-dương, lâu nay xem anh như gai trước mắt, muốn ăn thịt anh, anh về không phải là đem thịt dứt miệng cọp sao ? Tiên-sinh trả lời rằng : miễn ngài không ra tay là được, tôi có cần gì... Bộ thuộc-dịa mới gửi thư về bên Đông-Dương nói ý tiên-sinh muốn về nước. Quan-trưởng

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

bên ta nghe tin ấy, như sét đánh ngang đầu, phần nghi, phần sợ, cho là một cái vấn-đề quan-hệ to lớn nhất, ngày nào cũng mở hội mật-nghị, bàn phương đối-phó, muốn cây quyền-thế bảo-hộ kiểm cách ngăn-trở không cho về vậy.

Năm 1925, tháng sáu tiên-sinh về Saigon, có ý muốn tĩnh-dưỡng ít lỗi, đi khắp Nam, Bắc, rồi sẽ bày-bố công việc làm. (Đã định dựng nhà in, nhà báo cùng hội nông v.v...) Song người nước tới thăm đông lắm mà hoan-nginh nhất là đảng thanh-niên. Tiên-sinh biết trong mình chưa được khỏe và có ý yên-lặng đề quan-sát ít lâu, mà anh em đồng-bào tỏ tình hướng-mộ vào nóng-này lắm, không thể không đáp cái thanh-tình đó và tỏ cho anh em biết cái tâm-sự mình, mới tỏ-chức một hội diễn-thuyết ; nhân-sĩ tới nghe đông lắm. Người được nghe lấy làm hân-hạnh như được một cửa báu, mà những người được đọc bài diễn-văn đó cũng lấy làm hả lòng; những đám mây mù che đậy mặt-mù mấy ngàn năm, được hai trận gió mát mẻ thoảng qua xua đẩy vỡ tan, bóng sáng vùng đông dọi lại một góc trời, mà không-khí một mai đổi khác hẳn. Than ôi ! nay đọc hai bài diễn-văn của Tiên-sinh diễn tại hội thanh-niên Saigon, (bài trước nói đạo-đức luân-lý đông tây, bài sau nói quân trị dân trị) mà bộ, máy trong thân-khinh không động dậy, sức điện trong gan óc không phát mạnh ra, có phải là dân Việt-Nam đâu ? Có phải thanh-niên Việt-Nam đâu ? mà ai biết hai bài diễn-văn đó là hai bài tuyệt-bút của tiên-sinh mà cũng là hai bài di-chức của tiên-sinh dặn-dò anh em ta lần cuối cùng đó. Đau-dớn biết chừng nào ! đáng thương tiếc biết chừng nào !

Tiên-sinh về được vài tháng, ông Sào-Nam cũng bị bắt, được tha về ở Huế ; tiên-sinh có ý muốn gặp nhau bàn chuyện, nhưng mà chưa...

Tiên-sinh về Saigon, tại mắt ai cũng châu vào mà bọn cừu-thù cũng theo mà dòm-ngó, anh em cũng có bụng ngại ; thế mà tiên-sinh ứng-tiếp hàng ngày, đi chơi khắp chốn, không có chút ý ngại gì. Lúc ở Pháp được thư nhà, tiên-sinh có nói rằng : ta không biết nhà là gì. Nay về nước, con gái và con rể tới ở hầu-hạ được ít tháng, tiên-sinh cũng bảo về. Tiên-sinh trước có bệnh đau phổi, nằm nhà thương uống thuốc tây không lành, về đi hứng mát Ô-cáp, tiếp bị bệnh đơn-nhiệt, rồi phát ra cả lợi cả thủng. Anh em trong Nam-kỳ hết lòng điều-dộ mà cũng không hiệu. Bệnh đã liệt giường, mình như cây củi, mà tinh-thần vẫn thanh-sảng, không có chút nào là thon-von yếu-ớt như người ta ; trước ngày tắt hơi, anh em tới thăm còn nghe bàn việc nước.

Tiên-sinh sinh năm 1872, đến năm 1926, ngày 24 tháng ba, hồi chín giờ rưỡi thì mất ; sống lâu được 55 tuổi ; mất ở khách quán N^o 54, Rue Pellerin Saigon. Tin buồn truyền khắp nơi, cả nước sa nước mắt. Anh em Nam-kỳ đặt ban hội-đồng trị-sự để coi sóc việc tang, hòm liệm theo một cách trọng-thề, phổ-cáo cả các nơi ; trên từ hội học, hăng buôn, dưới đến phu xe, bồi bếp, đều đến phúng-diếu để tang, hoặc gởi thơ đánh giầy thép chia buồn ; Người Tây, người Khách, người Miên, người Chà cũng có tới diếu. Còn các nơi đô-hội cũng làm lễ truy-diệu nữa. Ngày 4 tháng 4 năm ấy, táng tại nơi nghĩa-địa Gò-Công, ở làng Tân-sơn-nhứt — Gia-Định.

Phu-nhân họ Lê người làng An-Sơn, huyện Tiên-Phước, con nhà vọng-tộc có đức hiền-lành, lúc tiên-sinh ở Côn-Lôn về Mỹ-Tho, có vào thăm, ở năm mươi ngày, rồi về bị bệnh mà mất. Con trai là Dật đi với tiên-sinh qua Tây học ; rồi có bệnh, tiên-sinh cho về trước, dặng mấy tháng mất tại nhà thương Huế. Hiện hai người con gái, lớn A-Liên, gả cho Ô. Lê-Ấm, người-huyện Quế-Sơn, làng Gia-Cát, đang làm đốc-học trường Quốc-tử-Giám, thứ A-Lan, gả cho Ô. Nguyễn-dồng-Hội, người huyện Diên-Phước, làng La-kham, đang làm tham-tá (agent technique). Anh em định lập nhà tự, mua tự-diền, cấp cho cháu kêu bằng chú phụng-tự.

Bài kết-luận

Người xưa nói : « cái quan luận định » ; (người đã chết rồi mới chắc là người thế nào), lại nói : « một người học trò, mà dễ lòng lo giúp người, tức là công-nghiep ». Than ôi ! như tiên-sinh không những là một người chí-sĩ yêu nước mà thôi, mà thật là một nhà chính-trị cách-mạng đầu tiên nước Việt-Nam ta vậy.

Một anh học trò, vai gánh giang-sơn, lòng thương nòi giống, một mình xông dục, trăm cách toan lường, trong hai mươi năm thừa, trải biết bao nhiêu cảnh hiem nghèo, nếm biết bao nhiêu mùi cay đắng ; những dặng ngày trước, có kẻ bị ngã mà lùi đi, có kẻ tháo đường mà đi ngổ khác, lại có kẻ thay lời dỗi mặt, đành chịu người ta mắng chửi, quay đầu trở lái, để tìm lợi riêng một mình mình, quên hết cả mặt mũi ngày trước, mà tiên-sinh thì cứ khăng-khăng ôm một cái chủ-nghĩa, đeo đẳng mãi với cảnh hoạn-nạn mà không chịu rời ra, không những danh vị lợi lộc không dễ dành được, cực khổ không sai dời được, cho đến gờm kẻ trên cõ, súng chỉ trước hông,

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

cũng không chút nào lay-chuyển. Sánh với ông Sào-Nam, chí-khí đồng nhau, nhiệt-thành đồng nhau, phách-lực đồng nhau, mà cái cảnh càng khó, cái lòng càng khổ hơn vậy.

Ấy tâm-sự đó, thần quỷ cùng soi, đá vàng cùng thấu, vậy cho nên một câu nói, một nét làm, đều có ảnh-hưởng đến quốc-dân ; không những các bậc bình-dãng bác-ái nước văn-minh dẫn làm đồng điệu, mà những nhà đại chánh-trị, đại quân-lữ, đại ngoại-giao, đại trình-thám, đại ngôn-luận, cũng đều châu mắt mà dòm vậy.

Than ôi ! như thế cũng đã hào vậy ! anh-hùng hào-kiệt, há phải từ đời mình thấy được thành-công mà sau mới ra làm việc đời hay sao ?

TỔNG-ÁN

Nhân cách tiên-sinh, học-thức cao, tài-chí đủ, tính-chất bền, ngôn-ngữ giỏi, ai cũng biết cả ; đến cái chỗ trước sau ôm một cái chủ-nghĩa, cùng thủ-đoạn hành-vi đề cho được đạt cái mục-dích đó, con mắt thật tinh, đờm-lực thật định, mở cuộc thật rộng mà ứng-cự thật lạnh ; tuy công cuộc chưa thành, người ta không thấy rõ kết-quả ra thế nào, song xét kỹ trước sau, thì rõ ràng có một đường như tơ tằm nét ngựa, có cơ-quan, có tăng-thứ, khi trời khi sụt, khi trống khi kín, biến-động mãi mà không rời cái chủ-nghĩa ra, và lại càng tới càng tấn lên mà đầu đuôi vẫn chiếu-ứng nhau.

Tiền-dồ nước ta, tiên-sinh cho là dân mình vì chánh-thề chuyên-chế đè-nén bó-buộc đã mấy mươi đời, thành cái tánh-chất thứ hai, không biết nước là cái gì, cách cái tư-cách độc-lập còn xa lắm ; nếu cái độc chuyên-chế không trừ đi thì học văn-minh không vào được, mà muốn trừ cái độc đó, thì chỉ xướng cái học-thuyết dân-quyền mà thôi. Song dân-quyền không phải tự-nhiên mà đến được ; phải khai-thông không-khí, đề mở-mang trí-thức, liên-lạc đoàn-thề, đề làm cơ-sở tự-trị ngày sau ; nước Pháp là một nước sản-xuất dân-quyền cho thế-giới, nay bảo-hộ mình, đương-thời cuộc ngọn triều Âu-hóa tràn khắp phương Đông này, có lẽ đầu xem người như cây như đá được ; bây giờ ngược giòng nước mà kéo lại, sao bằng thuận giòng nước mà đem đi ; mượn sức người Pháp, thật-hành cải-cách, đề giục dân mình lên đường tiến-hóa, dân-trí đã mở, rồi việc khác mới có thể làm được. Định-kiến như thế, toan cùng một hai người đồng-chí bàn-bạc cách làm. Ở Kinh ít lâu, có ý mong trong đám quan-trường, kịp biết không làm gì

được quyết bỏ quan đi tìm kẻ đồng-chí ; xảy gặp ông Sào-Nam xướng thuyết bài-ngoại, cả nước xua theo, (thuyết bài-ngoại rõ ràng mà dễ hiểu, lại là thói quen trong lịch-sử, nên người ta ưng-thích nhiều ; thuyết dân-quyền tự-trị mới mẻ, ít người hiểu, và trong lịch-sử thuở nay không từng thấy, lại hay xúc-phạm đến quan-trưởng, nên nhiều người không ưa, không ai hỏi đến, chỉ có một hai người có tư-tưởng tân-học cho là hiệp-thời mà thôi. Trong quyền sách liên-lạc các việc, tiên-sinh nói rõ ràng lắm); tiên-sinh biết ông Sào-Nam là một tay hào-kiệt, muốn dung-hiệp nhau mà không muốn phản-kháng nhau, thẳng sang Nhật-bản cho giáp mặt mà bàn-bạc mấy điều yếu-kiện và tỏ với ông Sào-Nam biết công việc mình sẽ hành-dộng trong nước. Ở Đông về, gởi thư cho chánh-phủ Pháp mà phản-đối với quan An-nam, nghĩ rằng Chánh-phủ bảo-hộ có thể thiết-hành cải-cách cho nước mình chăng ? Đến lúc đi Tây, biết quan-lại cai-trị bên này không có thành-tâm cải-cách, nên tỏ ý-kiến sang bên Pháp có ý liên-lạc người Pháp người Nam dựng làm việc cải-cách. Rủi đâu cuộc Âu-chiến xảy ra lôi-thôi đến mấy năm, trăm việc cũng phải đình-dốn cả, ai còn nói đến chính-sách bảo-hộ, mà chính thân tiên-sinh cũng vì việc đó mà bị khốn-nạn cực-khò. Trong mấy năm đó, người Tây người Nam, hầu như quên tiên-sinh là người thế nào, mà chủ-nghĩa tiên-sinh gần như đá chìm đáy biển, mây tan giữa khoảng không, nước cũ vẩn-vơ hờn, thân già xơ-ngả bóng, chỉ có một cái chết để tỏ tâm-sự mình là xong ; buồn bực biết chừng nào !

Cuộc Âu-chiến vừa lặng, tiên-sinh đã có lòng muốn về nước, nhắm-nhĩa thời cơ, ngồi buồn nóng ruột, thoát dương trong lúc tịch-mịch vô-liêu, trời khéo đưa giá như Tây đến, giúp cho tiên-sinh một cái đề-mục làm cho chủ-nghĩa mình sống lại ; trong cuộc cờ bí, thoát được một nước cờ tiến, tiên-sinh biết thời-cơ không bỏ qua được, đứng dậy la to, một tiếng sấm vang, tứ bề sóng dậy, từ đó người Tây người Nam, trong cơn mắt lại thấy có tiên-sinh ; bọn Âu-học thiếu-niên lại tỏ ý hoan-ngheh, cái chủ-nghĩa bình-sinh (xướng minh dân-quyền, phá chuyên-chê) đã gần chìm dưới vực sâu, chỉ một vọt mà lên tận trời xanh, ai ai cũng trông thấy rõ cả ; tiên-sinh từ đó có thể về nước, cùng anh em đồng-bào mở mắt bắt tay vậy. Hai bài diễn-thuyết tại hội Thanh-niên Saigon, chẳng qua là đem tâm-sự bình-sinh cùng cái chủ-nghĩa mà mình đã đeo đuổi hơn hai mươi năm nay tỏ cho quốc-dân rõ đó thôi ; song thiếu vẫn không được, là vì có hai bài kết-luận đó mà công việc ngày trước, trào non vượt biển, tay viết miệng van, vào quỹ ra thăm, đông xong tây đột, đều có một cái thật-dịa ăn làm, không phải đi không chạy

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

quấy vậy. Than ôi ! Công tuy chưa thành mà trong cuộc sống gió nhầy trời chông gai đầy dất, trăn gay nghìn khó như thế, hy-sinh cả thầy, chỉ đem một mình mà mở một con đường cho đồng-bào ta sau này ; thật là một người đại ân-nhân ta vậy.

Tiên-sinh trước thuật nhiều lắm, đều có bản, có lẽ nên in thành bản riêng chia ra từng loại, cho tiện truyền-bá, còn dặt-sự xin phụ theo sau này.

(Xin xem bản *Phan-Tây-Hồ vãn, tập tn ở trên*)

PHAN-TÂY-HỒ TIÊN-SINH DẶT-SỰ

Dân nước văn-minh có một cái tâm-lý sâu-xa, khác hẳn những dân nước hèn là : sùng-bái anh-hùng. Đối với một người ái-quốc, không những tượng đồng bia đá, sử truyện kỷ-niệm, phiêu biểu cái công-nghiệp danh-dự của người ấy, mà cho đến một nét bút, một câu thơ, một tấm ảnh lu, một tờ giấy rách, cũng trân-trọng gìn-giữ, như một vật quý-báu nhất trong thế-giới đề mà tỏ ý sùng-bái người danh-nhân. Xem thế thì biết quốc-dân có cái đặc-ánh sùng-bái người ái-quốc mà sau người ái-quốc mới xuất-hiện ; nước mạnh dân khôn, nguyên-nhân cũng nhiều mà tâm-lý ấy là một cái quan-hệ to-tát vậy.

Nước Nam ta ở khoảng đầu thế-kỷ hai mươi này, chìm dưới vực sâu, nòi giống tiêu mòn, non sông vắng-vẻ, từ người ngoài xem vào thì cho là không còn có anh-hùng nào, song từ trong nước mà xem, thì không gọi là không có được. Từ nay về sau chưa biết có xuất-hiện ra được người nào, chớ từ đây trở lên trong khoảng hai mươi năm nay, ngoài ông Sào-Nam ra thì Phan-Tây-Hồ tiên-sinh thật là một người quan-hệ, không có không được, mà đáng cho là người anh-hùng vậy. Lịch-sử tiên-sinh xuất-bản đã nhiều, duy có bình-sinh dặt-sự, nhiều điều có giá-trị đủ làm gương cho người sau, không phải người thân-thiết thì không ai biết ; vậy lấy theo tâm-lý quốc-dân đã rõ trên, lật ghi thành tập, phụ theo truyện này, công-hiến cho đồng-bào ta xem, tưởng cũng nhiều người hoan-nginh lắm, vì một đời người anh-hùng, bất kỳ điều gì cũng có vẻ khác người tầm-thường vậy.



1. — Tiên-sinh nhỏ mồ-côi mẹ, trên mười mấy tuổi lại mồ-côi cha. Anh lớn là Phan-văn-Cừ dài-đương chính-dốn việc nhà, mà cho tiên-sinh đi học. Tiên-sinh ở nhà thờ anh như cha, chị dâu như mẹ, chớ đến ba mươi tuổi đầu, thân đăng khoa-giáp, mà trong gia-dình không có việc gì không hỏi đến anh



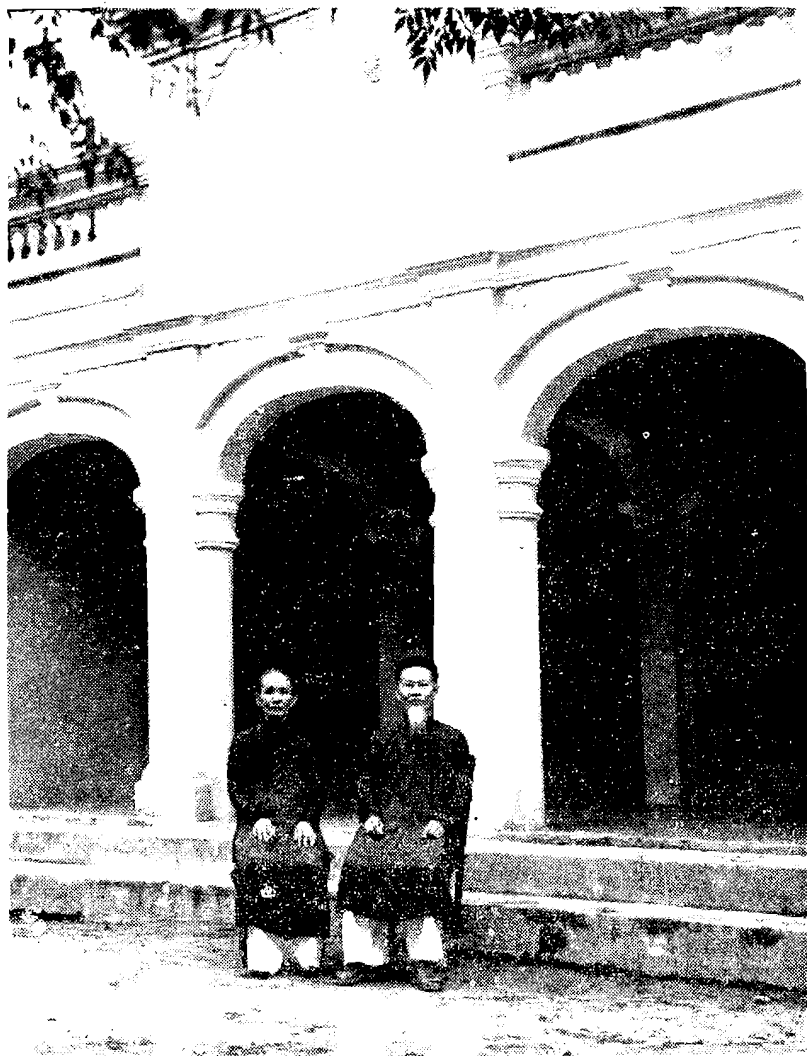
Cụ PHAN-CHÂU-TRINH
(1872 — 1926)
Hình chụp hồi 1926



Hình vẽ hồi 1911 khi cụ được
tha từ Côn-dảo về Mỹ-Tho. (40 tuổi)
Ông Couzineau tham-biện Mỹ-Tho, chủ-tịch hội-đồng
chính-phủ thuộc-địa Pháp đã nói : « Tôi thay mặt tất cả
dân nước Đại Pháp, trả cái tự-do lại cho ông ».



*Hình vẽ cụ bà Lê-Thị,
Mất hồi 1911, sau khi cụ ông được tha về Mỹ-Tho ít lâu.*



*Trước đền thờ cụ Phan ở Đà-nẵng
Con rể (Lê-Ấm) và con gái lớn (Phan-Thị Châu-Liên)
hai người đã có công giữ tác phẩm Giai-Nhân Kỵ-Ngô của
cụ Phan và tác phẩm Phan-Tây-Hồ tiền-sinh lịch-sử của cụ
Huỳnh, suốt 39 năm ly loạn.*



Hay là gặp buổi trời mưa.
Cầm đình rồi lại phước vì mưa đông,
non sông đã xẻ vông hồng,
Khách chài nan bước chèo dòng rất bay.
Từng thuyền chèo cùng với thuyền
Đời đời trở gót sang Tây Ba về,
Đời Hoàng bang như mây che,
Giò chiều leo lắt bên bờ quanh hie,
Lòng càng thêm thức chơn chĩa,
ngắm ngư-tộc Cảnh trần chừa nư-thư,
Thi rằng:

Gió chồm phù bi hững hờ, nghìn
 khe tảo động tề như nước chảy
 mây tầng chuang vung chim rập rờn
 một vùng trắng bạc. An lạc Long
 Đông không định chốn sầu
 mảnh đất chưa tiêu giãn nỗi đau
 một cuộc nên hi. Trời càng hết
 xiết bao một trắng liết xưa nay
 Làn la quơ dăng ngàn mối
 Gió đưa mặt mẹ như bay liệp lòng
 Chuyền Con một chiếc giao thừa
 nơi khe dòng nước Cáo Ca Sông dề
 Làn làn tím xanh tảo phù, Làn
 anh đào đời Cáo Ca một vùng hiu

Một trang bản thảo sách Giai-Nhân Kỹ-Ngộ
Tác giả đã viết vào vở học trò. Trên đầu trang lại có vẽ
một cảnh tả trong truyện. Cảnh vườn hoa, có người con trai
đội mũ cao (Tán-Sĩ) và một bóng người con gái (Hồng-
Liên) ở trong đi ra.

lúc, thì lúc không bằng giúp một số, và lúc nào thì lúc
 này lại đến một số đến rồi, thì này không bằng số, thì tại
 không chịu nhận với đôi lúc tại một lúc này quân sự cũng
 thì đã chi sang rồi, lúc này cũng giúp một số nữa
 và lúc chúng biết nó được mấy tháng, mấy năm rồi hết
 rồi chúng lại nhận đây một số giúp một số, cũng tại
 nhà của tôi cho, thì quân lính phải biết xác họ ở
 và tại không nhận của chúng nữa,

Tham mưu

Ngày 19 tháng 5 - 1915

Juge au Conseil de Guerre
 Monsieur Capitaine Calver.

Monsieur

Bài thơ primumque của con tôi gửi cho
 tôi ngày 11 tháng này, được quân lính giam giữ ở đây
 • 6 ngày rồi, quân lính mới đưa giấy cho tôi, 3 ngày thì
 quân lính lại bắt chúng con lại cái này, tôi
 gì cả sao? sao quân lính giam giữ con tôi ở đây
 ác như thế? thì thì tại họ giam giữ con tôi
 mà không cho chúng con biết quân lính giam giữ con tôi
 có một mặt cái này, tại đây quân lính mới đưa giấy
 ngày tháng, hôm nay tại đây quân lính, thì đây là

Bút lịch và chữ ký của cụ Phan

Trong một bức thư cụ viết gửi cho viên giám ngục
 Santé ở Pháp khi cụ bị giam. Trong có những câu : « Tôi
 nói cho quan lớn biết, quan lớn không xứng đáng là người
 thay mặt cho nước Pha-Lang-Sa... »

1226 1/2

[illegible]

Đã có gì rồi. - Thưa ư! Không phải là
đúng mà tức là ra! Thì Phan Bội Châu
là một người như thế, vậy mà ông cả
mới từ năm xưa, chia làm mấy phần, lại
gặp lại, trước là bị bắt rồi lại một người
sau cùng là Phan Bội Châu, ông cũng là
một người học gia đời này, ông cũng là
một người học gia đời này, ông cũng là
một người học gia đời này.

Feb 21 1896

Chengdu East Railway

Bút tích và chữ ký của cụ Huỳnh
Trong bài viết Phan-Tây-Hồ tiên sinh lịch sử
Bài viết từ năm 1926 vẫn dấu kỹ đến nay mới công bố
cùng với sách này.



*Hình phóng to gấp rưỡi hình vẽ thật trên dầu trang
bản thảo Giai-Nhân Kỳ-Ngộ.*

chị. Nhà có bà thứ-mẫu thường cùng bà chị dâu rầy-lộn, hai đảng không chịu thua ; được tiên-sinh một lời nói tức thì hoà-thuận nhau như không.

2.— Tánh hay vì người ta gỡ chuyện rắc-rối, có cái thói như sách-sĩ đời Chiến-quốc : anh em có điều gì khốn-nạn không phân-giải được, tiên-sinh tới phân-giải một đôi câu là im ngay ; nhiều khi người ta biện-chiết trăm ngàn câu mà không rõ-rạch được, thì sao cũng mời tiên-sinh, vì tiên-sinh nói nhập tình nhập lý, lời-lẽ rõ-ràng nên đàn bà trẻ con, ai cũng hiểu được mà thích nghe nữa.

Tiên-sinh thích xem tiểu-thuyết Liêu-trai, Thủy-Hử, Hải-dục, Tây-du, Kỳ-quan-tình-sử (đều sách tiểu-thuyết xưa) cho đến những thứ tiểu-thuyết mới, nhiều thứ thuộc lòng mà kể chuyện lại hay lắm. Đồng một truyện đó, người ta kể thì ngồi mà buồn ngủ, không muốn nghe chút nào, đến tiên-sinh kể thì có đầu có đuôi, có tăng-thứ, có hứng-thú, ai nghe cũng thích như xem một lớp tuồng hay. Vì thế nên từ văn-bằng học-hữu, đến bồi bếp phu xe đều chờ tiên-sinh là ông vui chuyện.

3.— Tiên-sinh có tính không chịu khuất, không kỳ người bậc nào, lấy điều trái lẽ mà gác mình, thì cự lại ngay, dẫu cho kẻ có quyền-thế cũng vậy. Lệ thường học trò quan huyện với quan giáo (huấn-đạo, giáo-thọ, là quan dạy trong một huyện một phủ ; quan đặt ra có quyền thủ-xả học trò trong lúc khóa hạch), không kỳ mình có học hoặc không học với quan đó, đến kỳ mừng năm ngày tết phải có lễ thức-tu (lễ học trò yết thầy) tới làm lễ tết thầy. Một ngày nọ tiên-sinh cùng hai người bạn, bưng một mâm gạo trên đặt ba quan tiền tới trường xin vào yết-kiến quan huân ; tên hầu cửa xem thế liếc mắt ngó một cái rồi đi vào, (có ý ghét lễ ít-khác với học trò khác ; thường-thường đến kỳ khóa-hạch là mùa của quan huân quan giáo, học trò không những tết nhưt hậu lễ mà thôi, lại còn lo-lót nữa vì muốn cho lấy mình đồ. Học đồt mà lễ nhiều cũng đồ được, ấy thói thầy dạy cùng học trò nước ta, đến bây giờ vẫn còn, chán chưa 1). Gó cửa không thấy ra, tiên-sinh gõ cửa đại, làm như tuồng muốn xô mà vào ; tên hầu ra ngăn-trở rằng quan có khách và la lớn rằng trò này vô lễ. Tiên-sinh giả làm dưng tên hầu một cái xây tay đồ mâm gạo, lật tiền đi về, quan huân nghe tên hầu bẩm giận lắm, tur giấy vào huyện xin quan huyện bắt tiên-sinh trị tội. (Anh huyện lúc đó là Hồ... một tay ác có tiếng, thường bắt người vô tội giam phạt, ăn tiền mới thả). Huyện nọ nghe lời quan huân, hạ trát cho sai-nha tới bắt tiên-sinh. Ai thấy vậy cũng chắc rằng sẽ bị nhục. Tiên-sinh tự-nhiên ra

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

đi, đem đồ câu theo, đến cầu cổng làng Chiên-đàn (là làng sở-tại trường huấn, đường đi vào huyện phải đi ngang qua), bảo người bạn rằng chiều nay tôi lại câu tại cổng đấy. Đến huyện, anh huyện ta tác-sắc lập-nghiêm nạt rằng : Sao anh là học trò mà lại vô lễ với thầy anh ? Tiên-sinh nói học trò đã mang lễ thức-tu đến xin yết thầy, sao gọi rằng vô lễ ? Cụ không cho vào và xô đẩy mắng nhiếc, làm ra sự bất lịch-sự là tại tên hầu ; không trị tội tên hầu đó, mà thiên-nộ tới học trò, lại làm phiền tới quan lớn, phải hạ trát văn, phải sai-dịch đi tới tận làng tận nhà, bắt một anh học trò, như nã một tên bộm, ấy thầy tôi đã tự sử vào chỗ vô lễ rồi, quan lớn không cần phải hỏi kỹ nữa. Anh huyện thấy tiên-sinh nói ngay lý thẳng, và xem khí-sắc cứng-cỏi vững-vàng, không thể lấy điều phi-lý mà dọa nạt được, phát lệnh qua loa cho rồi chuyển.

Chiều hôm ấy, tiên-sinh hẳn về câu tại cổng Chiên-đàn. Người ta hỏi sao mà chắc quan huyện không làm điều nhục và giam phạt ? (Giam phạt là một việc chắc-chắn phải chịu, không luận việc gì, tới cửa nha thì thế, nực cười chưa !) Tiên-sinh nói rằng : Hồ là một tay lão-hoạt rành việc lại ; lấy một ông huyện trị một anh học-trò, hơn không ai khen, nếu thua, hoặc có bày việc ra, thì mang tiếng. Huống việc này xuất tự ý riêng anh huấn, muốn cạy thế dọa bày đó thôi, mà bắt coi mặt người ta, tên Hồ... gian-hùng, có chịu ra tay làm thay những việc đó đâu.

Anh huấn ta vì việc đó căm giận lắm ; sau đến kỳ hạch thi, bọn môn-hạ (mấy tên học dốt, đua hót) lại giục anh ta, anh ta thảo một tờ tự với quan đốc-học tỉnh cùng quan tỉnh rằng : tên Phan . . . vô-hạnh và lại con quan ngục chuyên-vận-sứ v . v . . xin đừng cho vào hạch thi. Tờ tự chưa kịp phát, có người nói với tiên-sinh ; tiên-sinh tức giận, đi thẳng tới nơi trọ tìm anh huấn, giữa đám học trò đông, tiên-sinh biện-bác rầy-rà, lời lẽ ngay thẳng, và giọng nói dữ-dội lắm. Anh huấn ta không trả lời được câu nào. Tiên-sinh nói câu cuối cùng rằng : tờ tự ấy phát bố ra, thì là cái thù không đội trời chung, chứ không còn thầy trò chi nữa. Anh huấn có bụng khiếp, tầm tờ tự đó, chỉ bầm miệng mà thôi, rồi cũng vô sự. (Tiên-sinh độ ấy học tại trường tỉnh đã có tiếng, nên quan đốc Mã-Sơn có binh-vực cho).

4. — Ở trong đám quan-trường mà có lòng sợ được sợ mất, sao cũng bị người ta ngu-lộng ; tiên-sinh làm một chức thuộc-viên ở bộ, mà xem cũng như không, nên không ai dọa-nạt được. Một ngày nọ trong cửa ngo-môn

đang bài-thiết Triều-nghi, anh thị-lang nọ bận áo triều-bào, coi quân lính trần-thiết nghi-trượng ; tiên-sinh cầm dù đi ngay vào ; anh thị ta cho là phạm-tất, bảo bọn lính xô ra (vì tiên-sinh không đeo thẻ bài nêu giả làm không biết là ai) ; tiên-sinh cầm dù đưa cả bọn lính ; anh thị ta lại gần, tiên-sinh tay nắm áo bào, cái chống hồi lâu, không chịu khuất ; anh thị ta thấy tiên-sinh khăng-khải, lại sợ xé rách áo bào, không nói câu chi, bọn liêu-thuộc xúm lại phân giải ra. Anh thị ta về nhà giận lắm, rao lên rằng : sẽ dâng sớ tham-cách, ý muốn tiên-sinh tới nói một câu đặng giải xấu với công-chúng. Những bọn liêu-thuộc cũng khuyên tiên-sinh tới nói một câu cho xong chuyện. Tiên-sinh nhất-dịnh không chịu tới, nói rằng : có làm chi nữa, đến mất cái thừa-biện này là cùng ; rồi bỏ đi chơi. Việc cũng ẹm, vì biết tên ngạnh-hán nọ không lấy quan chức có không làm cần, không phải như người khác mà lấy điều tham-cách dọa được.

Lại một ngày nữa, tại nhà ông Đào-Nguyên-Phồ, (đỗ Hoàng-giáp, ở Kinh, ham sách mới lắm, sau làm chủ-bút báo Đại-việt), cùng anh em bàn văn ông Âu, ông Tô (Âu-Dương-Tu và Tô-Đông-Pha đều tay đại văn-hào đời Tống), xảy có ngự-sử Huỳnh... đến, chính lúc bàn luận đang say. Anh Huỳnh ta nói rằng : các anh không phải Âu, Tô, sao dám bàn văn Âu, Tô ? Tiên-sinh vừa chào mà trả lời rằng : cứ như lời quan lớn nói đó, thì chức Ngự-sử triều-đình cũng là hư-thiết đó thôi. Huỳnh mỗ ngạc-nhiên không hiểu, hỏi rằng : anh nói cái gì vậy ? Tiên-sinh nói : không phải Thiên-tử, không được nói việc Thiên-tử, không phải Tề-tướng, không dám bàn việc Tề-tướng, thì chức Ngự-sử không phải là hư-thiết hay sao ? Cả nhà cười ồ lên, anh Huỳnh ta có hơi thẹn.

5.— Tiên-sinh là người thích-thắng, không có cách cần-thử mực-thước như bọn hủ-đạo-dức ; bình-sinh trong trường quan, cỡi sắc, đắm bạc cuộc say, chỗ nào cũng chui mình vào, không thêm trốn-tránh chi cả, song đã biết là lụy, thì tức thì gờ ngựa, không bước vào nữa, không có chút gì là quyến-luyến. Thường bảo ông Nghè Trần (Trần-quí-Cáp, tiền-sĩ trong tỉnh, bạn thiết với tiên-sinh) cùng tôi rằng : người ta lâm vào cái cảnh tình-dục ham muốn, vào trong ấy mà lại ra được, mới là hào-khiết, mới là không nịch ; như các anh là đứng ngoài xa trông vào mà đã sinh lòng sợ không dám lại gần đó mà thôi, nhất dấn vào trong, biết đâu không mê mà bị nó làm lụy mình như các người khác. Ông Nghè Trần thâm phục câu nói ấy, song trả lời rằng : đề cho dấn vào trong mà không ra được, thà không vào

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

là hơn. Một đời tiên-sinh hẳn đã làm được như lời nói. Xin kể một chuyện như sau này :

Ở Kinh ông Hầu họ có một con gái, có tư sắc, biết nghề đàn, nghề thơ, tuổi độ vài mươi, chưa chồng, tường đông ông bướm đi về xon-xao. Một ngày họ tiên-sinh cùng anh em đến chơi ; nàng ấy thấy tiên-sinh dung-mạo khác thường, có lòng ái tài, như Trác-Văn-Quân với Tương-Như (1), cây người ngỏ ý, tiên-sinh cũng nhận lời, song hẹn rằng : đề cáo với phu-nhân nhà đã. Thơ từ thi văn qua lại hơn vài tháng, có ý triền-miên (trong tập thi có mấy bài tuyệt-cú có câu rằng :

Biết đấng danh lưu giữa bụi hồng

Gặp nhau há lẽ một cười không

tức làm hồi đó). Ít lời tiên-sinh về thăm nhà, nàng ấy sắm tiên-vật đưa lên dò, tiên-sinh không nhận, rằng đợi về cáo với phu-nhân đã. Về đến nhà hồi lâu, thấy phu-nhân ở ngoài đi vào, quần áo lang-thang, tay chân bùn lấm, hỏi ra thì đi coi cây ngoài ruộng về nấu cơm trưa, đang đem cho bọn cấy. Tiên-sinh thấy thế, như nước lạnh xối sau lưng, nghĩ thầm trong bụng rằng : cái người trong mắt mình với cái người trong ý mình khác nhau xa lắm, một mai mang người ấy về, biết đặt vào chỗ nào ? Ngẫm-ngĩ một hồi, cái cao-hứng mấy lối đeo đuôi và hăm-hở mang về đó, biến đi đâu mất, không hờ một điều gì ; cái dây tình dăng-dịu bấy lâu, chỉ một lưỡi dao giứt hẳn như không có vậy. Nàng ấy lấy làm lạ, gọi thơ oán trách, tiên-sinh không trả lời, chỉ viết một câu rằng : đừng lấy có ta mà làm.

Than ôi ! sống sắc đắm người, xưa nay biết bao nhiều mà kể ; câu chuyện tiên-sinh đó, thật nên nêu ra để làm gương cho bọn thiếu-niên sau này vậy. (Chuyện đó là tiên-sinh lấy nghĩa-lý mà đoạn tình-dục, chứ không phải như bọn cụ-nội (là sợ vợ) không được đem mà lột miếng).

6. — Nam-du về đi ngang qua Phan-Rang ; người Quản-đạo đó là người Nam-trung, hơi thông chữ Hán, có tánh tự-phụ, khinh người. Tiên-sinh vẫn không quen biết, song nghe người ta nói, vào chơi, đi thẳng vào ngồi nói chuyện. Anh Quản ta lấy làm lạ, tiên-sinh nói : ông quên tôi sao ? sao không có ký-tánh thế ? Anh Quản ta ngồi nghĩ một hồi lâu. Tiên-sinh nói : thông-thả ông sẽ nhớ lại, xin cứ ngồi nói chuyện đã. Tiên-sinh thuật chuyện Nam-du

(1) Trác-Văn-Quân là một người con gái con nhà giàu thấy Tư-Mã-Tương-Như có văn tài, gá mình. (Chuyện đời Hán).

mà nói rằng : trước nghĩ rằng Nam-trung là đất Yên Triệu nước ta (2), chắc nhiều người bị ca khảng khái, nay xem lại thì chỗ thấy không được như chỗ nghe. Nhân đọc cái thư gửi cho Trương-công-tử một đạo (Trương là con nhà thế-gia ở Nam-Trung, ra ở Phan-Rí, chịu giới-thiệu việc Nam-du cho tiên-sinh ; đi vào Nam trước mấy lâu, rồi gởi cho tiên-sinh một cái thư, nói sai lời trước và giục tiên-sinh vào, tiên-sinh viết thư này trả lời và từ đi về Bắc ; đại-khái nói thời-cuộc cạnh-tranh cùng nước nhà suy-sút, nòi giống tiêu-mòn, người cổ huyết-tánh không lẽ ngồi yên được, v.v...). Anh Quân ta biết tiên-sinh khích mình, khen rằng : như ông thật là người có đại chí. Tiên-sinh nói : sinh trong nước Nam ta ngày nay, mà không có lòng lo đến chủng-tộc, thì không phải người nữa, có gì là đại-chí. Quân ta biết tiên-sinh là người khác thường, dãi cách kính-trọng ; tiên-sinh nói tẻn họ rồi đi.

Đến Bình-Định, vào thăm ông huyện Phù-Cát, ông Nguyễn-Quý-Long, ông ấy làm quan mà có tánh thích-thắng, ưa nghe tiên-sinh nói chuyện. Hồi ra về, đưa ra sân, dùng-dăng mãi không chịu rời tay, và sách câu lưu-dẫn. Tiên-sinh đọc liền rằng :

« Lòng nhọc chánh thì vươn, một cái dờn ca nghe dặt dặng ;

Kẻ di người ở lại, hai ta tâm sự phú trời soi. »

Ông huyện mừng lắm, như được một vật quý báu ; từ về xem đặc-ý lắm.

Ra Quảng-Nghĩa, vào nhà ông An-Ba (Bổ-chánh hưu Lê-Kiệt ở làng An-Ba, trước là môn-hạ ông Thạch-Trì Nguyễn-Thân, gần đây thôi quan ở nhà, Thạch-Trì có ý sơ, ông ấy có tư-tưởng mới nhiều ít). Trong lúc nói chuyện, tiên-sinh muốn dẫn tới đường mới, bàn nhân-vật hiện-thời và môn-hạ Thạch-Trì ; tiên-sinh nói : môn-hạ ông Thạch-Trì không có người.

— Sao mà ông biết ?

— Tài-lược oai-vọng như Thạch-Trì và cầm quyền nước đã lâu, mà không làm được công-danh sự-nghiệp lớn-lao, chỉ rút cuộc đến phú-quý một mình mà thôi ; môn-hạ có người sao lại như thế ?

— Ông có chỗ chưa rõ, sao lại không người.

— Dầu có thì Thạch-Trì lại không dung được.

An-Ba nghe câu ấy, đặc ý vỗ bàn đứng dậy cả cười mà nói rằng : Thật có như lời ông nói đó.

(2) Yên Triệu : là hai đất nước Tàu, nhiều người hào-hiệp.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

Than ôi ! Chỉ vài câu nói mà ông An-Ba trở nên một người tàn-nhân-vật, chết về việc dân-biến năm 1908. Nghe nói từ lúc gặp tiên-sinh về sau, tới đâu cũng nói chuyện tiên-sinh mà xưng-tụng luôn.

Ông Đề-Thám cứ đất Phồn-Xương, hơn hai mươi năm, tiếng lừng cả nước ; những người tới đó, ai cũng khiếp oai ông ta, chỉ tán-dương nhằm mà không dám khả-phủ gì, và có kẻ đua hót nữa ; tiên-sinh tới ngồi ngay nói chuyện, biện-chiết rành-rẽ, nói ngay rằng : phải mở-mang cơ-cuộc ra thế nào, chớ cái thế thì không tồn-tại được. Môn-hạ Đề-Thám nhiều người không bằng lòng, mà ông ta thì kính-trọng tiên-sinh lắm ; muốn cầm ở lại giúp việc, tiên-sinh từ đi. Sau ông ta nghe tiên-sinh bị bắt tại Hàn-ôí, bảo bọn môn-hạ rằng : nếu ông ấy nghe lời ta ở đây, đã khỏi bị nạn. Không dè tiên-sinh đi được vài năm mà đồn Phồn-Xương cũng tan, hẳn như lời tiên-sinh đã liệu trước.

8.— Sang Nhật-Bản về, người ta đồn ầm lên, anh em có bụng ngại ; tiên-sinh biết dám quan-trưởng sao cũng mượn cái cơ người bảo-hộ nghĩ làm điều, mà sinh chuyện. Về Huế về tỉnh, tiên-sinh cứ thẳng vào quan Annam, xin phái người dẫn tới tòa Khâm hoặc tòa Sứ, có việc cần muốn nói với quan bảo-hộ. Quan Annam không biết có gì không chịu phái dẫn. Về nhà làm một bức thơ trong kẻ tình-tệ quan Annam cùng thời-cuộc nguy-hiểm v.v., gởi thẳng cho Toàn-quyền Khâm-sứ. Quan lại Annam không biết, còn có ý rình dòm cho người tới thám.

Tiên-sinh muốn tới nói chuyện với Công-sứ tỉnh, lại nghĩ rằng đường đột đi tới, có lẽ người ta khinh-dễ. Tiên-sinh viết một cái thơ, cậy người quen dân giáo đem tới M... Cổ đạo ở Trà-Kiệu, có ý muốn nói chuyện ; Cổ ấy đã có nghe tiếng tiên-sinh, lại nghe nói đi Nhật-Bản về, và có làm bài điều-trần ; định ngày tới nhà thờ làng Phước-Kiến nói chuyện.

Ông Cổ hỏi tiên-sinh việc đi Nhật-Bản có không ? Tiên-sinh nói : việc ấy khó nói ; nói có thì người ta cũng không tin, nói không thì người ta lại nghĩ rằng có, chỉ tôi biết lấy tôi mà thôi, không phải nói nữa.

— Đi Nhật-Bản thì đi đường nào ?

— Thế-giới giao-thông này, đường nào lại không đi được ; vả tôi nghĩ giáo-sĩ như các ngài đều là người nước văn-minh bên tây, nay sang bên này, ôm một lòng bình-đẳng bác-ái, lo dừ-dắt nhơn-loại, rỏ xét thời-cuộc, nghĩ việc tương-lai, nên tôi muốn hầu chuyện, dặng tỏ tấm lòng uất-ức một đôi

chút, không ngờ ngài lại hỏi những câu, không khác gì hơn giọng quan-trưởng Annam như thế.

Ông Cố biết tiên-sinh có ý khích mình, trả lời một cách lạt-lẻo rằng : nhà tôn-giáo chỉ quản bên phần hồn mà thôi.

— Tôi vẫn biết rồi, song xác đã không còn, hồn dựa vào đâu ? Tôi xem dân nước Nam theo đạo Gia-tô có ba phần trong mười, nhà thờ khắp nơi, dân giáo thành chợ, lại có mấy đức giáo-sĩ văn-minh làm cha làm thầy, chuông sớm trống chiều, không ngày nào không giảng dạy, thế mà xét nghĩ trong dân đó, thì phong-tục hủ-bại, thật-nghiệp sơ-sài, sinh-kế khổn-dốn, không khác gì dân ngoài thỉnh-thoảng cũng có trường học, chẳng qua về phần ít mà những kẻ ở trường ra, thì cũng làm công việc phiên-dịch thường-thường, chưa thấy có người nào mở-mang nền học-thức, làm ra công-lợi cho công-chúng, để làm tiêu-biểu cho dân giáo, làm gương tốt cho người Annam ; có lẽ dân Annam không phải con chung của Chúa Trời, nên dầu có theo giáo, chỉ có sớm, chiều đọc mấy câu kinh, đến ngày lễ tới nhà thờ quỳ nghe giảng mà thôi hay sao ?

Ông Cố . . . biết tiên - sinh có hoài bão khác người bèn nói rằng : ông đã có lòng như thế, sao không tới nói với công-sứ ?... Tiên-sinh nói tôi sẵn lòng như thế, đã làm bức thơ gọi cho Toàn-quyền Khâm-sứ rồi, song có một điều này nên tôi không muốn tới : Quan Tây sang bên này, hàng ngày tiếp-kiến chỉ có đám quan-trưởng mà thôi mà trong đám ấy thì nhiều kẻ ô-mỵ không có nhân-cách, vì thế nên người Tây có ý khinh người Annam, cho sĩ-dân cũng là một bọn như thế, ấy là một điều lảm, nên tôi không muốn tới, và tôi muốn nói là việc quan-hệ đến lợi hại cả hai nước Pháp cùng Nam, chứ không phải việc riêng chỉ tôi ; quan sứ có chịu dãi tôi một cách khác cách dãi quan-trưởng thì tôi mới tới. Ông Cố nói : Để tôi làm giới-thiệu cho. Ông Cố mới viết thư cho Công-sứ tỏ ý tiên-sinh yêu cầu như thế. Công-sứ bằng lòng, định ngày tới nói chuyện, hơn mấy giờ đồng hồ. Từ đó quan Nam không lấy ông Sứ mà nhát nữa.

9.— Mới ra Côn-Lôn, còn giặc tạm trong bagne (nhà ngục), tiên-sinh gọi tiền cho một tên matà nọ mua thuốc giấy, lâu mà không thấy đưa vào, tiên-sinh ra cửa nhà giấy đòi mãi ; tên nọ giận lắm, vu rằng tiên-sinh chửi mắng lính. Gardien chef vào hỏi, tiên-sinh biện-bạch cứng-cỏi. Chef tay cầm roi mây lăm le, tiên-sinh giựt mà bỏ ngay ; anh Chef giận, xin với tham-biện phạt bốn ngày xiềng.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

Theo lệ thường, tù tội ra ở ngoài làng An-hải phải có lý hào nhận lãnh, tiên-sinh ra ngoài, xuất tự ý quan Tây, người làng không nhận không được ; tánh lại ngay thẳng, không chịu khuất như kẻ tù khác, hào-lý ghét lắm. Được hơn một năm, nhân dịp trong bagne có dịch, ngày chết năm ba người ; bọn lý-dịch làng đó muốn trả nũa, lấy cớ tiên-sinh không đi trình-diện đêm, (người tội ra ở làng, mỗi đêm phải tới hương hội trình diện rồi về), kêu với tham-biện rằng : tiên-sinh không tuân lệ làng, lại tánh ngang lắm, nhứt-dịnh trả cho quan, làng không dám lãnh nữa. Tiên-sinh nói rằng : con ma chuyên-chế, con sát cường-quyền, cũng kiêng ông thần tự-do trong mình tao, đồ dịch quỷ làm gì. Tiên-sinh vào bagne ở với anh em mấy ngày cũng bình-yên không có việc chi.

Một ngày nọ, tiên-sinh ăn xong vào trước, (thường thường ở một phòng mở cửa ra ăn một lần, đợi xong hết mới vào một lượt với nhau). Tên cai mà tà cầm khâu chìa khóa đá lên muốn đánh, tiên-sinh thuận tay bắt lấy, quăng một cái, rụi nhảm trán tên cai ấy đồ máu. Cai nọ thua với Gardien chef, chef nói với tham-biện bị bốn ngày phạt ca-sô (cachot ou cellule, hàm kín) rồi tham-biện gọi cho ra ngoài, không ở trong bagne nữa.

10.— Ở bên Pháp, cuộc Âu-chiến xảy ra, tiên-sinh không chịu dương binh, có người vu-hãm, bị giam 9 tháng, sau được thả ra, tiên-sinh làm lấy mà nuôi mình ; thường ở quán khách về từng lâu thứ chín, thứ mười (ở thành Paris, những người nghèo thường ở trên từng lâu cao nhứt, vì ít giao-thiệp với ai, và rẻ tiền hơn) ; sau các nơi đô-thành, phàm lâu cao hay bị nạn trái phả, tiên-sinh ra bãi biển, ở với làng chài lưới ; vào hội câu cá, được tôn làm huynh-trưởng, vì nghề câu của tiên-sinh cũng xuất-sắc lắm.

11.— Ở tây về đến Saigon, đem đồ hành-lý vào thương-chánh kiểm ; quan thương-chánh hỏi tên họ, tiên-sinh nói : đồ của tôi đó, ông hãy kiểm đi, không phải hỏi tên họ. Thương-chánh giận nói rằng : tôi qua Annam đã mười năm, chưa từng thấy người Annam nào như anh. Tiên-sinh nói : tôi ở Pháp mười bốn năm, cũng không từng thấy người Pháp nào như anh. Nói rồi giở túi lấy thuốc hút. Thương-chánh hỏi : sao lại ở đây mà hút thuốc ? Tiên-sinh nói : tôi xem các tờ yết-thị dán đó, không thấy cấm hút thuốc.— Thương-chánh cố cầm đồ lại mấy ngày mới trả.

12.— Ở Saigon, bệnh nằm nhà thương mấy hôm, nằm phòng hạng nhứt như người Tây. Người nhà bếp mỗi bữa ăn, thường mang đến cho

người Tây trước, tiên-sinh biết mà ghi đó ; bữa nọ bảo nhà bếp rằng : ngày mai là phiên phải đem tới tôi trước, nếu không, chú sẽ bị kiện đó. Người nhà bếp sợ, cứ thứ tự mà đem, không dám làm qua nữa.



DỊCH BÀI THƠ ÔNG NGHỀ TRẦN-THÁI-XUYỀN
TẶNG TIÊN-SINH LÚC Ở KINH

(Nguyễn Hán-văn)

*Khỏi nước làng xưa vẫn điếu-ông,
Gió xuân đưa thẳng đến non Bồng.
Hát pha khúc đều tiên cười ngắt,
Mắt nhóm hơi hèm khách trống không.
Sơn phần bàn chơi năm bảy chuyện,
Được thua hứng cũng một đôi sông.
Ngủ-hồ giận bấy thuyền người chậm,
Ngọn sóng chiều hôm dật cửa Đông.*

Huỳnh-Thúc-Kháng.

PHỤ BIÊN

Tiếp theo bản lịch-sử và bản dật-sự của cụ Tây-Hồ mà cụ Huỳnh-thúc-Kháng đã viết và cho chúng tôi, chúng tôi còn lược-lật được trong những tài-liệu của cụ Tây-Hồ mà chúng tôi còn giữ được và những điều chúng tôi còn ghi-nhớ trong những ngày hầu-hạ cụ ở Nam-Phần, nay chúng tôi xin thuật thêm ra đây, để ai muốn biết đời cụ rõ hơn, nhất là khi ở Pháp, thì có thể kê-cứu một phần nào ở đây được. Năm 1926 sau khi cụ mất, Ông quan tư J. Roux có viết thư cho chúng tôi, nói ông sẽ viết một cuốn sách đầy-đủ về lịch-sử cụ, và nói một hai năm mới xong ; vì lẽ riêng, chúng tôi không biết quyền sách ấy đã xuất bản chưa, hay thế nào; nếu sách ấy đã xuất-bản, thì có thể tìm bên Pháp, và chắc được rõ-ràng lắm, vì ông ấy cũng như cụ Huỳnh là bạn thiết đã biết việc cụ nhiều.

Về sách vở cụ viết và tài-liệu để lại, thì trong thời-kỳ Pháp thuộc và chiến-tranh vừa qua, vì sự cất dấu nên hao mất nhiều, những cái còn lại có quan-hệ về phẩm và lượng, nếu có điều-kiện chúng tôi sẽ xuất-bản sau.

Ngày 10 tháng 7 năm 1957

Người thừa kế và sao-lục kính ghi.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

I. — LÚC CỤ TÂY-HỒ Ở PHÁP

1. — Cụ sang Pháp vào khoảng tháng 4 năm 1911, thì bắt đầu ngay vào việc vận-dộng chánh-trị. Cụ đến bộ thuộc-địa và toàn-quyền Đông-dương (lúc ấy đương ở Pháp) đề tỏ bày tình-hình Đông-dương và yêu-cầu cải-cách chánh-sách thuộc-địa. Cụ cũng viết ra thành bài đưa cho chánh-giới nước Pháp, và hội Nhân-quyền Dân-quyền tại Paris. Quyền « *Trung-kỳ dân-biến thi-mạc-ký* », đã dịch ra pháp văn, do hội Nhân-quyền Dân-quyền xuất-bản với cái tên đề là : « *Manifestations de 1908* », là làm tạ năm ấy. Trong đó cụ đã nói rõ :

- 1) Nguyên do vụ dân-biến.
- 2) Tình-hình dân-biến ở các tỉnh Trung-kỳ.
- 3) Cách đối-xử tàn-khốc của chính-phủ đương-thời.
- 4) Biện-bác những oan tình và tỏ-bày những điều gian-dối của quan-lại Pháp và Nam trong những việc trừng-trị và kết án.

5) Cụ lưu-tâm nhất là việc xin tha cho quốc-sự-phạm và xin trừng-trị những quan-lại đã lạm-quyền thừa dịp giết hại nhơn-dân và thân-sĩ, như vụ giết cụ Trần-quý-Cáp, v.v... (Chúng tôi đã theo bản Hán-văn dịch ra quốc-văn, nếu có điều kiện sẽ xuất-bản sau).

2. — « Nhưng mà — lời cụ viết — qua năm 1912, thì các quan thuộc-địa đã bắt đầu ra tay hiệp-đáp tôi. Ngày tháng năm năm ấy, ông Guesde buộc cha con tôi phải ở thành Dieppe, chẳng được tự-do, đi đâu thì phải xin phép. Sự đó vì tôi chống-cự lại, nên không thi-hành được. Nhưng từ đó thì tìm nhiều sự khác, đeo đuổi theo mà khuấy-khỏa tôi mãi : nào là mật thám theo đuổi, đến bây giờ cũng hơi còn, nào là xui nhật-báo xoi bói tôi v.v... »

3. — Năm 1913, sau khi được tin nhà cầm quyền Pháp ở Đông-Dương thông-dồng với Triều-dình Huế đào mả vua Tự-Đức, đề tìm lấy châu báu chôn theo thuở trước, Cụ phản-kháng kịch-liệt ; vận-dộng dư-luận và nghị-viện Pháp chất-vấn chống lại rất sôi-nổi.

Nhân báo Hải-lục-quân Trung-quốc có đăng tin nói việc đào mả ấy là do đảng Thiệu-niên cách-mạng Việt-Nam làm (số 6 ngày 17 tháng 6 năm Dân - Quốc thứ 2). Cụ viết vào báo ấy một bài dài cải-chính, nói rõ cái dã-tâm truyền - thống của người Pháp ở Đông-Dương, đã

dầu độc vua Đồng-Kiến-de lấy số bạc của vua này đã đào được trong cung, đã đầy vua Thành-Thái, đã vợ-vết của quý trong cung-diện lăng-tẩm nhà vua, và nay đã đào mả vua Tự-Đức cách thế nào... Cụ cũng nói rõ : « Chủ-nghĩa của đảng Thiên-niên nước ta, là phản-đối người Pháp, giành độc-lập v.v... »

4.— Năm 1914, sau vụ bom nổ ở Bắc-việt, bọn thuộc-địa vì thù-ghét Cụ, xúi người đảng báo nói Cụ ở Paris diễn-thuyết vận-dộng đồng-bào ta ở bên Pháp, có ý buộc tội cho Cụ... Cụ đảng báo biện-bạch, nhận việc có diễn-thuyết ở Paris và nhân đó nói rõ ý-kiến chánh-trị của Cụ. Cụ nói : « Tôi không hiểu ông ấy nói nghịch (với Pháp) là nghịch thế nào ? Hay là vì tôi đem những việc người Tây bên thuộc-địa Đông-Dương làm bậy mà tỏ ra cho thiên-hạ biết... Không lẽ người ta nói : người nước tôi chỉ có hai cách, một là vác trái phá ném càn, hai là cúi đầu ngậm miệng làm thính, ngoại-giả không ai được phép nhúng vào việc chánh-trị, nghĩ ra một cái chủ-nghĩa gì khác nữa, nếu có thì phải tội... »

5.— Cũng năm 1914 ấy, bọn thuộc-địa vu-cáo Cụ thông-đồng với cụ Cường-Đề, hồi đó ở bên Đức, âm-mưu làm loạn, nên ngày 14-9-1914, Cụ bị bắt giam gần 10 tháng và đưa ra tòa-án Binh xét hỏi. Đảng nghịch muốn thừa lúc Âu-chiến hãm-hại Cụ. Vụ đó đã làm chấn-dộng dư-luận một thời, và càng làm cho người ta thấy rõ cái dã-tâm của thực-dân, vì chính những người Pháp công-bình trong Đảng Xã-hội, nhất là trong hội Nhân-quyền như các ông J. Roux, Marius Moutet, đã đứng ra bênh-vực Cụ, chống lại sự hành-dộng gian-dối trái phép của quân thù.

Ở trong ngục Santé, Cụ cũng không chịu khuất-phục dưới sự hành-hà dọa-nạt của quan thẩm-phán Binh và đã viết nhiều bức thư phản-kháng quan án rất kịch-liệt. Xin trích vài đoạn như sau : «...Quan lớn là một tên quan án gian-dối, thay mặt cho quân thù nghịch tôi, lấy ý riêng mà bắt tôi, giam tôi, thì từ nay về sau, tôi cứ đem lời-lẽ ra mà chống-cự lại với những việc gian-dối không công-bình của quan lớn. . . » (thư số 3 ngày 27-4-1915 gởi quan Sơ-thẩm tòa-án Binh) — « Thằng Phan-châu-Trinh thà chết thì nó xách cái đầu của nó, nó quăng xuống đất như chơi, nó chẳng chịu làm thân trâu, ngựa cho người ta cưỡi trên đầu trên cổ nó đâu !... Tôi thề chết tại giữa buồng giấy quan lớn ; tôi thề lấy máu tôi mà bôi đầy đầu, đầy mặt, đầy cổ, đầy mình quan lớn, tôi bôi cho đỏ cả buồng giấy gian-dối, tối-tăm, hôi-thúi của quan lớn ; tôi chẳng chịu chết mòn, chết rục, chết vắng,

GIAI-NHÂN KỲ-NGỌ

chết thăm ở cái buồng giam 6 — 21 đầu 1 ...» (thơ số 4 ngày 2-5-1915)—
«... Tôi là người không tội, vì người ta thuê nhiều tiền bạc nên quan lớn bắt giam tôi lâu nay, để cho người ta kiếm cách mà giết tôi... Nếu quan lớn còn giam tôi, thì quan lớn là người thù-nghịch thứ nhất với tôi, tôi phải trở cái mũi guơm chống với kẻ thù-nghịch mà chống-cự lại với quan lớn...» (thơ số 5 ngày 9-5-1915).

Quan án bức ép ông Chuyên khai gian cho Cụ, Cụ nói : « Nó nói láo, tôi không nhận » và vạch rõ mẹo gian như sau : « . . . Nếu quan lớn trả lời rằng quan lớn chẳng ép-uổng nó tí nào cả, tự nó muốn khai như thế thôi, thì tôi lại hỏi quan lớn rằng : quan lớn làm quan án xét hỏi được có quan-hệ như thế sao quan lớn chẳng bảo nó chỉ ra một tí chứng cứ nào là lẽ gì ? Như nó nói rằng : nó có rủ học trò tới nhà tôi để lập mưu làm loạn, sao quan lớn chẳng hỏi nó rằng : học trò tên gì ? nó rủ về ngày nào, tháng nào, năm nào ? Nhà tôi ở về số mấy, đường nào ? Như nó nói rằng : người Đức giúp tiền cho tôi dựng tôi gửi cho phe cách-mạng bên An-nam ; sao quan lớn không hỏi nó rằng : gửi bạc giấy hay gửi mandat, gửi ngày tháng năm nào ? Tôi ở số nhà đường nào ? Còn cách tôi gửi cho tụi cách-mạng bên An-nam, tôi làm cách nào ? Quan lớn làm quan án xét việc phải cần chứng-cớ, chẳng phải là quan lớn đi đánh máy thuê, mà người ta nói gì thì quan lớn chép y lại như thế ; có phải là đã bày mẹo gian-dối quan lớn ra đây một lần nữa không ?... » (thơ số 6 ngày 15-5-1915).

6.— Cụ qua Pháp là có ý muốn xem-xét tại chỗ cái văn minh Âu-Tây để đem về truyền-bá cho đồng-bào và trực-tiếp vận-dộng tại Pháp-quốc để thiệt-hành chánh-sách khai-hóa và nói rộng quyền-hạn cho dân Việt-Nam, đồng thời chống lại những điều tệ-hại do chánh-sách ích-kỷ hẹp-hòi của bọn thực dân mà ra. Bởi thế mà nhiều người Pháp có danh-vọng sẵn lòng giúp Cụ đeo đuổi theo chánh-kiến, mà cũng bởi thế nên phe thuộc-địa là phe mạnh hơn, có quyền-hành trong tay thù ghét hãm-hại Cụ. Vụ bắt-bớ giam-cầm nói trên, là một cơ tranh-dấu giữa hai phe ấy.

Trước kia chánh-phủ thuộc-địa có cấp cho Cụ và con Cụ là anh Phan-Châu-Dật mỗi tháng cả hai cha con một số tiền du-học-phí là 450 quan. Sau khi ở ngục Santé ra, thì bộ Thuộc-Địa bảo Cụ phải trở về xứ-sở, nếu không thì không trợ-cấp nữa. Cụ nghĩ rằng : chính tại Pháp mà bọn thuộc-địa còn kiếm đủ cách để làm hại Cụ, huống chi là « về ở một xứ chẳng có phép-luật nào ». Còn muốn giữ số tiền trợ cấp, thì phải cúi đầu chiều lụy,

đó là điều « nghịch hân với cái sự trông mong » của Cụ, nên Cụ « không thể nào làm được » : bởi vậy nên Cụ cương-quyết trả lời rằng : chánh-phủ có quyền không trợ-cấp, nhưng không có quyền đuổi Cụ ra khỏi đất Pháp, vì Cụ là người vô tội.

Thế rồi Cụ ra về. Rờ vào trong túi thì đã cạn rồi ; trong thời giặc-giã, giá sinh-hoạt đắt-dỏ, mà tay thì không nghề gì làm được giữa thành phố Paris ! Làm sao sống nổi cả cha và con ? (anh Dật lúc ấy đương đi học). Vào quán rượu nọ, gặp một anh Tây đương ngồi than-thở van trời om-sòm, hỏi ra mới biết anh ta làm nghề chụp hình. Trong thời chiến-tranh, thì cái nghề chơi ấy cũng khó sống, mà tiền đâu có thể thuê người thợ phụ ! Cụ nghĩ ý muốn giúp không cho anh ta với điều-kiện là anh ta phải truyền nghề sửa ảnh (retoucheur) cho Cụ. Anh ta bằng lòng. Hai bạn nghèo bắt tay vào việc.

Từ ấy Cụ học được nghề một cách mau chóng và kiếm ăn được ; tuy sống một cách khổ sở, thiếu-thốn, nhưng cũng đắp-dồi được qua ngày trong hai năm trường.

Vì sự làm việc quá độ, nên qua tháng ba năm 1917, thì Cụ mang bệnh nặng, phải nằm nhà thương hai tháng. Sau khi ra khỏi nhà thương, sức Cụ còn yếu, không làm gì được, nên buộc lòng phải đem anh Dật ra khỏi nhà trường để kiếm việc làm nuôi sống cả hai. Các ông bạn người Pháp cũng sẵn lòng giúp Cụ, song Cụ không muốn làm phiền người ta về việc cá-nhân.

Về phần anh Dật, thì trong lúc Cụ bị giam, anh phải chạy vạy vất-vã, sau ra làm việc nuôi cha, thì phần vì cực-nhọc quá, phần thì thiếu-thốn các phương-tiện để chống lại với khí-hậu xứ lạnh, nên anh phải mang bệnh nặng ; ở Pháp chữa không lành ; năm 1919, Cụ phải cho anh ta về nước ; Anh về Hànội, rồi về Quảng-Nam, rồi ra Huế ; ở đâu chữa cũng không được, nên đến năm 1921 thì anh mất tại Huế ! Anh là con trai độc nhất của Cụ, tánh nết rất tốt, học-hành rất giỏi. Khi anh mất, Cụ rất buồn, nhưng gởi thơ về nhà, Cụ cũng tỏ lòng khảng-khái bằng những câu, như : «... Thầy chẳng oán trời, chẳng trách người, chỉ nuôi cái khí hạo-nhiên của trời đất phú cho, như lời thầy Mạnh-Tử đã nói v.v...»

7.— Cụ mạnh lại rồi đi làm ăn, hoặc ở Paris, hoặc ở các tỉnh ; mỗi tháng tiền công đã được một ngàn quan. Nhưng bất kỳ ở đâu, bất kỳ khi nào Cụ cũng dễ tâm lo nghĩ đến việc nước ; hễ có cơ-hội nào nói được, viết được

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

hay làm được việc gì có ích cho đồng-bào, cho tổ-quốc, thì Cụ không hề bỏ qua, mặc dầu khó-khăn nguy-hiêm đến đâu cũng không từ-chối. Nếu có thì giờ rảnh thì Cụ viết báo, viết sách, khảo-sát về chính-trị Đông-Dương hay thế-giới... Bọn thuộc-địa, thì luôn luôn deo-duỗi để làm hại Cụ, làm ngăn-trở việc Cụ; họ không từ một sự gian-dối quỷ-quyệt nào để phá-phách, cố ý làm cho Cụ phải khuất-phục mà quay ra đầu-địa họ; thậm-chí người nào giúp Cụ việc gì, hoặc thuê Cụ làm công, cũng bị họ hăm-doạ hoặc hăm-hại. Cũng nhiều khi chánh-phủ thuộc-địa biết không dùng lối độc-ác với Cụ được, lại dùng cách dỗ-dành hay phỉnh-phờ trên-chọc, v.v... xin kể vài việc như sau :

Năm 1918, Cụ đương làm ăn ở Bordeaux, thì tháng 11 ông Capuc, đại-diện chính-phủ Đông-Dương ở Pháp, chuyển cái dây thép của chánh-phủ Đông-Dương cho Cụ, nói : nếu Cụ muốn về quê hương, thì chính-phủ sẽ sẵn lòng bình vực, Cụ bỏ công việc làm và chịu tốn kém về Paris, hỏi lại ông Capuc, thì ông này nói : « Chính-phủ cho hai cha con anh 300 quan tiền hành-lý và hai chỗ xe lửa và tàu thủy hạng về đến Annam, tôi chỉ biết thế thôi ». Cụ thấy sự trên-cột như vậy thì tức lắm, viết thư cho Toàn-quyền Đông-Dương cự lại.

Năm 1919, Cụ làm thuê ở Pons ; đến tháng 3-1920 gặp tổng-trưởng bộ thuộc-địa là Ô. A. Sarraut ; ông này đưa cụ xem một bản chánh-trị phương-châm Đ.D., hứa-hẹn nhiều việc cải-cách lớn và bảo Cụ chờ khi nào ông ấy trở qua Đông-Dương mới nên về. Nhưng đến tháng giêng năm 1921, ông ấy gặp lại cụ thì có thái-độ khác và có ý dọa rằng : nếu cụ về Đ. D. quan Annam sẽ chực đó mà làm thịt. Cụ trả lời ngay rằng : « miễn là quan lớn đừng ra tay giúp chúng nó, tôi sẽ sẵn lòng đem cái đầu tôi về Annam và xem thử ».

Từ đó cụ muốn bỏ nước Pháp mà đi, nhưng các ông bạn cụ như ông Babut lại khuyên cụ ở lại và vận-dộng cho cụ được chỗ làm việc ở trường dẫu-xảo thuộc-địa ở Marseille, mỗi tháng 650 quan (tháng 11 năm 1921) nhưng lúc đó chánh-phủ thuộc-địa quyết-định việc đưa vua Khải-Định qua Tây để làm trò hề, xưng-tụng chánh-sách thuộc-địa và mượn cớ để khoe-khoang với nhân-dân Pháp và thế-giới, mà củng-cố nền quân-chủ chuyên-chế làm bù nhìn cho thực-dân giựt giây, đặt để áp-bức dân Việt-Nam. Cụ viết báo công-kích việc ấy kịch-liệt và vận-dộng nghị-viện Pháp chất-vấn chánh-phủ ; vì vậy bọn thuộc-địa ở dẫu-xảo làm khó dễ với cụ, và buộc cụ đừng viết

về vua Khải-Định nữa ; nên tháng 4 năm 1922, cụ biên thư từ bỏ ngay, không làm việc ở đó nữa.

Đến tháng 5 năm 1922, nhân lúc vua Khải-Định sắp bước chân lên bến Marseille, tổng-trưởng thuộc-địa A. Sarraut lại đòi chiến-thuật, dăm ra giổ-dành cụ : bao nhiêu ý-kiến cụ về việc chánh-trị Đông-Dương và lời cụ yêu-cầu ông ấy đều nhận cả, và lại bảo người đưa tiền cho cụ nói là tiền riêng của ông ta cho. Cụ cho đó là việc giổu-cột phình-giổ trẻ con, nên không nhận tiền và viết thư chống lại.

8.— Mặc dầu dư-luận chống lại sôi-nổi, phe thuộc-địa cũng cố đem vua Khải-Định qua, để làm đồ dẫu-xảo ở Marseille, và vua Khải-Định cũng cứ được họ giới-thiệu với dân-tộc Pháp và thế-giới là đại-biêu của dân-tộc Việt-Nam ; còn nhà vua thì nghiêm-nhiên tự-đắc, ứng-dụng làm những việc ô-mỵ và diễn những trò hủ-lậu, bêu xấu cho người ta ché cười, làm nhục quốc-thê và dân-tộc. Cụ tức giận càng hơn ; ngày 14 tháng 7 năm 1922, viết một bức thư gửi nhà vua và dịch đăng báo Pháp, rải truyền-đơn kể bày tội của vua, và bảo phải quay về thoái-vị, trả chính-quyền cho quốc-dân ; nếu không thì cụ sẽ cùng nhà vua tuyên-chiến kịch-liệt và nguyện đem cái đầu mình thề cùng với cái chánh-thê quân-chủ chuyên-chế, đồng thời cùng rơi xuống đất ! Theo ý cụ thì đó là việc phải xó ngã cái bình-phong che đậy sự bóc-lột dã-man của thực-dân Pháp, để lộ mặt nạ của chúng, làm cho chúng phải chường mặt ra chịu hoàn-toàn trách-nhiệm trước dư-luận Việt-Nam và thế-giới. (Bức thư ấy cụ Sào-Nam gọi là thư « Thất điều », chúng tôi đương sửa-soạn xuất-bản trong ngày gần đây).

9.— Năm 1922, Cụ ở Marseille, có cùng các bạn đồng-chí như ông Trần-lê-Luật, lập hội diễn-thuyết và chi-hội nhân-quyền dân-quyền cho đồng-bào ta ở Hải-cảng (tháng 9-1922).

Cuối năm ấy cụ muốn bỏ nước Pháp đi du-lịch bên Trung-quốc ; ngày 25-11-1922, Cụ tới sở tuần-hành Marseille xin giấy thông-hành. Bọn thuộc-địa tìm đủ cách ngăn-trở không ehj cho. Cụ viết thư cụ Bộ-Trưởng thuộc-địa và hỏi : « Quan lớn nhơn-danh thuộc-địa nào mà phạm tự-do riêng của thân con người ? Tôi xin hỏi quan lớn có luật-lệ nào ngăn-cấm con người chẳng được kiếm ăn không ?... »

10.— Đồng bào ta ở Marseille phần nhiều làm nghề thủy-thủ dưới các tàu ; nhưng nhà cầm quyền Pháp buộc họ phải có giấy phép của

GIAI-NHÂN KỲ-NGÔ

Hải-chánh mà lại còn phải có chữ ký của đại-diện sở Kiểm-tra ấy, rất là phiền-phức và nhọc-nhã cho người muốn đi làm ăn. Cụ đứng ra chống lại lệ ấy và vận-động nghị-viện can-thiệp ở Hạ-nghị-viện đề bãi bỏ đi (Theo thơ 12-11-1924).

11.— Đối với ông Albert Sarraut là người đảng xã-hội, làm toàn-quyền Đông-Dương và thượng-thor thuộc-địa lâu năm, lúc đầu vì sự giới-thiệu của các ông bạn, Cụ có lòng tin cậy là có thể nhờ ông ấy phần nào để thiết-hiện chủ-nghĩa của mình, sau thấy ông ấy cũng như các ông khác, không thiết lòng gì đối với dân Việt-Nam, thì Cụ đứng ra công-kích gắt-gao ; trong một bài báo dưới cái đề : « Một người đã tự nhận là cha dân Annam — Sự nói một đằng làm một nẻo », Cụ gọi đích danh và vạch rõ : « Cách cai-trị rộng-rãi bên Annam » của ông ấy là thế nào, nói những sự cải-cách giả-dối như viện tư-vấn, luật-pháp, học-hành, sự đầu-độc dân ta bằng rượu, bằng thuốc phiện, và sự đoạt quyền tự-do của dân ta, như tự-do ngôn-luận, tự-do hội họp, tự-do du-lịch, v.v...

II.— VỀ NƯỚC

Nói tóm lại là cụ đeo đuổi theo mãi cái chánh-kiến liên-lạc Pháp-Việt đề trước đi đến tự-trị và sau đến độc-lập. Nhưng liên-lạc không phải là liên-lạc với bọn thực-dân ích-kỷ hẹp-hòi, dua-nịnh, vâng dạ theo họ, mà liên-lạc với những người Pháp hoặc vì thật tình có lòng công-bình, nhân-đạo, hoặc vì thấy xa nghĩ rộng, sợ mất thuộc-địa sau này, mà muốn khai-hóa cho dân ta, dẫn-dắt lên đường văn-minh tiến-bộ. Phe người Pháp sau này cũng đông, nhưng họ chưa được mạnh đủ để nắm chánh-quyền, họ cũng đương tranh-đấu ráo-riết để chống lại bọn kia. Cụ đứng vào phe này, không phải là ý-lại họ để được yên thân đâu ; khi nào bất-dắc-dĩ lắm cụ mới cầu họ giúp mà thôi. Với cái tài tự-lực mưu-sinh, với cái trí khi nào cũng sáng suốt, với cách hành-động rất là cơ-cảnh, với cái can-dảm và cái khí-phách rất hùng-dũng, nhứt là với tấm lòng cương-quyết đeo-duổi theo chí-hướng mình, khi nào cụ cũng tỏ ra là một tay chiến-sĩ tiền-phong của phe chính-nghĩa. Bởi vậy nên phe này càng kính-trọng quý-mến cụ bao nhiêu, thì phe kia càng thù-ghét mưu-hại cụ bấy nhiêu. Vào khoảng năm 1924-1925 thì mặt trận Bình-dân Pháp thành-lập, phe cụ có hơi thắng thế. Còn cụ thì cũng đã mệt mỏi lắm, yếu phôi và có bệnh đau mũi. Tuy vậy cụ không thể bỏ qua cơ-hội thuận-lợi mà không về nước hoạt-động.

Tháng 6 năm 1925, cùng đi với ông bạn thân là ông Nguyễn-An-Ninh, cụ về đến Saigon. Định ở Nam một thời-gian rồi ra Bắc, ra Trung. Nhưng phần thì lo chữa bệnh, phần thì đồng-bào nghe nói, tấp-nập tới thăm và hỏi ý-kiến; đây-dura mãi, cụ không thể nhận lời đồng-bào ở Bắc mời ra được. Cụ ở Saigon và cũng có lúc đi lực-tinh cùng đi hóng gió ở bờ biển. Nhưng bất-kỳ ở đâu, nhà cụ ở cũng thường đông khách; có nhiều người ở Trung và ở Bắc cũng vào thăm hỏi. Cụ không đành từ-khước, và lại cụ cũng nóng lòng muốn truyền-bá kiến-thức của mình là những điều đã ôn-ấp trong lòng vài mươi năm nay, nên từ mai đến tối cụ nói chuyện không ngớt, có khi bỏ cả bữa ăn. Thậm chí có khi đi ngoài đường hoặc trên xe trên tàu, cụ nói chuyện, ban đầu chỉ với một đôi người, rồi nghe cụ nói hay và vui, nên nhiều người xúm lại nghe chặt ních, mất cả trật-tự một hồi.

Đừng tưởng rằng: trong thời ấy bọn tay sai của phe thuộc-dịa đã huơng tha cụ, để cụ nói-năng và hành-dộng tự-do đâu. Họ thấy cụ hấp-dẫn được nhiều người, thì, theo dõi từng ly từng tí, hoặc trà-trộn trong đám người nghe cụ nói chuyện, hoặc theo chân cụ trong lúc ra đường; họ chực kiếm một cơ gì để bắt-bớ, để ngăn-trở. Nhưng mỗi khi họ hành-dộng chán chường thì bị cụ chống cự kịch-liệt, nên họ cũng không làm gì nổi. Đối với những người tới lui với cụ, nghe cụ nói chuyện, thì họ ghi tên vào « sổ đen » và tìm cách kiếm cơ hãm dọa hay làm hại...

Trong đám người tới cụ, cũng có người non gan, sợ tai vạ, nói với cụ rằng « Đối với cụ thì người ta không làm gì được, nhưng mà chúng tôi ở dưới tay họ, thì một tiếng nói cứng, một việc nhỏ mọn, cũng có thể bị họ thù dệt thêm ra mà bắt bớ hình phạt... ». Cụ trả lời: « Miễn là các anh hiểu rõ và có lòng cương-quyết để nói, để làm là được. Còn làm chánh-trị, ở đâu cũng vậy, mà ở thời nào cũng vậy, nếu sợ khó nhọc, sợ hao-tốn, sợ bắt, sợ tù, thì làm sao được? Dân ta bây giờ là dân mất nước, nếu muốn được nước lại mà sợ tù tội, thì làm sao nổi.— Chưa ở tù khi nào, thì còn sợ tù, chớ đã ở rồi thì không sợ nữa. Chúng ta bây giờ cũng nên ở tù cho đông, cho quen, để có đủ can-dảm mà làm việc.— Không phải là nói: liêu mạng để cho họ bắt-bớ mà làm ngăn-trở công việc mình làm đâu. Phải biết chắc-chắn cái quyền tự-do là quyền của mình, không phải xin ai mà có, không phải xin của người ta cho; lại phải hiểu rõ đường lối chánh-trị, phải có trí-khôn sáng-suốt, phải tập luyện tánh-tình và biết cách tùy-cơ hành-dộng, tùy-cơ tranh-dấu, thì mới bảo-vệ được quyền tự-do của mình mà công

GIAI-NHÂN KỲ-NGÔ

việc mình mới khỏi bị ngăn-trở. Ngoài ra khi nào sức mình không chống nổi ; khi nào có sự bất-ngờ không liệu trước được, rồi bị bắt bị tù thì cũng phải cam chịu...»

Toàn-quyền Đông-dương và Thống-dốc Nam-kỳ lúc bấy giờ cũng đều có mời cụ tới, giả cách chiêu-chuộng và khoe-khoang cách cai-trị rộng-rãi với cụ. Cụ nói ngay rằng : « Sao đến bây giờ mà các ông không chịu thả dân Việt-nam đi tới ? Các ông có làm điều gì hay mấy, thì cũng như các ông kéo một cái xe bò đi mà thôi, hễ các ông thả ra thì nó đứng lại ngay ; các ông phải để cho dân tự nó tìm lấy đường, tự ý nó đi lấy, thì nó mới là một dân-tộc sống và tiến-bộ tới văn-minh được.... »

Muốn cho sự hoạt-dộng công-khai được kết-quả sâu rộng, và mở màn tranh-dấu cho được tự-do lập hội, tự-do ngôn-luận chỉ phải « khai » cho nhà chức-trách biết mà thôi, chớ không phải xin phép như lệ thường lúc ấy, cụ cùng các ông đồng-chí lập hội diễn-thuyết tại Saigon, cụ diễn được hai lần, đến nghe có hàng ngàn người. Cụ còn định lập nhà báo, nhưng chưa thành, thì bệnh cũ đã càng thêm trầm-trọng, nên cụ phải nằm một chỗ, không làm gì được nữa.

Nhưng tinh-thần cụ đến lúc tắt thở vẫn còn sáng-suốt luôn. Nam triều cho người vào do thám và tỏ ý nói tốt cho quân-chủ, Cụ vẫn hăm-hét chống cự như thường. Có người tới thăm, có ý an-ủi và tán-tụng, nói lòng quốc dân trông mong ở cụ v.v... Cụ cũng ngày-ngà, nói : « Trông mong gì ở tôi ? Tôi đau yếu ốm-o, chỉ còn nắm xương thể này, thì còn làm gì được ? Việc nước là việc chung của toàn-thể quốc-dân, ai ai cũng phải gánh vác. Các ông sức lực to béo mà không lo, chỉ trông mong ở người khác là tại làm sao ?... » Chính trên giường bệnh, trong cơn nguy-kịch, cụ nghe tin ông Nguyễn-An-Ninh bị bắt, người ta xôn-xao sợ-sệt, cụ nói : « Làm chánh-trị mà bị bắt, bị tù là sự thường, có gì lạ đâu ! » Cũng chính lúc ấy nghe tin vua Khải-Định chết, cụ liền bảo đánh điện-tín cho Khâm-sứ Huế : « yêu cầu đình việc tôn vua kế-vị, triệu tập quốc-dân hội-ng nghị để giải-quyết vấn đề chánh-thề... »

Cụ ước mong mau lành bệnh để thừa cơ-hội hoạt-dộng. Nhưng mà than ôi ! đêm 24 tháng 3 năm 1926 đã là đêm cuối cùng của đời cụ ! Đồng-bào ở Nam sắp đặt lễ tang rất là chu-đáo và trọng-thề. Trong mười ngày có hàng ngàn hàng vạn người tới phúng điếu và chịu tang đủ các tầng lớp nhân-dân. Các đoàn thề ở Trung và ở Bắc cũng gửi đại-biêu vào. Người

Pháp, người Tàu, người Miên, cũng tới thăm viếng. Các nơi xa trong nước và ngoài nước, nhiều người Việt-Nam và ngoại-quốc gửi thư, đánh giầy thếp chia buồn. Liễn đối, băng, văn-tế không thể kể xiết. Ngày 4 tháng 4 làm lễ quốc-táng, có hàng vạn người đủ cả các giới đi đưa. Ở những nơi xa trong nước, nhiều nơi đô-hội đặt bàn thờ, làm lễ truy-diệu, đọc văn-tế rất là bi-ai mà cũng rất là hùng-tráng. Công-nhân các sở tư và công, cho đến học-sinh và công-chức, nhiều nơi tụ-hợp làm lễ hay dự lễ, đề tang. Đồng-bào cũng cúng nhiều tiền đề làm mả làm nhà thờ, trí tự, v.v...

Chánh-quyền thuộc-dịa và Nam-triều thấy lòng người bỗng-bột như vậy, cũng bối-rối tìm cách ngăn-cản không cho làm lễ, hay dự lễ, hay đề tang. Nhưng nhiều nơi cản-trở không được, sinh ra xung-đột, rồi những sự trừng-phạt đã làm cho nhiều người bị lụy và gây ra những vụ học-sinh bãi-khóa, những vụ đình-công các sở công hay tư, v.v... Từ đó về sau, lòng người trong nước càng thương tiếc cụ bao nhiêu, thì càng phẫn-khởi bấy nhiêu, mà tinh-thần quốc-gia chủng-tộc nhưn đó cũng một vọt mà lên cao vọt.

Ôi ! Cái tinh-thần ái-quốc, cái lòng tận-tụy hy-sinh của người chí-sĩ, khi sinh-tiên hấp-dẫn đồng-bào bao nhiêu, thì khi mất rồi, lại càng hấp-dẫn mạnh mẽ hơn ! Câu nói : « tinh-thần bất-tử » thật đúng lắm thay !

Người sao lục

PHAN-THỊ CHÂU-LIÊN



PHAN-CHÂU-TRINH

GIAI-NHÂN KỶ-NGỘ

(Chính truyện)





NÓI RÕ VỀ CÁCH TRÌNH-BÀY SÁCH

Di-sản văn-hóa này là của chung của dân-tộc. Các con tác-giả đã để tất cả tấm lòng thành-kính vào việc giữ-gìn nó suốt ba mươi năm. Đến chúng tôi sửa-soạn để xuất-bản, chúng tôi cũng vì kính-trọng tác-giả và kính-trọng công-trình của các con tác-giả mà giữ cho không mất một dòng chữ nào.

Tên sách tác-giả đặt là Giai-Nhân Kỳ-Ngộ diễn-ca. Danh-từ Anh-hùng-ca là do chúng tôi thêm vào, dựa nơi nội-dung của sách.

Sự chia tác-phẩm ra thành hồi là tự tác-giả chia. Để giúp độc-giả dễ hiểu mà theo dõi truyện, chúng tôi đã đặt thêm cho mỗi hồi ấy một cái tựa. Trong mỗi hồi chia ra thành nhiều đoạn với tựa của đoạn ấy, và mỗi đoạn chia thành nhiều tiểu-đoạn với tiểu-tựa của tiểu-đoạn ấy, cùng một ít lời tóm-lược sự việc xảy ra ở mỗi tiểu-đoạn, đó là công việc của chúng tôi. Mục-đích chỉ là để giới-thiệu tác-phẩm khi tác-phẩm chưa quen thuộc nhiều với độc-giả.

Có mấy đoạn ở giữa truyện, vì lý-do phải trọng sự xây-dựng nhất-trí của tác-phẩm mà chúng tôi đã tách ra để vào phần phụ-lục. Chúng tôi bao tay làm việc ấy vì lòng thành muốn lau chùi viên ngọc quý khi mới đem nó ở chỗ chôn dấu lên, nhất là khi chúng tôi được biết nó là một vị-định-cáo mà tác-giả chưa kịp có thì giờ đọc lại.

Nhiều danh-từ địa-phương, chúng tôi đã để nguyên và chú-giải ở bên dưới. Những điển-tích cổ, kim, đồng, tây, chúng tôi lựa những điển thông thường ai cũng có thể biết thì thôi. Chỉ những điển lạ thì mới chú-thích. Những điển nào chúng tôi không biết, hay còn ngờ thì chúng tôi đánh dấu hỏi (?) bên cạnh, để quý bạn độc-giả ai biết sẽ mách giùm cho mà thêm vào trong lần in sau.

Chúng tôi cũng sửa một vài chữ cho đúng với chính-tả mà số đông bây giờ công-nhận, khiến người đọc khỏi bỡ-ngờ, nhưng chúng tôi chưa nguyên-văn ở bên dưới đề nếu việc làm của chúng tôi sai, thì sau này để tìm ra gốc cội.

Một vài chữ cổ, mà chính bây giờ dùng sai, nhưng vì người ta quá quen-thuộc với cái sai ấy, chúng tôi đã rất khó-tâm mà phải sửa đúng ra sai, theo số đông, nhưng cũng chưa nguyên-văn bên dưới.

Mong rằng công việc làm của chúng tôi có sơ sót sai lạc điều gì thì xin quý bạn độc-giả chỉ-giáo cho.

Chúng tôi xin chân-thành đa-tạ.

LÊ-VĂN-SIÊU

HỒI THỨ NHẤT

GẶP-GỠ GIAI-NHÂN

1.— Chẳng phải nữ-nhi vật-vờ

Chàng chí-sĩ Nhật gặp hai nữ-chí-sĩ Tây-Ban-Nha và Ái-Lan trên đất Hoa-kỳ. Chàng đi chơi State-House tình-cờ thấy hai người đẹp ấy nói chuyện với nhau về cuộc tranh-dấu giành độc-lập của Hoa-kỳ năm 1774.

- Biển Đông xưa có một chàng,*
Tên là Tân-Sĩ vốn trang anh-hùng, (1)
Nước nhà gặp vận truân-hung,
Theo thầy qua Mỹ gắng công học-hành (2)
Sách đèn vui thú cao-thanh,
Non sông Phủ-Bi chung-quanh là nhà. (3)
Nhân khi thông-thủ dạo ra,
Tim-lòi dấu cũ phui-pha lòng đời, (4)
Các cao thừa hững lên chơi,
Xem chuông độc-lập, đọc bài tự-dò ; (5)
Nương song ngắm cảnh sơn-hồ,
Càng nhìn tích cũ thêm vo lòng vàng ; (6)

CHÚ THÍCH.— (2) *Vận truân-hung* : vận truân-chuyên và hung-dữ nói tắt.

(3) *Phủ-Bi* : tỉnh Philadelphie (Bi là phiên âm tiếng phi ; phủ là phủ-thành), một tỉnh lớn vào bậc thứ ba của Hoa-kỳ trên ngã ba sông Schuylkill và Delaware. Tỉnh vừa là một thương-cảng lớn vừa là trung-tâm văn-hóa với những trường đại-học Pennsylvania, những hội khảo-cứu khoa-học mà cũng vừa là một tỉnh giữ một vai trò lịch-sử quan-trọng trong cuộc khởi-nghĩa chống Anh để giành độc-lập năm 1778. Hiến-pháp của Hiệp-chúng-quốc Hoa-kỳ được đem ra thảo-luận tại tỉnh ấy năm 1787 và từ 1790 tới 1800 tỉnh đã được lựa làm nơi đóng đô của chính-phủ Liên-Bang. Hiện trong tỉnh còn tòa nhà State-House, là nơi phát ra bản Tuyên-ngôn độc-lập năm 1776, nay là bảo-làng-viện giữ những kỷ-niệm cuộc chiến-tranh giành độc-lập.

(6) *Nương song* : dựa cửa sổ ; *Vo* : chà xát.

- Quanh thềm chợt thấy hai nàng,
Khăn là che mặt bóng hương nức người, (7)
- Mão giời lông trắng phấp-phời,
Áo the mỏng-mảnh xiêm dài thêu hoa, (8)
- Phong-tư rất bọc hằng-nga,
Cùng nhau trò chuyện gần xa chốn này ; (9)
- « Rằng xưa người Mỹ hiệp bày,
Bắt đầu độc-lập tại đây nhóm bàn, (10)
- Anh-hùng đề dấu giang-san,
Thiệt năm bảy bốn một ngàn bảy trăm ; (11)
- Bồi-hồi đoái bắc trông nam,
Kìa sông Đê-Thủy nọ đầm Táo-Khê, (12)
- Văn-Hà thảo hịch các kia,
Tự-do từ ấy càng bìa lòng người ; (13)
- Xa gần mây nhóm ong rơi,
Giùm lương, giúp vãi, gái trai một lòng, (14)
- Mẹ già quên phận long-đong.
Khuyên con rơi lụy trắng xông chiến-trường, (15)
- Nghĩ tình chinh-phụ mà thương,
Gắn chông bỏ mạng theo đảng binh-nhung (16)
- Thua không nóm, thác không rừng,
Tự-do đầu đảng anh-hùng thơm-danh ; (17)
- Hồ-lang trăm vạn binh Anh,
Bảy năm trời máu thề giảnh tự-do ; (18)

(7) Nức ; sức nức.

(11) 1774.

(12) Sông Đê-thủy : Sông Delaware. Đầm Táo-khê : Hồ Erie (?), hồ ở phía Bắc xứ Pennsylvania mà Phủ-Bí là thủ-phủ.

(13) Văn-Hà : State-House, nhà gác nơi truyền bản Tuyên-ngôn độc-lập năm 1776.

(14) Mây nhóm ong rơi : Người ta theo đông như mây tụ lại, như ong dò tới.

(16) Nguyên văn : trính-phụ. Gắn : gắn bó.— Nguyên văn : gống

(17) Thua không nóm : Thua không bỏ cuộc, bỏ dở hay sao lảng. Rừng : trùn, sồn lộng.

- Mô-Si-Đốn phá ra tro,*
Phủ-Tân khói rã Bì-Đô mây tàn ; (19)
Hoa-Thanh-Đốn một trái gan,
Bình tàn một đạo ra dàn Táo-Khê, (20)
Khi trời lạnh-lẽo rất ghê,
Tuyết sa muôn dặm giá che đầy đường (21)
Bình tàn mà lại không lương,
Hải rau lật cổ đủ đường gian-nan, (22)
Trong khi các tướng luận-bàn,
Thề liêu một trận trái gan mới là ; (23)
Nửa đêm truyền hịch kéo ra,
Cuốn cờ, ngậm thể, tách qua sông Đê, (24)
Phá Anh một trận rất ghê,
Bình-oai từ đấy bốn bề sấm vang ; (25)
Nghĩ tình lúc ấy lại càng,
Mấy trăm tướng-sĩ nghèo-nàn khá thương ; (26)
Giày hư dép rách lang-thang,
Dầm sương đập tuyết đầy đường máu rơi, (27)

(19) *Mô-Si-Đốn* : Tỉnh Boston (phiên âm và biến âm B ra M) thủ-phủ xứ Massachusetts trên cửa sông Charles River. Đảng Tea party ra lệnh Tổng khởi-nghĩa giành độc-lập năm 1773 từ tỉnh này. Đó là quê-hương của B. Franklin, D. Webster, Emerson, Edgar Poe. — *Phủ-Tân* : Tỉnh New-York (dịch sát nghĩa chữ tỉnh mới) trên sông Hudson, 12 triệu dân-cư. Hồi khởi cuộc chiến-tranh giành độc-lập, tỉnh mới có 21 ngàn người năm 1800 lên 60 ngàn, năm 1850 lên 515 ngàn, năm 1897 lên 1 triệu 990 ngàn. — *Bì-Đô* : (phủ đô Bì) cũng là Philadelphie.

(20) *Hoa-thanh-Đốn* : Washington (1732 — 1799) người sáng-lập ra nền cộng-hòa của Hoa-kỳ và là vị Tổng-Thống đầu tiên được bầu năm 1789, tái bầu năm 1793, lại được tái bầu lần thứ ba vào năm 1797 mà ông đã từ chối đề về nghỉ. Nhưng năm 1798 khi có hoạ chiến-tranh giữa Pháp và Hoa-kỳ, ông lại trở ra giữ chức Tổng-chỉ-huy quân-dội. Tên ông được dùng đặt tên cho một tỉnh thành của Hoa-kỳ, tỉnh Washington (gần sông White River) và nhiều tỉnh nhiều làng khác ở Caroline, Iowa, Louisiane, New-Jersey vì những công-lao vào sanh ra tử của ông trong hồi tranh-dấu giành độc-lập. Hồi ấy ông được Hội-nghị Philadelphie cử giữ chức Đại-Tướng Tổng-chỉ-huy quân-dội (1775). Ông đánh lui quân Anh ở Boston đề sau trận thắng ấy, hội-nghị Philadelphie tuyên bố độc-lập (tháng 7-1776). Ông bị thua quân ở New-York (27-8-1776), ông trả thù lại mấy trận đánh ở Trenton và Princetown. Nhưng Tướng Howe chiếm mất Philadelphie, ông lại phải khổ chiến đề qua năm sau mới lấy lại được.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Thương ôi ! ngán nỗi cuộc đời !*
Lạc-sanh ổ-tử ai ai cũng tình, (28)
Cớ chi bỏ xác liêu hình,
Lo đến nợ nước coi mình như không ! (29)
Nghĩ thôi càng nức-nao lòng,
Khen thay người Mỹ thực dòng văn-minh, (30)
Nén chi chống lại cường Anh,
Sửa-sang học-hiệu tập-tành công-thương, (31)
Đựng nên một nước phú-cường,
Bốn phương ngời chữ thái-buồng thông-dong ; (32)
Đời ta còn chút đèo-bóng.
Bao giờ gặp-gỡ đặng phong-quang này ? » (33)
Nói rồi thở vắn than dài,
Chàng nghe thấp-thoảng vào tai khôn dò : (34)
« Là thay đất nước tự-do,
Thuyền-quyển sao cũng âu-lo việc gì ? (35)
Hay là gặp buổi đời suy,
Tân-đình rơi lụy khóc vì núi sóng ? » (36)

2.— Tìm nhau

Xế chiều, khách đã ra về, chàng tức-cảnh ngâm thơ, đề hôm sau bơi thuyền chơi trên sông Delaware, chàng gặp thuyền của hai người đẹp. Thuyền gần sát nhau, hai bên trộm liếc nhau, đề rồi lại vụt xa nhau. Chàng thẩn-thờ thả thuyền cố tìm người đẹp cho được. Chàng lần tới hồ Erié, thấy phong-cảnh nước non người mà tránh lòng nghĩ trước tưởng sau, nghĩ về lịch-sử điêu-tàn của đế-quốc Ba-Tur, rồi lại nghĩ đến đế-quốc Anh trong buổi đương oai-danh lừng-lẫy. Chàng lại gặp trở lại hai người đẹp.

- Non tây đã xế vàng hồng,*
Khách chơi tản bước chim hồng rất bay, (37)
Hừng thừa chàng cũng vừa khuây,
Bồi-hồi trở gót sang tây ra về. (38)

(36) Tân-đình : Sân rồng triều Tân. Dựa theo tích Thân-Bao-Tur sang Tân khóc xin viện-binh đề về hưng phục nước nhà.

(37) Rất bay : rất là tiếng động khi chim bắt đầu xoè cánh bay.

*Đoái trông dáng phủ mây che,
Gió chiều leo-lắt bốn bề quanh-hiu ;* (39)

*Lòng càng thồn-thức chín chiều,
Ngậm-ngùi tức cảnh trời chiều nên thi :* (40)

Đạo chơi Phủ-Bì hứng vờ khuây, (41)

Khe Táo sông Đê khói nước bay ; (42)

Mấy tiếng chuông vàng chim sắp sụng. (43)

Một vầng trăng bạc gió lung-lay ; (44)

Đồng xương không định chôn đầu mất, (45)

Mảnh sắt chưa tiêu dấu hời đây ; (46)

Một cuộc nên hư trời cũng biết, (47)

Xiết bao mắt trắng liếc xưa nay. (48)

*Lần-la qua đặng ngày mai,
Gió đưa mát-mẻ khói bay lập-lòa* (49)

*Thuyền con một chiếc đạo ra,
Nói theo dòng nước cao ca sông Đê,* (50)

*Lần-lần đến ngọn Táo-Kê,
Thấy dòng nước biếc xuôi bề chảy ra,* (51)

*Hai bên rêu cỏ rờm-rà,
Anh-đào đôi cụm lập-lòa đơm bông,* (52)

*Nước trong cá lội đáy sông,
Bốn bề quanh-quê sạch không bụi trần,* (53)

*Đào-nguyên dấu cũ in ngần,
Đời nay kia hời tị Tàn là ai ?* (54)

*Hứng-thì ngấm-nghĩ một vài,
Cầm đầu thả-thoảng qua tai đập-dùi ;* (55)

(39) Nguyên văn : *ráng phủ mây che*,

(41) *Phủ-Bì* (xem lời chú 3).

(42) *Khe Táo sông Đê* (xem lời chú 12).

(43) *Tiếng chuông vàng* : tiếng chuông độc-lập ; *Chim sắp-sụng* : chim tự-do sửa-soạn bay.

(46) *Hời đây* : hầy còn đây.

(48) *Mắt trắng* : đời Tán có người Nguyễn Tích có trông mắt khác đời, khi vui mừng thì lộ ra xanh, khi giận dữ thì lộ ra mắt trắng. (Có chỗ nói là Triệu-từ-Lãng).

(50) *Cao ca* : cất cao tiếng ca trên sông Đê (?)

(54) *Tị Tàn* : kẻ lánh nạn bạo chính triều Tàn-Thủy-Hoàng.

(55) *Cầm* : tiếng đàn.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Gần miền chợt thấy hai kiêu,
Giữa dòng một lá kẻ chèo người tranh ; (56)
Phong-tư thấp-thoảng bóng mảnh,
Xa trông ngõ bức cung-thanh giáng trần ; (57)
Cách chừng vài bước gần-gần,
Nhìn chàng người cũng mấy phần đeo-đai. (58)
Chàng càng tỏ nói tỏ cười,
Nhìn nhau luống những đôi ngờii thấp-thỏi ; (59)
Thuyền qua thắm-thoát như trôi,
Trông theo người đã tách khơi nẻo nào ; (60)
Đôi bờ nước dợn sóng xao,
Trông vờ chàng lại thêm ngao-ngán lòng ; (61)
Nhẫn từ quán khách long-dong,
Phiền-ba lần-lữa bụi hồng bấy lâu, (62)
Nào người tuyết-nguyệt phong-lưu
Thiên-thai luống để chàng Lưu thêm sầu ! (63)
Bấy giờ ngẫu-nhĩ gặp nhau,
Nỗi lòng càng nghĩ càng xầu như đira : (64)
Mối tình gang tấc khôn đưa,
Sầu này ai có biết chưa chẳng người ! (65)

(56) *Kiêu* : Con gái đẹp ; *kẻ chèo người tranh* : kẻ chèo thuyền người gảy đàn tranh.

(57) *Phong tư* : dung mạo ; *bóng mảnh* : bóng khi ẩn khi hiện như thấy qua mảnh ; *cung thanh* : nguyên là chỗ con vua ở, sau biến nghĩa là nơi đãi các cung tiên. (Truyện cũ chép : ngoài Đông-Hải có núi Đông-Minh-Sơn, trên núi có một cung điện xây bằng đá xanh ngoài cửa có tám bằng bằng bạc đề : Thiên địa trường nam chi cung. Đó là nơi cung điện của con trai lớn của Trời. Vì vậy chỗ thái tử con vua ở cũng gọi là Đông cung hay Thanh cung).

(58) *Đeo đai* : quyền luyện.

(59) *Đôi người thấp-thỏi* : mắt nhìn nhau mà ngượng-ngịu không dám nhìn thẳng mặt nhau.

(61) *Sóng xao* : sóng nước xao động.

(62) *Phiền ba* : phiền hoa nơi đô hội náo nhiệt, đông người rộn rịp ; nguyên văn lần lữa.

(63) — Dựa theo điển tích Lưu-Thần và Nguyễn-Triệu lạc vào động Thiên-thai : gặp tiên.

(64) *Ngẫu-nhĩ* ; tình cờ,

- Chàng càng thơ-thần bồi-hồi,*
Giấy lâu thuyền cũng vội rời lòng sóng. (66)
- Đoái nhìn rực-rỡ trăm bóng,*
Chim oanh thanh-thót gió đông là-đà, (67)
- Mé sông chợt thấy có nhà,*
Bóng từng bóng liêu rườm-rà quanh sân, (68)
- Từ bề vắng-vẻ bụi trần,*
Phong-quang thấp-thoảng cõi thần non tiên ; (69)
- Ghé vào trước cửa đậu thuyền,*
Leo cồn lợi vững tới miền Táo-khê ; (70)
- Cỏ non xanh tiệp tứ bề,*
Cụm hoa cao thấp, bầy dê đứng nằm ; (71)
- Trông về đồng rộng xa-xăm,*
Phất-phơ luồng khói, làm-âm tiếng xe ; (72)
- Bến sông chen-chức tàu bè ,*
Nửa tình nửa cảnh như se mối sầu ! (73)
- Sựt-sùi nghĩ trước tưởng sau,*
Ngùi-ngùi lại nhớ những câu phi-thường ; (74)
- Ba-Tur xưa có vị vương,*
Đem binh trăm vạn tranh-cường cõi Âu, (75)
- Đi vừa giáp cõi Hồng-cầu,*
Núi cao dừng ngựa lắc đầu thở-than : (76)
- Rằng nay hùng-hổ muốn vàn,*
Theo ta vượt biển băng ngàn tới đây, (77)
- Trăm năm xương trắng chất đầy,*
Còn ai sống ở đời này nữa sao ? (78)

(70) Còn : gò đồng nổi lên ở bờ sông ; *Táo-khê* : (xem lời chú 12).

(75) *Ba-Tur* : Perse. Hồi thịnh thời từ 558 tới 332 T.T.L. vị vua mà tác-giả nói đây là vua Cyrus II đánh đông dẹp bắc gây dựng được đế-quốc Ba-Tur hết sức lớn : chiếm Lydie (thuộc về Tiểu Á-Tê-Á) và các thuộc-địa của Hy-Lạp năm 546 rồi đánh về phía đông từ 545 tới 539, đề chiếm Babylonie năm 539.— Sau Macédoine (ở bắc bộ Hy-Lạp) thịnh lên với vua Alexandre (356 — 323 T.T.L.) mới phá tan tành được đế-quốc Ba-Tur ấy.

(76) *Hồng-cầu* : Hồng-hải giữa Ai-Cập và A-Rập.

- Nghĩ thôi cuộc thế lãng-xao,*
Dầu là vương-tướng hiền-hào mà chi ! (79)
Âng-Lê xưa có người thi,
Tên Ma-Hạc-Lãnh một thì tài-danh, (80)
Đương khi trời biển mông-mênh
Trống vờn cổ-quốc động tình chơi-vời ; (81)
Rằng nước Anh thanh một thời,
Oai-danh lừng-lẫy một đời không hai, (82)
E khi vật đổi sao dời,
Tan-tành các cả, rã-rời cầu cao, (83)
Bấy giờ mặc-khách thi-tao,
Tranh tình điệu-cỏ xiết bao 'ngậm-ngùi ! (84)
Nghĩ thôi chàng cũng sụt-sùi,
Bơ-vơ tìm lối lần lui ra đàng ; (85)
Trong khi tìm bước vội-vàng,
Gần-gần chợt thấy hai nàng bên sông ; (86)
Ngần-ngor tiếc lục tham hồng,
Cách trong gang tấc khôn thông tình dầu. (87)

3.— Cử-chỉ bạo-dạn của người con gái Tây-phương

Một người đến gần chàng chào hỏi chàng trước. Chàng thả ít lời xã-giao khen-ngợi sắc đẹp của người. Người hỏi chàng phải là người Tây-Ban-Nha chăng ? Rồi nói chị bạn tôi ngờ chàng cùng quê, nên mong được gặp mà trò-chuyện cho bớt nỗi ưu-tư. Chàng theo chân người đẹp vào nhà, ngồi ngắm cảnh gia-viên rồi gạn-gùng hỏi về thân-thể của người.

- Tần-ngần đứng trót giờ lâu,*
Một nàng sửa áo xốc bầu lại gần ; (88)

(79) *Lãng-xao* : sóng nước xao động.

(80) *Ma-Hạc-Lãnh* : Mahaffy John Pentland (1839 — 1919), nhà bác học Anh chuyên khảo cổ-sử, soạn-giả rất nhiều sách nói về Hy-Lạp, và nói về những bài học hưng-phế trong lịch-sử của các nền văn-minh. Theo giọng trong thơ từ câu 80 đến 84 thì có thể *Ma-Hạc-Lãnh* là ông Mahaffy này. Nhưng tác-giả lại nói là người thi. Chúng tôi tìm trong lịch-sử văn-học Anh không thấy có thi-sĩ nào có tên na-ná với tên *Ma-Hạc-Lãnh*. Có lẽ chữ thi mà tác-giả dùng là chỉ chung người văn-thi.

(84) Nguyên văn : *Chạnh tình điệu cỏ.*

(88) Nguyên văn : *chăn ngăn.*— *Bầu* : cổ áo đứng, vành áo bao quanh cổ.

- Tác vừa hăm tám thanh-xuân,*
Mắt xanh rặng trắng thanh-tân lạ-lùng ; (89)
Màu da mĩa-mĩa giá trong,
Tóc mây giùm-dã lưng ong dịu-dàng ; (90)
Tay cầm nhành liễu xuê-xoang,
Gần xem phong-thê lại càng thêm xuê, (91)
Phong-nghi rất bức thâm-khue,
Bóng sen thấp-thoáng bóng lê là-đa. (92)
Kề chàng chào hỏi lân-la :
Trên sông lúc nầy phải là chàng chăng ? (93)
Chốn này vắng-vẻ sơn-lăng,
Kể tiêu người mục chửa hằng đến đây, (94)
Huống chi cao-quý bức này,
Xưa nay ít kẻ tới đây chơi bởi ! (95)
Xem chàng mặt sắc tóc tươi,
Dám xin hỏi phải là người Ban-Nha ? (96)
*Nghe lời chàng mới thừa qua, **
Tôi người Đông-Hải phương xa học-hành. (97)
Nàng rằng biển thẳm non xanh,
Dặm khơi ai cũng động tình sơn-gia, (98)
Chàng đi muốn dặm đường xa,
Ngày lâu e cũng nhớ nhà lắm chăng ? (99)
Lửng-lơ chàng mới thừa rằng,
Xưa nay ai gặp ở Hằng mấy khi, (100)
Lạc-Xuyên Ván-Mộng đâu bì,
Tô-Hoàng kém sắc Liên-Phi nhường tài, (101)

(90) *Màu da mĩa-mĩa* : tiếng cò của ta có nghĩa na-ná gần giống như... Tóc mây giùm dã : rườm rà, lộ vẻ hoa lệ ra ngoài.

(91) *Xuê-xoang* : tiếng cò của ta có nghĩa lòa xòa (?) *Xuê* : (?)

(92) *Bóng-lê* : hoa lê, chỉ người đẹp.

(94) *Sơn lăng* : tên gọi chung nơi phần mộ đế vương. (Đời Tần gọi là sơn, đời Hán gọi là lăng).

(96) *Ngươi Ban-Nha* : người xứ Tây-Ban-Nha.

(98) *Tình sơn-gia* : tình sông núi nước nhà. (100) *Nguyên-oãn* : lần lơ.

(101) *Lạc-Xuyên, Ván-Mộng* (?) *Tô-Hoàng, Liên-Phi* (?)

GIẢI-NHÂN KỶ-NGỘ

- Cớ chi lánh dấu trần-ai,*
Toan đem mắt trắng coi đời như không? (102)
May đâu ngẫu-nhĩ tương-phùng,
Một cây chung bóng một sông chung thuyền, (103)
Ít nhiều âu cũng nhân-duyên,
Ba-sinh chưa dễ ngẫu-nhiên lạ đường; (104)
Nhớ câu giải-cầu thanh-dương,
Trong khi gặp-gỡ lòng càng ngồn-ngang. (105)
Nàng còn khép-nếp vội-vàng,
Mặt che nhành liễu nhẹ-nhàng thưa qua: (106)
Kìa người bóng liễu đứng xa,
Chàng dẫu nói vậy thiếp đã dám đương. (107)
Nói rồi liền hỏi vội-vàng :
Bữa qua Phử-Bi phải chàng vậy ư ? (108)
Xuôi lời chàng cũng rằng ừ,
Nỗi nàng chàng lại tóc-tơ dám phiền. (109)
Thưa rằng thiếp hiệu Hồng-Liên,
Náu-nương cùng chị trong miền Thương-Làng, (110)
Từ khi Phử-Bi gặp chàng,
Chị tôi nắn-nỉ lòng càng khôn khuây : (111)
Lạ thay cái giống bèo mây,
Bữa qua trong các bữa này ngoài sông, (112)
Ước chi đừng đình chũr đồng,
Bàn duyên giải-cầu bớt lòng ưu-tư. (113)
Nhớ ra lòng lại sinh nghi,
Xem trong tường mặt có khi người làng. (114)

(102) *Mắt trắng* : xem lời chú 48. Vì tích cũ đã nói, khi nào gặp tri-kỷ thì người ta nhìn bằng trông mắt xanh, khi nào gặp khách tục thì nhìn bằng trông mắt trắng. « Thế lúc chị sí đi bạch nhơn dãi chi ».

(105) *Giải-cầu thanh-dương* : Nguyên mùa xuân thịnh về dương nên cây cỏ xanh tươi. Thanh-dương là khí sắc mùa xuân, ở đây là tuổi trẻ. Giải-cầu thanh-dương : gặp nhau lúc dương xuân sắc. Có khi còn nghĩa là gặp nhau trong ngày hội thanh-dương.

(108) *Phử-Bi* : (xem lời chú 3).

(109) *Tóc-tơ dám phiền* : xin lỗi mà phiền hỏi kẻ tóc chân tơ. — *Nguyên-văn* : tóc tơ.

(110) *Nguyên-văn* : náo nường. — *Thương-Lang* : nơi thôn xóm xanh xanh.

(111) *Nắn-nỉ* : khắc-khoài. — (112) *Nguyên-văn* : lạ thay cái dấu bèo mây.

- Lân-la muốn biết dấu chàng,*
Giục tôi lại hỏi quê-hương cho rành, (115)
Bây giờ đã biết ngọn-ngành,
Xin chàng thương lấy chút tình cho nhau. (116)
Nói rồi vội-vã bước mau,
Tới nơi gốc liễu cùng nhau thăm-thì. (117)
Trở ra giục-giã xin đi,
Theo chân chàng cũng tức-thì bước sang. (118)
Cửa ngoài sẵn thấy một nàng,
Xa trông lấp-ló trắng vàng mây che ; (119)
Gần xem trong-trẻo nhỏ-nhe,
Mĩa-mai hạc trắng lập-lòe thêm tiên, (120)
Độ chừng mười chín hoa niên.
Tân-trang đẹp-đẽ sánh tiên Quảng-hân ; (121)
Đủ màu thu-thủy xuân-san,
Nói cười nướm-nở dung-nhan mỹ-miêu ; (122)
Xiêm the vừa thắt ngang eo,
Gót sen thấp-thoảng hương đeo nức người ; (123)
Trong khi chào hỏi thảnh-thơi,
Khác gì thân-nữ ra đời một khi. (124)
Chàng càng động tấm tình si,
Vừa chào vừa then dung-nghi lơ-làng. (125)
Nàng thì cười nói nhẹ-nhàng,
Tay đưa ghế dựa mời chàng ngồi yên. (126)
Chàng ngồi ngắm cảnh gia-viên,
Sóng Đề quanh trước sau hiên Táo-Kỳ ; (127)
Hai bên cây cỏ xanh-rì,
Bóng đào tơ liễu sâm-sí quanh tường ; (128)
Lồng hoa treo cạnh cửa gương,
Một con anh-vô trắng đường tuyết trong ; (129)
Vách treo liễn đối hai dòng,
Phụng-hoàng lan-huệ ngụ trong tánh-tình ; (130)

(127) *Nguyên-văn* : sau liến Táo-kỳ. — *Táo-kỳ* : Táo kê (xem chú 12).

(128) *Sâm-sí* : mọc so le không đều.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

*Ngọc-tiêu gác để trên bình,
Nguyệt-cầm mỗi vẽ phong-tranh đủ điều.* (131)

*Trong khi trò-chuyện dập-dụ,
Phơi gan trải dạ dễ xiêu lòng người.* (132)

*Nhơn khi chợt nói chợt cười,
Cạn-cùng chàng mới cạn bài căn-do.* (133)

4.— Nữ-Chí-sĩ Tây-Ban-Nhà kể chuyện mình

a) Nghe hỏi, nàng ngại-ngần không nói, sau bạn nàng cho biết người chí-sĩ Á-Đông cũng cùng gan ruột anh-hùng cả, chỉ có thể kể hết nỗi lòng mà không phải nghi-ngờ gì.

*Nàng liềm nét mặt buồn xo,
Than rằng : « thiếp cũng ngán cho cuộc đời,* (134)

*Tức vì phận giận vì thời,
Đèn ai nấy tỏ thôi người hỏi chi ! »* (135)

*Chàng nghe ngấm-ngẫm sanh nghi,
Người này chẳng phải nữ-nhi vật-vờ,* (136)

*Hay là se lẩn đường tơ,
Tiếc duyên tui phận nên ngơ việc đời ?* (137)

*Luôn cơ chàng hỏi một vài :
« Các cao bữa trước phải người hay không ? »* (138)

*Trong khi ngẫu-nhĩ tương-phùng,
Thấy người buồn-bã xui lòng sanh nghi,* (139)

*Chẳng hay người bức việc chi,
Tỏ lòng cho kẻ tình-si biết cùng »* (140)

*Thưa rằng : « Trong buổi lạ-lùng,
Lánh nản đâu dám cạn-cùng tích xưa ;* (141)

*Thiếp dầu, chẳng tiếc hơi thừa,
Đã đau đón ruột thêm thừa-thốt lòng. »* (142)

*Hồng-Liên vừa đứng bên trong,
Bước ra rằng : « Thiếp biết dòng Á-Đông,* (143)

(137) Nguyên-văn : hay là xe lẩn đường tơ.

(142) Nguyên-văn : thêm thừa sót lòng.

*Ruột gan cũng máu anh-hùng,
Chị xin kể hết lòng gần xa.* (144)

*Sự-sùi nàng mới nói ra,
U-Lan là hiệu Ban-Nha là làng,* (145)

b) Nàng kể : nước Tây-Ban-Nha phú-cường, sau vua chúa ăn chơi sa-
đọa, dân-tình cực-khò, loạn-lạc xảy ra, triều-dinh lập vua này bỏ vua khác,
Nữ-Hoàng bỏ trốn năm 1868.

*Quê nhà dòng họ vẻ-vang,
Thối người khảng-khải hùng-cường lắm thôi,* (146)

*Xông-pha muốn dìm biển trời,
Tìm ra châu Mỹ cõi ngoài đại-hoang ;* (147)

*Từ ngày mở rộng bản-chương,
Cờ bay bốn biển oai-dương một thời ;* (148)

*Đầy voi ầu cũng đạo trời,
Dưới trên từ đấy chơi-bời không lo ;* (149)

*Thối hư tục nát như tro,
Tiền-Hoàng mê-tin những trò ngu-tăng ;* (150)

*Giữ theo đạo cũ khảng-khăng,
Chỉ dòng đạo mới là thẳng nghịch-thiên,* (151)

*Đem binh từng vạn từng thiên,
Giúp cho vua Pháp giết kiền giáo-dân ;* (152)

*Tới đâu đốt phá không ngần,
Đàn bà con nít một lần phơi thây ;* (153)

(145) *Ban-Nha là làng* : làng đây có nghĩa là quê-hương và Ban-Nha là Tây-Ban-Nha. Nước Tây-Ban-Nha ở Tây-Nam Âu-Châu. Nước ấy đã có một thời hùng-cường. Chính Nữ-Hoàng Isabelle de Castille (1451-1504) đã tán-thành chương-trình dự-dịnh đi vòng thế-giới bằng tàu thủy để tìm Ấn-Độ theo hướng Tây của Christophe Colomb (1450-1506) và nhờ thế mà khám-phá ra châu Mỹ. Triều-dinh Tây-Ban-Nha đã giúp nhà thám-hiềm sứng ống. Cuộc thám-hiềm khởi sự đi ngày 3-8-1492 và trở về ngày 15-3-1493 trước sự hoan-hô nồng-nhiệt của người Tây-Ban-Nha, bởi nhà thám-hiềm đã tặng cho nước ấy cả một thế-giới mới để thành vô cùng phú-túc. Cho nên trong truyện mới có câu 148 và 165.

(148) *Bản-chương* : bản đồ.

(150) *Ngu-tăng* : tiếng chỉ chung người tu đạo ngu-si.

(152) Đây nói về vua Charles II (1665-1700) một vị vua yếu hèn dễ mất Flandre và Franche Comté rồi khi chết lại ký cho cháu vua Pháp Louis XIV là Công - Tước d'Anjou cả 22 tỉnh của Tây-Ban-Nha.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Chánh quyền Cha Cổ cầm tay,*
Nén hương cũng mặc đồ hay cũng dầu ; (154)
Thiếu chi luật nhiệm phép mầu,
Trở nên đồ đẽ đẽ dầu dân đen ; (155)
Càng ngày càng dở càng hèn,
Gà lồng cá chậu ghét-ghen nực cười ; (156)
Hại dân xấu nước đủ mười,
Nước sâu lửa nóng muốn người thác oan ; (157)
Tham-lam bòn vét đa-đoan,
Xưa nay đâu có tân-thoan nổi này ; (158)
Trị dân thì có xiềng dây,
Đãi người thì có roi mây cạnh mình ; (159)
Lại còn tuần-pháp nghiêm-hình,
Tự-do là giấc, nhiệt-thành là gian ; (160)
Dân ngu không chỗ kêu van,
Những người chi-sĩ khôn toan giúp nản ; (161)
Nước nhà pháp-luật tan-hoang,
Trong loạn ngoài giấc trần-lan cõi bờ ; (162)
Cõi ngoài thuộc-địa bơ-vơ,
Âm-thầm lắm chỗ dựng cờ tự-do ; (163)
Trong trào đảng nhỏ phe to,
Năm chia bảy xé còn lo nổi gì ; (164)
Bạc vàng châu Mỹ đưa về,
Mỗi năm ức triệu ê-hề biết bao ; (165)
Ngày đêm mùa hát lao-xao,
Buôn son bán phấn đưa vào hậu-cung ; (166)
Túi tham còn lắm lỗ không,
Chẳng vào nhà-sảnh thời trong chùa-chiền ; (167)
Nước càng hết của hao tiền,
Rừng hoang ruộng bỏ biết thiên văn nào ; (168)
Dân nghèo đói khát lao-nhao,
Cướp ngang trộm dọc ngày nào đáng yên ; (169)

(163) Đây nói về Ý và Hòa-Lan thoát ra khỏi vòng đô-hộ của Tây-Ban-Nha dưới triều vua Philippe V (1700-1746) sau trận giặc 1701-1714,

(167) *Chùa-chiền* : tiếng chỉ chung những nơi tu đạo.

- Hậu-Phi cướp đoạt triều-quyền,
Hoàng-Huynh bị đuổi lánh miền tách xa ; (170)*
- Cầm quyền chẳng Cổ thì Cha,
Tham-lam góp sách phiền-hà xiết bao ; (171)*
- Ngoài thì các nước trông vào,
Trong thì dân sự điêu-dao mặc lòng ; (172)*
- Vậy mà trên dưới thông-dong,
No say múa hát ruỗi-rong chơi-bời ; (173)*
- Cha anh tôi tức sự đời,
Ngày đêm luống những ngậm-ngùi thổ-than. (174)*
- Một mình dốc gánh giang-sơn,
Tìm người trung-nghĩa luận-bàn đặt yên ; (175)*
- Rắp toan bỏ đĩ lập hiền,
Sửa-sang chánh-trị, vẽ-viên nước nhà. (176)*
- Sao cho trăm họ thái-hòa,
Ngậm cơm vỗ bụng chi cha mới đền ; (177)*

(170) Đây là đoạn nói về vua Ferdinand VII tàn-bạo, năm 1820 phải nhìn nhận bản Hiến-pháp năm 1812 của Cortès de Cadix. Sau vua lại được Pháp đặt vững trở lại ngôi chuyên-chế (theo quyết-nghị của Hội-nghị Vêrone 1822). Tiếp đó anh của vua là Don Carlos lên trị vì lại bị truất-phế cho Nữ-Hoàng Isabelle thay, dưới quyền nhiếp-chính của Marie Christine. Marie Christine đặt hết tín-nhiệm vào nhà bảo-thủ Nervey và Tướng Martinez Campos là cha của nàng U-Lan trong truyện. — Trong truyện nói Hậu-phi tức là Marie Christine và Hoàng-Huynh tức là Don Carlos, Dưới triều nhiếp-chính của Marie Christine này, đã xảy ra trận nội-chiến do Carlos bị truất-phế gây ra kéo dài từ 1834 tới 1839, bên phiến-động bị thua. Nhưng trước sức công-phấn của toàn-thể, Marie Christine cũng phải bỏ ngôi nhiếp-chính đề ngày 8-11-1843, Nữ-Hoàng Isabelle được kế là thành niên mà tự cầm quyền cai trị trong nước. Kể từ đó trong nước lại càng rối loạn hơn. Xu-hướng bảo-thủ phản-động dữ-dội và gây nhiều cuộc bạo-động ghê-gớm.

(172) *Điêu-dao* : ta-thần

(177) *Ngậm cơm vỗ bụng* : do chữ cổ phúc nhi ca. Đời Nghiêu-Thuận trăm họ thái bình ăn no lại ca hát vui vẻ.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Năm tám sáu tám một nghìn,
Nữ-Hoàng vua Pháp đưa tin hội-đồng ; (178)
Đặng xa vừa ruỗi xe rồng,
Thình-linh đất dậy ùng-ùng sấm vang : (179)
Quán dân hăm hết đầy ðàng ;
Nữ-Hoàng vô đạo trộm toan tiếm vì, (180)
Chúng ta toan chước ðuổi ði
Tìm người hiền-chủ sửa vì trị dân ! (181)
Tin ong ðồn khắp xa gần,
Phổ-phường thành-thị một lần nhao-nhao ; (182)
Nữ-Hoàng khôn tính thế nào,
Cắp luôn Hoàng-Tử trốn vào Pháp-kinh ; (183)

c) Sự can-thiệp của ngoại-quốc Pháp, Phò vào nội-trị Tây-Ban-Nha ;
và sự cương-quyết của những nhà ái-quốc Tây-Ban-Nha. Cuối cùng suy-tôn
con vua Ý Victor Emmanuel lên ngôi.

- Pháp-Hoàng kiến-cảnh sanh-tình,
Vuốt râu cười gấm mây binh ðã vừa ; (184)
Liên ngày phát súng kéo cờ,
Cắp theo Hoàng-Tử giáp bờ ðồn binh ; (185)
Đưa thơ kể hết nỗi tình :
« Thương vì lân-quốc ðem binh giúp nạn, (186)
Muốn cho mỗi nước ðặt an,
Có ngôi Hoàng-Tử ðịnh-an chốn này, (187)
Nay ta cáo thiết chúng bay,
Bỏ tà theo chánh xum-vầy dưới trên ; (188)
Đóng-Cung rất bọc nhân-hiền,
Chắc hay ðẹp loạn sửa quyền trị-dân ; (189)

(178) Năm 1868 biết thế yếu và hư hỏng của mình, Nữ-Hoàng Isabelle mượn cớ ði dự Hội-đồng bên Pháp mà trốn luôn ở Pháp mang theo cả Hoàng-Tử (câu 183) Nước bắt ðầu không vua và các bè phái kinh chống nhau ghê gớm. Serrano ðược bầu làm chủ-tịch chính-phủ lâm-thời ðể sau phái Lập-hiến Cortès cử làm nhiếp-chính khi có vua mới. Hồi ấy là hồi lộn-xộn nhất. Pháp Phò chiến-tranh xảy ra năm 1870-1871- Cả hai bên ðều muốn có một vị vua ở Tây-Ban-Nha dưới quyền chỉ-phối của mình.

(185) Pháp chủ-trương ðưa Hoàng-thái-tử con của Nữ-Hoàng Isabelle trở lại ngôi tôn câu 185 tới 190. Trong khi Phò ðưa Léopold de Hohenzollern là con vua Phò.

- Ai dầu có chí tự-tân,
 Thời ta cũng mở lưới nhân một bề ». (190)
 Đương khi gió bụi é-hề,
 Nửa phần chi-sĩ theo về Hoàng-Huỳnh ; (191)
 Tôn-vương tức vị đàn-h-ránh,
 Hịch truyền kể hết sự tình gần xa : (192)
 « Xưa nay con gái đàn bà,
 Trộm quyền cướp nước phép nhà nghiêm răn ; (193)
 Gặp cơn quốc-vận phân-vân,
 Dòng sang phe cổ toan phần lợi riêng, (194)
 Để cho phụ-nữ cầm quyền,
 Một tay ngang dọc không kiêng tí nào, (195)
 Hoàng-Huỳnh đức-trọng tài-cai,
 Tim mưu xưa đuổi lao-đao cõi ngoài, (196)
 Bảy giờ trên dưới toại-bời,
 Nữ-Hoàng trốn mất, ngó trời bỏ không : (197)
 Hoàng-Huỳnh chánh-vị đưng-trung,
 Dưới theo lòng chúng trên sùng phép công, (198)
 Lập ra chánh-trị hội-đồng,
 Sửa-sang Hiến-pháp tôn-sùng tổ-tông ; (199)
 Thương quê ai dấu có lòng,
 Xin ra giúp lực long-đong với cùng ; (200)
 Ngàn năm một hội tao-phùng,
 Xin đừng chậm bước sinh lòng ăn-năn ! » (201)
 Quân dân vừa thấy hịch-văn,
 Xa gần nao-nức một lần như sôi. (202)
 Trong khi bát-loạn chi-thời,
 Thơ-sanh lắm kẻ xướng bài tự-do ; (203)
 Những người chí mỏng tài sơ,
 Bực mình tức trí tưởng mơ cộng-hòa, (204)
 Om-sòm một xướng mười hòa,
 Thế như đê vỡ chảy oà khôn be ; (205)

(190) Và trong khi một phái khác trong triều đưa Hầu - Tước Amédée con của Victor Emmanuel lên ngôi (xem lời chú 235). Hoàng-Huỳnh : nói đây là François d'Assise sau lên ngôi lấy hiệu là Alphonse XII (xem lời chú 289).

(198) Chánh-trị đưng-trung : mặt trời đứng ngọ giữa trời. Ý nói chính vì thiên-tử

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

*Cộng-hòa một đảng hai phe,
Kẻ toan chậm bước, người vè nhảy cao,* (206)

*Đua nhau nghị-luận lao-nhao,
Dán đen còn biết lẽ nào là công ?* (207)

*Cùng nhau nhóm mặt hội-đồng,
Định bề quốc-thị ngỏ trống đồ-hồi ;* (208)

*Đầu triều có gã Phong-Lôi,
Đứng lên diễn-thuyết một hồi rất ghê :* (209)

*« Rằng nước ta lắm đảng phe,
Dưới trên nhộn-nhao biết bề nào yên,* (210)

*Ấy là vận nước ngửa-nghiêng,
Hay là giận cũ thù riêng đó mà,* (211)

*Muốn cho trăm việc bình-hòa,
Phải cầu anh-chủ nước nhà mới yên ;* (212)

*Có con vua Phở rất hiền,
Nhánh vàng lá ngọc vẹn tuyền mỗi bên,* (213)

*Rước về ta sẽ lập lên,
Chắc là nhà nước vững bền như chơi ».* (214)

*Mấy lời diễn-thuyết vừa rồi,
Kẻ khen rằng phải, người cười rằng bậy* (215)

*Phe dân mấy kẻ đầu bày,
Nổi gan tức trí tao mầy nói ra :* (216)

*« Vì bằng ngươi muốn thế mà,
Mắc mưu tướng Phở sâu-xa khôn lường,* (217)

*Sao ngươi sợ Phở phú-cường,
Toan lòng bán nước ? thiết phùng phi-nhân !»* (218)

*Trong khi cãi-cọ phân-ván,
Cha tôi đứng dậy một lần thừa qua :* (219)

(208) Đồ hồi : mưu-dồ vãn-hồi trật-tự. Quốc-thị : thề thống quốc-gia.

(209) Phong-Lôi : Serrano (dịch theo sự hiểu theo âm tiếng serrano như tiếng sấm)
Đầu triều có gã Phong-Lôi : Serrano là nhiếp-chánh do phái Lập-hiến Cortès cử.

(212) Anh-chủ : người chủ anh minh.

(213) Con vua Phở rất hiền : Léopold de Hohenzollern.

(219) Cha nàng U-Lan : Martinez Campos, người được Marie Christine tin-nhiệm nhất.

- « Rằng xưa nữ chủ kiêu-ngoa,
 Toan mưu khôi-phục thiết ta chủ-trì, (220)
 Dốc lòng chánh -thống đem về,
 Thanh-thiên bạch-nhật lời thề sáng soi, (221)
 Bây giờ rước chủ nước ngoài,
 Chẳng lo mắc phải mưu người hay sao ? (222)
 Huống chi vua Pháp mưu cao,
 Đóng binh giúp cỡi toan vào hiệp ta ; (223)
 Còn như Hoàng-tử nước nha,
 Lập con bỏ mẹ còn ra thế gì ? (224)
 Hoàng-Huynh tái-đức ai bì,
 Phía nam các lĩnh định-kỳ tôn-vương ; (225)
 Lập-quân dĩ-trưởng là thường,
 Quân-quyền lập-hiến là gương vững bền ; (226)
 Tôi đây dám tỏ mưu hèn,
 Xin người hết sức giúp quyền Hoàng-huynh ». (227)
 Hai bên ý-kiến bất bình,
 Phần nhiều nghị-sĩ thuận-tình họ Phong, (228)
 Định mưu lập chước đã xong,
 Sai quân sang Phở bày lòng đố-i-thối ; (229)
 Đối bên bàn-bạc vừa rồi,
 Pháp-Hoàng nổi giận phong-lôi bờ-i-bờ-i ; (230)
 Đưa thơ qua Phở tức thời,
 Tim mưu ngăn-trở gây bài tranh-đua ; (231)
 Hai hùng còn quyết hơn thua,
 Nước tôi lại rước con vua Ý-Hoàng. (232)

d) Vua mới lại thoái-vị và trở về Ý. Nước lại không vua. Chủ-trương lập lại dòng vua cũ bị bác. Cộng-Hòa lập nên không thành công. Cuối cùng cha nữ-chí-sĩ ủng-hộ và tôn Alphonse XII lên ngôi.

(220) Nữ chủ : Marie Christine.

(222) Martinez Campos phản đối mọi âm mưu rước chủ nước ngoài, không chịu người của Phở : Léopold de Hohenzollern.

(224) Cũng không chịu lập con Nữ-Hoàng Isabelle do Pháp đưa trở về.

(225) Hoàng-Huynh : François d'Assise.

(229) Đối thối : mong mỗi rước về đội mũ lên ngôi.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGŨ

- Phong-Lôi liền bị thác oan,*
Mấy phe dân đảng lăm toan tranh-cường ; (233)
Lửa binh ùn dậy bốn phương,
Chánh-quyền từ ấy ngầy càng thêm hư ; (234)
Tân-vương trăm chước khôn trừ,
Bực mình người cũng vội từ ngôi cao ; (235)
Trong khi giã mặt đại-trào,
Động lòng người kẻ tiêu-tao mấy lời : (236)
« Đã sinh ra kiếp làm người,
Công-danh phù-quý với đời cũng ham ; (237)
Quả-nhân tài-đức bất kham,
Nề vì lòng chúng phải cam nặng-nề, (238)
Tử-tang từ-biệt hương quê,
Nên hư sống chết cũng thề non-sông, (239)
• Mong người giúp việc đỡ công,
Trăm toan dặng tiếng dân hồng nhờ ơn ; (240)
Hay dẫu chuốc dữ cru hờn,
Làm cho đến đổi chánh-quờn phân-vân ; (241)
Quả-nhân lo-lắng muốn phần,
Mong cho lòng chúng tự-tân chút nào ; (242)
Bây giờ phe đảng xôn-xao,
Quả-nhân còn biết thế nào dặng chẳng ? (243)
Ngày xưa còn có câu rằng :
« Về làng áo gấm tình hằng về-vang ». (244)
Nay ta quày-quả về làng,
Mặt nào còn thấy cố-hương cho đành ? (245)
Bấy lâu nước thắm non xanh,
Cùng người trót đã gáy tình thỉ-chung, (246)
Khuyên người thay mặt đổi lòng,
Gắng lo thế nước toan móng điện-bàn ». (247)

(232) *Con vua Ý-Hàng* : Victor Emmanuel do phái lập-hiến Cortès tôn lên ngôi ngày 16-11-1870.

(235) *Đề lại tự ý thoái vị* ngày 11-2-1873 (từ câu 235 tới câu 248). Đó là Công-tước Amédée con vua Ý Victor Emmanuel II (1820-1878).

(236) *Tiểu-tao* : buồn bã.

*Nói rồi luy chảy chĩa-chan,
Trông chừng nước Ý băng ngàn thẳng xông. (248)*

*Triều-đình từ ấy bỏ không,
Bốn phương loạn-lạc còn trông nỗi nào. (249)*

*Cha tôi tắc dạ lao-đao,
Vội-vàng nhóm chúng bàn vào nói ra : (250)*

*« Dân ta say đắm cộng-hòa,
Coi mới cũng khá nhưng mà không hay ; (251)*

*Xem trong thế-giới xưa nay,
Cộng-hòa chỉ có một tay Hoa-kỳ ; (252)*

*Cứ theo lịch-sử mà suy,
Tình dân thế nước khôn bì với ta. (253)*

*Thử xem nước Mặc-tây-ca,
Cũng là đồng dựng cộng-hòa một khi. (254)*

*Nước nhà ngày một suy-vĩ,
Nhồi xương máu thịt ra chỉ đó mà ; (255)*

*Kề năm dặng năm mươi ba,
Đổi thay thống-lãnh biết là bao nhiêu ; (256)*

*Triều-đình trong một mai-chiều,
Dân dẫu được hưởng những điều văn-minh ; (257)*

*Tây-ca vốn thiệt giống mình,
Xem trong quốc-tục dân-tinh như y ; (258)*

(251) Nguyên văn : *Coi dèo cũng khá nhưng mà không hay.*

(254) *Mặc-tây-ca* : Mexique, thuộc - địa cũ của Tây-Ban-Nha, ba lần khởi - nghĩa giành độc-lập bị thất bại : 1810 dưới sự chỉ-huy của Cō Hidalgo ; 1815 dưới sự chỉ-huy của Cō Morelos và 1817 dưới sự chỉ-huy của Javier Mina. Đến 1820 nhân có cuộc cách mạng ở Tây-Ban-Nha, những nhà ái-quốc Mặc-Tây-Ca lại nổi lên. Đại-tướng Tây-Ban-Nha Augustin Iturbide được cử đi đánh dẹp thì lại trở cờ nhập theo nhóm khởi - nghĩa đánh lại quân-dội Hoàng-gia Tây-Ban-Nha và lên ngôi vua xưng là Augustin 1er (năm 1822). Năm 1823 vua bị lật đổ, nước tuyên-bố cộng-hòa và hiến-pháp rập theo hiến-pháp Hoa-kỳ. Nền cộng-hòa được Tây-Ban-Nha công-nhận năm 1831.

(256) *Kề năm dặng năm mươi ba* : Từ 1823, với 53 năm là 1876, rất đúng với lúc lộn-xộn ở Tây-Ban-Nha, vua Victor Emmanuel thoái vị. *Đổi thay thống-lãnh* : Guadalupe Victoria (1824) Guerréro (1829) Bustamenti (1830) Santo Anna (1833) ... rồi (1847) bị Hoa-kỳ chiếm Texas, Nouveau Mexique, Californie, 1858 đảng Bào-thù gây loạn khi đưa cử người làm Tổng-thống. — 1838 bị Pháp bắt chặt đòi bồi thường thiệt-hại vì nội-chiến.

GIAI-NHÂN KỶ-NGỘ

- Nếu nghe theo lũ thơ-si,
Say mê lý-tưởng lợi gì mà mong ; (259)
Dầu cho găng sức hết lòng,
Chánh-quyền lâu cũng về trong gian-hùng ; (260)
Nhớ năm loạn Pháp lạ-lùng,
Lòng người ai cũng ngại-ngùng chữ quân, (261)
Có ông La-Đầu tướng-quân,
Lòng dân găm-ghé định phần thối-tồn. (262)
Tướng quân từ-giã ôn-tồn,
Rằng ta tuổi trẻ chỉ còn cao xa. (263)
Hịch văn người Mỹ mới ra,
Độc rồi đến đôi lụy sa vẫn dài. (264)
Vội-vàng khoác áo hươu tay,
Thề đem ba thước giúp người tự-do, (265)
Ghe phen biển cả một đò,
Ghe phen trăm trận quân cô một mình. (266)
Cộng-hòa Mỹ-quốc xây thành,
Toan đem gương ấy để dành dân ta, (267)
Bảy giờ nhắm lại trông qua,
Tình dân thể nước khác xa muôn nghìn ; (268)
Phải toan rước lập vua hiền, -
Quân-quyền lập-hiến vững bền biết bao ». (269)
« Tướng-quân là đáng hiền-hào,
Mấy lời vàng đá gương treo hắc hòi ». (270)
Nói rồi lụy nhỏ vẫn dài :
« Xưa nay lời thẳng trái tai là thương, (271)

(262) La-Đầu tướng-quân : Công-tước Lafayette (1757-1834). — Thối tồn : giục-giã đề tôn lên.

(264) Ông qua Mỹ (1776) giúp Washington trong cuộc tranh-dấu giành độc-lập ; chính ông xin với Pháp giúp quân Hoa-kỳ, và dự vào trận đánh ở Yorktown khiến tướng Anh Cornwallis phải đầu hàng.

(251-269) cha của U-Lan chủ-trương quân chủ lập-hiến.

(267) Nguyên-văn : thấy lòng người Mỹ trung thành, toan đem phong khí để giành dân ta.

- Các phe thấy nói rộn-ràng,*
Chỉ cha rằng giặc trăm đảng mả-mai ; (272)
Lạ chỉ những thói đông-dài,
Một con sứa bóng trăm nơi sứa mồm ; (273)
Xui ra tiếng chúng om-sòm,
Kẻ toan xẻ thịt người hăm lột da ; (274)
Lệnh truyền bắt cả anh cha,
Hay tin người phải phượng xa lánh nân. (275)
Những người dạ ngọc gan vàng,
Bực lòng ai cũng băng ngàn tách khơi. (276)
Gấm tình đảng dữ nực cười,
Chỉ trời vạch đất lăm lời nghênh-ngang ; (277)
Tự-do một giấc mơ-màng,
Theo bề dân-chủ một đường đi ngay. (278)
Người càng như đại như say,
Cộng-hòa vạn-tuế khắp đầy chợ quế ; (279)
Tay hung dạ độc gớm-ghe,
Vụn-vắn thịt Cố, é-chê máu quan ; (280)
Thương ôi ! rước hổ đuổi lang,
Còn ai biên-biệt những đảng thị-phi ; (281)
Triều-dinh pháp-luật ra chi,
Mai chiều sửa lại đổi đi xiết nào ; (282)
Đảng phe xoi-móc lao-nhao,
Tự-do đầu lưỡi, đồng-bào ngoài mũi ; (283)
Nhẹ sưu bớt thuế thì vui,
Trăm bề hiệu-lệnh như giúi đập sáng ; (284)
Cộng-hòa chưa đứng một năm,
Đổi thay thống-lãnh đã năm sáu lần ; (285)
Máu trôi lai-láng xa gần,
Thần tự-do hóa ra thần sát-nhân ; (286)
Gây ra ác quả ác nhân,
Gấm lời cha nói như thần lộng gương. (287)

(272) Các phe cộng-hòa dọa bắt giết. Emilia Castelar thủ-lãnh phe cộng-hòa nhất định chủ-trương cộng-hòa.

(282) Sự chép ông Emilia Castelar không đủ sức nắm vững tình-thế.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Cha anh lánh nạn tha-phương,*
Nữ nào ngồi ngó quê-hương tan-tành ? (288)
Dốc lòng ủng-hộ Hoàng-huỳnh,
Xô tan đảng nguy dựng thành phép công, (289)
Sao cho trong lảng ngoài xong,
Sao cho trăm họ đẹp lòng tự-do ; (290)
Âm-thầm nhử-nhử hẹn-hò,
Gắng người đồng-chí chung lo nước nhà ; (291)
Hịch truyền khắp cả gần xa,
Quân dân nao-nức trẻ già ngợi-khen ; (292)
Ngọn cờ xấp-xới mây đen,
Bóng buồm chóa mắt tiếng kèn nức tai ; (293)
Mấy phen ném mặt nằm gai,
Thua cơ đảng nguy sấm bài tháo lui. (294)

c) Lại nổi loạn do phái ủng-hộ Don Carlos gây ra. Cha nữ-chí-sĩ tìm đường lánh nạn và gửi nàng côi xa một mình. Nàng vừa kè vừa sụt-sùi.

- Cầm cho tướng Phồ khéo xui,*
Giùm lương giúp súng lửa vùi lại nhen ; (295)
Xông-pha mấy trận khói đen,
Sa-trường trời máu ghe phen lạnh-lùng ; (296)
Hai bên chưa quyết thơ hùng,
Cò ngao đấu trí ! ngư ông đợi lời ; (297)
Sẵn quân Hoàng-tử đóng ngoài,
Thừa cơ kéo thẳng tới nơi kinh-thành ; (298)
Sĩ dân hết sức đồ-danh,
Lòng người nhăm loạn đua tranh ra đầu ; (299)
Phe dân mấy kẻ cầm đầu,
Thay lòng đổi mặt lạy chào trước yên. (300)
Cùng cha cùng bạn đồng niên,
Làm thơ gửi lại nhử khuyển đầu thành. (301)

(289) *Dốc lòng ủng-hộ Hoàng-huỳnh* : Alphonse XII (1874-1885) do tướng Martinez Campos, cha của U-Lan ủng-hộ và lập nên ngày 29-12-1874. Trong triều đại này của Alphonse XII, lại có cuộc nội chiến dữ-dội. Đoạn mà tác-giả tả trong truyện từ câu 295 là đoạn nội chiến ấy.

(298) *Hoàng-tử* : Dòng Don Carlos, cho nên trận nội chiến ấy gọi là Carlisle.

- Cha tôi tức-trí bực mình,*
Phúc thơ kể hết sự tình cạn sâu : (302)
« Rằng người tiết-ngĩa làm đầu,
Nếu không tiết-ngĩa máy rầu cũng hèn, (303)
Xưa kia tức-hạ mùa men,
Xướng lên dân-chủ ngợi-khen trăm đường ; (304)
Lòng tôi dốc một chủ-trương,
Quán-quyền lập-hiến phép lương rõ-ràng ; (305)
Lời ngay trái ị nhiều đảng,
Nhóm nhau trăm miệng dầu vàng cũng tiêu ; (306)
Chỉ tôi là giặc đương triều,
Nhiềt tôi là đũa phá liên tục-do ; (307)
Vả xưa tức-hạ hèn-hò,
Tan xương nát thịt chết cho cộng-hòa ; (308)
Bây giờ mặt dạn gối co,
Cúi đầu trước ngựa còn lo sau người ; (309)
Lòng đau đến đổi rã-rời,
Nghĩ câu tiết-ngĩa thẹn-thời biết bao ! (310)
Phá-Luân xưa trộm ngôi cao,
Oai-Khu-Thổ với Phi-Hào chống ngang, (311)
Nghĩ mình thế-lực khôn đang,
Lui về góc biển nghênh-ngang một mình, (312)
Trượng-phu thà thác biển xanh,
Nỡ nào vạn-thặng luôn mình cho đang ; (313)
Nay sao tức-hạ vội-vàng,
Mang đai đội mũ ngõ-ngang xiết bao ! (314)
Lại còn lụy đến tri-giao,
Chẳng hay tức-hạ mặt nào thấy đày ? (315)
Gió to mới biết sức cây,
Đời suy mới biết kẻ hay người hèn, (316)
Cõi trần lòng tục khôn tin,
Bao giờ xuống lỗ vện tuyên mới hay ». (317)

(311) *Phá-Luân* : Napoléon (1769-1821) lên ngôi vua và lật đổ nền cộng-hòa Pháp ngày 18-5-1804. — *Oai-Khu-Thổ* : (?). — *Phi-Hào* : (?).

(313) *Vạn-thặng* : vạn cổ xe, chỉ vua thiên-tử mới được quyền có.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Trong khi bình ngựa lầy-quầy,* (318)
Mãnh tiên gởi lại khôn hay tận tình.
Phục-thor vừa tới địch-dinh,
Tức gan tướng ngụy đem binh tới liền. (319)
Trăm lần đột pháo xông tên,
Muôn người bỏ mạng trận-tiền phơi gan (320)
Anh tôi chết giữa chiến-tràng,
Cha tôi thoát nạn tìm đường lánh xa ; (321)
Trong khi giã nước từ nhà,
Đem tôi dầu để côi xa một mình ; (322)
Cha tôi bảy chục tiên-linh,
Xông-pha muôn dặm coi mình như không, (323)
Lăm toan kết kẻ anh-hùng,
Máu gan còn hồi nảo-nùng như xưa ; (324)
Huống chi tuổi thiệp đương vừa,
Nén hư sống thác thân thừa sá bao ; (325)
Bảy giờ nhà nước lao-đao,
Bà con tan-tác xiết bao giải-dầu ; (326)
Trông trắng luống ngẩn-ngơ sầu
Nhìn hoa thối lại thêm đau-đớn lòng ; (327)
Trông về nước cũ mây lồng,
Ngồi buồn nghĩ đến chữ đồng mà đau, (328)
Ruột gan ngày một héo xầu,
Nỗi lòng ai biết cho nhau hồi lòng ». (329)
Nói rồi lụy chảy ròng-ròng,
Thoạt nghe chàng cũng cay lòng chua tai. (330)
Nàng liền sửa áo hăn-hôi,
Thưa rằng : « thiệp mới gặp người tri-âm, (331)
Hiềm vì giao thiển ngón thắm,
Nói rồi nghĩ cũng tủi thắm thẹn riêng ». (332)
Chàng rằng : « Tri mọn tài hèn,
Ham nghe lời chánh vẫn quên nhọc-nhẫn ; (333)
Lòng nàng rộng-rãi vô ngần,
Thanh-thiên bạch-nhật một lần nói ra, (334)

(319) *Ngụy* : địch.

(323) *Tiên-linh* : tuổi tiên

*Lời êm ngời những nghe sa,
Sợ e hết chuyện hóa ra lòng phiền ».* (335)

5.— Nữ-chí-sĩ Ái-Lan kể chuyện mình

a) Chàng lại hỏi đến Hồng-Liên là nữ-chí-sĩ Ái-Lan. Hồng-Liên kể nước Ái-Lan bị Anh đô-hộ, dân tình cực khổ, sưu cao thuế nặng.

*Luôn cơ lại hỏi Hồng-Liên :
« Chẳng hay nàng cũng về miền Tây-Ban ?* (336)

*Thưa rằng : « Thiếp ở Ái-Lan,
Lánh nạn nên nổi băng ngàn tới đây ».* (337)

*Chàng càng cặn-kẽ nước mây.
Sụi-sụi nàng mời tỏ bày căn-do :* (338)

(335) *Nghe sa* : nghe một cách say mê

(337) *Ái-Lan* : Irlande, đảo-quốc ở phía cực Tây Âu-châu, sát nách Anh-quốc. Người Scandinave đã tới khai-thác hồi cuối thế-kỷ thứ VIII và ngự trị tại đó thế-kỷ thứ XII mới bị người Anh đánh bại. Hồi 1167 một vị vương ở Leinster, trung bộ Ái-Lan, là Dermos bị dân chúng đuổi vì tội phân-bội, đã tránh sang Anh và nhờ Hầu-tước Anh là Strongbow giúp sức chiếm Dublin và Waterford để làm vua ; khi Dermos chết (1171) thì truyền ngôi lại cho Strongbow, nhưng Strongbow lại ký giấy hiến cho vua Anh Henri II tất cả đất đai ấy. Kể từ đó Anh và Ái-Lan hai dân-tộc sống chung. Đầu thế-kỷ XV người Ái-Lan muốn xoay liên-minh với Ecosse (đảo-quốc ở Bắc-Anh) nhưng thất bại. Cuộc nội chiến kéo dài. Hai vị vua của Anh là Edouard III và Richard II đã tìm cách đặt vững lại đế-quyền trên đảo mà cũng không thành công. Chính quyền Anh tàn-sát người chống Anh. Đạo luật Kilkelly (1367) còn cấm người Anh gần với người Ái. Cuối thế-kỷ XV và cả thế-kỷ XVI dòng họ Tudor của Anh-Hoàng lại tàn-hại người Ái hơn. Năm 1541 vua Henri VIII được quốc-hội tôn làm vua Ái-Lan đã cố tìm lại không khí thân-thiện giữa hai dân-tộc. (Vị đó trong truyện có câu 341). Nhưng đến Nữ-Hoàng Elisabeth thì lại xoay dùng bạo-lực thành xảy ra cuộc chiến kéo dài tới 10 năm làm tàn-hại Ái-Lan. Năm 1641, Quốc-hội Ái-Lan lại lên tiếng đòi tự-do. Đại-tướng Cromwell của Anh đồ bộ tại Dublin với 10 ngàn lính thiết-giáp đè đàn-áp. Và đến 1690 Anh-Hoàng Guillaume III lại cho quân qua đánh và chiếm đất-dai. Đến hậu-bán thế-kỷ XVIII Ái-Lan lại trôi dạt một lần nữa và thất-bại. Ngày 5 tháng 2-1800 Ái-Lan phải ký với Anh hiệp-ước hiệp nhất hai nước. Quốc-hội Ái-Lan giải-tán. Một vị Phó-vương được đặt lên và chính phó-vương ấy phải dưới quyền điều-khiển của nội-các Anh tại Luân-Đôn. Từ đó mặc dầu sự chống-đối quân-sự chính-trị vẫn tiếp diễn, nhưng mỗi hận của Ái-Lan chuyển dần qua phạm-vi kinh-tế. Kịch-si trứ-danh Bernard Shaw là người Ái-Lan.

GIẢI-NHÂN KỶ-NGỘ

- « Cha tôi bán lớn buôn to,
Tám cơ sánh đấu ngũ hồ kém đâu, (339)
Chỗ-chuyên khắp Á khắp Âu,
Một tay trừ-toán người đâu dám bì ; (340)
Nước nhà gặp buổi suy-vi,
Anh Hoàng dùng chước rủ bề liên-bang ; (341)
Ngoài thì hiệp-uớc rõ-ràng,
Trong thì dạ hổ lòng lang khôn lường ; (342)
Ban đầu giả cách yêu nhường,
Sau ra tôi-tớ đủ đường hiểm sâu ; (343)
Ghét ta binh mạnh nước giàu,
Tìm mưu ngăn-trở biết đâu là ngàn ; (344)
Cóng thương ngày-một phá dần,
Cắm bễ nhóm-hợp, cướp phần tự-do. (345)
Nghề buôn nghiệp thợ héo xơ,
Làm cho dân sự nhỏ to buồn rầu ; (346)
Phần thì cướp ruộng cướp trâu,
Phần thì nặng thuế nặng xâu lạ-lùng ; (347)
Đầu-thăng thuế chứa kịp đông,
Đòn đau phạt nặng hải-hùng xiết đầu ; (348)
Rán cho hết mỡ hết dầu,
Rắn còn kém độc, hùm hâu thua gan. (349)
Trái đà mấy trăm năm tràng,
Những người chi-sĩ Ái-Lan bực mình ; (350)
Tự-do độc-lập rắp-ranh,
Ai ai quyết cũng liều mình non sông ; (351)
Sao cho mở mắt cha ông,
Sao cho dòng họ còn trông sống về ; (352)

339) *Đấu ngũ hồ* : năm hồ lớn bên Tàu : Tây hồ, Thái hồ, Động đình hồ, Phan dương hồ, Sào hồ, ở đây ý nói 5 đại dương.

(341) *Anh-Hoàng* : Henri VIII, người dùng chính-sách mềm-dẻo dề liên-Ái.

(343) *Nguyên-văn* : Ban đầu đã cách.

(347) *Cướp ruộng cướp trâu* : Guillaume III cho quân qua Ái-Lan chiếm đất-dại.

(348) *Đầu thăng* : đầu dong lúa.

- Trời già độc-địa gớm-ghe,*
Tai to nạn lớn từ bề lao-nhao ; (353)
Lại thêm Anh-quốc cường-hào,
Tự-do hiển-pháp vét đào sạch không ; (354)
Tham-lam dữ tợn vô cùng,
Khinh ta thút-mút khôn trông thể ngoài ; (355)
Đất vườn mua chịu hoài-hoài,
Lời mười vốn một ép đòi phải vay ; (356)
Làm cho dân đói chết quay,
Hơn tám mươi vạn đặng cay lạ nhường ; (357)
Thiếp nghe những chốn sát thương,
Kỳ-lân lánh dấu phụng-hoàng bay xa ; (358)
Loài thiêng còn xót giống nhà,
Loài người đâu nở nhồi da cho đành ; (359)
Lạ thay cái máu người Anh,
Chẳng thương lại kiếm rắp-ranh những lời ; (360)
Rằng ta ít đất nhiều người,
Muốn cho giàu mạnh tại trời cũng may ; (361)
Lời què tiếng tục xưa nay ;
Bày tà mạnh thế lẽ ngay cũng đời ; (362)
Người Anh kiếm chước giục-xui,
Làm cho già trẻ lẫn vùi rãnh khe ; (363)
Trẻ trong tan-tác tứ bề,
Mỗi năm bảy vạn é-hề biết bao ; (364)

(354) *Tự-do hiển pháp* : hiển pháp nhìn nhận quyền tự-do ấy.

(355) *Thút-mút* : danh từ địa phương có nghĩa hăm-hiu thiếu-thốn.

(356) *Vườn-đề nông-dân* ở Ái-Lan hết sức sôi nổi vào hồi này. Chính-trị-gia người Anh Gladstone (1809-1898) đã can-thiệp đề có những đạo luật che chở tá-diễn Ái khỏi bị các điền-chủ Anh bóc-lột.

(357) *Nguyên văn* : lạ *dường*.

(358) *Sát thương* : sát hại và làm bị thương.

(359) *Loài thiêng* : loài vật có linh tính,

(361) *Muốn cho giàu mạnh tại trời cũng may*. Đoạn này có ý nói người Anh đem tà-thuyết phình phờ người Ái (như thuyết phá thai để bớt nhân khẩu, hay nói thiên tai làm chết bớt dân để khỏi họa nhân mãn, cũng là may cho dân Ái).

(362) *Lẽ ngay cũng đời* : lẽ ngay cũng lụi đi không thi hành được.

(364) *Trẻ trong tan-tác tứ bề* : Thanh niên trẻ trung phải lưu tán nhiều.

GIAI-NHÂN KỲ-NGÔ

*Người sinh càng sụt càng hao,
Làm ăn khổn-khó lao-đao kiếp người ;* (365)

*Gẫm thói thói nọ nực cười,
Rượu ngon nói khéo tốt-tươi ngọt-ngào ;* (366)

*Nói thì đầu lưỡi có dao,
Rượu thì lại có bỏ vào thuốc mê ;* (367)

*Gớm thay lòng cáo dạ dê,
Còn ai có dám lại kề nữa ư ?* (368)

*Nếu mà mắc nó phỉnh-phờ,
Giả nghề buôn miệng, toan cơ đề đầu,* (369)

b) Cũng như Anh đã đô-hộ Ai-Cập, Ấn-Độ. Chính một cô gái hiền của nước Anh cũng phải giận-giúi làm thơ mà thóa-mạ chính-sách nước mình. Chính một vị đại-thần của Anh khuyên-can nhà-nước đừng dùng võ-lực, không được, cũng vất mao lui về ăn thần.

Nước Anh còn vẫn giữ chính-sách ấy đề găm-ghé Á-Đông nữa.

*Ai-Cập Ấn-Độ bấy lâu,
Tiếng rằng bảo-hộ còn đâu nữa nào ;* (370)

*Bạc vàng ra cửa biết bao,
Khác gì vét túi cổng vào Luân-Đôn ?* (371)

*Người đời lắm kẻ không khôn,
Say mê chước quỷ bốn-chôn vào lờ ;* (372)

*Kể ngay một lúc bấy giờ,
Người bên Ấn-Độ chết dư muôn nghìn ;* (373)

*Nước Anh có một gái hiền,
Hiều-Oanh nữ-sử vẹn tuyền thanh-danh* (374)

(367) Bỏ vào thuốc mê : ý nói bóng...

(372) Lờ : lòng dân bằng tre đề như cá.

(374) Hiều-Oanh nữ-sử : (?)

- Làm thơ giận-giù nước Anh,*
Đãi người Ấn-Độ thâm-tình biết bao ; (375)
Nước Anh cây sức mạnh giàu,
Cùng-bình độc-vô biết bao nhiều lần ; (376)
Trong hăm-lăm trận cất quân,
Tổn hơn tám ức muôn mâm tiền vàng ; (377)
Năm tám tám hai một ngàn,
Đùng-đùng kéo thẳng binh sang Tô-Hà ; (378)
Thình-lình nổi trận binh qua,
Có ông Võ-Lại nói ra rõ-ràng ; (379)
Tự-do là đảng vẽ-vang,
Phải như những đảng ưa đảng công-danh, (380)

(375) Ấn-Độ được người Âu-châu biết từ trước khi Vasco de Gama tới (khoảng năm 1498). Người Bồ-Đào-Nha (Portugal) giữ ưu-thế doanh-thương suốt một thế-kỷ (1500-1600) tại bờ biển phía tây Ấn-Độ và cả trên mặt bể từ vịnh Persique đến Đông-Dương. Ưu-thế ấy sang tay người Hòa-Lan từ khoảng cuối thế-kỷ 16 để lại chuyển qua người Anh từ 1793 tới 1811. Tại Luân-Đôn, công-ty Ấn-Độ thành-lập năm 1599-1600 để mở đường thực-dân đế-quốc. Tại Pháp từ 1611 người ta cũng nghĩ tổ chức công-ty Đông-Ấn-Độ để đến 1664 thì Colbert thành-lập công-ty ấy.

Anh và Pháp chống nhau để độc-chiếm Ấn-Độ. Dupleix (1697-1763) giám-đốc công-ty Ấn-Độ của Pháp tại Chandernagor, đã có công nhiều trong việc kinh-dinh và mở thuộc-địa hết sức rộng lớn từ 1748 tới 1754 nhưng bị ban quản-trị trung-ương không hiểu sự thực trong việc chống người Rajaks ở Tanjore và Misore do Anh ngầm giúp, nên bị gọi về Pháp, khiến toàn cả khu-vực mất tình cho Anh một mình chiếm dần hết.

Trong thời Phó-Vương Ấn-Độ Lord Auckland (1836-1842) có xảy ra cuộc tàn sát 16 ngàn quân Anh tại A-Phủ-Hân (Afghanistan). Phó-Vương Ellenborough (1842-1844) trả thù trận ấy và chiếm Sindh. Phó-Vương Dalhousie (1848-1856) đánh chiếm Penjag và đánh chiếm Regou.

Một cuộc tổng khởi-nghĩa chống Anh xảy ra tại Mirat năm 1857. Người Anh dẹp được và ngày 14 tháng 5-1857 đánh chiếm Delhi. Vua Ấn Bahadur Chah bị bắt lưu-đày qua Rangoon và chết tại đó (1862).

Năm 1858 quyền quản-trị công-ty hiến về cho triều-đình. Ấn-Độ từ đó bị dưới quyền thống-trị của Nữ-Hoàng Anh. Năm 1877 Nữ-Hoàng Victoria kiêm Quốc-Vương Ấn-Độ và Bá-tước Dufferin từ 1885 tới 1900 lại cất quân chiếm Diên-Điện để nhập vào thuộc-địa ấy.

(376) *Cùng binh độc vô* : Binh dùng đến cùng, vô dùng hết sức.

(377) *Hăm lăm trận* : Một con số tượng-trưng hay tác-giả đếm đủ số (?).

(378) *Tô-Hà* : Tô di sí hà (Suez).

(379) *Vô-Lại* : (?)

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

Sao cho lánh khỏi mối binh,
Thanh đảng buôn bán hậu tình anh em ; (381)

Từ khi nữ-chủ rơi rèm,
Tình ra vừa chẵn hăm lăm năm trời ; (382)

Động binh hai mươi bốn hồi,
Về phe bảo-thủ chỉ đôi ba lần ; (383)

Chúng ta nghĩ cũng hồ thân,
Bây giờ còn muốn phân-vân nỗi gì ; (384)

Chẳng nghe thôi cũng thôi thì,
Dốc toan vớt mảo lui về ẩn-thân 》. (385)

Thử xem cho đủ nguồn căn,
Người Anh thiệt giống tầm ăn lạ-lùng ; (386)

Bây giờ gấm-ghé Á-Đông,
Hoành-Tân ngọn khói, Quảng-Đông tiếng kèn ; (387)

Thừa cơ Trung-Quốc hư hèn,
Chở vào nha-phiến biết thiên vạn nào ; (388)

Trẻ già mắc độc ngán-ngao,
Tội kia lỗi ấy trách vào lỗ đầu ; (389)

Vậy mà tôi chúa-ngọt-ngào,
Rằng ta thương giặc khác nào em anh ; (390)

Vậy mà giả dạng văn-minh,
Khoe lòng bác-ái rắp-ranh nỗi nào ; (391)

Tục rằng gió lộn sóng xao,
Sông sâu sạch cá, non cao hết chồi ; (392)

Nghĩ ra âu cũng việc người,
Cây to hiệp bé đạo trời vậy vạy ! (393)

c) Người nước Ái uất-ức lắm. Cha nữ-chí-sĩ hết sức xót-xa, dốc hết tiền của ra để kết-nạp đồng-chí mà tranh-thủ độc-lập.

Cơ-muru bại-lộ, cha nữ-chí-sĩ bị bắt giam. Quan Tổng-đốc thấy nữ-chí-sĩ xinh đẹp thì vung tiền ra để dỗ-dành nàng làm nàng hầu. Nàng mắng là đồ công rắn lưỡi ghê ông cha, nên bị nó tìm cơ để xua đuổi ra cõi ngoài.

(382) Rơi rèm : Do chữ thùy-liêm, buông rèm xuống để chính-thức bắt đầu trị-vì. Xưa bên Tàu, khi đàn bà cầm quyền, lúc ra triều thì có rèm che thả xuống để che mặt nữ chủ.

- Nước tôi phong-tục xưa nay,*
Giữ lòng độc-lập tin bài tự-do ; (394)
- Hiềm vì mắc tiếng nhỏ to,*
Xui nên chịu sút quanh co đủ điều ; (395)
- Hai trăm năm cực bao nhiêu,*
Nước sâu, lửa nóng, mưa xiêu, nắng tàn ; (396)
- Người Anh chẳng chút cứu nần,*
Giúp trời làm giặc tức gan lạ đường ; (397)
- Lắm người kiết oán tranh-cường,*
Bởi vì sợ chết ra đường dở-dang ; (398)
- Bây giờ tìm sống không đường,*
Lòng nào còn tưởng đến phượng thất-gia ; (399)
- Bây lâu trong nước gần xa,*
Cẩn rằng, chẳng mắt, kêu ca lối nào. (400)
- Cha tôi tác dạ như bào,*
Quyết đem gia-sản chia trao dân nghèo ; (401)
- Nghiêng nhà kết kẻ anh-hào,*
Toan bề độc-lập mưu cao rạch-ròi ; (402)
- Mồ cha những đưa rước voi,*
Tìm sáu vạch lá lậu bài cơ mưu ; (403)
- Cha tôi liền bị giam-lưu,*
Anh-hùng rơi lụy ôm thù chung-thiên ; (404)
- Thiếp còn tuổi trẻ nhỏ-nhen,*
Bà con thút-mút của tiền khô-khan ; (405)
- Có quan Tổng-đốc Ái-Lan,*
Tên là Lưu-Hồ cũng đàn phi-nhân ; (406)

(395) *Chịu sút* : chịu sút kém.

(396) Kể từ 1541 Cromwell đồ bộ và đàn áp là 200 năm. Xem lại lời chú 337.

(397) *Giúp trời làm giặc* : trợ thiên vi ngược. Trời đã làm hại mà người còn làm hại thêm như giúp Trời vậy.

(398) *Kiết-oán tranh-cường* : oán ghét mà ra sức tranh đấu chống người Anh.

(399) *Phượng thất-gia* : phượng mất nước (?)

(400) Nguyên văn : kêu ca lối nào,

(402) Nguyên văn : Nghiêng nhà kiết kẻ anh-hào.

(404) Nguyên văn : Anh-hùng rơi lụy gậy thù chung thiên.

(405) *Bà con thút-mút* : bà con bị cô thế, làm ăn túng khó.

GIẢI-NHÂN KỶ-NGỘ

- Nghênh-ngang cạy thể cạy thần,
Quén câu nghĩa-khi, trao thân người thù; (407)*
*Lỡ đường thấy thiệp đơn-có,
Vàng ròng nói ngọt, ép xó thị-tỳ; (408)*
*Sốt gan thiệp mắng tức thì :
Những quán công rắn lõi nghi ông cha; (409)*
*Xúc gan nó cũng nòng-nà,
Kiếm điều oan-uổng xua ra cỏi ngoài. (410)*

d) Nàng lánh mình hết Âu sang Mỹ. Nàng gặp người nữ-sử Ninh-Lưu là một người thức-thời lắm. Nữ-sử vẫn âm-thầm khuyên nhủ đồng-bào phải tỉnh mưu cao, không dè có những kẻ manh-động chủ-trương khủng-bố giết mất quan hiền-thủ ở Võ-Lam. Thành ra thiên-hạ cho là người Ái toàn là một lũ sát-nhơn. Đáng đau lòng biết bao !

- Ra đi thề-thốt nặng lời,
Thân này quyết chẳng đội trời nước Anh; (411)*
*Sao cho đứng lại một mình,
Đền xong nợ nước lênh-đênh sá nào; (412)*
*Bấy lâu lánh dấu cỏi Âu,
Bây giờ sang Mỹ đợi cầu thời-cơ; (413)*
*Duyên trời gấm chẳng thờ-ơ,
Gặp nàng nữ-sử tóc-tơ xum-vầy; (414)*
*Cùng người liệt-nữ gần đây,
Một cô một cháu vui-vầy hôm mai. (415)*
*Ninh-Lưu vốn thiết tên người,
Cũng trang nghĩa-liệt, cũng nòi lược-thao; (416)*
*Âm-thầm khuyên-nhủ đồng-bào,
Trăm điều phải tỉnh mưu cao vạn-toàn; (417)*
*Không dè những lũ lũng-loàn,
Vô mưu vô kế chỉ toàn làm cùn; (418)*
*Rủ nhau bắn dọc đám ngang,
Giết quan hiền-thủ trong đảng Võ-Lam. (419)*

(408) Thị-tỳ : gái hầu.

(412) Đứng lại một mình : giữ vẹn chí mình.

(414) Nguyên văn : Duyên trời gấm cũng thờ-ơ.

(419) Võ-Lam (?)

- Làm cho thiên-hạ om-sòm,
Chỉ người nước Ái là chòm sát-nhân ;* (420)
*Vậy nên chi-sĩ nhơn-nhơn,
Mấy phen rơi lụy mấy cơn đau lòng.* (421)
*Người tôi còn chút trông mong,
Cậy nhờ nước lớn đem lòng xót lầy ;* (422)
*Sao cho cỗi trối cỗi dầy,
Sao cho thoát khỏi chốn này làm-than ;* (423)
*Bao giờ trái đắng lá gan,
Dầu mà thịt nát xương tan sá nào !* (424)
*Thiếp xem sách vở biết bao,
Xưa nay đâu có lao-đao nổi này ;* (425)
*Vậy nên lo-lắng đêm ngày,
Ngồi buồn ngẫm-nghĩ dạ này khôn nguôi ;* (426)
*Nghĩ thôi càng gớm cho đời,
Đè hèn hiếp yếu cũng coi làm thường ;* (427)
*Càng trông càng chán-chê đường,
Bỏ bề nhàn-nghĩa, theo đường dã-man ;* (428)
*Vậy nên chi-sĩ thở-than,
Ngày đêm gặng-gỗ Ái-Lan đó mà. »* (429)
*Một thiên máu liễu hồn hoa,
Tiếng trong gan ruột mửa ra rõ-ràng.* (430)
*Chàng càng đau ruột nhưc gan,
Lắc đầu lống những thở-than vẫn dãi.* (431)

e) Kề xong chuyện mình nữ-chí-sĩ lại hỏi chàng ; bữa qua tôi xem báo thấy nói có mấy người Á-Đông bàn việc nước tôi và cảm người Anh lắm. Một người hỏi : « Ái-Lan độc-lập các Anh thế nào ? » thì hai người hăm-hở rằng : nào !

Mang gương thẳm tới xông vào giúp chơi.
Chẳng hay người ấy là người nào ?
Chàng trả lời người ấy chính là mình. Nàng bắt tay cảm ơn.

Hồng-Liên lại hỏi một hai :
« Bữa qua xem báo có người Biễn-Đông, (432)

(422) Người tôi : Người nước tôi.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Rủ nhau lên các ngòi trổng,
Nhơn bàn việc nước căm lòng người Anh. (433)*
*Một người đừng hỏi rõ-rành ;
« Ái-Lan độc-lập các anh thế nào ? » (434)*
*Hai người hăm-hở rằng ; « nào !
Mang gươm thẳng tới xông vào giúp chơi ». (435)*
*Thiếp nghe đặng bấy nhiêu lời,
Âm-thăm lòng những cảm người nghĩa cao. (436)*
*Chẳng hay người ấy thế nào ?
Xin chàng gửi lại trước sau cho mà ». (437)*
*Chàng liền vội-vã thưa qua :
« Một người đừng hỏi thiệt là tiểu-sanh ». (438)*
*Nàng nghe chàng nói đinh-ninh,
Bắt tay nhìn mặt giọt tình ngồn-ngang : (439)*
*« Rằng nay may gặp đặng chàng,
Bao giờ thiếp động vẻ-vàng như lời ? (440)*
*Thương ôi ! tức-tối cuộc đời ! »
Nói rồi lụy nhỏ, vẫn dài khôn ngắn. (441)*



(436) Nguyên văn : Âm-thăm lòng *cúng* . . .

(437) Nguyên văn : Xin chàng *hỏi* lại . . .

HỒI THỨ NHÌ

LỬA TÌNH ĐÃ BẾN

I.— BĂNG BỎ VẾT THƯƠNG LÒNG CHO NHAU

a) Nữ-sĩ U-Lan thấy chàng cảm-thương quá khi nghe kể chuyện, thì quay lại khuyên dỗ chàng bớt buồn phiền :

Nước Nhật của chàng bây giờ đã bắt đầu văn-minh rồi. Mai mốt tương-lai còn rực-rỡ. Chàng được đi ra nước ngoài ăn học không đến nỗi phải như lũ thiếp nhà tan nước mất đề đem thân đi lưu-lạc xứ người. Đường công-danh của chàng cũng đã chắc trong tay, thì rồi gặp cảnh-ngộ nào chàng cũng sẽ xử theo được cảnh-ngộ ấy.

Vậy sao mà chàng buồn-bã quá ?

- Chàng nghe nổi nổi nguồn căn,*
Nhẹ lau giọt lụy nặng oằn lá gàn ; (442)
Xiết bao vắn thở dài than,
Người đời sao có gian-nan thể mà. (443)
U-Lan từ-tạ thừa qua,
« Xin chàng thứ lỗi kiêu-ngoa cho cùng ; (444)
Trong khi xuân sắc đương nồng,
Gió trong mát-mẻ đẹp lòng biết bao ; (445)
Xui nên ra cảnh tiêu-tao,
Cho chàng buồn-bã tội hầu tại đây ; (446)
Trộm nghe quý-quốc bấy nay,
Đời đời tục cũ sửa bầy chánh-tân ; (447)

(443) Nguyên văn : người đời sao có đa gian thể mà.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

Học đòi Âu Mỹ dần dần,
Bể hoa hái trái cân phân rạch-rời ; (448)

Văn-minh ngày một sáng soi,
Nước nhà ngày một tốt nơi phủ-cường ; (449)

Một vầng soi góc Phò-Tang,
Bồng-Lai ba đảo vững-vàng biển Đông ; (450)

Trên ngôi Thiên-Tử có lòng,
Cho người chánh-đẳng đặng vòng tự-do ; (451)

Dưới dân đẳng nhỏ phe to,
Lắm đền nợ nước toan lo dãi-dầu ; (452)

Nước nhà bền đá vững âu,
Triều-Tiên đưa sứ Lưu-Cầu thêm dân ; (453)

Á-Đông gặp hội phong-vân,
Tai trâu chắc đã mười phần trong tay ; (454)

Sao cho tháo trói cỡi dây,
Sao cho các nước khôn gây oán thù ; (455)

Sao cho mất vĩa cường Âu,
Tì sừ đừng dám đề đầu cỡi Đông ; (456)

Dầu ai can-thiệp việc trong,
Rá tay chống-cự cho xong mỗi đường ; (457)

Làm cho bốn bể danh dương,
Mở giùm ức triệu, nắm cương toàn cầu, (458)

Tướng chàng học khắp Á Âu,
Xưa nay từng trải qua cầu hơn thua, (459)

Sa-trường chưa trải tranh đua,
Sở-tù chưa nếm cay chua mùi đời ; (460)

Nhưng khi trong lúc thanh-thời,
Đem thân để thử cuộc đời mà suy ; (461)

(453) *Lưu-Cầu* : Liou Kiou, hòn đảo Ryu-Kyu Nhật chiếm được của Trung-Hoa năm 1895. *Triều-Tiên đưa sứ* : Triều-Tiên phái mở cửa bè cho Nhật vào buôn bán năm 1876 sau cuộc can-thiệp bằng quân-sự của Nhật.

(454) *Tai trâu* : do chữ Chấn ngư nhĩ. Thời chiến-quốc, người minh-chủ giữ tai trâu cho các chư hầu thọc huyết ăn thề.

(458) *Giùm* : Khóa mồm ngựa hay mồm trâu ; ý nói giải-phóng cho ức triệu người khỏi vòng nô-lệ.

(460) *Sở-tù* : lao tù.

- Thiếp nay nhà phá nước nguy,*
Nhọc-nhần kiếp trẻ, lưu-ly cõi người, (462)
Mặt-mờ muốn dậm xa khơi,
Ngày đêm luống những đoái-hoài tử-tang ; (463)
Mà nay không lựa tắc gang,
Lắm điều cay đắng cho chàng xót-xa ; (464)
Nay chàng cấp sách đàng xa,
Giao-du lắm kẻ tài-ba nước này ; (465)
Xem chàng tuổi trẻ tài hay,
Công-danh cũng chắc trong tay đã rồi ; (466)
Đạo trời nghĩ cũng thường thôi,
Nên hư họa phước sức người mà chỉ ; (467)
Dầu cho lỡ vận thất thì,
Cũng an-sở-ngộ việc gì mà lo ; (468)
Xem chàng nét mặt buồn xo,
Hay là tại thiếp làm cho ai hoài ? » (469)

b) — Chàng lại càng đau đớn hơn. Nước mắt chảy đầm-đề. Một giọt nước mắt của chàng thấm vào áo nàng U-Lan. Chàng cầm khăn đứng dậy định lau áo và xin lỗi. Nàng cười nói : giọt lụy ấy ngàn vàng khôn mua. Đây là giọt lụy phát từ nghĩa cao tiết cả. Vậy thiếp xin cảm ơn chàng.

Nàng cũng xin chàng nên nghĩ lại : cuộc sống lưu-vong của những người như thiếp chỉ là một sự rất thường. Xưa kia đức Khổng-Tử cũng phải long-dong biết bao nhiêu. Đến đức Gia-Tô cũng bị chết trên Thập-tự-giá. Đến Socrate cũng phải một đời ngậm tù đeo sầu. Thì tài cao tất phải chịu trăm đường đắng cay vậy.

Nổi dằng cay ấy người chí-sĩ vui lòng chịu chớ không thêm làm kiếp ngựa trâu.

- Trong khi an-ủi một hai,*
Tình kia nghĩa nợ rạch-rời đôi bên. (470)
Ngồi gần lại có Hồng-Liên,
Lân-la nàng cũng tới bên vô-về. (471)

(463) *Tử-tang* : quê hương nơi làng mạc hay trồng cây dâu, thứ cây biểu-tượng cho nơi chôn rau cắt rốn.

(468) *An-sở-ngộ* : gặp cảnh-ngộ nào thì hành-dộng theo cảnh-ngộ ấy.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGŨ

- Chàng càng giọt ngọc ủ-ế,*
Càng lau càng chảy đầm-dề như chan. (472)
Trong khi đào-dã ngổn-ngang,
Tình cờ một giọt thấm trảng áo the. (473)
Ngại-ngùng nửa thẹn nửa e,
Cầm khăn chàng mới lăm-le gần nàng. (474)
Nàng càng cười nói với-vàng :
Lụy chàng nhỏ áo, ngàn vàng khôn mua ; (475)
Giải tiền rơi tới bông thừa,
Chút lòng cảm tạ đã vừa vào đầu ; (476)
Lòng tôi ngần-ngại lo-âu,
Có chi đến đổi chàng sầu lắm thay ? (477)
Trộm nghe thói nước xưa nay,
Thương người sa-sút ghét tay hung-tàn ; (478)
Lắm người trượng-nghĩa giúp nạn,
Dầu cho trôi máu phơ gan cũng là ; (479)
Nào như con nít đàn bà,
Trượng-phu sao lại nòng-nà thế ư ? (480)
Hay là máu nóng khôn trừ,
Nghĩa cao tiết cả phát từ tình chung ; (481)
Vì thương bọn thiếp long-đong,
Váy nên đến nỗi trăm dòng ngổn-ngang ? (482)
Thiếp xin muốn tạ ơn chàng,
Tắm tình mang xuống suối vàng còn ghi. (483)
Vả chẳng tạo-hóa biết suy,
Trong vòng họa phước có khi gặp thì. (484)
Rủi má chẳng gặp thời-ky,
Chết vì đạo-nghĩa sá gì ghét thương ? (485)
Gẫm trong sống chết nhiều đường,
Dầu mà sống đục cũng phước cớ cày ; (486)
Sao cho dân nước xum-vầy,
Một lần trôi máu phơ thấy cũng đành. (487)

(473) Đào-dã : đào-dạt.

(476) Giải tiền : (?)

(484) Vả chẳng tạo-hóa biết suy : biết tính toán cân nhắc để bù trừ trong vòng họa phước nên nhiều khi gặp họa thì là phước hay ngược lại.

- Thiếp nghe hai chữ công-danh,*
Nếu lòng giả-dối muốn thành khôn phương ; (488)
Cỏ kia phải đốt vì hương,
Chim kia phải bắt vì phượng tiếng thanh ; (489)
Làm người đứng giữa cao xanh,
Dẫu rằng lan ngọc tan-lành cũng vui ; (490)
Còn như sống dập thác vui,
Dầu cho muôn tuổi lại mùi-mỡ chi ! (491)
Vậy nên những đấng tiên-tri,
Lắm cơn hoạn-nạn lắm khi khổn-cùng ; (492)
Lời hằng đạo cả trung-dung,
Một đời luống những long-dong cõi người, (493)
Nê-Sơn là thánh nổi trời,
Đói trong Trần, Thái, sợ ngoài Tống, Khuông, (494)
Tích thom đồn khắp bốn phương,
Một thân chuộc tội, treo gương muôn đời ; (495)
Gia-Tô cũng chứa cừu người,
Chết trên thập-tự, đủ mười oan-khiên ; (496)
Tầu-ngu Thích-thiết bực hiền,
Một lòng ngay thẳng, trăm thiên nhiệm màu, (497)
Một đời ngậm tử đeo sầu,
Làm cho đèn đối mắc bầu ti-sương. (498)

(489) Cỏ thom thì bị đốt, chim hót hay thì bị bắt.

(490) *Lan ngọc tan-tành* : Lan ở rừng núi, ngọc ở trong đá gập người biết giá-trị dầu tan-tành cũng vui (Dựa theo tích Hàn-Tín nói với Lưu-Bang).

(494) *Nê-Sơn* : Chỉ đức Khổng-Tử, vì Thúc-Lương-Ngột câu đào trên núi Ni-sơn (hay Nê-sơn) mà sinh ra ngài nên đặt tên Khâu, tự Trọng-Ni.

Đói trong Trần, Thái : Đức Khổng-Tử bị tuyệt lương ở nước Trần nước Thái. *Sợ ngoài Tống, Khuông* : bị người ta làm dữ sợ hãi ở nước Tống ấp Khuông.

(496) *Gia-Tô* : Chúa cứu-thế Jésus Christ.

(497) *Tầu-ngu Thích-thiết* : Socrate (468-400 trước T.L.) bố là thợ chạm, mẹ là cô-mụ. Ngài là bậc thầy về tinh-thần của hệ-thống tư-tưởng Hy-Lạp. Ngài không viết sách mà chỉ dùng lời nói thân-mật và thành-thực để cảm-hóa người đời vào vòng đạo-lý. Những kẻ thù của ngài vì ghen ghét đã lên án ngài là làm hư hại Tôn-giáo của nhà nước và dẫu độc thanh niên. Ngài bị bắt. Các bạn khuyên ngài vượt ngục, ngài không chịu vì không muốn người ngoại quốc hiểu sai về nền hà chính của nước mình. Ngài bình-thản bưng chén thuốc độc người ta đưa để uống, sau khi nói với học trò và lễ linh-hồn bất-diệt.

(498) *Ti-sương* : bầu thuốc độc (?)

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Nghĩ thôi càng ngán-ngao đường,*
Tài cao phải chịu trăm đường đắng cay ; (499)
Cây cao thì phải gió day,
Người cao thì phải kẻ rầy người chê ; (500)
Xira nay dấu úp ê-chề,
Mà lòng chi-sĩ vẫn thề non sông ; (501)
Muốn qua thì phải lội' sông,
Muốn cho thỏa chí phải xông vào đời ; (502)
Kề chi những lũ đông-dài,
Túi cơm giá áo chơi bời no say ; (503)
Xiết bao mặt dạn mày dày,
Trong vòng thế lợi khoanh tay cúi đầu ; (504)
Mặc ai chỉ ngựa làm trâu,
Vàng vâng dạ dạ biết đâu ngõ-ngang ; (505)
Quyền cao là ngọc là vàng,
Những người thất-thể là phường dếp mo ; (506)
Ngày đêm luống những so-đo,
Thân danh được mất đối no một mình ; (507)
Ra thì xe ngựa linh-dinh,
Vào thì hầu thiếp khoe mình rằng sang ; (508)
Biết đâu đến chuyện hành-tàng,
Cuộc đời còn biết thương-tang là gì ? » (509)

c) — Chàng Tán-sĩ ngồi nghe U-Lan nói mà ghê cho tài của nàng. Chàng xin lỗi nói tôi cũng đồng thư hương và cũng chỉ là một kẻ đi lánh nạn như các nàng, nên thấy chuyện người nghĩ đến chuyện mình mà không khỏi đau lòng xót dạ.

U-Lan vội hỏi : vậy chuyện chàng ra sao xin kể cho nghe.

Một thiên khích-liệt lâm-li,
Khiến người ngồi đó cũng ghê cho tài ; (510)

(501) *Dấu úp* : Vết xe lật úp của người đi trước.

(506) *Dếp mo* : ăn mày.

(507) *Đối no một mình* : Chỉ người ích kỷ.

(509) *Hành-tàng* : Tư cách người quân-tử gặp thời thì hành mà không gặp thì tàng ẩn. *Thương-tang* : thương hải tang điền tức là lẽ biến đổi bề dẫu.

(510) *Khích-liệt* : Hùng hồn đề động lòng người. *Lâm-li* : cảm động.

- Nghĩ tình Tán-Sĩ nức cười,*
Thấy nàng yếu-diệu ngỡ người trắng-hoa ; (511)
Hay đâu rất đối tài-ba,
Càng nhìn càng nghĩ càng tha-thiết lòng, (512)
Thưa rằng : « trong buổi lạ-lùng,
Nghe lời sấm sét động dung anh-hùng, (513)
Ngu hèn còn biết động lòng,
Huống chi tôi cũng là dòng thơ-hương ; (514)
Dám đâu gan ruột tâm-thường,
Bầm non bầm nước học phượng tiêu-nhi ; (515)
Thôi nàng chớ ngại-ngần chi,
Tôi đây cũng kẻ lưu-ly sống thừa ; (516)
Ghe phen đạn gió tên mưa,
Ghe phen sống thác ngăn-ngừa trùng-vi ; (517)
Bây giờ nhà nước suy-vi,
Ngậm cay nuốt đắng khác chi hai người ; (518)
Bơ-vơ góc biển chân trời,
Tình-cờ lại gặp những người tha-hương ; (519)
Xiết bao ăn tuyết nằm sương,
Chuyện xưa tích cũ hai đường như nhau ; (520)
Nỗi mình nghĩ đến mà đau,
Trăm sầu ngàn tủi khôn lau giọt tình ; (521)
Làm cho lụy nhỏ áo mình,
Xin ai hãy thử chút tình cho chẳng ? » (522)
Nghe lời nàng mời hỏi rằng :
« Gẫm lời chàng nói rõ-ràng vậy sao ? (523)
Việc chàng cần-kẻ thế nào ?
Xin chàng kể hết trước sau cho mà. » (524)

2. — Chí-sĩ Nhật kể chuyện mình

a) — Chàng kể : Từ ngày Âu Mỹ can-thiệp vào nội-chính của Nhật (1853) đến hồi ly-loạn (1877) khoảng hai chục năm, có bọn ái-quốc mù quáng

(511) *Người trắng hoa* : người không đứng đắn.

(513) *Lời sấm sét* : lời đe thối tình.

(515) *Bầm non bầm nước* : khóc nhiều, nước mắt đầm dề. (Thỏ ngừ : khóc bầm non bầm nước).

(517) Tôi cũng đã chết đi sống lại trong vòng vây của địch

GIẢI-NHÂN KỶ-NGÔ

gây phong-trào bài-ngoại khiến các cường-quốc Tây-Âu có cơ đem binh đánh vào Shimonosaki. Triều-dinh lại đổ lỗi cho dòng Võ-sĩ Tokugawa là dòng của chàng Tán-Sĩ và khép vào tội phản-quốc để đem binh tới đánh dẹp năm 1877. Cuộc chiến diễn ra vô-cùng thảm-khốc.

Nàng Hồng-Liên hỏi vậy gia-dinh chàng có việc gì chẳng ?

Chàng nói cả nhà chàng chết. Chúa mới bị bắt bị lưu đầy rất nên cực nhọc.

*Thở than chàng mới nói ra :
« Người trong cung kiếm con nhà đánh-chung ; (525)
Từ khi Âu Mỹ sang Đông,
Kể năm tinh đã độ chừng hai mươi ; (526)*

(525) *Người trong cung kiếm* : người trong làng cung kiếm, người thuộc dòng Võ-sĩ đạo ở Nhật. *Con nhà đánh chung* : con nhà quan sang. Xưa những nhà quan to bày cơm trên đình lớn và đánh chuông mời về nhà ăn vì nhà đồng người.

(526) *Âu Mỹ sang Đông* : Lịch-sử thực của Nhật bắt đầu từ thế-kỷ V khi người Cao-Ly tràn qua và đem theo chữ viết cùng truyền bá Phật-giáo với phép cai-trị của Trung-Hoa. Thế-kỷ thứ VIII và IX vua Nhật chỉ ngồi cho có vị còn quyền cai-trị là ở các Chúa. Mỗi tướng-lãnh giữ một vùng đánh lẫn nhau cho đến thế-kỷ XII thì dòng họ Minamoto về đóng Đô ở Komokura và đánh đuổi được Mông-Cò (1274-1281).

Nhưng nước vẫn không được yên-ôn thái-bình. Hết các dòng Chúa đánh nhau lại đến triều-dinh Bắc và Nam đánh nhau.

Đầu thế-kỷ XIV thủy-thủ Âu-Châu gặp thủy-thủ Nhật trong bờ biển Trung-Hoa Khoảng 1542 một người Bồ-Đào-Nha Pinto tới đảo Kyu-syu với các giáo-sĩ Gia-Tô và các nhà buôn. Việc truyền đạo tiến hành. Nhưng đến thế-kỷ XVI thì bị cấm.

Với hỏa-pháo và trọng-pháo mới mua được của Âu-Châu Hideyoshi dẹp các Sứ-quân khác và tập-trung quyền chính về trung-ương cùng đem binh qua xâm-lăng Cao-Ly (1592) — Khi Hideyoshi chết thì nước lại loạn-lạc đến cuối cùng (1600) dòng họ Tokugawa nắm giữ ưu-thế chính-quyền.

Tokugawa về đóng tại Đông-Kinh bấy giờ, chỉ để cho Nhật-Hoàng Kyoto một hư-vị trong triều-dinh. Một quân-đội cảnh-vệ hết sức mạnh đã được tổ-chức để trị-an. Muốn ngăn các lãnh-chúa liên-lạc với ngoại-quốc để cầu viện trợ, dòng họ Tokugawa ra lệnh bế-quan tòa-cảng và chỉ cho phép người Hòa-Lan buôn bán ở đảo Deshima. Việc truyền đạo Thiên-Chúa cũng bị cấm. Chỉ Không-giáo được nâng đỡ. Nhân các nho-sĩ Trung-hoa cuối triều Minh lánh nạn nước chạy qua, một phong trào học Nho thịnh lên để với chủ-trương tôn-quân của Không-giáo, Nhật-Hoàng được chuyển thành một thần-tượng quốc-gia.

Nhưng quyền-thế của dòng Tokugawa bị sụp đổ khi nước Nhật phải mở cửa giao-nhiếp với Tây phương.

- Lòng trung dạ nghĩa lắm người,*
Thề lòng thảo-tặc xướng bài Càn-vương ; (527)
Những trang chí-khí cang-cường,
Tức quân tham-lạm ghét phường ngằn-ngor ; (528)
Sóng trong khôn nổi đợi chờ,
Thề đem một thác giã-lừ non sóng ; (529)
Thù riêng lắm kẻ giả công,
Khêu gan ức triệu giục lòng công-khanh ; (530)
Nào ai biết thể hoàn-dinh,
Nào ai biết nó biết mình là đâu ; (531)
Lăm-le xua đuổi người Âu,
Toan đem chân châu chống nhàu cỗ xe ; (532)
Gần xa quán sử đường xe,
Đầy dàng máu chảy, bốn bề lửa giăng ; (533)
Võ gươm khoe sức hung-hăng,
Tỉnh-Y nhào trước, An-Đằng ngã sau ; (534)

526 (Tiếp theo)

Năm 1853 pháo-thuyền Mỹ tới với tể-hậu-thư của Perry, rồi người Anh người Hòa-Lan bức-bách mở cửa bể thông-thương năm 1858, rồi người Pháp người Nga cũng theo gương ấy. Một phong-trào quốc-gia mù quáng nổi dậy chống lại dự định nhà cầm quyền mở cửa thông-thương khiến các thủy-quân ngoại-quốc có cơ can-thiệp dề bản vào eo biển Shimonosaki. Quốc-sĩ ấy khiến Nhật-Hoàng và các quan đồ cho tại dòng họ Tokugawa và coi chế-độ lãnh-chúa là kẻ thù và dòng họ Tokugawa bị Nhật-Hoàng tước quyền (1868).

Ngày 26-11-1868 Nhật-Hoàng đóng đô ở Đông-Kinh. Bắt đầu từ đó là triều-dại của Minh-Trị Thiên-hoàng (Meidji) dòng họ Tokugawa bị đánh thua một trận cuối cùng ở Hokkaido và cuộc nổi loạn của Saizo Takamori bị dẹp tan năm 1877. (Trong truyện câu 526 nói kê năm tính đã độ chừng hai mươi, là kê từ 1853 và câu 525 nói người trong cung kiếm con nhà đánh-chung là nói Tân-Sĩ thuộc dòng họ Tokugawa ấy.

(527) *Thảo-tặc* : trừ giặc. *Xướng bài Càn-vương* : nêu nghĩa phò vua.

(529) *Sóng trong khôn nổi đợi chờ* : Dựa theo tích cũ của Tàu cho rằng hể nước sông Hoàng-hà trong thì có bọc thánh chúa ra đời và thái-bình trong vòng năm trăm năm. Câu này có ý nói không thể đợi chờ sự run-rủi của trời đất, dề thấy nước nhà vinh-quang.

(530) Nói về những kẻ hầu cận vua có thù riêng với dòng họ Tokugawa dề tìm cách dồ oan và tước quyền dòng họ ấy.

(531) *Thể hoàn-dinh* : Dinh-hoàn hay doanh-hoàn, thể chung của hoàn-cầu.

(532) *Chân châu chống nhàu cỗ xe* : (do tục-ngữ châu-chấu đá xe) cang con châu-chấu giương lên dề đá cỗ xe. Ý nói về đám quốc-gia mù quáng không tự lượng sức mình.

(533) Khiến chiến-tiạnh xảy ra.

(534) *Tỉnh-Y* : Shimonosaki (?) *An-Đằng* : (?).

GIAI-NHÂN KỶ-NGÔ

- Tuyệt-giao là kẻ mưu sâu,*
Thông-thương là kẻ cần đầu bán vua ; (535)
Làm cho các nước xúm ùa,
Phá ngang bờ cản, đập đũa giậu ngăn ; (536)
Hung-hăng hiệp đáp vô ngần,
Vùng Tang bóng xế, non Thần sóng xao, (537)
Tuy rằng vận nước lao-đao,
Ngẫm ra cho kỹ xon-xao tại mình ; (538)
Đau lâu tổn thuốc đã đành,
Hiềm vì một nỗi quốc-tình xấu-xa ; (539)
Những người kiến-thức cao xa,
Chuyện xưa nghĩ đến nước nhà đau, (540)
Chúa tôi gặp lúc lao-đao,
Nhờ ơn Tiên-đế chực châu kinh-sư ; (541)
Dâng thơ bày tỏ thị-phi,
Rắn bề bạo-động giải bề phân-nhương ; (542)
Lạ chi những thói hùng-cường,
Cậy bề tính lợi ép đường giao-thông ; (543)
Người Anh thiệt gớm-ghe lòng ;
Nếu không Sứ Mỹ trong vòng chủ-trương ; (544)
Thời ta đến nỗi dở-dang,
Chẳng phe Ấn-Độ, cũng phùng An-Nam ! (545)
Đương khi trong giận ngoài căm,
Triều-đình tình-tệ ba trăm năm trời ; (546)
Trăm điều chánh-trị rã-rời,
Bình hèn của hết cuộc đời hóm mai, (547)

(535) Đám quốc-gia mù quáng chủ-trương như vậy.

(537) *Vùng Tang* : Phú-tang tam đảo ; *Non thần* : Phú-Si-Son.

(541) *Chúa tôi* : Vị chúa thuộc dòng họ chúa Tokugawa.

(542) *Phân nhương* : phân chia đề sinh nhiều nhương.

(544) *Nếu không Sứ Mỹ* : Có lẽ nói về Perry đưa tối-hậu-thơ năm 1853 rồi năm sau rút quân về.

(545) Thời ta cũng mất nước như Ấn-Độ và An-Nam.

(546) *Triều-đình tình-tệ* : Nỗi hư-đốn tệ-lậu của triều-đình.

- Lòng nào còn dám đoái-hoài,
 Chúa tôi quyết-ý định bài hy-sinh. (548)
- Sao cho trên thuận dưới bình,
 Việc đời dốc gánh thân mình quản bao ; (549)
- Lắm người hữu đồng vô mưu,
 Phơi gan đùng giữa hồng-câu triều-đình ; (550)
- Rồi ra sự nghiệp tan-tành,
 Mĩa mai trăm miệng ra tình chán-chê ; (551)
- Biền dân một cuộc ê-hề,
 Gió day cây cả mấy che râu rồng. (552)
- Tướng-quân Khánh-Hỷ anh-hùng,
 Nói quyền Mạc-Phủ dốc lòng sửa sang ; (553)
- Xưa nay chừng bệnh cao-hoang,
 Còn ai chữa đặng cho toàn nữa sao ? (554)
- Chánh-quyền người mới xin giao,
 Chúa tôi liền cũng lao-đao ra ngoài. (555)
- Vậy mà những miệng đông-dài :
 Rằng phò Mạc-Phủ, rằng bài tán-vương. (556)
- Khóc than còn có ai thương,
 Cùng đường trốn lánh dirt đường kêu ca. (557)
- Bình triều thẳng tới nước ta,
 Khỏi che ngút núi, máu sa đầm đàng. (558)
- Dân-ta ra dạ ngỗ-ngàng,
 Quân vua sao có bạo-tàn thể ư ? (559)
- Hay là những đảng hùng-cừ,
 Mượn quyền ấu-chủ, thù tư lăm đềm ? (560)
- Vậy nên cả nước dưới trên,
 Thề liêu một trận chết bền có-thành. (561)

(548) Thái-dộ chân chính của (Chúa tôi) dòng họ Tokugawa.

(553) Khánh-Hỷ : (?) Người nói quyền dòng họ Tokugawa, đề sửa sang chính-trị cũng không xong.

(554) Bệnh cao-hoang : bệnh không chữa được.

(555) Khánh-Hỷ rút lui khỏi chính-quyền, chúa tôi cũng rút lui.

(556) Tán-vương : Minh-Trị (Medji).

(558) Nước ta : Hokkaido, nơi đóng phủ-thự của dòng Tokugawa.

(561) Cả nước dưới trên : Cả tiểu-khu của lãnh-vực-chúa Tokugawa.

GIẢI-NHÂN KỶ-NGỘ

- Bốn bề ngui-ngút khói binh,
Gươm rơi trước trận, giáo tranh bên hào ; (562)
Đầu rơi máu chảy biết bao,
Tắm lòng địch-khái để nao anh-hùng. (563)
Bấy giờ có lũ trẻ trung,
Dựng cờ bạch-hổ rất dòng danh-gia. (564)
Cố-quân một đội kéo ra,
Ngăn-ngừa ba mặt xông-pha bốn bề ; (565)
Thương ôi ! Trừng mông núi đê,
Trăm phần ước đặng sống về một hai ! (566)
Kéo nhau lên cụm núi côi,
Bó xương, rịt máu tạm ngồi nghỉ-ngơi ; (567)
Bồng đầu khói lửa ngút trời,
Đạn bay lợp đất, thành rơi bốn tường ; (568)
Đau lòng cuộc thế tang-thương,
Xấp tay hai lạ trông phương khuyết-đỉnh, (569)
Rằng tôi chút phận bồng-bình,
Trong vòng tên đạn liễu mình quân-bao. (570)
Rủ nhau liền nắm lấy dao,
Một lần tự-vẫn ngàn-ngao lạ đường ; (571)
Trượng-phu một giấc sa-trường,
Bỏ thấy da ngựa là phùng xưa nay ; (572)
Thảm vì một nỗi chua cay,
Tai nghe mắt thấy lòng khuấy sao đành ? (573)
Lắm trang cân-quốc chi anh,
Đau lòng non-nước cũng đành máu trôi, (574)
Bây giờ nhắc lại cuộc đời,
Mơ-màng bóng bọt, lụy rơi dầm-dề ! (575)
Hồng-Liên nghe nói gớm-ghe,
Động lòng nằng lại ử-ê hỏi chàng : (576)
« Trong khi tên đạn ngang-tàng,
Nhà chàng may khỏi vạ trần ầy chăng ? » (577)

(563) Địch-khái : không chịu khuất phục kẻ địch.

(565) Cố quân : Quân đội lẻ-loi.

(569) Trông phương khuyết-đỉnh : Nhìn về phía cửa khuyết nơi vua ngự.

(574) Cân-quốc chi anh : Nử anh-hùng.

- Chàng càng mặt héo mày nhăn,
Gau xau bảy lá, ruột quắn chín chiều. (578)*
- Thưa rằng : « lúc ấy ban chiều,
Quân nhà thất trận binh kiêu vây thành ; (579)*
- Một nhà quyết chí quỳn-sanh,
Mẹ già dắt trẻ lánh mình núi sâu ; (580)*
- Anh cả bị-trận Việt-Châu,
Anh hai cũng phải Dã-Châu bỏ mình ; (581)*
- Anh ba cầm giữ mỗi binh,
Cha già gắng-gượng liều mình Quách-môn ; (582)*
- Chủ tôi mộ lính lập đồn,
Binh thua rồi cũng thân chôn sa-trường ; (583)*
- Một trời đạn gió tên sương,
Trận mưa ngui-ngút, bóng dương lò-mờ ; (584)*
- Tiếng quân reo dậy bốn bờ,
Súng rầm-rĩ đất, khói mờ-mịt mây ; (585)*
- Tôi còn tuổi trẻ thơ ngây,
Mũi tên quyết cũng ra tay chống kinh. (586)*
- Trong khi từ-giã gia-đình,
Mẹ già nạt dặn rằng : mình tướng-môn ; (587)*
- Sao cho khỏi thẹn tở-tỏn,
Đầu rơi trước trận, thấy chôn ngoài thành. (588)*
- Váng lời vội-vã cắt mình,
Chị em bà cháu giọt tình chơi-vơi. (589)*
- Thương ôi ! đau-đớn cuộc đời !
Trăm năm ơn nghĩa một lời dấy thôi. (590)*
- Người nhà hương lửa hắt-hỏi,
Trước thần vái hết mỗi lời gần xa : (591)*
- Nước non đã đến thể mà,
Vị bằng sống đục chẳng thà thác trong ; (592)*

(580) *Quyên-sanh* : quên sống, hi sinh.

(581) *Việt-Châu* : (?) *Dã-Châu* : (?).

(582) *Quách-Môn* : Cửa thành.

(583) *Mộ lính* : sắp đặt lính tráng.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

- Trước là giả nợ non sông,*
Sau là cho biết sĩ-phong triều-đình; (593)
Thương vì một nỗi chứa mình,
Lòng trung mà lại mắc danh phản-thần. (594)
Nghĩ thôi cuộc thế ngán trần,
Bọt xao mặt nước, mây vờn thanh không. (595)
Trạnh tình em trẻ đau lòng,
Lúc vừa bảy tuổi mẹ bỗng trên tay ; (596)
Mấy lời mẹ dặn đắng cay :
Đợi con dưới đất vui vầy anh cha. (597)
Bây giờ tan-tác một nhà,
Còn ai hương khói ông bà nữa nao ? (598)
Thương ôi ! một ngọn hỏa hào,
Đưa người máu mủ cười vào cứu-nguyên ! (599)
Gặp cơn vận nước ngựa-nghiêng,
Kể ra còn lắm thuyền-quyển anh-hùng : (600)
Người thì vào ngọn hỏa hồng,
Người thì cắt tóc vì chồng cầu kinh ; (601)
Người thì tức tối trăm mình,
Người thì bỏ mạng trên nhành cây cao. (602)
Một lần máu chảy ngán-ngao,
Đau lòng, chủ-tướng truyền rao mấy lời : (603)
« Người đời đừng mấy lăm hơi,
Chết không thác uống một đời cũng oan. (604)
Chỉ bằng nuôi chút hơi tàn,
Sau này trả nợ giang-san có ngày. (605)
Còn như thừa thiếu dở hay,
Bao giờ nhắm mắt mới bày tỏ sau ... » (606)
Rạch-rời nỗi nỗi cạn sâu,
Một thành ngậm tử ra đầu cửa viên. (607)
Chứa tôi cũ lại kinh-thiêng,
Mấy trăm tướng sĩ lưu-biên một lần. (608)

(594) Chứa Tokugawa lòng trung mà bị mắc tiếng phản thần.

(596) Nguyên văn : Chạnh tình em trẻ : em của chàng Tấn-Sĩ.

(599) Cười vào cứu nguyên : cười mà nhận cái chết.

(608) Chứa tôi cũ lại kinh-thiêng : Chứa tôi bị đóng cúi đưa về kinh thành.

Lưu-biên : lưu đày ngoài biên-ải.

- Đọa-đày đủ kiếp phong-trần,*
Lắm yêu mặt ngựa, lắm thần đầu trâu, (609)
Người thì biển bắc dãi-dầu,
Ngày đêm gió thảm mưa sầu bao nhiêu; (610)
Người thì đói khát ngã xiêu,
Hái rau chân núi, vớt rêu đầu ghềnh. (611)
Sá chi một kiếp phù-sinh,
Cắn răng nhấm đủ trăm vành tã-toi; (612)
Đánh thân dốc trả nợ đời,
Phơi thây thất xịch tạ người cứu-nguyên. (613)

b) — Chàng kể tiếp : bây giờ vận nước suy-vĩ trước cơn bão táp Thái-bình-dương, gây ra bởi các cường-quốc Tây-Âu. Trong nước thì người ta cam tâm làm nô-lệ không chịu tìm đường canh-tân. Nào xu-nịnh quyền-thế, nào ăn chơi sa-đọa, nào hút máu hút mỡ của dân.

- Bây giờ vận nước ngã-nghiêng,*
Người ngoài lắm kẻ chẳng kiêng nể mình : (614)
Thanh thì cày lớn xùng-xình,
Góm lòng Nga, Đức, bọc tình Pháp, Anh ; (615)
Hiền ta rượu đỏ rượu xanh,
Mà trong lẫn-lộn bỏ rảnh thuốc mê. (616)
Người ta lắm kẻ say mê,
Trước hàm hùm rắn lăm-le gửi mình ; (617)
Nghĩ thói thói nợ rất kinh,
Đầu mồm nói ngọt, trong mình dao găm. (618)
Hồ lang còn kém thói tham,
Nửa phần châu Á mắc giàng thằng Nga, (619)
Anh thì Ấn-Độ tở nhà,
An-Nam cũng phải Lang-Sa dõ-dành ; (620)
Thừa ra người Thổ người Thanh,
Cây khô lá héo mấy nhành phát-phơ. (621)

(613) Nguyên-văn : *Giả nợ đời ; phơi thây thất xịch ; phơi tẩm thân bảy thước.*

(620) *Ấn-Độ tở nhà* : Ấn-Độ làm đầy tớ cho Anh. *Lang-Sa* : Pháp.

(621) *Người Thổ người Thanh* : người Thổ-nhĩ-kỳ và người Mãn-thạch

GIẢI-NHÂN KỲ-NGŨ

- Thương ôi ! cõi Á bảy giờ,*
Kinh nghệ dậy biển bốn bờ sóng xao ! (622)
Hùm beo đói khát lao-nhao,
Dòm rình ngoài cửa xiết bao vội-vàng. (623)
Người mình lăm nổi ngờ-ngàng,
Tự-do kiếm lối tìm đường chưa ra ; (624)
Lời ngu lăm kẻ kiêu-ngoa,
Khoe-khoang uốn vạy hóa ra quá chiều : (625)
Phép hay thói tốt phá liều,
Nóng công quấy-quá trăm điều đổi thay ; (626)
Nhiều người ruột đổi miệng ngay,
Vẽ-vời Âu Mỹ chạy quay một đường ; (627)
Bán buôn bỏ hết nghiệp thương,
Khua mới mùa miệng lạc đường tự-do ; (628)
Nghênh-ngang nói lớn ăn to,
Phe kia đảng nọ ra trò háo-danh ; (629)
Kề đầu đến miệng rấp-ranh,
Bắt hơi sữa bóng tập-tành đã quen ; (630)
Thói người càng xấu càng hèn,
Sớm bàn việc nước, tối chèn cửa quan ; (631)
Lời bừa kéo ách là sang,
Thối người đến thế nói bàn vào đầu ; (632)
Trường danh nẻo lợi vấp đầu,
Lại càng thói hiểm mưu sâu phỉnh-phờ (633)
Đang ngay nẻo tắt mập-mờ,
Càng mai-mĩa miệng, càng ngờ-ngần lòng ; (634)
Đề cho những lũ ruồi mòng,
Thừa cơ mùa trí giết lòng người ta ; (635)

(622) Nguyên văn : Kinh nghệ giậy biển. Cả câu này có nghĩa là loạn biển.

(623) Hùm beo : Chỉ các cường quốc Tây-Âu.

(625) Uốn vạy : uốn sửa cho hết vạy

(627) Ruột đổi miệng ngay : ngoài miệng nói ngay mà trong bụng nghĩ quẹo.

(630) Miệng rấp-ranh : Miệng nói xoen-xoét.

(632) Lời bừa kéo ách : Trâu kéo ách đề bừa ruộng, ý nói kẻ làm thân trâu ngựa mà lấy làm sang.

(635) Ruồi-mòng : Ruồi lớn chuyên bầu vào hút máu mủ người ta.

- Xui nên thối nước sút-sa,*
Thuốc chi chữa đặng bệnh tà lâu năm. (636)
Bạc tiền hề thấy thì tham,
Còn ai biết chút động tâm nước nhà ; (637)
Lắm người chặt ngón xẻ da,
Trốn cho khỏi lính ấy là chước hay ; (638)
Ông cha thượng-vô xưa nay,
Bổng không mấy chốc mây bay khỏi tàn ; (639)
Rủ nhau chen-chóc vô vãn,
Cắp kèn đem thòt cửa quan om-sòm ; (640)
Ra vào đút nhét âm-thầm,
Say-mê cò-bạc, dề-dầm phẩn son ; (641)
Phổ-phường lắm kẻ gái son,
Buôn hình bán dạng, quên còn xấu-xa. (642)
Thẹn-thường tục nước thối nhà,
Kẻ trai tức giận, người già tìm gan ; (643)
Làm ăn lắm nỗi gian-nạn,
Mà trong sưu-thuế đa-đoan nặng-nề ; (644)
Triều-định quyền trọng gớm-ghê,
Cửa tiền, cửa hậu, bốn bề lòn chui ; (645)
Những quân chạy ngược chạy xuôi,
Máu tham ai cũng đánh mùi kiếm ăn. (646)
Thương ôi ! Máu mủ của dân,
Lấy chi nuôi đủ những thân trâu bò ? (647)
Dân nghèo đói rách ốm xo,
Mồ hôi nước mắt mặn-mo cùng đường ; (648)

(636) Sút-sa : Sa sút, mỗi ngày một kém cỏi.

(637) Nguyên văn : Bạc tiền *hời* thấy...

(638) *Chặt ngón xẻ da* : Tự ý chặt tay chân mình và xẻ da thịt mình cho thành phở nhân để trốn lính.

(640) *Cắp kèn đem thòt cửa quan om-sòm* : ý nói đến nịnh hót ở cửa quan.

(641) *Dề-dầm* : dầm-dề.

(644) Nguyên văn : *Xấu thuế*.

(648) *Đói-rách* : Gây đói vì đói, như người bị rách thịt.— *Mặn-mo* : lang thang lẩn thẩn.

GIAI-NHÂN KỶ-NGỘ

*Bệnh nghèo mắc chứng cao-hoang,
Rủ nhau nói khoét, quên đường ngày sau ;* (649)

*Còn ai nghĩ cạn nghĩ sâu,
Nước dù đã mất nhà đâu lại còn ?* (650)

*Người ta giành mất miếng ngon,
Bán buôn cũng bị kẻ đùn người xô.* (651)

*Trong nhà mười thước tự-do,
Chỉ bằng một tấc dành cho quốc-quyền ;* (652)

*Các ông nếu giữ đũa riêng,
Đường xưa dấu cũ ngựa-nghiêng có ngày ;* (653)

*Sửa sang chức cả tổ bày,
Dưới trên một bụng, tao mảy bỏ đi ;* (654)

*Tiểu cần phí chạ làm chi,
Những quán tham những bớt đi một vài ;* (655)

*Lòng ngay khắp cả trong ngoài,
Ai ai cũng gánh một vai nước nhà ;* (656)

*Sao cho dòng giống xuê-xoa,
Sao cho người biết chơi xa nước ngoài.* (657)

*Của tiền mượn vốn người ngoài,
Dẹp bề tráp,điều toan bài bán buôn ;* (658)

*Làm hàng trồng-trọt luôn luôn,
Chở ra các nước ta buôn lấy lời ;* (659)

*Hỏa-xa chỗ vẫn chỗ dài,
Làm cho trong nước ai ai bằng lòng.* (660)

*Uốn lâu cây cứng cũng cong,
Làm lâu vận bĩ cũng hồng thái-lai.* (661)

*Vậy mà cả nước ai ai,
Chỉ lo trước mắt chơi bời nỡ nao ;* (662)

(649) Cao-hoang : bệnh đau đá đến trình-độ hết sức nặng, không thuốc chữa được.
Nói khoét : Nói khuếch-khoác.

(645) Dưới trên một bụng, tao mảy bỏ đi : dưới trên cùng một bụng còn lợi riêng.
của tao của mảy thì bỏ đi.

(658) Dẹp bề tráp điều : dẹp cái việc làm bụng điều bụng tráp của kẻ nô lệ.

(659) Nguyên văn : Thọ thuyền trồng trọt luôn luôn.

- Rượu trà cờ bạc lao-nhao,*
Ngựa xe võng lọng khoe giàu nổi chí ! (663)
Quên công vì bởi hờn ti,
Dùng người vợ-vẫn cũng vì mặt quen ; (664)
Nghĩ người nước Mỹ mà khen,
Phơi gan trái dạ đưa chen nước nhà ; (665)
Trọng người lại ngấm vào ta,
Một trời một vực găm ra thẹn-thường. (666)
Lòng tôi như đại như cuồng,
Ngày đêm luống những rầu buồn đầy thói ; (667)
Phải chăng ai biết đạo trời,
Vậy nên đền đổi lòng tôi mơ-màng. (668)

3.— Ca hát đề khuấy-khỏa nổi lòng

Nàng U-Lan nói sự-thê đã như vậy-cô nhin nhau khóc-lóc cũng vô-ích, ta hãy kiếm cách giải-phiên cho nhau. Tán-Sĩ ca cho Hồng-Liên và U-Lan dờn.

Rồi U-Lan làm thơ, Tán-Sĩ họa lại. U-Lan múa rồi rót rượu mời chàng uống. Chàng làm thơ, Hồng-Liên họa. Trong thơ chàng có ân-tình đối với U-Lan, Hồng-Liên thấy vậy thì có vẻ hờn duyên tui phận nhưng lại gảy mau tiếng dờn đề xóa phức-cảm ấy. Rồi Tán-Sĩ dờn cho U-Lan múa.

- Nói rồi kẻ thở người than,*
Vùng ó gác núi trắng vàng treo cây. (669)
Khói đêm ngui-ngút như mây,
Một giây ánh sáng soi ngay vào tường. (670)
U-Lan mở cửa vội-vàng,
Rằng phong-cảnh ấy may chàng tới đây ; (671)
Cảnh màu tạo-hóa khéo xây,
Bông thơm gió mát trong cây ngoài thềm ; (672)
Vừa châu đánh đuốc chơi đêm,
Nhìn nhau khóc-lóc có thêm chí mả ; (673)

(664) *Hờn ti* : (ti hay ty hay tư : riêng). Hờn oán vì chuyện riêng. *Dùng người vợ*.
gan : Dùng người bá vợ không đáng dùng.

(673) *Đánh đuốc chơi đêm* : do chữ bình chúc dạ dủ, đời ngắn đốt đuốc tìm tri-kỷ.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Phải toan kiểm chức phui-pha,
Rủ nhau ta sẽ kể ca người đàn. (674)*
*Nói rồi quay lại lấy đàn,
Luôn cây cầm nhỏ trao nàng Hồng-Liên. (675)*
*Chàng rằng phần chi giải-phần,
Ca-thi ái-quốc một thiên mới là. (676)*
*Nàng rằng chàng hỡi xin ca,
Vâng lời chàng mới ngâm-nga mấy hồi. (677)*

Ca rằng :

- Vì tở-Quốc cơ-đồ rục-rỡ, (678)*
Dựng nghĩa-kỳ ta gỡ cho ta, (679)
Nhà tử-tôi mẹ réo con la. (680)
Thối, khóc-lóc kêu-ca đã hết chỗ ; (681)
Triều-đình dữ-tợn ba đời hồ, (682)
Tướng-sĩ lao-nhao mấy đám ô ; (683)
Biết ngày nào cho dựng ngại chữ ca-cù, (684)
Gớm lữ kiến loài sáu chi quá ghét ; (685)
Đấng trượng-phu một trường oanh-liệt, (686)
Rút gươm ra đôi mắt liếc người thù (687)
Thề nhau hai chữ đồng cừu. (688)

II

- Thối hung-hăng nay đã vấy-vá, (689)*
Hèn càngh hèn khuấy-khỏa biết bao nhiêu ; (690)
Cối hoang-giao chó sủa quân reo, (691)
Vườn ruộng nát thành xiêu chợ đổ ; (692)
Cảnh vật tiêu-diêu gai mắt ngó, (693)

(682) *Dữ tợn ba đời hồ* : Dữ tợn như hùm beo.

(683) *Mấy đám ô* : Mấy đám chim ô, ý nói lộn-xộn hỗn-tạp : quân ô hợp.

(684) *Chữ ca-cù* : Ca hát dưới bóng cây, ý nói cảnh thái bình (?)

(689) *Vấy vá* : Lây trét, lan tràn, ý nói đã lan rộng ra.

(690) *Khuấy-khỏa* : Phá phách làm hại.

(691) *Cối hoang-giao* : Cối ngoài thành, bị bỏ hoang

Quán gia diu-dắc nổi lay qua ; (694)
Họa-hoạn nầy lai-láng khắp gần xa, (695)
Tội ác ấy muốn tha đã khôn xiết. (696)
Đáng trọng-phu một trường oanh-liệt, (697)
Rút gươm ra đôi mắt liếc người thù. (698)
Thề nhau hai chữ đồng-cừu. (699)

III

Việc xa-xi trong cung khôn xiết kể, (700)
Thói hung-hăng còn nể gì ai ; (701)
Chà ! Khe tham biển dục làng-lai, (702)
Nếu lỗ chuột đứt voi còn chữa hết. (703)
Ta kính vua như vàng nhật nguyệt, (704)
Vua đãi ta những việc ngựa trâu. (705)
Loài người ai cũng đỏ máu đen đầu, (706)
Vòng roi-vọt đề-nữ nào cay-nghiệt. (707)
Đáng trọng-phu một trường oanh-liệt, (708)
Rút gươm ra đôi mắt liếc người thù. (709)
Thề nhau hai chữ đồng-cừu. (710)

VI

Chánh tự-chủ dân ta dốc quyết, (711)
Đùm ruột gan xin kết cùng nhau, (712)
Cởi trói dây còn đợi lúc nào ? (713)
Hãy gắng sức anh-hào tuấn-kiệt ; (714)
Loạn-lạc lòng người ai cũng ghét, (715)
Đối lừa thói tục khuấy cho nhau ; (716)
Gươm tự-do sẵn mấy lúc chùi lau, (717)
Người tri-thuật dễ hầu ai hùng-hiếp. (718)
Đáng trọng-phu một trường oanh-liệt, (719)
Rút gươm ra đôi mắt liếc người thù ; (720)
Thề nhau hai chữ đồng-cừu.

Sa-trường một giấc sương thu ngàn đời. (721)

(694) *Diu-dắc* : Dẫn nhau, tiếp nối nhau

(718) *Hùng-hiếp* : Phương ngữ có nghĩa là áp-bức.

(721) *Giấc sương thu* : Giấc mộng coi nhẹ như sương mùa thu.

GIẢI-NHÂN KỶ-NGỘ

- Giọng êm phất-phới ngoài mồi,*
Giọng sâu mấy tiếng ngậm-ngùi trong răng. (722)
Xui người ruột tức gan hăng,
Hai nàng theo nhịp tay quăng nhón-nhàng. (723)
Thoạt nghe như khóc như than,
Thình-lình lại đổi khúc đàn Tiệm-Ly. (724)
Trong khi hứng-thủ lâm-ly,
U-Lan lại xướng tân-thì một bài. (725)
Lặng nghe ngậm-nghĩ êm tai,
Chàng liền hoạ lại một bài nối theo. (726)

Thì rằng :

- Đêm nay vui vẻ biết bao nhiêu ! (727)*
Kẻ hát người tranh hứng dặt-dìu, (728)
Mấy khúc xui nên lòng vẩn-vil, (729)
Hai bên còn lăm nổi liu-điêu. (730)
Bụi trần mỏng-mảnh dường bay bổng, (731)
Đường thể quanh-co hãy bước liêu. (732)
Cái kiếp phù-sanh là mấy chốc, (733)
Vì ai cay đắng luống nằng-niu. (734)
Thì rồi ngậm ngội dặt-dìu,
Ngang-tàng chỉ trẻ, mỹ-miền tình trai. (735)
U-Lan liền bắt lấy tay,
Thôi đàn nàng lại múa ngay một hồi. (736)
Tay bưng chén rượu sập-sùi,
Chúc chàng muốn tuổi, thêm vui bớt sầu ! (737)
Chàng rằng đêm tối cảnh màu,
Vui lòng nỡ dạ dễ đâu đủ điều ? (738)
Đêm nay hứng-thủ thật nhiều,
Gâm trong ý-khi dễ tiêu ai-hoái. (739)

(724) *Tiệm-ly* : Cao-Tiệm-Ly, bạn Kinh-Kha người tráng-sĩ vì nghĩa sang Tần hành hích Tần-Thủy-Hoàng, khi Kinh-Kha chết thì Tiệm-Ly lại đi trả thù cho bạn.

(730) *Lưu-điêu* : Đan-diêu (?).

(734) *Nằng-niu* nhau cho bớt nỗi cay đắng của nhau

(737) *Sập-sùi* : Vô-vập. (?)

(739) *Dễ tiêu ai-hoái* : Nỗi buồn nhớ quê hương dễ tiêu tán.

Nàng rằng mặt trái gan soi,
Mỗi người ta xướng một bài tân-ca. (740)

Đương còn nghĩ-ngợi ngâm-ngạ,
Vỡ cầm nàng đã xướng ra một bài. (741)

Thi rằng :

Trăng sáng mây tan vừng cảnh chiều, (742)

Gió xuân phơ-phất nước liu-riú. (743)

Khách quây một tiệc mùi thêm nức, (744)

Đàn gảy năm dây dạ dễ xiêu. (745)

Tinh-vệ nghìn năm hồn khó dứt, (746)

Đỗ-quyên muôn kiếp máu chưa tiêu. (747)

Rồng nằm đáy biển còn chờ đợi, (748)

Gặp hội mây mưa thẳng chín Tiêu. (749)

Đàn ca một khúc vừa rồi,

Hồng-Liên nàng cũng một bài nổi theo. (750)

Thi rằng :

Nhóm bạn đêm thanh cạn chén vàng, (751)

Gió xuân đưa nhận khói mơ-màng. (752)

Đầy thêm bông rụng lòng thơ-thần ; (753)

Chớp mắt xuân qua bóng lệ-làng. (754)

Tay yếu giáo dài khôn cây sức ; (755)

Thù sâu biển cạn luống cùm gan. (756)

Năm dây tơ nhuộm ngàn cân máu ; (757)

Một khúc hòa ca tiếng thở-than. (758)

Một hồi gió cuốn mưa reo,

Gỗ bình chàng cũng nổi theo một bài. (759)

(743) *Nước liu-riú* : Nước gọn lẫn-tẩn.

(744) *Quây một tiệc* : Vây vui một tiệc.

(746) *Tinh-Vệ* : (Con gái vua Viêm-Đế vượt biển bị sóng đánh chết đắm ngoài bờ khơi. Sau hóa ra con chim Tinh-vệ ngậm đá ở núi Tây Quyết về lấp cạn biển đông để trả thù). Nổi oán thù của Tinh-vệ nghìn năm khó dứt.

(747) *Đỗ-quyên* : Vua Thục-Đế vì dâm vợ Biểc-linh nên giao ngôi lại cho Biểc-linh, sau Biểc-linh trở mặt tàn-nhân cho ăn văt-vả, Thục-Đế buồn bỏ xứ ra đi và chết hóa thành con chim đỗ-quyên tiếng kêu thảm-thiết vì thương nhớ nước.

(749) *Thẳng chín tiêu* : Thẳng chín từng giờ.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

Thì rằng :

- Chiếc đồ ngư-phủ lạc Đào-nguyên, (760)
Thơm ngát mùi Lan, thắm vẻ Liền, (761)
Trăm giọt lụy sa cây trúc khách, (762)
Chín chiều ruột đứt tiếng cầm tiên ; (763)
Biển-dầu kiếp trước thêm đau-đớn, (764)
Non-nước ngày nào dặng vẻ-viên ? (765)
Gặp-gỡ duyên trời âu cũng lạ, (766)
Rượu ngon một chén giải trăm phiền. (767)
Hồng-Liên đứng dậy cầm chai,
Rót hai chén rượu rằng bài chàng hay : (768)
Tình sâu lấp-ló một vài,
Mừng chàng thiếp hãy dặng hai chén quỳnh. (769)
Chàng liền cặn-kẽ đình-ninh,
Mỉn cười nàng mới tỏ tình gần xa ; (770)
Rằng trên bức liễn kia là,
Huê lan thơm nức tìm ra phụng-hoàng ; (771)
Thiếp thì lạt-lẻo mơ-màng,
Còn ai ngó tới ngõ-ngàng biết bao ! (772)
Chàng càng đón trước rào sau,
Giả ngơ nàng mới gảy mau tiếng cầm ; (773)
Cao-ca một khúc hùng-trâm,
Của Nga-học-sĩ lúc lâm trường-hình. (774)

Thì rằng :

- Văng-vẻ đêm thanh động tiếng vàng, (775)
Trăng soi cửa sổ bóng mơ-màng. (776)
Phải trái còn chờ khi nhắm mắt ; (777)
Tự-do một giấc nức cười khan. (778)

(762) Cây trúc khách : Ông tiêu thời lên ở nơi quê người.

(765) Vẻ-viên : Vẻ-vang.

(769) Lấp-ló : Thoáng thấy.

(772) Hồng-Liên tỏ ý hờn duyên phận mình khi thấy U-Lan và Tân-Sĩ có tình với nhau.

(774) Nga-học-sĩ : (?) Lâm trường-hình : Bị xử tử hình.

(775) Động : Gieo mạnh.

*Điệu thanh mai-mỹ tiếng oanh,
Điệu sâu thấp-thoảng non Hoành nhận kêu ;* (779)

*Cung thương mấy giọng tao-tiểu,
Nửa phần đau ruột nửa điều xót gan.* (780)

*Giọng nàng còn hãy miên-man,
Thoạt nghe cũng khiến U-Lan lạnh mình ;* (781)

*Rằng : thời trong lúc hừng tình,
Ca chi giọng ấy bức mình lắm thay !* (782)

*Nói rồi nàng lại trở tay,
Ngang chừng Phủ-Bí chỉ ngay cho chàng ;* (783)

*Khom-khom một cánh cung loan,
Bóng chiều khỏi tỏa mát-man muôn nhà ;* (784)

*Một trời trắng sáng gió lùa,
Quanh sân mấy cụm lá-đa nhành sương ;* (785)

*Cảnh thu mai-mỹ lạ nhường,
Động lòng chàng vịnh một chương thuật-hoài.* (786)

Thì rằng :

Nước non quanh-quất một từng lâu, (787)

Trong có người Đông học Sở-tù ; (788)

Tiếng dế đêm khuya kêu dăng-dỏi, (789)

Trăng soi Phủ-Bí mấy nhà thu (790)

Ca rồi kê-lễ gót đầu,

Ấy thì năm ngoái trung-thu thuật-hoài ; (791)

Giang-thôn một cõi chơi-vơi,

Vui trong thơ kiếm cách ngoài trần-ai ; (792)

Đương khi gió mát sương phai,

Một vầng trăng bạc sáng soi đôi bờ ; (793)

Một mình quán khách bơ-vơ,

Tĩnh-cờ tức-cảnh bấy giờ còn ghi. (794)

Cùng nhau họa lại xướng đi,

Cảnh đêm đã vắng hừng-thi chưa tàn ; (795)

(379) Non Hoành : Núi Hoành-sơn.

(780) Tao-tiểu : Tiểu tao, buồn bã

(788) Sở-tù : Từ nước Sở (v)

- Vui-vầy một tiệc bội bàn,
Hứng tình chàng lại lựa đàn phong-tranh.* (796)
U-Lan dậy múa vung-vinh,
Hồng-Liên lại choán phần mình ngọc-tiều. (797)
Trong khi nàng múa dật-diu,
Nhìn xem đủ vẻ yêu-kieu biết bao ! (798)
Sóng tình trăm lớp đời-dào,
Mây hồng tai tia má đào thêm tươi. (799)
Hồng-Liên mủm-mỉm nói cười,
Xem trong tình-diệu đủ mười sóng thu. (800)

4.— Cầm tay nhau dạo vườn

Ba người rủ nhau chơi vườn ban đêm trong một khung-cảnh đầy thi-vị. Tán-Sĩ triết-lý vũ-trụ và nhân-sinh. U-Lan gát đi và đưa chàng về ngủ. Chàng nằm riêng trong phòng, mơ thấy mình dự trận xung-xất ghề hồn, quân thua, chàng bị đạn và có người con gái hồng-thập tự tới bằng lên. Mơ mắt ra thì người con gái ấy là U-Lan.

- U-Lan sửa áo xóc bầu,*
Ba người dúi-dắt rủ nhau dạo vườn. (801)
Áo ngoài lác-đắc hơi sương,
Trăm bông nghiêng ngửa mùi hương nức người. (802)
Bốn bề tơ liễu lả-lơi,
Trăng treo quạnh-quẽ gió rơi nhẹ-nhàng. (803)
Một màu trời nước mênh-mang,
Sóng Tương núi Sở ngồn-ngang mối tình. (804)
Chàng càng cảm nỗi cao xanh,
Sụt-sùi lại nghĩ hư-dinh cõi đời; (805)

(797) Nguyên văn : U-Lan dậy múa dật-dàng Hồng-Liên lại choán phần nàng ngọc-tiều (Đổi cho ăn vận với phong tranh ở câu trên).

(800) Sóng thu : Sóng mắt của người đẹp.

(803) Nguyên-văn : Bốn bề tơ liễu phát-phơ (Đổi cho ăn vận với nức người ở câu trên.

(804) Nguyên-văn : Trời nước lênh-lang.

(805) Hư-dinh : Hư là trống, dinh là đầy. Thường nói trong vũ-trụ có dinh hư và tiều trưởng.

- Lẽ màu diệu giải mấy lời :*
 « Nhân-gian nghe đặng nhạc trời mấy khi ? (806)
Mệnh-mông vũ-trụ ai bì,
Muôn vàn tinh-tú, thiên-ky khôn lường. (807)
Vả nghe ánh sáng xuyên ngang,
Một giờ đi đặng muôn vàn dặm tây, (808)
Cứ theo mực ấy mà hay,
Sáng sao đến đất cũng chầy mấy năm ; (809)
Tám ngàn lai-láng biển nam,
Đất trời cũng đã trải năm muôn vàn ; (810)
Cầm trong mạng số thể-gian,
Đem so vũ-trụ giọt trần thấm bao ! (811)
Thân người sánh-với dây cao,
Số chi mà tính đặng nào nữa đây ? (812)
Biết cho cận-kế cao đầy,
Con người luống những như say như cuồng, (813)
Hưởng chi cuộc thể tắc vương,
Trong con mắt tạo ra tuồng gì đâu ? (814)
Vậy mà các nước Á Âu,
Đua nhau giành lợi chọi nhau nực cười. (815)
Bàn huyền nói tịch mấy người,
Càng màu càng nhiệm trò đời nhấp-nhem. (816)
Nghĩ ra cho kỹ mà xem,
Người xưa đánh đuốc chơi đêm phải mà ! » (817)
U-Lan nàng mới thừa qua :
Vui buồn âu cũng người ta thường tình ; (818)

(807) *Thiên ky* : Thiên cơ, máy tạo.

(809) Nguyên văn : Cứ theo mực ấy mà suy (đòi cho ăn vận với dặm tây ở câu trên).

(812) Nguyên văn : Đem thân so với dây cao (Đòi cho khỏi trùng chữ đem so).

(813) Nguyên văn : Muốn cho cận-kế cao đầy, khiến người luống những như say như cuồng (Đòi cho sáng nghĩa).

(815) Nguyên văn : Đua nhau dành lợi.

(816) Nguyên văn : Càng màu càng nhiệm xui đời nhấp-nhem.

- Hôm nay vui-vẻ chúng mình,
Nói chi để lại động tình xót-xa ? (819)
- Bấy giờ đã quá canh ba,
Xin chàng hãy trở lại nhà nghỉ đây. (820)
- Đắt chàng vào chốn lầu táy,
Rằng đây là chỗ mộng hay của chàng, (821)
- Ngày mai ta sẽ nói bàn,
Nói rồi mỉm-mỉm vội-vàng bước ra. (822)
- Chàng vào buồng ngủ xem qua,
Màn treo kín thấp trắng lóa vào song. (823)
- Mơ-màng một giấc hãi-hùng :
Thình-linh trông thấy quán dung rộn-ràng ; (824)
- Bốn bề trống giục sấm vang,
Hai bên xáp trận nhộn-nhàng mũi tên ; (825)
- Một-mò khói phủ bốn bên,
Cờ bay xấp-xối dưới trên rợp đàng ; (826)
- Ngựa xe qua lại nhộn-nhàng,
Ngút trời khói súng, nức đường hơi giương ; (827)
- Tiếng người tiếng súng om-sòm,
Đôi bên đua sức, hườm-hườm như sôi ; (828)
- Thình-linh một tiếng thương ôi !
Một bên thất trận lẫn vùi chạy quay. (829)
- Địch-quân thừa thế theo ngay,
Đùng-đùng kéo tới thẳng vây kinh-thành ; (830)
- Tiếng hăm tiếng hét xung quanh,
Tả-tơi bóng xi, tan-tành dẫu xe ; (831)
- Đạn bay tứ phía vo-ve,
Mình liền bị đạn dăm-dề máu rơi ; (832)
- Mé-man lổm đất lổm trời,
Hóp-hoi còn nuốt chút hơi một mình ; (833)

(819) Nguyên văn : Hôm nay vui vẻ quá chừng, lại e đến nỗi động tình xót xa (Đồ) cho ăn vận với thương tình ở câu trên và sáng nghĩa câu dưới).

(826) Cờ bay xấp-xối : Phấp phới.

(833) Hóp hơi : Thở yếu Nuốt : nửa sống nửa chết.

- Gái đầu chạy tới thỉnh-linh,*
Tay cầm thập-lự xống mình đạn tên ; (834)
Vội-vàng đỡ xuống bông lên,
Kêu rằng : « thiếp hỡi, xin yên lòng chàng : (835)
Việc chi sợ-sệt vội-vàng ? »
Bỗng không quân giặc đã tan đi rồi. (836)
Giật mình mở mắt ra coi,
U-Lan nàng đã chực ngồi một bên. (837)
Thơ-mơ vừa nghĩ vừa nhìn,
Giây lâu mới biết là mình chiêm-bao. (838)

5. — CHIA TAY

Sáng ra, Hồng-Liên rót nước trà và bưng tới trầu hai người đề mừng cho hai gã tốt đôi. Chàng nói những lời gẩn bó. Nàng lo sợ vì giấc mộng của chàng. Hồng-Liên nói từ nay chàng nên năng qua lại đừng thưa nỗi tình. U-Lan gài bông hoa vào áo chàng.

Hai nàng đưa chàng ra bờ sông. Chàng xuống thuyền của Phạm-Khanh, người ăn-sĩ Trung-hoa. Hai người vừa ngồi trên thuyền vừa nói chuyện đến chiều mới chia tay.

- Mồ-hôi chảy thảo đều-dào,*
Trong lòng hời-hộp cất đầu ngó ra ; (839)
Vầng đông bóng đã chói lòe,
Vội-vàng sửa áo bước ra chuyện-trò. (840)
Thỉnh-linh một tiếng kêu to :
« Chàng đừng bỏ thiếp măn-mo mối sầu ! » (841)
Thất-kinh chàng mới quay đầu,
Thấy con anh-võ nuôi lâu trong lồng. (842)
Tinh-cờ lại gặp nàng Hồng,
Nhìn nhau mủm-mỉm ra lòng mĩa-mai. (843)
Cười rằng : nghĩ cũng khen ai,
Dạy con anh-võ lắm lời nhơn-nhờ. (844)
U-Lan giả dạng làm ngơ,
Mặt hồng, tai tía, u-ơ thẹn-thường ; (845)

(841) Măn-mo : (?)

GIẢI-NHÂN. KỲ-NGỘ

- Sóng thu lấm-liếc màu gương,
Mĩa-mai bóng sớm đeo sương ngại-ngần. (846)
Hồng-Liên liền lấy bình ngân,
Rót trà bưng lại tán-mán nói cười : (847)
Trà này bóng bọt tốt tươi,
Mừng cho hai gã tốt đôi gọi là. (848)
Chàng rằng mộng dữ hôm qua,
Bữa nay điềm tốt biết là nhằm đâu ? (849)
Nghĩ cho vạn sự đảo đầu,
Như ông Tái-mã, biết đâu mà lường ! (850)
U-Lan nghe nói thắm thương,
Làm thỉnh chàng cũng ra đường ngửa nghiêng : (851)
Thưa rằng : « lạc lối Đào-nguyên,
Tình cờ lại gặp Lạc-xuyên gái thần ; (852)
Vườn đào nhóm họp mấy lần,
Phơi gan trải mặt bụi trần sạch không ; (853)
Thế-gian mấy kẻ biết lòng,
Xưa nay lấm nổi não-nùng vì ai ; (854)
Lạ-lùng bèo nước gặp người,
Trong cơn lưu-lạc bằng người chị em. (855)
Dầu mà đường thẻ không yên,
Chán trời góc biển mảnh tem khôn nhìn ; (856)
Cõi đời sống chết khôn tin,
Mà lòng vàng đá giữ-gìn không phai , (857)
Dám đâu phụ-bạc như ai,
Đương khi thẻ-thốt, hình-hài sá bao ; (858)
Đến khi tiền bạc róc bao,
Phùng mang, trợn mắt, ngọt-ngào nữa đâu ; (859)
Thờ vua vấp mặt cúi đầu,
Gặp cơn hoạn-nạn toan hầu bán cha , (860)

(846) *Bóng sớm đeo sương* : Bông hoa buổi sớm có giọt sương bên cánh

(850) *Tái-mã* : Do tích Tái ông được ngựa thì khóc, mất ngựa thì cười nên nói việc đời không biết đâu mà lường trước.

(852) *Lạc-xuyên* : (?)

(856) *Mảnh tem khôn nhìn* : Không có thư-từ tin tức gì của nhau

- May mà gặp thuở thái-hòa,
Ăn sáu, ăn một, biết là bao nhiêu :* (861)
- Lòng ngay người mới kính yêu,
Nhưng quán bạc-bẽo trăm điều ai tin ;* (862)
- Xin ai trân-trọng muôn nghìn,
Lòng đây còn hãy giữ-gìn như xưa. »* (863)
- U-Lan mặt héo như dưa,
Cắt lời nàng mới trình thưa vội-vàng :* (864)
- « Hôm qua thiệp có nghe chàng,
Thấy điềm ác-mộng sợ đàng về sau ».* (865)
- Sự-sùi hòng ngại mặt xấu,
Lời vàng chưa dứt, lụy châu trăm dòng,* (866)
- Gương cười lại hỏi nàng Hồng :*
« Lòng ta buồn-bã ngại-ngùng bởi đâu ? » (867)
- Hồng-Liên về-vô giờ lầu,
Cười rằng : « Tôi nhớ người Âu nói thường :* (868)
- « Lòng mẹ vì bởi quá thương »*
Bây giờ chị hãy xin lường cạn sáu ». (869)
- Chàng nghe chẳng biết nói sao,
U-Lan nàng cũng cúi đầu làm thinh.* (870)
- Hồng-Liên thở-thở thưa trình :*
« Bữa nay chàng đến cũng tình thông-giao : (871)
- Hai bên ý-hiệp tâm-đầu,*
Cũng vì hai chữ phong-lưu cuộc đời. (872)
- Gẫm trong bàn-luận mấy lời,
Vào trong hiền thánh, ra ngoài trung-trình ;* (873)
- Thi-ca mấy khúc chung-tình,*
So vào Lý, Đỗ, tao-thanh đủ mười. (874)
- Thuyền-quyên quán-tử những người,
Vui mà không đắm, có lời dạy xưa.* (875)

(864) Nguyên văn : Cắt lời nàng mới chường thưa vội-vàng.

(868) Về-vô : Vô-về an-ủi.

(870) Nguyên văn : Chàng nghe chẳng biết vào đâu.

(874) Lý, Đỗ : Lý-Thái-Bạch, Đỗ-Phủ, hai thi nhân cũ của Trung-Hoa.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

- Xin chàng chớ nệ nắng mưa,
Năng qua năng lại, đừng thừa mỗi tình ». (876)
- Chàng rằng : « chút phận lênh-đênh,
Quá lời khen ngợi, ra tình xót-xa ; (877)
- Lòng người còn tưởng đến ta,
Mưa lời khuyên nhủ, sẵn là lòng đáy ». (878)
- U-Lan vẫn-vó khôn khuấy,
Tay cầm bóng cúc gài ngay áo chàng. (879)
- Rằng : « dầu bóng nọ khó-khan,
Chàng đừng bỏ thiếp bụi than một mình ». (880)
- Chàng liền cười nói rập-rình,
Rằng : « nằng thiết kẻ chung tình yêu hoa. (881)
- Những bóng biết nói xuê-xoa,
Ngày sau chẳng biết của ta của người ». (882)
- U-Lan mỉm-mỉm miệng cười,
Mắt đưa Tán-Sĩ dăm dãi xa-xa. (883)
- Phạm-Khanh trắng-sĩ Trung-Hoa,
Tức đời ghét tục lánh xa giang-hồ. (884)
- Dặm khơi cũng khách đon-cô,
Cùng chàng qua lại hẹn-hò bấy lâu ; (885)
- Chuyện nàng đã rõ gót đầu,
Khi đi chàng dặn đem châu đón người. (886)
- Bén sông chàng bước tới nơi,
Bắt tay chào hỏi vội dời thuyền ra, (887)
- Hai nàng đứng cách xa-xa,
Kêu rằng : « Trán-trọng đó mà chàng ôi ! » (888)
- Chàng liền cất mồm trả lời,
Rằng : tôi cũng chắc kia : « mai ! đó mà ». (889)

(876) Nguyên văn : Đừng sưa mỗi tình.

(878) Nguyên văn : Mong lời khuyên nhủ.

(880) Bụi than một mình : Theo ý-niệm phương Đông có thể là bị lấm than gió bụi, ý-niệm phương Tây lại có thể là một mình đứng chờ xe lửa, cho bụi than dầy mình.

(882) Bóng biết nói : Người đẹp.

(885) Đon-cô : Độc thân sống lẻ-loi.

(884) Nguyên văn : Phạm-Khanh là khách Sĩ-noa (đòi cho nhà.)

(886) Châu : Thuyền nhỏ (?) trong Yên ba thám xứ hữu ngư châu.

- Thuyền đi một quãng xa xa,*
Chàng còn ngó lại hai ba bốn lần. (890)
- Hai nàng còn đứng bực sân,*
Tay hươu khăn trắng mấy lần yếm áo. (891)
- Phạm-Khanh trở mái dòng sáu,*
Thả theo dòng nước, trong châu luận bàn. (892)
- Phạm rằng : « tôi có bạn vàng,*
Cũng tài kinh-lễ cũng trang anh-hùng ; (893)
- Tức vì vận nước long-đông,*
Giận người Chánh-Phủ trong lòng ngăn-ngờ. (894)
- Nếu không kêu lớn bây giờ,*
Tìm đường thay đổi còn chờ lúc nao ? (895)
- Anh va là đảng cầm đầu,*
Quân triều ghen-ghét toan hầu bắt va ; (896)
- Thoát nàn va mới lánh xa,*
Sang đây đi học vào khoa đứng đầu ; (897)
- Rủ chỉ phải một trận đau,*
Ra người chín tuổi bấy lâu đã rồi. » (898)
- Chàng nghe cất tiếng : « thương ôi !*
Phải là Qua-Ngạn thời tôi biết người ; (899)
- Cùng nhau lắm lúc vui chơi,*
Cùng nhau chỉ đất vạc trời lắm phen ; (900)
- Thề nhau gắng hết sức hèn,*
Làm cho cõi Á đua chen với người. (901)
- Bấy giờ đến nỗi thiệt đời,*
Thoạt nghe anh nói rụng-rời chân tay. (902)
- Trung-Hoa xem lại bấy nay,*
Bốn trăm châu huyện còn ai sánh bằng ; (903)
- Bởi vì chánh-trị lằng-nhằng,*
Ngoại-giao lại để cho thằng bá-vơ ; (904)

(890) Nguyên văn : Ngó lại năm ba bốn lần.

(897) Vào khoa : Vào hạng.

(899) Qua-Ngạn : (?)

(903) Nguyên văn : Sĩ-Noa xem lại bấy nay.

(904) Nguyên văn : Bởi vì chánh nước lằng-nhằng.

GIAI-NHÂN KỲ-NGÔ

*Làm cho đến đổi dật-dờ,
Đụng ai nấy hiếp, ngàn-ngor trăm đàng ;* (905)

*Nếu mà biết thể sửa-sang,
Cấm bên nha-phiến, dạy đàng quốc-dân ;* (906)

*Đủ bên hình-thức, tinh-thần,
Thời mưu hưng-Á mười phần trong tay. »* (907)

*Phạm rằng : « ấy thiệt chỉ đây,
Lời anh so với lòng này như y ;* (908)

*Rồng nằm phụng đứng thiếu chi,
Nào người tam cố thảo lư đâu là ! »* (909)

*Hai người chước lạ mưu xa,
Bàn to nói lớn sa-dà say-mê.* (910)

*Trời chiều bóng mát lư bề,
Ghé thuyền đỗ bến rủ về chia lay.* (911)



(909) Nguyên văn : Rồng nằm phụng bỏ thiếu chi.

HỒI THỨ BA

GIẢI-NHÂN NẸO NÀO

I. — Lần sau trở lại không thấy người nữa

Chàng Tấn-Sĩ về nghỉ-ngoi, hôm sau lại sửa-soạn sang sông. Nhưng rủi gặp sóng to gió lớn, thuyền không qua được, chàng đứng tần-ngần ở sông thì bị trận mưa ướn hết quần áo, về nhà bị bệnh sốt một tuần mới khỏi. Khi hết bệnh, chàng qua sông đến nơi gặp-gỡ cũ thì nhà cửa đóng im-im không một bóng người.

*Chàng về nghỉ đến rạng ngày,
Sửa-sang quần áo tới ngay bến Đẽ. (912)*

*Ngút-ngui mây phủ tứ bề,
Gió liu-hiu thổi, mưa dề-dầm sa ; (913)*

*Một sóng bão-chuồng phong-ba,
Thuyền qua không được, lán-la bên bờ ; (914)*

*Mưa to một trận bờ-sò,
Áo quần ướt hết, trơ-vơ giữa đàng ; (915)*

*Quay mình trở lại vội-vàng,
Liền đêm phải bệnh ngửa-ngang trên giường (916)*

*Mối tình trăm nỗi vấn-vương,
Trách vì con Tào lăm đường dỏ-dang ; (917)*

*Một mình quán khách ngỗ-ngàng,
Đêm dài đặc-đặc lòng càng nhớ-ai ; (918)*

*Ba thu đồn lại một ngày,
Tin nhân thơ cá khôn bài nhẩn-nhe ; (919)*

*Mấy lần nệm phủ mền che,
Cách tuần chừng bệnh cũng nghe giảm dần ; (920)*

GIAI-NHÂN KỶ-NGỘ

- Bến Đê gằng-gượng mò lần,
Mặt soi đáy nước mấy phần khô-khan. (921)
Thất kinh chàng mới thở-than,
Vì ai cay đắng dở-dang thế này ! (922)
Hay là chẳng thấy nhau đây ?
Giữt lời thuyền đã lờ cây liễu còi. (923)
Bước lên xem lại hửn-hỏi,
Cửa nhà bưng-bít, trong ngoài vắng tanh ; (924)
Cỏ gà cỏ xước mọc quanh,
Lối xưa dấu cũ in hình mả-mai ; (925)
Đưa đàng đón ngõ là ai ?
Trông ra từng rụi, liễu còi, mấy cây. (926)
Thương ôi ! bữa trước chốn này,
Đêm nằm thấy mộng là đáy rõ-ráng ; (927)
Rành-rành biển thẳm non thương,
Mà nay ngấm lại thiệt trường mộng xuân. (928)
Bốn tường gió cuốn mưa vùn,
Cửa gài, then đóng, giai-nhân nẻo nào ? (929)
Chín chiều ruột thắt quặn đau,
Bàng-khuáng gốc liễu, đi đâu bấy giờ ? (930)

2.— Chỉ nhận được một bức thư

Chàng ngờ-ngần nhìn lên thân cây liễu thấy có một bài thơ của Phạm-Khanh. Một lát ông lão câu, gác nhà ấy, lại đưa chàng phong thư của U-Lan. Trong thư có kèm theo thư của Hồng-Liên gửi Ba nữ-sử.

- May đâu trong lúc tình-cờ,
Trông lên gốc liễu có thơ mấy hàng ; (931)

(923) Hay là chẳng thấy nhau đây : Linh-linh của chàng ngờ chẳng thấy nhau.

(924) Nguyên văn : Cửa nhà tan tác

(926) Nguyên văn : Thừa ra từng rụi liễu còi mấy cây.

Thi rằng :

- Gã Kinh-Kha mến nghĩa chàng Đơn,* (932)
Đem thân bỏ sán Tồn còn chẳng tiếc ; (933)
Chàng Nhiếp-Chánh nhờ ơn Cụ-Toại, (934)
Trái gan phơi khuyết Ngụy cũng như
không, (935)
Tự xưa nay mấy kẻ anh-hùng, (936)
Cũng đã lắm vẫy-vùng trời đất. (937)
Tuy chẳng phải thánh hiền đạt tiết, (938)
Nhưng cũng là thiên địa lưu danh. (939)

Xem rồi nghĩ quất nghĩ quanh,
Thực đây là chữ Phạm-Khanh rõ ràng. (940)
Trong lòng trăm mối ngổn-ngang,
Nửa ngờ nửa nghĩ nhộn-nhàng giây lâu. (941)
Gần-gần có một lão câu,
Tuổi chừng bảy chục tóc râu đã già ; (942)
Gần chàng mới hỏi lân-la :
Biển Đông Tán-Sĩ phải là chàng đây ? (943)
Tôi là kẻ giữ nhà này,
Hai nàng bận việc đi ngay bây giờ ; (944)
Khi đi có để cái thơ,
Dặn rằng chàng tới thì đưa cho chàng. (945)

(932) *Kinh-Kha* : người hiệp-sĩ mến đức Thái-tử Đan nước Yên mà đi Hàm-Dương để hành thích Tần-thủy-Hoàng. *Chàng Đơn* : Thái-tử Đan.

(933) *Sán Tồn* : sán Tần.

(934) *Nhiếp-Chánh* : Một hiệp-sĩ thời Đông-Chu, nguyên là người hàng thịt trâu có mẹ già, một hôm gặp quan Đại-phu nước Triệu tìm mời về lo việc báo thù cho chúa Triệu. Chánh còn mẹ già nên không muốn nhận lời và lễ vật của quan Đại-phu, mẹ Chánh xem biết quan Đại-phu là người nên giúp và muốn cho Chánh khỏi khuất tiết người rượng phu nên gọi vào khuyên nên đi lo việc cho chúa Triệu. Chánh còn ngần ngại, mẹ muốn con quyết ý nên tự sát. Chánh khóc nói : tôi vâng di mạng mẹ tôi chớ không nhận vàng của ngài mà đi báo thù cho chúa Triệu. Quả sau làm xong việc.

(935) *Khuyết Ngụy* : triều đình nước Ngụy.

(936) *Nguyên văn* : *Trái xưa nay mấy kẻ anh hùng.*

(937) *Nguyên văn* : *Cũng lắm kẻ vẫy vùng trời đất.*

GIAI-NHẬN KỲ-NGỌ

*Một phong lão mới xin dâng,
Dâng rồi quày-quả vác cần đi ngay.* (946)

*Được thơ ngần-ngại lắm thay,
Mở ra chàng mới xem ngay tức thì.* (947)

Thơ rằng :

Buồn chi buồn cho bằng cơn loạn-lạc ? (948)

Thảm chi thảm cho bằng lúc biệt-ly ? (949)

Ông trời già chẳng chút kiêng vì, (950)

Kiếp hoạn-nạn chỉ tam chi tái ; (951)

Có thơ đem lại, nhần với thiếp rằng : (952)

Cha thiếp đã bị trời bị trần, (953)

Đóng cũi đem về Kinh địa ; (954)

Ruột thiếp như dao như nĩa, (955)

Lòng nào chẳng xót chẳng thương ; (956)

Thiếp liều mình vào chốn hồ lang, (957)

*Dẫu sống chết cha con một đảng cũng
khỏe.* (958)

Trong khi phân rẽ, muốn thấy mặt chàng, (959)

Đã chút tình thương, kéo còn đeo-đẳng, (960)

Thời giờ quá vắn, chàng chớ chấp chi. (961)

Hồng nhơn lưu-ly, bay đi về bắc ; (962)

Tủi mình phận bạc, tâm-sự lơ-làng ; (963)

Biết ngày nào cho thấy mặt chàng, (964)

Xui lòng thiếp trăm đảng khôn nghĩ. (965)

Non Âu nước Mỹ, muốn dậm lạ-lùng, (966)

Trời giạt dẫu bằng, chàng kia thiếp đây ; (967)

*Chiêm bao nằm thấy, hồn phách mơ
màng,* (968)

Gió giạt mưa tan, ra tình nhạt-nhẽo, (969)

Phụng bay lan héo, đau-đớn lòng đầy ; (970)

Thời mạng khiến vay, phải sao chịu vầy. (971)

(946) Nguyên văn : *Đưa rồi quày-quả vác cần đi ngay.*

(947) Nguyên văn : *Được thơ ngần ngại bấy-chầy ; mở ra chàng cũng xem ngay tức thì.*

(957) *Chốn hồ lang* : chốn nguy hiểm như hang cọp.

(962) *Hồng nhạn* : chim hồng và chim nhạn.

Nhưng mà,
 Đứng trước-phu bốn phương lừng-lẫy, (972)
 Trong năm châu chẳng khác xóm làng ; (973)
 Vì dầu lòng chàng hãy còn thương thiếp, (974)
 Dầu cho muôn kiếp, như thấy mặt nhau, (975)
 Lạ phải mai chiều, ăn chung ở chạ, (976)
 Trăm điều giáo-giã, mới gọi rằng thương. (977)
 Thiếp chúc cho chàng : (978)
 Lập công mã-cách (979)
 Để tên sử-sách ; (980)
 Tuổi chàng trẻ-trong, (981)
 Khuyên chàng gắng công, (982)
 Muôn vàn trân-trọng. (983)
 Lòng thiếp còn mong : (984)
 Ngày khác biển Đông, (985)
 Có kẻ anh-hùng, (986)
 Ra phò chánh-khi, (987)
 Dựng cao cờ xí. (988)
 Giành lại tự-do. (989)
 Thiếp bấy giờ, (990)
 Xin cũng liều chút phận bụi tro, (991)
 Quyết rong-ruổi trong vòng nhung mã ; (992)
 Thiếp xin hầu-hạ, (993)
 Thang thuốc cho chàng ; (994)
 Đến lúc khải-hoàn, (995)
 Rước mừng đầu ngựa, (996)
 Bắt tay mừng rỡ, (997)
 Chàng chắc thiếp còn, (998)
 Nếu rủi thon-von, (999)
 Chàng không thấy thiếp, (1000)
 Chắc là bỏ kiếp, (1001)

(979) Mã cách : Da ngựa bọc thây, ý nói cái chết vẻ-vang lấy da ngựa bọc thây là sự nghiệp của người chiến-sĩ.

(999) Thon von : Thon : rút nhỏ lại ; Von : nhỏ và dài ; ý nói yếu ớt nghĩa bóng : không chắc bền, xấu số, cũng như số phận mỏng-mạnh.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Trả nợ núi non,* (1002)
Hồn xuống chín sông, (1003)
Chàng đừng trông nữa. (1004)
Thương ôi ! Chiêm bao một bữa, (1005)
Nhớ chàng mà lụy nhỏ trăm dòng ; (1006)
Cách trở ngàn trùng, (1007)
Trông chàng mà ruột đau chín khúc ; (1008)
Biệt ly một chốc, xin tổ chàng hay ; (1009)
Khuyên chàng ra tay, giúp cho nhà nước. (1010)

Bách bài kinh thư.

U-LAN

- Xem đi xem lại một khi,*
Ở trong còn có một bài thơ riêng ; (1011)
Nhìn ra thực chữ Hồng-Liên,
Gởi Ba nữ-sử nói riêng chuyện chàng. (1012)
Đọc đi đọc lại thư nàng,
Ngồn-ngang trăm nỗi thổ-than mấy lời : (1013)
« Hình mai dạng liễu những người,
Vì cha bỏ mạng trong đời mấy ai ? (1014)
Biết nhau vì một tiếng cười,
Đình-ninh lại đình một lời chung thân. (1015)
Thơ này kể hết xa gần,
Trăm phần khảng-khái, trăm phần đắng cay ; (1016)
Trước là vĩnh-quyết đời này,
Sau là gắng-gỗ cho đây rõ-ràng ; (1017)
Phải đâu nhi-nữ lắm-thường,
Trượng-phu nghĩ cũng thẹn-thường lắm thay ! » (1018)

(1012) *Ba nữ-sử* : người nữ-chí-sĩ Ái-Lan khác tên Ninh-Lưu mà Hồng-Liên đã nói đến ở câu 415-416.

(1015) *Biết nhau vì một tiếng cười* : đó là tiếng cười hào-hiệp. Đây nói về hai nàng U-Lan và Hồng-Liên vì tiếng cười hào-hiệp mà hai nàng ở hai nước quen biết nhau và thề cùng sống thác với nhau.

(1017) Hồng-Liên viết thư cho Ba nữ-sử nói lời vĩnh-biệt và xin nàng Ky cố gắng cho mình chết cũng được tiếng thơm lây.

3.— Thương xót người ra đi

Chàng buồn rầu trở về thì sinh bệnh và buồn tưởng tới nàng.

- « *Thương ôi ! tài đức bực này,
Trời xanh nỡ để đọa-đày vậy ơ ?* (1019)
*Hay là máy tạo thờ-ơ,
Ngọc-thành có ý đợi-chờ hậu-sanh ?* (1020)
*Bóng mai trăm đóa trên nhành,
Phải cho sương tuyết tan-tành mới thom* (1021)
*Những người đức đủ tài gồm,
Phải cho trăm kiếp bông trầm mới nên ;* (1022)
*Đạo trời mẫu-nhiệm khôn tin,
Nghĩ người can-đảm cũng khen cho tài ;* (1023)
*Nàng Hồng gã Phạm cả hai,
Đem thân dốc gánh một vai nước nhà.* (1024)
*Xiết bao gánh nặng đàng xa,
Bây giờ vì có cha già nàng Lan ;* (1025)
*Rủ nhau vượt biển băng ngàn,
Trời xanh còn có ý trăn chi đây ;* (1026)
*Nàng Hồng tuổi trẻ thơ ngây,
Liều mình giả nợ xum-vầy bấy lâu ».* (1027)

(1020) *Ngọc thành* : ngọc làm cho thành khí. Dựa theo tích họ Hòa đời Chiến-quốc ba phen ôm đá có ngọc dâng vua. Phen đầu, đời Lệ-vương vua sai thợ ngọc xem, thợ chém đi một góc không thấy gì, tâu vua là đá, không phải ngọc. Vua cho họ Hòa nói dối; sai chặt một chân. Phen thứ hai, đời vua Vũ-vương, họ Hòa lại dâng ngọc. Vua lại sai thợ ngọc xem, thợ lại chém đi một góc khác không thấy gì lại tâu vua là đá. Vua cho họ Hòa chỉ tâm nói dối lại chặt đi chân nữa. Đến đời Văn-vương, họ Hòa lại ôm ngọc ngồi khóc ở trên núi Sở-sơn suốt ba ngày đêm, máu theo nước mắt chảy ra. Vua nghe tiếng sai người tới hỏi. Họ Hòa thưa : Tôi khóc không phải vì thương hai chân tôi bị chặt chỉ thương về nỗi ngọc mà bị cho là đá, nói thật mà bị cho là nói dối. Vua bèn sai người xem lại. Kỳ này thợ ngọc cưa thấu ruột đá thì lấy ra được hòn ngọc vô giá, ngọc ấy đời sau được Tần-Thủy-Hoàng cho khắc làm ngọc Tỷ là vật tượng-trưng cho quyền của Hoàng-đế.

Cả câu có ý nói : Hay là tạo hóa vẫn xoay cho người đời sau mới làm thành công việc Ái-Lan độc-lập mà đời này nàng Hồng-Liên theo đuổi.

(1022) Nguyên-văn : Phải cho trăm kiếp nổi chìm mới nên.

(1026) *Ý trăn* : ý đòi-dào.

(1027) *Nợ xum-vầy* : tình bạn-bè sống chung

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Một mình hỏi nói bao-lao,
Nỗi lòng càng nghĩ càng đau càng sâu ; (1028)
Trông quanh ngó quất giờ lâu,
Núi sông phưởng-phất cỏ lau lơ-mờ ; (1029)
Người đi tắc bóng khôn chờ,
Trông lên bóng ác phất-phơ non đoài ; (1030)
Gió chiều sóng phủ chơi-vơi,
Đổ-quyên mấy tiếng như xoi mạch sâu ; (1031)
Một trời cảnh vật tiêu-tao,
Lòng càng ngấm-nghĩ càng đau như dằn. (1032)
Thuyền theo dòng nước dần-dần,
Trở về Phủ-Bi một lần nghỉ-ngơi. (1033)
Ngày đêm trong dạ như dòi,
Sầu tuôn nét mặt, đau nhồi lá gan. (1034)
Nỗi mình khôn tỏ tắc gang,
Ai ai cũng ngỡ lại mang sốt mình, (1035)
Khuyển chàng găng-gượng giữ-gìn,
Mạnh bề cơm cháo, bớt bên sách đèn. (1036)
Thơ nàng gác để một bên,
Mấy lần ghé mắt mấy phen đau lòng. (1037)
Ngồi buồn tưởng tới âm-dung,
Thình-linh như thấy bóng hồng vào ra. (1038)
Ngồi buồn tránh nỗi gần xa,
Thình-linh lại giục lụy sa mấy hàng. (1039)
Trăm bề thăm ngửa sầu ngang,
Rượu cơm biếng miệng, sách đàn ngơ tay. (1040)

4. — Dọ hỏi tin-tức

Chàng tính đến thăm Ba nữ-sử đề dọ hỏi tin-tức. May thấy có tờ báo đăng tin ông tướng của Đốn-Gia-La đã vượt ngục. Chàng nghi-ngờ không rõ phải cha nàng U-Lan chăng ? Chàng vội-và tìm đến Ba nữ-sử.

- Lân-la cách dặm mấy ngày,
Nàng Ba chàng cũng sắm bài tới thăm, (1041)

(1038) Âm-dung : hình bóng người.

(1041) Sắm bài : tính chuyện.

- Rủ đầu cảm-chùng âm-trầm,*
Ngày đêm luống những ngời nằm lỏi-thôi. (1042)
Nhơn khi vắng-vẻ đương ngời,
Thấy tờ nhật báo mấy lời nói qua : (1043)
Rằng có ~~hướng~~ Đốn-Gia-La,
Bị tù nay đã thoát ra cõi ngoài. (1044)
Chàng liền vỗ ghe cả cười ;
Ông này có phải cha người hay không ? (1045)
Ngờ tin lắm nổi ngại-ngùng,
Tìm Ba nữ-sử cạm-cùng đầu đuôi. (1046)
Cầm thơ vội-vã đi xuôi,
Qua sông Đề-thủy tới nơi xe-đình. (1047)
Lên xe ngồi đứng một mình,
Một giây xe chạy co quanh mấy đàng. (1048)
Bấy giờ ngẫm-nghĩ chuyện nàng,
Ninh-Lưu là hiệu cũng làng Ái-Lan ; (1049)
Cha, em, cháu, cũng vẻ-vang,
Một phần máu nóng chung toan nước nhà ; (1050)
Ấm-thầm một cháu một cha,
Liều mình ở lại nước nhà lo mưu ; (1051)
Khuyến dân gắng nghĩa đồng-cừu,
Sao cho thoát khỏi lưới thù mới thôi. (1052)
Ở nhà một mẹ mồ-côi,
Đưa qua nước Mỹ nàng nuôi dưỡng già ; (1053)
Nước này cũng lắm dân nhà,
Ngày đêm nàng cũng lần-là dỗ khuyến ; (1054)
Bày cho bỏ của bỏ tiền,
Giúp cơn Tổ-quốc nghèo hèn gian-nan. (1055)

(1042) *Âm-trầm* : nặng-nề, trầm-trọng.

(1044) *Tướng Đốn-Gia-La* : tướng của Don Carlos.

(1047) *Xe đình* : Nhà ga.

(1048) *Ngồi đứng* : phương ngữ có nghĩa là ngồi thờ suy nghĩ.

(1049) Nguyên văn : *Ba Ninh* là hiệu (đòi cho đúng với tên đã nói ở trên).

(1053) *Mẹ mồ-côi* : mẹ cô đơn.

(1054) *Lần-là* : dần-dà ; cũng lắm dân nhà : lắm người đồng bang.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Hai vai một gánh giang-san,*
Trong phe độc-lập luận-bàn một tay ; (1056)
Nước nhà lắm nỗi đắng cay,
Thuật tình nàng vịnh một bài trường-ca. (1057)
Cặn-cời mọi nỗi gần xa,
Người Anh thể ấy, dân nhà thể nao ; (1058)
Nghe qua ai cũng ruột đau,
Thế-gian hồ dễ người nào làm ngơ. (1059)
Khen thay liễu yếu đào thơ,
Liều mình sống thác mong chờ sông trong ; (1060)
Thề đem chút sức muối mòng,
Toan mang núi cả anh-hùng lắm thời ; (1061)
Lòng bằng dạ ngọc trau-dồi,
Vui sọn cột phần, mùi đời quân bao ? (1062)
Trái mai ba bảy đã cao,
Tình xuân chẳng chút chào-rào với ai ; (1063)
Thử đem so với những người,
Sớm đào tối mặn một đời ra chi ! (1064)
Chàng còn ngấm-nghĩ yếu vì,
Trông ra xe đã tức thì tới nơi ; (1065)

5.— Những chuyện vặt khiến người ta không hiểu nhau

Người ta lầm tưởng chàng là người Chi-na. Con hầu và lũ người Ái-Lan trẻ tuổi có những cử-chỉ vô lễ đối với chàng. Chàng quày-quả ra về. May có người chạy theo năn-ni chàng trở lại.

- Xuống xe lại gõ cửa ngoài,*
Chẳng ai ư-hử đợi hoài giờ lâu ; (1066)
Một giây, thấy có con hầu,
Chạy ra mở cửa đầu lâu nức cười ; (1067)
Thoạt trông mới thấy nửa người,
Dầy môi, thấp mũi, trót tai, đỏ đầu ; (1068)

(1058) *Cặn-cời* : cặn-kế.

(1063) *Chào-rào* : phương ngữ có nghĩa như chàng-ràng.

(1068) *Trót-tai* : tai loang-lỗ (?)

- Răng dài như thề răng hầu,*
Mặt như rồ sảo nói câu cà-cà. (1069)
Thấy chàng ra bộ nồng-nà,
Vọt mồm hỏi xằng : « Chú là người đâu ? » (1070)
Chàng liền ra dạng yếm-âu,
Rằng : « tôi Tán-Sĩ tới hầu chủ cô » (1071)
Hầu lễn vác' mặt ngó vô,
Nhấn mày nhú mũi rằng : « Cô sốt mình ; (1072)
Khách quen còn chẳng dám kinh,
Huống chi thứ chủ mà tình-nghĩa chi ! » (1073)
Chàng càng ruột tức tri-tri,
Mon-men muốn mắng suy-bì lại thôi : (1074)
Người Lan lắm nỗi lỏi thối,
Xưa nay vẫn ghét những người Chi-Na ; (1075)
Bây giờ nhìn lăm đến ta,
Vậy nên đến đổi làm ra bơ-sờ. (1076)
Chàng liền móc túi lấy thơ,
Tay trao miệng cũng dặn sơ mấy lời, (1077)
Rằng : « tôi tách dấm xa-xuôi,
Tới đây thăm-viếng, muốn duôi tẩm lòng ; (1078)
Ngày nào gặp dịp thông-dong,
Tôi xin trở lại cạm-cùng tóc-tơ ». (1079)
Nói rồi lỏn-lén đi ngo,
Tới ga xe lửa đợi chờ xe qua. (1080)
Người Lan lại gặp năm ba,
Mặt tro, áo bụi, tuổi và ba mươi ; (1081)

(1069) *Răng hầu* : răng khi dẹt ; *mặt như rồ sảo* : mặt rồ chẳng chịt như những mắt của cái rồ ; *nói câu cà-cà* : nói cái giọng khàn-khàn gớm-ghiếc.

(1070) *Ra bộ nồng-nà* : đậm-dà ; *vọt mồm hỏi xằng* : cong cớn cái miệng mà hỏi một cách hỗn hào.

(1071) Nguyên văn : *Chàng liền giả dạng yếm-âu*. *Yếm-âu* có nghĩa nhả nhặn.

(1073) *Chàng dám kinh* : chẳng dám quấy rầy, làm phiền.

(1074) *Ruột tức tri-tri* : nặng-nề (?) Nguyên văn : *Mon-men muốn mắng nắn-ni lại thôi*.

(1075) *Người Chi-Na* : người Tàu.

(1076) *Nhìn lăm* : nhìn lăm ; *lăm ra bơ-sờ* : coi thường.

(1078) *Duôi tẩm lòng* : duôi, thỏa tẩm lòng.

(1080) *Nói rồi lỏn-lén* : sượng-sùng (?)

- Xúm nhau chỉ trở nói cười,
Kêu thặng đuôi chuột, lấm lời bá-vơ. (1082)
Chàng cang ngảnh mặt làm lơ,
Trông quanh ngó quất bơ-vơ trong ngoài. (1083)
Chợt đâu trông thấy một người,
Tuổi còn trong-trẻ, tới nơi vội-vàng ; (1084)
Hỏi chào ra dạng nễ-nang,
Thưa rằng : « ngài phải là chàng phượng xa ? » (1085)
Gắt đầu chàng cũng ừ qua
Người rằng : « tôi thực tớ nhà cô Ba ; (1086)
Mời ngài xin trở lại nhà,
Con hầu vô phép hóa ra mất lòng ; (1087)
Giục tôi sẵn bước theo ông,
Hãy xin trở lại cô trông quá chừng ». (1088)
Chàng còn lưỡng-lự ngập-ngừng,
Rằng : « anh trở lại, thôi đừng mời chi ; (1089)
Tôi nay thất ý nhiều bề,
Con hầu, lũ quý, xải-xi đủ lời ; (1090)
Chấp chi những lũ ma trôi,
Nhưng tôi bận việc, xin rời bữa sau ». (1091)
Người rằng : « cô hãy còn đau,
Chối người kiều khách, bấy lâu dưỡng mình ; (1092)
Bữa nay ngài tới thịnh-linh,
Cô tôi nghe nói ra tình mừng vui ; (1093)
Còn như con tớ bụi-hùi,
Cô tôi chưa biết đâu đuổi sự này ; (1094)
Ngài đừng hờn trét giận lây,
Xin ngài hãy thứ lỗi này cho nao ; (1095)

(1082) *Thặng đuôi chuột* : người Tàu xưa chưa hót tóc ngắn, thường tết đuôi sam dề tóc lưng-lẳng sau lưng.

• (1083) Nguyên văn : Chàng cang *ngảnh* mặt.

(1090) *Xải-xi* : chế nhạo. Tục nói xẩm xỉ xẩm xải là nói móc xoi, nhạo báng.

(1084) *Tuổi còn trong trẻ* : còn non tuổi.

(1091) Nguyên văn : Nhưng tôi bận việc xin chờ bữa sau.

(1094) Con tớ *bụi-hùi* : không lịch-sự thô bỉ.

(1095) *Hờn trét* : hờn lây sang kẻ khác.

- Có tôi tình khi hùng-hào,*
Trong khi tức giận, phải đau-đớn hoài ; (1096)
Nếu có hay đặng mấy lời,
Sợ e nổi giận, tức thời lại đau ; (1097)
Tôi đã rõ chuyện con hầu,
Còn ngài lại nói lũ đầu nĩa nào ? » (1098)
Trong khi trò chuyện lao-nhao,
Người Lan xúm lại hỏi chào thưa lên ; (1099)
« Chúng tôi thực lũ quân hèn,
Chẳng hay ngài cũng bạn quen cô nhà ? (1100)
Thoạt nhìn ngó khách Chi-Na,
Rủ nhau nói bốn hóa ra quá lời ». (1101)
« Cậu em xin lỗi với ngài,
Thôi ngài nữ chấp chi người bá-vơ ! ». (1102)
Trong khi vân-vĩ ngẩn-ngơ,
Mồ-hôi, nước mắt dạt-dờ khá thương. (1103)
Nghe lời chàng cũng nhẹ dờng,
Vả chẳng lại biết là nường thiệt đau. (1104)
Cảnh tình nghĩ lại trước sau,
Bằng lòng chàng mới cặp nhau lại nhà. (1105)

6.— Vào nhà Ba-Ninh-Lưu nữ-sử

Mẹ nữ-sử ra tiếp nói lời xin lỗi cùng chàng. Chàng ngỏ lời xã-giao thường lệ. Ba nữ-sử đương bệnh thấy chàng tới thăm thì mừng rỡ mà quên cả đau buồn cảm chàng ở lại để nói chuyện vui.

- Tới nơi thấy một bà già,*
Cười cười nói nói mặn-mà bước ra. (1106)

(1099) Nguyên văn : Người Lan xúm lại hỏi chàng *lãng-xãng*.

(1100) Nguyên văn : *Rằng đây thực lũ quân hèn*.

(1101) Nguyên văn : *Chúng tôi ngó khách Chi-Na*.

(1103) Mồ hôi, nước mắt *dạt-dờ* : (?) Vân-vĩ : năn nỉ, cầu khàn.

(1105) *Cặp nhau* : cùng cặp-kè nhau.

(1106) Nguyên văn : *Cười cười nói nói xem ra mặn mà*.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGŨ

- Rằng : « Tôi là mẹ cô nhà,
Bấy lâu có viết thơ qua nàng Hồng. (1107)
Nói thầy là đáng anh-hùng,
Khuyên nàng nên kết tình chung bạn-bầy. (1108)
Con tôi nghe nói tin thầy,
Ngày đêm mong-mỏi bấy chầy đã lâu ; (1109)
Rủ chi phải một trận đau,
Liệt giường liệt chiếu, đã hầu tháng nay ; (1110)
Các ông thầy thuốc ngà-ngầy,
Sợ e chuyện văn mình gãy ốm-o ; (1111)
Vậy nên giữa trước dấn-dò,
Đừng cho liếp khách chuyện trò với ai ; (1112)
Bữa nay may lại gặp thầy,
Con hầu tưởng kẻ đông-dài đầu đây ; (1113)
Làm cho dất nhợ dất đây,
Chạy đi chạy lại nhọc thầy lắm chi ; (1114)
Tuy rằng tại nó ngu-si,
Gẫm ra cho kỹ lỗi thì tại ta ; (1115)
Lòng thầy rộng-rãi cao xa,
Xin thầy miễn chấp, con nhà cảm ơn ». (1116)
Chàng rằng : « việc ấy không con,
Cô nhạ đã tiếp còn hờn nổi chi ». (1117)
Bà rằng : « nó bệnh li-bì,
Áo quần lết-mết ra chi mặt mày ; (1118)
Thầy dù thương chút thơ-ngây,
Xin cho lỗi phép ra đây ngồi hầu ». (1119)
Chàng rằng : « trông tưởng bấy lâu,
Khát-khao thấy mặt lẽ đâu dám nào ? » (1120)

(1108) Nguyên văn : Khuyên nàng nên kết tình chung xum-vầy.

(1110) Nguyên văn : Rủ chi phải gặp trận đau.

(1111) Ngà-ngầy : Phiên trách.

(1112) Nguyên văn : Vậy nên dấn đón dấn dò.

(1113) Nguyên văn : Bữa nay may lại gặp ngài.

(1114) Dất nhợ dất đây : rắc rối câu chuyện.

(1116) Con nhà : Chỉ con gái tôi.

(1118) Áo quần lết-mết : lem luốc.

(1120) Nguyên văn : Chàng rằng trông tưởng bấy lâu, lòng đã tưởng đến lẽ đâu dám nào.

- Giây lâu nàng mới bước vào,
Chàng liền dậy hỏi chào bắt tay. (1121)*
*Nàng càng hơn-hở vui-vầy,
Tay xô ghế dựa, rằng : « đây, chàng ngồi ». (1122)*
*Chàng ngồi liếc mắt nhìn coi,
Tác chừng hăm tám con người bảnh-bao ; (1123)*
*Da trong răng trắng mắt sáu,
Hai cồn má tóp, mái sau tóc cuộn ; (1124)*
*Xem ra nét mặt như buồn ;
Nàng liền cất tiếng nói luôn mấy lời : (1125)*
*« Nhật trình thiệp thấy lắm nơi,
Rằng người Nhật-Bồn là người công-trung ; (1126)*
*Lại thêm được giấy nàng Hồng,
Bấy lâu nghe tiếng mong trông gặp chàng ; (1127)*
*Bữa nay chẳng ngại đường trường,
Tới đây thăm viếng bĩ-bàng biết bao ! » (1128)*
*Chàng rằng : « tiết cả tài cao,
Lòng tôi trông mến đã bao lâu rày ; (1129)*
*May đâu lại gặp bữa nay,
Nghe nàng có cảm châu rày bớt chưa ? » (1130)*
*Nghe lời nàng mới liền thưa ;
« Bệnh tôi chừng gốc có bưa đâu là ! (1131)*
*Đau lòng vì chút nước nhà,
Trăm điều bực tức hóa ra chứng này ; (1132)*
*Bây giờ nghe cũng hơi khuấy,
Muốn cho chàng ở nửa ngày mà chơi ; (1133)*
*Giảng cho khích-liệt những lời,
Bàn cho những chuyện cuộc đời phong-lưu ; (1134)*
*Kể luôn đến chuyện Á-Châu,
Sao cho thiệp bớt bụng sầu, mới vui ». (1135)*

(1126) Người công trung : công bình trung chánh (?)

(1128) Bĩ-bàng : tiếng địa phương có nghĩa là dằn-hoàng long-trọng.

(1130) Châu rày : tiếng cò có nghĩa hồi này.

(1131) Bưa : xoàng.

(1134) Cuộc đời phong-lưu : ý nói cuộc đời phong-trần lưu-lạc vì quốc-sự ?

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

*Chàng rằng : « dạ những ngậm-ngùi,
Muốn cho nàng nói để tôi nghe cùng ».* (1136)

*Nàng càng ra dạng ngại-ngùng,
Mím môi cười gấm, ập-ùng lại thôi.* (1137)

7.— Hai người rủ nhau đi câu

Khi đương ngồi trong nhà nói chuyện thì có tiếng còi tan tầm buổi chiều, con hầu vén rèm trông ra phong-cảnh đẹp-đẽ. Nàng chỉ cho chàng thấy khúc sông trong mà nàng hay đi câu rồi rủ chàng cùng đi.

Hai người leo ra giữa vũng ngồi trên cụm đá mà câu thì xem ai nhiều ít. Đếm ra chàng thua một con cá. Chàng mặc nàng giục-dã cương-quyết ngồi gan đề câu tiếp một con nữa cho bằng nàng mới chịu về.

Lần cuối cùng chàng được con cá hết sức to, nên tỏ ý hân-hoan, khoe mình hơn. Nàng nói đã giao ước trước là đếm cá không đếm nhò to, và cá nhỏ ăn ngon hơn. Đối với việc người cũng vậy. Người ta đâu cần sức vóc to lớn, chỉ cần tài trí lớn mà thôi.

*Chàng còn ngậm-nghĩ lặng ngồi,
Xưởng cao đã giục tiếng còi sang tư.* (1138)

*Trời chiều gió thổi phất-phơ,
Gọi hầu nàng bảo : « Bày giờ cuốn song ».* (1139)

*Trông ra vườn ruộng mênh-mông,
Núi xanh thấp-thoảng chấp-chồng bên mây ;* (1140)

*Chim kêu thanh-thót lùm cây,
Le-le, cộc-cộc, mấy bầy bên sông ;* (1141)

*Vác bữa cầm cuốc, mấy ông,
Tay roi tay theo, mục-đồng năm ba ;* (1142)

*Xung quanh thấy hừng-thú nhà,
Ngồi cao trông thấy xa-xà làng nông ;* (1143)

(1137) *Mím môi cười gấm* : cười nụ và suy nghĩ ; *ập-ùng* : toan nói.

(1138) *Tiếng còi sang tư* : Tác-già Việt-hóa thì giờ của tây-phương. Theo lối chia thì giờ của ta thì đêm có năm canh ngày có 6 khắc. Buổi chiều tan sở, tác-già tính giờ ấy là khắc thứ tư.

(1142) *Theo* : dây thừng xỏ mũi trâu để dắt trâu.

(1143) *Hừng-thú nhà* : Cảnh vui mắt của nhà ; *Xa-xà* : phương ngữ có nghĩa phía xa xa trước mắt.

- Quanh tường có một giải sông,
Nước leo qua đá chập-chồng sóng xanh ;* (1144)
*Nghe như tiếng sắc, tiếng sinh,
Một vùng cảnh vật trấm tình nước non.* (1145)
Trở tay nàng mới nử-non :
« Kia gò, kia vũng, kia cồn, kia sông, (1146)
*Ngày xưa lắm máu anh-hùng,
Mà nay chỉ thấy mấy vùng mỏ than ;* (1147)
*Bốn bề làng xóm ở tràn,
Bên kia sót một bìa tàn trọi-trơ ».* (1148)
*Nghe lời chàng cũng ngần-ngor,
Nàng rằng : « chàng ví có ưa chốn này,* (1149)
*Thời nên dọn-đẹp tới đây,
Chiều mai ta sẽ xum-vầy vào ra ;* (1150)
*Mai bàn đạo chánh, lẽ tà,
Răn he lũ dữ, xót-xa người cùng ;* (1151)
*Chiều chơi gió mát trắng trong,
Tìm lời ảo-diệu giải lòng ưu-tư ;* (1152)
*Ấy là lòng thiếp bây giờ,
Phù-Lan xưa cũng đợi chờ đây thối ».* (1153)

(1144) Nguyên văn : Nước leo qua đá chập-chồng sóng *rén*.

(1145) *Tiếng sắc, tiếng sinh* : Tiếng nhạc-khí.

(1148) Làng xóm ở *tràn* : ở tràn lan.

(1149) Nguyên văn : Nàng rằng chàng *dấu* có ưa chốn này.

(1150) *Chiều mai* : Buổi chiều và buổi sáng.

(1151) *Mai bàn đạo chánh...* : buổi sáng thì bàn đạo chánh.

(1152) *Chiều chơi gió mát...* : Buổi chiều thì dạo chơi gió mát ; *lời ảo-diệu* : điểm ảo và huyền-diệu.

(1153) *Phù-Lan* : Franklin (Benjamin) triết-gia, bác-vật và chính-trị-gia Huê-Kỳ, sinh tại Boston năm 1706 và chết tại Philadelphie năm 1790. Ông là con một người thợ thiếc
(Xem tiếp trang sau)

ĐẠI-NHÂN KỲ-NGÔ

- Chàng rằng : Ấy vẫn chỉ tôi,*
Cất tay nâng chỉ bãi bồi sông sâu : (1154)
« Nực cười thiếp có tạt cầu,
Chỗ kia là chỗ dãi-dầu nắng mưa ; (1155)
Chẳng hay chàng tỉnh có ưa ? »
Chàng rằng : « tỉnh cũng tỉnh-cờ như cô ; (1156)
Lúc còn lánh dấu giang-hồ,
Sớm chơi suốt bắc, tối mò khe nam ; (1157)
Từ khi việc nước lam-nham,
Một mình ra bắc vào nam luống-tuồng ; (1158)
Bấy lâu cấp tráp Tây-dương
Chăm bên đèn sách, đẹp đường cần dây ». (1159)
Nàng rằng : « sông cũng gần đây,
Rủ nhau ta sẽ một dây một cần ; (1160)
Chơi cho khuấy-khỏa lòng trần,
Mượn tình cá nước bớt phần lo-áu. (1161)

làm những cây đèn dầu bán đề độ nhật. Lên mười tuổi thì ông lập việc với cha, sau theo anh tập nghề thợ in, và vừa tập nghề lại vừa đọc sách đề trau-dồi thêm. Năm 1723 ông thăm New York, Philadelphie rồi qua Anh-quốc học tập với các ông Palmer, Woll.

Khi trở về Hoa-Kỳ, ông dựng một nhà in, xuất bản một tờ nhật báo rồi sáng lập một câu-lạc-bộ, một thư viện, một nhà thương và một công-ty bảo-hiêm phòng hòa-hoạn.

Mặc dầu bận rộn như vậy ông vẫn tìm tòi về khoa-học nhất là về điện. Từ khoảng 1746 tới 1747 ông tìm ra được cách làm ông thu-lôi, và nổi tiếng khắp thế-giới.

Năm 1757, trong cuộc nổi dậy của thuộc-địa Anh ở Bắc-Mỹ ông được ủy-nhiệm qua vận-dộng tại Londres. Năm 1763 ông đắc cử vào hội-ngự Pensylvania và cực-lực phản-đối chính-sách của Anh. Năm 1772 ông công-bố những bức thư của nhà cầm quyền Anh thóa mạ dân thuộc-địa. Ông suýt bị bắt về tội đồng-dãng với những người phản-loạn. Chính ông đã cùng với Jefferson và John Adams thảo bản tuyên-ngôn Độc-lập (1776).

Câu này ý nói lòng thiếp cũng như Phù-Lan xưa chưa gầy díp hành động thì phải tiêu dao ngày tháng đề chờ đợi.

(1154) Nguyên văn : Cất tay nâng lại chỉ bồn sông sâu : (sửa cho ăn vận).

(1157) Lánh dấu giang-hồ : Ăn nấu nay đây mai đó.

(1158) Việc nước lam-nham : Việc nước chẳng ra sao cả ; luống-tuồng : lung-tung.

(1159) Cấp tráp : Cấp tráp sách đi ra nước ngoài ; cần dây : cần câu và dây câu.

(1161) Tình cá nước : nghĩa đen là trò vui cá với nước.

- Nhỏ to đủ mọi đồ câu,
Vội-vàng giục-hỏi con hầu sắm xong.* (1162)
*Cấp tay ra đến bờ sông,
Lần theo dòng nước tới vùng vịnh trong.* (1163)
*Rộng dài ước vọng nửa cung,
Hai bờ dương liễu bay bóng lá-đà ;* (1164)
*Năm ba cụm đá gần xa,
Chấp chổng giữa vũng, leo ra cùng ngồi.* (1165)
*Vừa câu vừa nói vừa cười,
Thử ai nhiều ít, định bài hơn thua.* (1166)
*Trong khi cười nói thừa ư,
Giật lên thả xuống đã thừa mấy phen.* (1167)
*Mặt trời chân núi vừa chen,
So đi đếm lại, chàng hèn một đuôi.* (1168)
*Nàng càng rặc-rặc nói cười,
Giục về chàng cứ rồn ngồi lại câu ;* (1169)
*Cầm cần chằm-chỉ trước đầu,
Nàng càng cợt nói lăm câu trò cười.* (1170)
*Thình-linh một tấm trắng tươi,
Lùng-bùng mặt nước, chơi-vơi đầu cành ;* (1171)
*Đo ra hai thước gần gần,
Giật mình nàng cũng ngại-ngần thở-than !* (1172)
*Chàng rằng : ấy cũng du-tang,
Việc đòi ai tinh vội-vàng đặt chưa ?* (1173)
*Nàng rằng : chàng ngạo lắm ư,
Đếm ra thiệp đã chịu thua con nào ?* (1174)
*Chàng rằng : xem lại thử nao,
Cả lối lớn gộc, nàng sao dám bì.* (1175)

(1164) *Nửa cung* : Một khoảng đường chừng ba dặm, theo lối ước đặc đường thời xưa.

(1168) *Chàng hèn một đuôi* : Chàng câu thua nàng một con cá.

(1171) *Một tấm trắng tươi* : Một con cá lớn.

(1173) *Du tang* : (?)

(1174) *Chàng ngạo lắm ư ?* : Chàng, ngạo nghệ làm gì thế ?

(1175) *Lớn gộc* : Tiếng địa phương có nghĩa là lớn nhất.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Nàng rằng : thiếp ước khi thì,
Đêm đuổi ai có đêm gì nhỏ to. (1176)*
*Vả chẳng đem lại mà so,
Cá đây dù nhỏ thơm-tho ngọt-ngào ; (1177)*
*Cá chàng dù lớn thế nào,
Sắc không đẹp dễ, thịt nào tốt tươi ? (1178)*
*Thiếp xin sánh thử với người,
Đề cho thiếp nói trò cười chàng nghe. (1179)*
*Xưa kia có ở Nhung-Li
Một roi lên ngựa bốn bề vỡ tan : (1180)*
*Mười ngày dựng dặng giang-san
Tranh-vương đồ-bà về-vang thế nào ; (1181)*
*Hoa-thạnh-Đốn bạc anh-hào,
Lùa dân giữa chợ chống nhào nước Anh, (1182)*
*Ba lần đánh phá tan-tành
Minh lên thống-lãnh oai-danh một thời. (1183)*
*Phá-Luân đẩy tụt đảo cối,
Làm vua nước Pháp mấy hồi chi đầu, (1184)*

(1176) *Thiếp ước khi thì* : Thiếp giao hẹn như này ; *Đêm đuổi* : đêm số cá.

(1180) *Nhung-Li* : (?)

(1182) *Hoa-thạnh-Đốn* : Washington.

(1184) *Phá-Luân* : Napoléon sinh năm 1769 tại Ajaccio, chết năm 1821 tại đảo Elbe, người đảo Corse, học qua trường Đại-học Quân-sự Paris và từng ngũ đeo 1 lon quan Hả rất nhiệt thành với cuộc Cách-mạng 1789. Trong kỳ nghỉ về xứ, ông vận động phong trào cách-mạng tại đảo nhưng gặp sức chống đối mãnh liệt của Pascal Paoli muốn mưu độc-lập cho đảo Corse, ông phải rút lui đem cả gia-quyển qua Pháp năm 1793. Ông được cử đi kiểm soát khả năng dạn dục của quân đội tại bờ biển Provence. Ông ở tại Beaucaire khi phái Girondins và phái tôn-quân tiến quân chống phái Montagnards. Ông viết trong mấy giờ một quyển sách nhan đề là « Bữa súp tại Beaucaire ». Trong đó ông tỏ thái độ tán thành sự thống nhất quốc-gia do phái Montagnards lãnh đạo.

Ít lâu sau ông được ủy-nhiệm chỉ huy pháo đội tại mặt trận Toulon là nơi mà người Anh đã chiếm, do sự giúp sức của phái Tôn-quân. Ông đã giúp đắc lực vào việc đẩy lui quân Anh và lấy lại Toulon. Mấy tháng sau ông lên chức Thiếu-tướng.

Ông bị giam một hồi sau khi Robespierre đổ. Ông lại được Carnot gọi về tông sự tại phòng địa-hình của Ủy-Ban Cứu-Quốc đề nhân vào hồi ấy thảo kế hoạch trận Ý-Đại-Lợi sau này. Năm 1795 ông dẹp tan cuộc phiến loạn của phái Montagnards gây ra ở Paris.

(tiếp theo trang sau)

- Dùng binh đã lắm chước mưu,*
Ti-ti chiều cuốn côi Âu đã rồi, (1185)
Oai-danh động đất vang trời,
Mấy trang vua chúa đầu vùi gối co (1186)
Á-Gia cũng đấng tài to,
Sang hèn chẳng chút dẫn-đo thí nào, (1187)
Một thân vì nước dãi dầu,
Lòng son đến lúc trắng đầu như y, (1188)

Năm 1797 ông đem quân qua Ý đánh thắng Áo, cướp về cho nước Pháp tả ngạn sông Rhin. Ông lại được ủy đi đánh trận Ai-Cập để ngăn người Anh không cho đặt quyền đô hộ Ấn-Độ. Trận đánh dở-dang, ông lại bị gọi về để đương đầu với quân đồng minh Thổ, Áo, Nga do Anh gây ra lần thứ hai, đương đe dọa vượt sông Rhin và đã chiếm hết nước Ý.

Lúc ấy trong nội bộ các bè phái kinh chống nhau dữ-dội. Ông thiết lập chế độ Đặc-sứ lâm-thời để nắm vững lại trật-tự. Xong đó mới lại quay ra sứ-mệnh quân sự ở ngoài. Năm 1800 ông đem quân vượt qua núi Alpes đánh vào hậu quân Ý và thắng trận Warengo. Do đó tất cả vùng Bắc Ý thuộc quyền Pháp thống-trị. Sáu tháng sau đó Áo phải ký hòa-ước. Và đến tháng 3-1802 Anh còn trở lại một mình cũng phải ký nốt.

Yên ổn về mặt quân-sự, ông lại quay trở về chỉnh đốn trật tự trong nước để củng cố quyền chính của Cách-mạng. Phái tôn-quân gây rắc rối vì không ưng cho ông làm việc ấy. Họ âm mưu ám sát ông nhiều lần nhưng thất bại.

Để bảo vệ Dân-luật và những nguyên-tắc Cách-mạng, người ta cho Đặc-Sứ Bonaparte một quyền hành hết sức rộng, một danh hiệu truyền từ nhược tôn để cho dù ông có bị bọn tôn-quân hại được thì chế độ ông dựng nên vẫn còn.

Bởi đó mà ngày 18-5-1804 ông lên ngôi Hoàng-Đế.

(1185) *Ti-ti chiều cuốn côi Âu đã rồi*: Chỉ một suýt nữa thì Nã-Phá-Luân đã chiếm được toàn cả côi Âu-châu như người cuốn chiếu vậy.

Tháng 5-1805 ông kiêm giữ ngôi Hoàng-đế nước Ý. Ông đem binh lên sông Danube đánh bọc hậu quân Áo khiến phải đầu hàng. Ông lại đánh trận Austerlitz (2-12-1805) phá tan quân Nga và Áo liên minh để tổ chức đặt Phò dưới quyền bảo hộ của mình. Phò vận động với Anh, Nga để cùng chống lại. Ngày 14-10-1806 ông đánh trận Iéna và quân Phò thua toại bởi.

Ông tiến vào Berlin và tất cả nước Phò nằm trong tay ông. Quân Nga đến tiếp cứu Phò lại bị ông đánh tan tành ở Friedland.

(1187) Á-Gia (>)

GIẢI-NHÂN KỶ-NGỘ

- Một tay chống lại khuynh-nguy,*
Đắp nền nhà nước, trị-vì non sông ; (1189)
Lại còn như gã Hòa-Thông,
Hình phơ gió thổi, gan nung lửa nồng, (1190)
Máy mầu cướp cả thiên-công
Tìm hơi sức nước thay công việc người, (1191)
Tàu xông sóng lớn ngút trời,
Non cao bãi cả dậm dài xe bay (1192)
Gẫm trong thê-giời xưa nay,
Công-danh ai có sánh tày nữa sao ? (1193)
Ấy là rất đáng anh-hào,
Nhưng khôn khéo thế, có cao lớn gì ? (1194)
Khác người có chút thi-thi
Khen cho óc lớn, kể gì thấy to ? (1195)
Đời này là cuộc so-đo,
Đua tài sánh trí, nhỏ to với người ; (1196)
Phải như mọi-rợ những đời,
Đánh thoi đánh dấm rộng dài khoe thân ; (1197)
Hắn như chàng nói vân vân...
Thế gian lắm kẻ cao thân dài giò ! (1198)
Mọi đen cũng có người to,
Những quán đánh vật làm trò hung-hăng (1199)
Đem ra sánh thử tài năng,
Trăm điều đại-dột đầu bằng người ta. (1200)
Chàng cười mồm-mồm thừa qua :
« Hay nàng nói nhẽ, chê ta nhỏ người ? (1201)

(1190) *Hòa-Thông* : Watt, kỹ-sư Anh sinh tại Ecosse năm 1736 chết năm 1879, từ nhỏ rất có khiếu về toán-học và cơ-khí-học. Năm 1755 vào giúp việc một người chế-tạo những máy tính ở Londres. Một năm sau ông dựng riêng nhà khác của ông tại Glasgow. Ông nghiên cứu và làm đảo lộn hết những hiểu biết của người ta về những bộ phận máy hơi nước cũ. Ông lại nghĩ ra cái ô rút cho hơi vào hơi ra mà chạy máy cho đều. Nhờ những công trình nghiên cứu của ông mà máy hơi nước có thể dùng trong kỹ-nghệ và dùng cho chạy tàu biển.

(1194) *Nhưng khôn khéo thế, có cao lớn gì* : Ý cô nói những người anh hùng như Nhung-Li, Hoa-thanh-Đốn, Nã-Phá-Luân, Á-Gia, Hòa-Thông, toàn là những người không to lớn xác hơn ai mà làm được những việc vĩ-dại.

(1201) *Hay nàng nói nhẽ* : tiếng địa-phương có nghĩa là chế giễu, biếm nhẽ.

- Tôi đâu dám nói trò cười,*
Cá tôi lớn thực bằng mười cá cô ; (1202)
Cá con xin thả xuống hồ ! »
- Nàng rằng : « thói tục ra trò chuyện chi ?* (1203)
Đàn ông lắm nỗi phi-vì,
- Một lòng đổi lại thay đi với-vàng ;* (1204)
Nghĩ ra cũng ghét cho chàng,
- Tham mé của mới phụ-phàng tình xưa ».* (1205)
Nghe lời chàng mới liền thưa :
- « Khen nàng bắt nhật bắt thưa đủ trò,* (1206)
Hở rằng hết chỗ đôi-co,
- Tiệc nàng chẳng được cá to một lần. »* (1207)
Nàng càng cười nói rần rần :
- « Trời đã chấp-choáng, cuốn cần về ta » !* (1208)

8.— Về nhà ăn uống chuyện trò

Hai người trở về thì trời đã tối, đốt đèn lên cùng ngồi ăn uống nói chuyện. Chàng gọi tới chuyện chính-trị, Mẹ nàng vội vã khuyên can đi. Nàng nói sang chuyện đàn bà Á-Đông, chuyện lấy vợ lấy chồng nên chẳng thế nào. Chàng nói khó tìm được người đẹp mà cùng một chí hướng với mình. Nàng nhân đó hỏi ngay nếu gặp người có sắc có tài lại có đủ nét na như U-Lan thì sao ? Rồi nàng ngỏ ý khen ngợi cuộc tình duyên ấy. Chàng hỏi thăm việc nàng U-Lan. Nàng nói cũng đương chờ thơ chưa thấy.

- Lần lần trở lại đến nhà,*
Nàng rằng : « chơi thực sa-đà mé say, (1209)
Bấy lâu mới định bữa nay,
- Mười phần sầu não bớt ngay cả mười ;* (1210)
Hiềm vì chút cũng nhọc người,
- Xin chàng thứ lỗi cho tôi nằm vậy. ».* (1211)
Mẹ già mở cửa ra ngay,

(1203) *Cá con xin thả xuống hồ* : dựa theo truyện ngụ ngôn ông lão đánh cá và con cá con. Khi cá bị bắt thì cá xin với ông lão thả xuống nước để khi lớn rồi ông sẽ bắt sau.
 (1204-1205) *Lời nói giỡn cho vui* là đàn ông tính hay thay cú đòi mới như chàng, cá đối với mấy con cá nữa.

(1208) *Trời đã chấp-choáng* : trời đã nhập-nhọang tối.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Hỏi : « trong mình-mảy con nay thế nào ? » (1212)
Nàng rằng : « vui vẻ hết đau
Nghĩ ra thực cảm ơn sâu của chàng ». (1213)
Xúm nhau kéo ghế bày bàn,
Cười to nói lớn, rượu xoàng-xoàng say ; (1214)
Đền bông rực-rỡ một cây,
Thịt tươi cá tốt, mâm đầy bưng ra ; (1215)
Cá câu lạ miệng xuê-xoa,
Ba người khen-ngợi nồng-nà không thôi. (1216)
Nhơn cơ chàng hỏi mấy lời,
Người Anh cai-trị nước người đủ phương, (1217)
Thuyền bè buôn bán đủ đường,
Toan mưu làm hại nước nường lắm chăng ? (1218)
Đặt ra lắm phép lãng-nhăng,
Người Lan đánh cá bắt năng thuê tàu. (1219)
Nàng liền mặt ủ mày xầu ;
Rằng : « ùy, thực thế còn hầu mong chi ! (1220)
Thù này muốn kiếp còn ghi,
Nghe lời như thế tức thì nổi gan ». (1221)
Mẹ già vội-vã khuyên can,
Nàng liền nhắc chuyện hồng-nhan nước chàng : (1222)
« Thiếp nghe bên xứ Đông-dương,
Lắm người băng tuyết, lắm trang đá vàng, (1223)
Ngóng mây rồi lại trông nhàn,
Mai chiều mong-mỏi cho chàng trở yên ». (1224)
Chàng ngồi mủm-mỉm thưa liền :
« Tinh tôi lúc nhỏ có hèn chi đâu ? (1225)
Từ khi trải cuộc biển dâu,
Mấy trời bèo giạt, lòng đâu mơ-màng ; (1226)
Xa lìa mùa hát những trường,
Kém bề trau-chuốt, non trang áo quần. (1227)

(1223) Xứ Đông-dương : Xứ ở bờ Đông, trở nước Nhật.

(1224) Trông nhàn : trông chim nhạn.

(1227) Non trang áo quần : sơ sài việc trang điểm áo quần.

- Thẹn thường khoác cánh đưa chân,*
Nguội lòng chim chuột ngũi nhân tò mò. (1228)
Vậy nên ả nhỏ ả to,
Coi tôi nửa mắt ra trò chuyện chỉ ; (1229)
Tôi càng giả đại giả si,
Nệm đơn gối chiếc có khi một đời». (1230)
Nàng rằng : « Nếu thực như lời,
Xui lòng tôi nghĩ xa khơi lắm điều : (1231)
Những trang yếu liễu thơ đào,
Chỉ toan ngang dọc trời cao biển dài, (1232)
Đa-mang duyên nợ với người,
Tháng ngày hăm-hút chiều mai vui vầy, (1233)
Rời ra dặc nợ dặc dây,
Tay bằng tay ẵm, cả bày nhỏ to ; (1234)
Càng đông càng nhọc lòng lo,
Trăm bề ràng buộc, sao cho thỏa lòng ? (1235)
Chỉ bằng các chú đàn ông,
Trăm điều nhờ vợ sẵn trong sóc ngoài, (1236)
Dạy con nuôi cháu hăn-hoi,
Còn mình mặc sức ra ngoài múa men ; (1237)
Cũng như thưởng cúc xem sen,
Yếu màu còn nở bẻ bèn làm chi, (1238)
Xem trong Ấu Ấ lắm khi,
Những trang liệt-nữ vu-quì mấy người ; (1239)
Đàn ông kể hết đủ mười,
Ở son ước một vài người mà thôi ; (1240)
Chuyện đời nghĩ cũng thương ôi,
Tình người há phải cây cối đá cỏi ! (1241)
Tình xuân ai cũng như ai,
Sợ vì mang chút nợ đời đầy thói. » (1242)

(1228) Thẹn thường khoác cánh đưa chân : ngượng mặt vì những chuyện đón đưa ong bướm.

(1229) Coi tôi nửa mắt : coi người bằng nửa con mắt. Khinh tôi.

(1238) Bẻ bèn : tiếng địa-phương có nghĩa là hái, trầy. Bẻ bèn : lối nói lấp láy.

(1241) Cây cối đá cỏi : cây một mình, đá cứng ngur không nở được.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Chàng rằng : « nàng nói mấy lời,
Gẫm ra cũng thực lẽ đời xưa nay ; (1243)
Nhưng mà còn chút lẽ này,
Tôi xin kể thử ra đây mấy ngài : (1244)
Triết-học Cam-Đỗ người tài,
Cùng ông Nừu-Đốn cũng người thánh-nhân, (1245)
Ma-Hạc-Lãnh, Ba-Lưu-Mận,
Và Ba-Thạnh-Đốn mười phần danh dương. (1246)
Võ-Văn, Uyển-Mỹ hai chàng,
Minh làm thống-lãnh vẻ-vang lắm mà ; (1247)
Ấy là rất kẻ tài ba,
Xưa nay có lấy đàn bù khi nào ? (1248)
Vả chẳng quán cả lâu cao,
Lưng eo mình nhẹ biết bao nhiêu nàng, (1249)
Còn trong làng xóm thôn phường,
Má hồng răng trắng lắm trang lạnh-lùng, (1250)
Nhưng mà thích chỉ đẹp lòng,
Kiếm chưa được một, đâu hồng có hai ? (1251)
Xưa nay lắm kẻ thổ dài ;
Gái khôn bạc phận, trai tài kén đôi ; (1252)
Đàn ông rủi phải lói-thối,
Vương có mũi măt gờ đuôi dính đầu, (1253)

(1245) Cam-Đỗ : (?) ; Nừu-Đốn : Newton (Isaac) nhà toán học Anh (1642-1727) nghiên cứu toán học, quang học và nổi tiếng thế giới về sự khám phá luật vạn vật hấp dẫn trong sách « Nguyên lý toán học của vạn vật » xuất bản năm 1687. Luật ấy giải thích cuộc tuần hoàn của các vì tinh tú và được coi là một chân lý cho đến hồi Einstein mới lại bị sửa đổi lại.

(1246) Ma-Hạc-Lãnh : Xem lời chú giải ở trên ; Ba-Thạnh-Đốn : Hoa-Thạnh-Đốn.

(1247) Võ-Văn : Van Vollenhoven (?) nhà cai trị Pháp (1877-1918) đã làm Thống-Đốc toàn quyền Đông-dương. Uyển-Mỹ : Wilson (?) Đại tướng Anh (1777-1849) đã làm Thống-Đốc toàn quyền Gibraltar.

(1249-1250) ý nói nơi dài các thì người ta đã có đôi cả, còn ở nơi làng xóm quê mùa thì còn nhiều cô ế chồng.

(1252) Gái khôn bạc phận trai tài kén đôi : trai tài gái sắc khó gặp nhau.

(1253) Có mũi măt : cô gái ngu cứ quán lấy mình như mũi măt.

- Mắc tấm mang tiếng bạn bầu,
 Lớn thì mất nước, nhỏ hầu tan gia (1254)
 Người xưa có nói vậy mà :
 Má đào mày liễu ấy là dao phay ! » (1255)
 Nghe rồi nàng trả lời ngay :
 « Nếu đây có kẻ gồm hai sắc tài, (1256)
 Chân tay chẳng lụy đến ai,
 Mừng màn vận thể cũng tài Trương-Lương, (1257)
 Dốc lòng chắc đá, bền vàng,
 Tình người dù vậy, bụng chàng nghĩ sao ? » (1258)
 Chàng rằng « ấy việc chiêm-bao,
 Không mây, không gió khi nào có mưa ; (1259)
 Nàng không phải kẻ thừa-ua,
 Mơ-màng tôi có biết thừa lẽ nào ? » (1260)
 Nàng rằng : mộng-mị chi đâu,
 Ấy là tôi nói móc vào ruột gan ! (1261)
 Thói đời lắm nỗi đa-đoan,
 Người đã biết chán, mình toan đấu gì ? (1262)
 Nàng liền dấy miệng thăm-thì ;
 Rằng tôi nói đấy cũng vì nàng Lan ; (1263)
 Bây giờ tôi hỏi thiệt chàng,
 Có tình hay cũng giữa đang trò chơi ? » (1264)
 Chàng còn mủm-mỉm miệng cười,
 Nàng liền vội-vả đỡ lời nói ngay : (1265)
 « Mỗi tình cũng bởi trời xáy,
 Dầu cho cách trở mỗi giây khôn rời ; (1266)
 Việc đời nghĩ cũng nực cười,
 Một người một xứ đánh đôi lạ-lùng. » (1267)
 Luôn cơ chàng mới cạn-cùng :
 « Nàng đi mấy lúc thủy chung thể nào ? (1268)
 Nhật-trình có mấy lời rao,
 Có ông lão-tướng thoát lao ra ngoài ; (1269)

(1257) Mừng màn vận thể cũng tài Trương-Lương : Rủ màn buồng trướng mà trừ
 hoạch mưu kẻ không kém tài Trương-Lương.

(1260) Kẻ thừa ư : tiếng địa-phương cùng nghĩa với chữ thầy lay chỉ người nhiều
 chuyện, hay tọc mạch tới chuyện của người khác.

(1261) Nói móc vào ruột gan : Nói trúng ý-nghĩ thâm kín trong lòng.

- Chuyện nàng chưa rõ căn-cò,*
Xin cô cho biết tỏ bài thủy chung. » (1270)
Nàng càng cười nói ập-ùng,
« Chàng hay hỏi quấy sao không nể người ? » (1271)
Chàng rằng : hỏi một biết mười.
Nàng liền hét tiếng vội cười nói ngay : (1272)
« Đặng thơ từ lúc những ngày,
Bấy lâu đã vắng châu ráy còn trông ; (1273)
Hai nàng tuổi dần trẻ-trong,
Nhưng bên tài-tri cũng dòng lược-thao ; (1274)
Bây giờ nhẩy hiểm trèo cao,
Thân ngàn vàng nữ đem trao miệng hùm ». (1275)

9.— Ca hát và từ-biệt

Chàng định cáo-từ ra về. Nàng giữ lại, nói cuộc đời ngắn-ngủi lắm, hôm nay gặp nhau biết đâu ngày mai chẳng âm dương cách-biệt ? Chàng ở lại xin nàng đàn hát cho nghe. Đến khi đêm đã khuya chàng mới xin từ đi ra về.

- Rượu trà cười nói um-sùm,*
Tiệc rồi chàng mới hờm-hờm xin ra. (1276)
Cầm chàng nàng mới thừa qua :
« Kiếp người bóng bọt, dầu ta, dầu người ! (1277)
Thiếp nay rắc-rắc nói cười,
Ngày mai e lại ra đời quỷ ma ! (1278)
Chàng nay trò chuyện cùng ta,
Năm sau cũng trở lại nhà cổ-hương ; (1279)
Nếu không bận việc vội-vàng,
Rón ngồi hỏi cạn chén vàng hôm nay ». (1280)
Dắt tay lên chốn lầu táy,
Gió trắng trong trẻo, khói mây phấp-phồng. (1281)
Núi sông ngàn dặm mệnh-mông,
Ngồi cao trông thể trong lòng bàn tay. (1282)

(1271) Chàng hay hỏi quấy : Ý nói việc người ta dính gì đến chàng mà hỏi ?

(1272) Nàng liền hét tiếng : cướp lời.

(1277) Kiếp người bóng bọt : kiếp người ngắn ngủi như cái bóng cái bọt.

- Chàng rằng : « Còn chút riêng tây,
Nàng dầu không chấp tôi đây dám bấy ».* (1283)
- Nàng rằng : « chàng hỡi nói ngay,
Việc chi đến đôi bạn đây lắm nào ? »* (1284)
- Thưa rằng : « nghe tiếng bấy lâu,
Trưởng-ca một khúc điệu sâu nhịp cao ;* (1285)
- Truyền ra khắp cả đầu đầu,
Đàn bà, con nít, ca âu đầy đàn ;* (1286)
- Bây giờ xin thiết với nàng,
Ca nghe một khúc bi-bàng lắm chẳng ? »* (1287)
- Nàng quay lại mẹ hỏi rằng :
« Tôi từ phải bệnh ít năng chơi đàn ;* (1288)
- Trong lòng lắm lúc bàng-hoàng,
Bữa nay may lại gặp chàng tôi chơi ;* (1289)
- Trong mình nghe cũng hơi nguôi,
Xin cho tôi gảy một hồi chàng nghe. »* (1290)
- Mẹ già ngẫm-ngẫm rằng : « Ờ,
Nhưng đừng lớn tiếng sợ e nhọc mình. »* (1291)
- Lựa đàn nàng gảy tình-tình,
Hé rằng ca một khúc tình chưa cay.* (1292)
- Mấy lần gió hoảng mưa vầy,
Nỉ-non trăm giọng đàng cay ngàn chiều ;* (1293)
- Thấp cao dẫn-dỏi dập-diu,
Thoạt khêu giọt máu, thoạt xiu buồng gan.* (1294)
- Động lòng chàng cũng thổ-than,
Khen rằng : « hay thiệt ! rõ-ràng là hay ;* (1295)
- Những người tri-kỷ xưa nay,
Nên hư thẫu đến ngọn-dây tiếng đàn ;* (1296)
- Nay nàng dạ ngọc gan vàng,
Nghìn cân máu nóng chảy tràn năm dáy.* (1297)
- Dù tôi là bụi thơ ngáy,
Nghe qua cũng khấp như say như cuồng. »* (1298)

(1293) *Gió hoảng mưa vầy* : Gió cuốn mưa tuôn.

(1294) Nguyên văn : *Trong khi dẫn dỏi dập diu.*

(1296) Nguyên văn : *Lắm người biết tiếng xưa nay.*

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Nàng càng nét mặt thêm buồn,
Than rằng : « Thiếp có muốn tường ấy chi ! (1299)
Bởi vì cảnh-ngộ lưu-ly,
Vậy nên mở miệng chẳng bì thời sầu ». (1300)
Tình-cờ ngó lại án đầu,
Đồng hồ đếm khắc đã hầu sang tư. (1301)
Chàng liền vội-vả xin từ :
« Xin nàng ra dạo cho thư lòng sầu ; (1302)
Hoặc là xướng khúc tiêu-táo,
Bàn câu khẳng-khải lãng-xao lòng này : (1303)
Lẽ thời trót cả đêm nay,
Tôi xin chầu-chực vui-vầy hởi-han : (1304)
Hiềm vì canh cũng gần tàn,
Dám xin thứ lỗi, thưa nàng xin ra ; (1305)
Thân nàng một gánh nước nhà,
Xin nàng trân-trọng, ấy là tôi mong ». (1306)
Nàng rằng : « Xin cảm chút lòng,
Đàng xa thăm viếng lòng-dòng tới đây ; (1307)
Xin chàng qua lại chồn này,
Mai chiều trò chuyện vui-vầy là may ». (1308)
Chàng liền từ-giã bắt tay,
Qua ga xe lửa về ngay tới nhà. (1309)
Tôi nơi đã quá canh gà,
Người đi vắng-vẻ sương sa lờ-mờ. (1310)



(1301) Đồng hồ đếm khắc đã hầu sang tư : một cách Việt hóa thời gian đề chỉ đêm khuya đã sang canh tư.

(1302) Thư lòng sầu : Danh từ cò có nghĩa là vội bót.

(1306) Thân nàng một gánh nước nhà : một thân nàng gánh nặng hai vai nước và nhà.

(1307) Lòng dòng : Có nghĩa là phiền lòng tới đây thăm viếng (?).

HỒI THỨ TƯ

MỸ - NHÂN KẾ

I.— Ba Nữ-sử chết

Sau đó vài ngày, chàng xem báo thấy tin Ba nữ-sử đã chết, rồi là đám tang có cả muôn người đưa đón rất vẻ-vang. Chàng mắc bệnh không đến dự lễ được, phải nằm nhà suy-nghĩ gần xa.

Cách ngày đi dạo tình-cờ,
Nghe người rao báo u-ơ mấy lời, (1311)

Luôn cơ chàng cũng mua chơi,
Thình-lình trông thấy mấy lời dỏ-dang : (1312)

« Rằng phe Độc-lập Ái-Lan,
Có người thủ-lãnh tên nàng Ba-Ninh, (1313)

Bệnh nguy nàng đã bỏ mình,
Tuổi vừa hăm tám, nghĩ tình mà thương ! » (1314)

Xem rồi càng ngán-ngao đường,
Cúi đầu đứng gần giữa đường giờ lâu ; (1315)

Kiếp người càng nghĩ càng đau,
Bực mình lại nhớ lắm câu mơ-màng : (1316)

Hồng-Liên lại với U-Lan,
Bấy lâu chưa rõ đôi chàng tử sanh, (1317)

Bấy giờ còn một Ba-Ninh,
Rủ-ro nàng cũng chôn linh suối vàng ; (1318)

Đạo trời lắm nỗi dỏ-dang,
Ghen người trung-nghĩa, giúp đàn hung-gian ; (1319)

(1312) Mấy lời dỏ dang : mấy lời không ngờ có.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Thác oan, uổng kiếp thầy Nhan,*
Những quân Đạo Chích sống tràn thế-gian ; (1320)
Lắm tài trời cũng ngửa gan,
Hay là kiếp trước có oan-khiến gì ? (1321)
Người xưa nói có nhằm chi :
Thương lành ghét dữ, cũng nghi đạo trời ! (1322)
Trong lòng thồn-thức trăm hồi,
Liền đêm hôm ấy tức thời phải đau. (1323)
Chuyện nàng đồn nức bấy lâu,
Không sao chuộc dặng, mặc dầu trăm thân. (1324)
Vừa ngày tống-táng linh-thần,
Muôn người đưa đón rần-rần như mây. (1325)
Quan-tài từ chốn riêng tây,
Đưa về Phủ-Bí gần đây quán mờ. (1326)
Trong khi đưa đón lớ-nhỏ,
Chàng còn phải bệnh, khôn hồ dễ đi. (1327)
Một mình nắn-nỉ thăm-thì :
Vẻ-vang kiếp gái một thì mấy trang ! (1328)
‘ Nếu không dạ sắt gan vàng,
Sao cho thiện-hạ kẻ thương người sâu ? (1329)
Xưa nàng có nói mấy câu :
Người đời danh tiếng áo đầu mới hay ! (1330)
Mấy trang nữ-kiệt xưa nay,
Như nàng đã dặng cao dày bia danh. (1331)

(1320) *Thầy Nhan* : Thầy Nhan-Hồi, cao đồ của Không-Tử còn trẻ tuổi đã chết.

(1520) *Quân đạo chích* : quân ăn trộm, do tên một anh ăn trộm có tài dòi vua *Hoàng Đế*.

(1322) *Nói có nhằm chi* : nói có đúng gì đâu.— *Cũng nghi đạo trời* : cũng ău là đạo trời.

(1324) *Chuyện nàng đồn nức bấy lâu* : đồn ăm lên.— *Không sao chuộc dặng mặc dầu trăm thân* : dầu đem tấ mạng khác tới dòi cũng không chuộc dặng.

(1328) *Một mình thăm-thì nắn-nỉ* : Một mình nhắc đi nhắc lại trong bụng.— *Một thì mấy trang* : một thời để có mấy người.

2.— Viếng mộ Ba nữ-sử và đọc điệu-văn

Buồn quá, chiều tà chàng thần-thơ nghĩ nhớ tới cố-giao, rồi liền đem chàng đi viếng mộ người liệt-nữ ; khi tới nơi, chàng thấy có một bóng người thấp-thoáng bên mồ nhưng vì bóng trắng bị mây che tối thui, chàng ngỡ là ma, rồi chàng lại cho đó là tại tâm thần mình nhìn ra như thế. Chàng bỏ qua đi và đến quí gối võ quan mà than khóc, đọc một bài văn-tế.

- Một mình nghĩ quất nghĩ quanh,*
Trông ra ác đã ngậm vành non tây ; (1332)
Bốn bề lặng gió tan mây,
Trời xanh một vẽ tròn xoay một vành ; (1333)
Thần-thơ đoái quất trông quanh,
Một vàng trắng bạc gác nhành lòng cao ; (1334)
Nương song mượn thú dăng cao,
Tránh tình nhớ tới cố-giao đau lòng ; (1335)
Người thì góc biển long-đong,
Người thì một giắc chín dòng suối sâu ; (1336)
Ngõ-ngang trăm mối tình đầu,
Nỗi mình càng nghĩ càng sầu thiết-tha. (1337)
Ngậm-ngùi nhớ đến nàng Ba,
Quan nàng quờn-láng xa-xa bên cồn ; (1338)
Tình người dầu mất như còn,
Phải qua thăm viếng cho tròn nghĩa xưa. (1339)
Hai bờ cỏ đón cây đưa,
Băng ngang lối núi, càn bờ khe ; (1340)
Bóng trắng lỗ-đổ lá che,
Đầu đàng chấp-choáng, đáy khe lập-lòà ; (1341)
Ro-re nước chảy gần xa,
Bốn bề quanh vắng thiết-tha một mình. (1342)

(1332) Ác đã ngậm vành non tây : Mặt trời đã ngã về tây. Do tích con quạ vàng ở đáy bể vừa bay lại, trong thơ Hàn-Dũ (Kim ô hải đề sơ phi lai). Cũng nói ác tà : mặt trời xế bóng.

(1335) Nguyên văn : chạnh tình.

(1338) Quờn lảng : quỳên lảng, lảng lạng.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Dò lần tới chỗ quán linh,*
Bóng người thấp-thoảng thất-kinh hãi-hùng ! (1343)
Cúi lưng dán mắt nhìn trông,
Bóng trắng rủ phải một vòng mây đen ; (1344)
Tối thui sức mắt khôn nhìn,
Mĩa-mai áo trắng tóc đen chùng-chùng ; (1345)
Bóng đen chắn lấp ngang lưng,
Nhìn lâu lấp-loáng như dừng như đi ; (1346)
Gió đầu một trận ầm-ì,
Lá kêu rã-rắc tức thì bóng tan ; (1347)
Rùng mình chàng cũng nơm gan,
Trong lòng hồi-hộp nghĩ cần nhớ xiên ; (1348)
Lúc còn tuổi trẻ nhỏ-nhen,
Nghe người nói chuyện cứu-nguyên lắm lời ; (1349)
Bấy giờ cho chuyện trò cười,
Thình-lình sức nhớ rã-rời tay chân. (1350)
Chàng liền ngẫm-ngẫm tần-mần :
Quỉ ma cũng bởi tâm-thần hay nghĩ. (1351)
Trước quan bước lại lúc thì,
Vỗ quan than khóc, gởi quỉ đọc văn : (1352)
Văn rằng :
Năm 1882, ngày . . . tháng . . . (1353)
Ba-Ninh-Lưu nữ-sử, trang liệt-nữ
Ái-Lan ! (1354)
Thời mạng dở-dang, đau sầu chết thảm ; (1355)
Tuổi vừa hăm tám, thâm-thiết càng
thương. (1356)
Cha tướng-quân danh tiếng vẻ-vang, (1357)
Mẹ cũng đáng một trang độc-lập, (1358)

(1343) Nguyên văn : Giở lần.

(1344) Nguyên văn : cúi lưng rấn mắt.

(1347) Nguyên văn : Lá kêu rã-rắt.

(1348) Nguyên văn : Dùng mình.

(1351) Ngẫm nghĩ tần mần : Ngẫm nghĩ tần mần.

(1358) Cũng đáng một trang độc-lập : Một trang nghĩa sĩ xứng đáng của một nước độc-lập.

Anh cháu đồn dập, gánh vác giang-san, (1359)
 Máu nóng một đàn, thom-thò non nước, (1360)
 Gặp cơn tráo chác, nước cũ lao-đao, (1361)
 Kể chiến người xào, dân nghèo kêu réo, (1362)
 Ruột nằng khô héo, vọt biển băng
 ngàn, (1363)
 Dạ ngọc gan vàng, nằm gai nếm mật, (1364)
 Khớp long giằm trật, nhờ cậy tay nằng. (1365)
 Thời vận giữa ngang, xui nằng giục
 già': (1366)
 Cuộc đời lã-chã, đau-đớn lắm ôi ! (1367)
 Linh-cửu phát từ nơi Tân-Phủ, qua
 Nam-Bi trải đủ dặm ngàn ; Kể khóc
 người van, rầm trời dậy đất ; (1368)
 Khách qua đường rừng-rừng nước
 mắt, ngựa kéo xe dờ-dật cúi đầu ; Gió
 thấm mưa sâu, đau lòng quá nhẽ ! (1369)
 Thương nằng tuổi trẻ, giữ vẹn tấm tình, (1370)
 Hết thảo hết thành, trong mình trong
 trẻo ; (1371)
 Ăn ngọt nói dẻo, nhờn nhỏ đều thương. (1372)
 Còn như vắn chương, phun châu nhả
 ngọc. (1373)

(1359) Anh cháu đồn dập : Cả anh lẫn cháu đều đua nhau (tiếng dùng ép nghĩa).

(1360) Thom tho non nước : Cả nước lừng tiếng thom.

(1361) Gặp cơn tráo chác : gặp cơn thay đổi (?)

(1362) Kể chiến người xào : Kể nợ người kia quấy đảo lung tung.

(1364) Nằm gai nếm mật : Do tích Câu-Tiền kham khổ tự dày ải thân mình, nằm trên củi gai và ăn mật đắng để nhớ thù xưa mong có ngày trả được.

(1365) Khớp long giằm trật : làm long các khớp gông cùm đeo trên cổ và làm trật cái giằm buộc nơi miệng. Cả hai việc đều có ý nói giải phóng đất nước khỏi vòng nô lệ.

(1366) Xui nằng giục già : xui nằng phải mau-mau bắt tay vào việc.

(1367) Cuộc đời lã chã : cuộc đời đau đớn khiến nước mắt chảy lã chã.

(1372) Ăn ngọt nói dẻo : ăn nói khéo léo.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

Tay biên miêng đọc, từ điệu vẻ-vang ; (1374)
Hoạt ca, hoạt đàn, trăm nghề nhiệm

nhật, (1375)

Trời già ghen vặt, giết cạn người khôn. (1376)

Nhớ mấy tiếng linh-hồn nàng nói, đến
bây giờ còn dỗi bên tai : (1377)

« Việc đầu biết đến mai đến một, kiếp
phù-sinh một chốc mà thôi ; (1378)

Bữa nay chàng còn ngồi với tôi, sang
năm đầu đã chắc không phải là
người Đông-Hải ? (1379)

Bây giờ thì còn ăn còn nói, ngày mai
đầu đã chắc không vào cõi huỳnh-
tuyền ? » (1380)

Gẫm mấy lời thiêng, hóa ra câu sấm. (1381)
Thương ôi !

Đất khó một năm, cây cỏ tứ bề, (1382)

Làng cũ nàng về, bao giờ thấy mặt ? (1383)

Lòng tôi giờ giật, lại nhớ lời nàng : (1384)

« Trong một đời phải trái nhiều đàng, (1385)

Đến nhắm mắt đầy quan mới chắc ». (1386)

Thương ôi !

Suối vàng một giấc, bia đá ngàn thu, (1387)

Ấy nữ trượng-phu, xin nàng nhắm mắt (1388)

Thảm lắm ôi !

Áng mây phủ bóng trăng soi leo-lắt,
mà đêm khuya tiếng suối khóc nỉ-non ! (1389)

Cây phất-phơ gió thổi thon-von, áo lạnh
lẻo sương sa lác-đác ; (1390)

(1375) Trăm nghề nhiệm nhật : trăm nghề biết đến nơi đến chốn mà vẫn kín đáo.

(1376) Giết cạn người khôn : Giết ráo cả người khôn.

(1380) Cõi huỳnh-tuyền : suối vàng.

(1383) Làng cũ nàng về : Nàng về quê cũ dựa theo ý sống ở chết về.

(1384) Lòng tôi dờ dật : lòng tôi ngáy ngất, (dờ dật hay dật dờ biến âm của vật vờ ?

(1386) Đến nhắm mắt đầy quan mới chắc : Đến lúc chết cho vào áo quan đầy lại mới định liệu được những chuyện phải trái trong cuộc đời của một người.

U-Lan khô mà phụng-hoàng tan-tác; (1391)
Hồng-Liên héo mà oan-ương dật-dờ ! (1392)
Ngày tháng khôn chờ, rầu nhiều vui ít ; (1393)
Mấy lâu vẫn-vít, một chốc rã-rời ; (1394)
Nhớ cảnh nhớ người, đau lòng xót dạ ; (1395)
Lụy rơi lã-chã, thăm lăm nàng ội ! (1396)
Thương thay ! Thương hưởng. (1397)

3.— Gặp lại nàng Hồng-Liên

Đọc văn-xong, chàng còn tần-ngần đứng bên mồ thì một người con gái tiến đến gần chàng gọi tên chàng và nói : Hồng-Liên đây ! Chàng mừng quá hỏi thăm rồi-rít. Hồng-Liên chỉ mộ Ba nữ-sử, buồn bã, rồi kè-lẻ, khi bước lên tàu đã nghe tin dữ nên khi tàu tới thì liền đem hoa tới viếng mộ. Nàng có thấy một người đến bên mồ mà không nhận ra ai. Nàng nấp đi để nghe xem cho biết ; thấy khóc-lóc đọc văn có cả tên mình nên khi trắng tỏ mới nhận ra chàng. Chàng khàn-khoản xin nàng kể lại chuyện biệt-ly vừa rồi.

Đọc rồi ế-ử tâm-thần,
Cúi đầu đứng sững chần-ngần giờ lâu ; (1398)
Bốn bề trắng sáng mây thâu,
Một màu sơn thủy vẻ hầu kém tươi. (1399)
Sau bia lấp-ló bóng người,
Mặt trong màu hạc, mắt ngời lụy giao. (1400)
Chàng còn hoảng-hốt hãi-hào,
Người đã bước tới hỏi chào một khi : (1401)
« Rằng chàng Tân-sĩ đó chi ?
Hồng-Liên là thiếp, khi thì tới đây » . (1402)
Nhìn nàng chàng cũng hỏi ngay :
« Ở đâu mà lại tới đây bao giờ ? » (1403)

(1392) Nàng U-Lan với nàng xem tình như vợ chồng chim phụng và chim hoàng, từ nay tan tác thì tình nàng U-Lan sẽ héo khô đi. Nàng Hồng-Liên với nàng xem tình cũng như vợ chồng chim oan và chim ương từ nay mất nàng thì Hồng-Liên sẽ héo hơn đi.

(1398) *Chần-ngần* : tần-ngần.

(1400) *Mặt trong màu hạc mắt ngời lụy giao* : đáng mặt thanh tao như mình hạc, mắt có hai gò lông lụy trào ra.

(1401) *Hoảng hốt hãi hào* : hãi hùng.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Nhìn nhau luống những bơ-sơ,
Lạ-lùng gặp-gỡ, còn ngờ chiêm-bao! (1404)
« Lòng đây trăm mối xôn-xao,
Vui buồn còn biết nói sao bây giờ? » (1405)
Nàng rằng : « lòng cũng như tơ,
Ngàn câu trăm chuyện, bấy giờ sạch không ». (1406)
Chàng rằng : « lắm lúc mong trông :
Nàng Lan, gã Phạm người hồng ở đâu? » (1407)
Xin nàng căn-kẻ gót đầu ». (1408)
Thở-than nàng mới lắc đầu nói ra :
« Cách nhau chưa mấy lúc mà
Ba chìm bảy nổi kẻ đà lắm phen! » (1409)
Xiết bao lẫn-lóc giữa-nghiêng,
Nhắc ra như chuyện cứu-nguyên lạ đời! (1410)
Thoạt nghe chàng cũng rung-rời,
Vội-vàng hỏi : « Vậy hai người thế nào? » (1411)
Nàng thưa mấy tiếng ngán-ngao :
« Nếu lau lốt thiếp thêm đau lòng chàng ». (1412)
Chàng còn muốn hỏi kỹ-càng,
Chấp tay nàng đã chỉ ngang nhà quán :
« Than rằng : cũng bạn đá vàng,
Mà nay đến nỗi đoạn-tràng vậy sao? » (1414)
Chàng rằng : « Tôi cũng sợ giao,
Thấy người bạc mạng còn đau-đớn lòng ;
Huống chỉ một núi một sông,
Ruột gan đã chạm chữ đồng thăm sâu ». (1416)
Nàng rằng : « Thiếp bước lên tàu,
Tai nghe mấy tiếng ruột đau trăm hồi ;
Hỏi thăm linh-thần gần nơi,
Luôn đêm thiếp tách một hơi hải-hùng, (1418)
Trong tay cầm nhấm bóng hồng,
Toan đem bóng mới ngụ lòng cổ tươì. (1419)

(1404) Luống những bơ-sơ : lạ lùng ngờ người ra.

(1412) Nếu lau lốt thiếp : nếu thiếp nói ráo lời.

(1416) Huống chỉ một núi một sông : Huống chỉ nàng là người cùng một nước.

(1418) Nguyên văn : Hỏi thăm linh thần : linh thần : bản thờ người mới chết.

(1419) Cầm nhấm bóng hồng : phương ngữ có nghĩa là một nắm

- Xa-xa trông thấy bóng người,
Sau bia thiếp núp để coi cho tường ;* (1420)
*Người liền bước tới với-vàng,
Trước nơi linh-cửu chàng-ràng chẳng đi ;* (1421)
*Thiếp càng nhìn lại nhìn đi,
Bóng máy bóng bụi rầm-ri khôn phân ;* (1422)
Giờ lâu nghe tiếng đọc văn :
Tên nàng tên thiếp vân vân mấy lời ; (1423)
*Ngồn-ngang trách đất than trời,
Vái van vân-vĩ khóc rồi thở ra ;* (1424)
*Thiếp còn lưỡng-lự gần xa,
Bỗng đầu trắng tỏ nhìn ra mặt chàng.* (1425)
*Lòng đây còn chút ngại-ngàng,
Chẳng hay đêm vắng sao chàng tới chi ? »* (1426)
*Chàng rằng : « Vì chút linh sí,
Trông trăng nhớ bạn, nên đi viếng người ;* (1427)
*Bảy giờ vắng-vẽ không ai,
Trăng trời đừng đó, mờ người nằm đây ;* (1428)
*Trăng dòm hóng, mờ kẻ tại,
Biệt-ly nàng hơi cặn-cỏi nghe thôi ».* (1429)

4.— Hồng-Liên kể lại chuyện sóng gió vừa qua

Hai người cùng ngồi trên thềm cỏ nói chuyện.

a) Chàng nhắc lại bữa hẹn hò qua chơi, bị mưa, dò qua không được, khi về đến nhà thì nằm liệt giường ngay. Nàng nói lúc ấy chúng tôi cũng trông đợi chàng hết sức.

- Ngần-ngir nàng cũng ừ xuôi,
Hai người chiều đất cùng ngồi cỏ xanh.* (1430)
*Chàng rằng : « Vương-vấn chút tình,
Ngày trông đêm nhớ, bực mình ba xuân ! »* (1431)
*Nàng rằng : « Dạ thiếp khôn can,
Bảy năm vẫn chốn một tuần dài ghê ».* (1432)

(1431) Bực mình ba xuân : do chữ tam xuân huy (ánh sáng ba tháng xuân) ánh sáng làm tươi tốt cỏ cây — Bực mình vì chờ đợi ánh sáng mùa xuân ấy.

GIAI-NHÂN KỲ-NGÔ

- Chàng rằng : « Ngày trước trở về,
Bữa sau lại tới sông Đề ngằn-ngơ ; (1433)*
*Mây mưa ụp phủ bốn bờ,
Giò lù-vù thổi, sóng chờ-vờ cao ; (1434)*
*Áo quần ướt đã ướt dào,
Đò qua không được, cắm sào một bên ; (1435)*
*Đêm về bãi-hoải rĩ-rên,
Chiều giường trần-trọc, mừng mền lơ-chor » (1436)*
*Nàng rằng : « Đang lúc bấy giờ,
Chị Lan mong-mỏi, chần-chờ chàng qua, (1437)*
*Phạm-Khanh nấu cá làm gá,
Thiếp thì trải chiếu lán-la đợi chàng ; (1438)*
*Hay đâu mưa nắng bất thường,
Trông mê trông mỏi mà chàng chẳng qua. (1439)*

b) Chị U-Lan có nhận được thư nhà, ngay lúc ấy, nói rằng cha chị đã bị bắt. Chị bảo tôi : chị cần phải về nước để tìm kế cứu cha. Gia-sản của chị giao cả cho tôi giữ, nếu rủi chị chết thì tôi hãy dùng mà làm việc nước.

Tôi bảo tình chị em đâu có thể được ! Tôi cũng phải theo giúp chị một tay. Gia-sản này tốt hơn hết là giao cho Phạm-Khanh giữ.

Người chí-sĩ Trung-hoa ấy cũng tức-tối không chịu và nhất-định đòi theo đi giúp chị một tay.

- Chị Lan vừa được thư nhờ,
Rằng quán mật-thâm bắt cha đi rồi ; (1440)*
*Xem thơ cất tiếng than ôi !
Ngậm-ngùi chị mới kêu tôi cạn-cùng : (1441)*
*« Vắng thân nằm miếng đỉnh-chung,
Xưa nay cây lặng gió rung là thường ; (1442)*
*Thoi đưa thắm-thoát bóng dương,
Sán Lai đâu dễ thường-thường thừa hoan ; (1443)*
*Nay cha gặp bước gian-nan,
Lòng con đâu nở ngồi yên đấy mà ! (1444)*
*Dốc lòng trở lại nước nhà,
Tìm mưu kiếm chước cứu cha mới đành ; (1445)*

(1435) *Ướt đã ướt dào* : Ướt dào đã, dầm dề tất cả

- Vì dầu mà sự không thành,*
Cũng liều một thác cho đành dạ con. (1446)
Đi này lắm nỗi thon-von,
Chia tay chưa biết hẳn còn gặp nhau ! (1447)
Gia-tài nhiều tí đề sau,
Nghe tin thiệp chết nàng hầu phân chia ; (1448)
Giúp cho tổ-quốc lưu-ly,
Thiệp dầu thác đó, khác gì sống đây ». (1449)
Mấy lời chỉ kẻ riêng tây,
Trái lại tôi cũng ngà-ngày đôi câu : (1450)
« Hai ta biết chắc đã lâu,
Ruột gan sống chết ghi sâu chữ đồng ; (1451)
Chị nay liều phận má hồng,
Cấp ba tấc mũi vào vòng cộp beo : (1452)
Một thân trái đủ hiềm nghèo,
Tôi đâu há nỡ ngồi quèo khoanh tay ! (1453)
Cộp beo chị chẳng nỡm tay,
Lẽ nào tôi lại dám gay-go lòng ? (1454)
Còn như nhà cửa lòng-dòng,
Cậy nhờ chàng Phạm giữ dùm thời nên » (1455)
Phạm-Khanh tức-tôi nói lên :
« Cớ chi nàng lại xem hèn tôi sao ? (1456)
Dầu tôi chút phận lao-đao,
Nhưng trong gan ruột đỉnh-giao cũng tình ; (1457)
Hai nàng đã quyết liều mình,
Một lòng vẹn hiếu, một tình vẹn trung ; (1458)
Nghe thôi ai cũng động lòng,
Huống chi tôi cũng trong vòng chủ tôi ! (1459)

(1447) *Thon-von* : Xem lời chú 999

(1450) *Mấy lời chỉ kẻ* : mấy lời chị ấy kẻ.

(1452) *Cấp ba tấc mũi* : (mũi là mũi gươm) cấp gươm.

(1454) *Gay go lòng* : lòng sợ khó khăn.

(1459) *Tôi cũng trong vòng chủ tôi* : tôi cũng tự làm chủ được tôi.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Xưa kia Khổng Mạnh có lời :*
Lắm tên vô đồng lắm người xá sanh ; (1460)
Phen này tôi nếu lánh mình,
Một đời xấu hổ, học-hành bỏ đâu ? (1461)
Nhà nho hồ mặt nhìn nhau,
Những người nghĩa khi ngằng đầu nhìn ngơ ; (1462)
Sau ra Tán-sĩ nghi-ngờ,
Cho tôi là đũa vật-vờ đẩy thôi ; (1463)
Mặt nào còn thấy vời đời,
Xin nàng sao cũng cho tôi đi cùng ». (1464)
Trong khi giận nói lấy-lùng,
Coi ra chỉ gã hào-hùng lắm thay. (1465)

c) Chị U-Lan bảo chúng tôi hai người nên ở lại và còn phải giữ lấy thân đề đền nợ nước.

Phạm-Khanh bảo sống ở đời gặp việc nghĩa mà không dám lán mình vào làm là hèn, có sống suốt đời cũng vô ích. Tôi cũng nói thôi không cần đắn-do gì nữa, hãy sửa-soạn đi ngay cho rồi. Chị chịu lời.

- Nàng rằng : « Hai gã tổ bày,*
Nghe ra thực cũng lẽ ngay rạch-ròi ; (1466)
Nhưng mà nghĩ lại cần-còi,
Non sông gánh vác chơi-voi một mình. (1467)
Bây giờ thương chút lòng thành,
Giúp thân sâu kiến, liều mình phụng loan ; (1468)
Thử ngồi tĩnh nhứt tĩnh khoan
Tĩnh riêng nghĩa cả, đâu toàn là hơn..? (1469)
Nghĩ mình chút phận có-đơn,
Lúc còn mười tuổi gặp cơn lỡ-làng ; (1470)
Tình người thể đất ngỡ-ngàng,
Trong lòng cũng muốn hai chàng đỡ tay ; (1471)

(1460) *Lắm tên vô đồng* : không có đồng khí, do câu : kiến nghĩa bất vi nhi phi đồng.
Lắm người xá sanh : quên mạng sống, do câu : sĩ vị tri-ký giả tử, là kẻ sĩ có đồng khí thì biết vì người tri-ký mà chết đề đền ơn tri-ngộ.

(1468) Đem liều những tấm thân quý báu như phụng với loan mà giúp đỡ cho cái phận sâu kiến này.

- Nàng Hồng qua lại xưa rày,
Ba năm tính đã đến nay chẵn-chỏi ; (1472)
Phạm-Khanh năm đã chẵn hai,
Cùng nhau qua lại đông-dài bấy nay ; (1473)
Bây giờ rẽ mặt chia tay,
Trong lòng nghĩ cũng đắng cay trăm chiều (1474)
Lạ chi hai gã nắng-niu ;
Vì mang chút nghĩa nên liều tẩm thân ; (1475)
Hiềm vì còn chút phàn-ván,
Lòng ta dù vậy miệng trần ché bai ; (1476)
Chi bằng rón ở lại đây,
Giữ-gìn vàng đá dựng gầy non sóng. (1477)
Trời già nếu dẫu có lòng,
Chúng ta may cũng trùng-phùng có khi ; (1478)
Hỡi xin nghĩ lại nghĩ đi,
Còn rồi ta tính vội chi đó mà ». (1479)
Phạm-Khanh vùng-vẫy thừa qua :
« Đắt Tần xưa có Kinh-Kha bỏ mình ; (1480)
Tướng Hàn ở mấy lớp thành,
Mà người Nhiếp-Chánh coi mình như không ; (1481)
Xưa nay lắm kẻ anh-hùng,
Vì câu nghĩa-khi động lòng người ta ; (1482)
Gan nồng núng đến trời già,
Ra điếm mống trắng xuyên qua mặt trời ; (1483)
Tiếng thơm còn để muôn đời,
Sở xưa còn hỡi có người chép tên ; (1484)
Kiếp người sống chết hư nên,
Xanh-xanh đã chủ ở trên có trời ; (1485)
Lắm người cui-cút một đời,
Đau ngang chết tức, rủi thời cũng chôn ; (1486)
Tục rằng sống chết nhiều môn,
Nhẹ lông chim chích, nặng hòn Tản-Viên ; (1487)

(1476) Nguyên văn : Lòng ta rằng phải, miệng trần ché bai.

(1481) Tướng Hàn và Nhiếp-Chánh (?)

(1483) Do tích (?)

(1486) Lắm người cui-cút một đời : phương ngữ có nghĩa sống một cách cặm-cui.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

- Lòng tôi hỏi lại đã yên,*
Dầu cho vượt biển băng miền sá bắc ! (1488)
Ngày sau muốn một thể nào,
Bụng làm dạ chịu, nàng rào đón chỉ ! » (1489)
Cạn lời thiệp cũng vắn-vi,
Giục nàng sửa-soạn ra đi cho rồi. (1490)
Bằng lòng nàng cũng như lời,
Rằng : « Đêm thôi cũng tối rồi đã lâu ; (1491)
Bao nhiêu chước nhiệm mưu sâu,
Chúng ta đợi xuống tới tàu sẽ toan ». (1492)

b) Khi hành-trang đã sửa-soạn xong, chị còn ngồi trong đêm vắng thở than. Tôi hỏi. Chị nói nhớ đến anh.

Tôi bảo chị biết anh ở đâu thì viết thư cho anh biết. Chị nói cũng không kịp, và viết thư sợ lộ bí-mật.

Tôi bàn viết thư đề lại cho người nhà rồi anh có tới thì đưa cho anh. Phạm-Khanh cũng vạch ra cây liễu mấy hàng chữ.

- Hành-trang dọn-đẹp đã an,*
Nàng còn nương bóng thở-than một mình. (1493)
Thiệp liền cặn-kẽ ngọn-ngành,
Nàng rằng : « Còn vương chút tình bấy lâu ; (1494)
Thình-lình sấm sét rơi đầu,
Muốn quên mà dạ quên đâu cho đành ! (1495)
Xót thay cho khách đa tình,
Tìm hoa sau lại vịn nhành xiết bao ! (1496)
Bây giờ biết tính làm sao ?
Lòng này lắm nỗi ngán-ngao lạ đường ! » (1497)

(1488) *Vượt biển băng miền* : vượt qua biển băng qua miền rừng miền núi nào cũng được. — Thường có thành ngữ : vượt biển băng ngàn. Song dùng chữ miền ở đây có ý còn rộng hơn nữa.

(1489) *Rào đón* : Nói ngừa trước.

(1496) *Tìm hoa sau lại vịn nhành xiết bao* : Sợ người bạn tình đến tìm không thấy rồi lại đứng vịn nhành cây mà ngơ ngẩn thì buồn xiết bao.

- Thiếp liền hỏi lại rõ-ràng :*
Vậy thì chị biết ngụ chàng ở đâu ? (1498)
Nàng rằng : « Bởi vậy mới sâu,
Nếu cho có biết đi đâu đang giờ ! (1499)
Vì bằng vội-vã viết thơ,
Sợ e đến nỗi sự cơ lỡ-làng ». (1500)
Nàng càng ngơ-ngẩn bàng-hoàng,
Thiếp rằng : « Việc ấy thôi nàng đừng lo : (1501)
Tình đầu mỗi nỗi nhỏ to,
Viết thơ để lại giao cho người nhà ». (1502)
Nàng ngồi ngẫm-ngẫm gần xa,
Tay liền cất viết thảo ra mấy hàng ; (1503)
Thơ rồi gà đã gáy tan,
Nàng liền gọi tớ kỹ-càng dặn qua. (1504)
Phạm-Khanh bước lại bên nhà,
Tới nơi gốc liễu vạch da chữ đề. (1505)
Thiếp xem chẳng biết chữ gì,
Thấy ba hàng mực đen sì mà thôi ». (1506)

e) Nói tới đây trời đã sáng, Hồng-Liên rủ Tán-sĩ trở lại nhà sẽ kể tiếp câu chuyện.

Khi về tới nhà, nàng gọi đầy tớ đem rượu ra. Chàng bảo chuyện ăn uống ấy hãy thông thả, đề xin cho nghe chuyện. Nàng nói : kể lại chuyện thì tôi phải ghen hòng nên phải có chút rượu mới nói được.

- Nói rồi dứt tiếng nghĩ hơi,*
Giấy lầu nàng lại trông trời nói ra : (1507)
« Kìa kia xẻ bóng ngân hà,
Trăng vừa chen núi, trời đã rạng đông ; (1508)
Muốn cho cận-kế thủy chung,
Xin về nhà cũ thung-dung sẽ bày ». (1509)
Chàng rằng : « Cắp cánh choàng tay,
Nước tôi trông thấy nhạo đay trăm đường ; (1510)

(1498) *Ngụ chàng* : chỗ trú ngụ của chàng.

(1500) *Sợ viết thư thì lộ việc.*

(1505) *Vạch lằn vò ở thân cây liễu đề đề chữ.*

(1510) *Nhạo đay* : chế nhạo và đay đá.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- May nay lại ở Tây-dương,
Không con, nhưng sợ cho nường liếng tằm». (1511)*
*Nàng rằng : « tiếng lại bao lăm,
Sợ e chim phụng chỉ thềm bông lan ! (1512)*
*Sen thì sóng dập bùn tràn,
Còn ai có muốn mơ màng đến chi ! (1513)*
*Chị Lan nếu có đây thì,
Lọt tai mấy tiếng năn-ni lăm thôi !» (1514)*
*Đi đi nói nói một hồi,
Đầu non khỏi bắc, chừn trời rạng đông ; (1515)*
*Lần lần bước tới bờ sông,
Đò thuê một chiếc thẳng xông bến Đê. (1516)*
*Đò qua mấy khúc sơn Khê,
Tiếng chim, bóng bụi, tứ bề lao-nhao ; (1517)*
*Cất lay nàng trở rình cao :
Rừng chàng đồ biết nhà đâu kia là ? (1518)*
*Chàng rằng : « Tám kiếp thẳng A,
Ấy quân bán nước dẫu nhà còn đây ». (1519)*
*Sóng Đê cũng đến không chầy,
Ghé bờ đồ bến, dặt tay vào nhà ; (1520)*
*Liều dưng mấy cụm là-đà,
Giấy bìm phủ vách, cổ gà lợp sân ; (1521)*
*Nóc nhà chim sẽ kêu rân ;
Nàng liền gõ cửa mấy lần kêu lên. (1522)*
*Tớ nhà nghe tiếng ra liền,
Cất đầu trông thấy nàng Liền dưng-dưng : (1523)*
*Nhà trong bước tới dưng chân,
Nàng rằng : « Có rượu thì bưng đây mà ». (1524)*

(1512-1513) Sợ anh là chim phụng chỉ nghĩ đến bông lan thôi (tức U-Lan) mà không thiết gì đến bông sen này (tức Hồng-Liên).

(1514) Chị Lan mà ở đây nghe biết tôi nói thế chắc sẽ bực lắm đấy.

(1515) Đầu non khỏi bắc : Khi đi đầu non đã thấy rồi về khỏi hướng bắc.

(1519) *Thẳng A* : A-Năng-Nô, là tướng giỏi của nước Mỹ sau thấy quân Mỹ thua, hẳn liền trở mặt đầu người Anh (lời chú của Tác-giả).

(1523) *Dưng-dưng* : sừng sốt.

- Tớ rằng: « Từ thuở có ra,
Mấy chai rượu chát để nhà còn đây ». (1525)*
*Chàng rằng: « Rượu thịt hồi chầy,
Xin nàng kể chuyện nước mây cho tường ». (1526)*
*Nàng liền cất giọng thăm-thương,
Rằng: « Tôi cũng muốn vội tường chàng nghe ; (1527)*
*Tức vì hòng ghen lười dề,
Vạy nên đến đổi kè-nè đấy thôi ; (1528)*
*Vả chàng nghe dặng mấy lời,
E khi cũng dứt mấy hồi ruột non ! (1529)*
*Thiếp nên kiếm chén rượu ngon,
Mượn hơi một thi cho dòn nói năng ». (1530)*

g) Chàng lại giục nói. Nàng sụt sùi :

« Nàng Lan gã Phạm hai người,
Đã rơi hăm cá còn tôi một mình ».

Khiến chàng nghe như sét đánh vào đầu. Giờ lâu hai người khóc than.
Cuối cùng chàng bảo : thôi, khóc cũng không sao sống lại được. Hãy kể cuộc
xông pha nguy hiểm ấy cho nghe.

- Chàng liền giục-giã hờ rằng,
Sụt-sùi nàng mới nỉ-năn-mấy lời : (1531)*
*« Nàng Lan gã Phạm hai người,
Đã rơi hăm cá còn tôi một mình ! (1532)*
*Gặp chàng khôn nổi mặt nhìn,
Dứt lời nàng vội ẵm liền lụy châu ». (1533)*
*Chàng nghe như sét vào đầu,
Nát tương gan ruột héo xầu tay chân ; (1534)*

(1526) Rượu thịt hồi chầy : rượu thịt thì hãy thông thả.

(1527) Vội tường chàng nghe : vội trình chàng nghe (nguyên văn : chường).

(1528) Kè-nè : kè nhè đòi rượu đòi thứ này thứ khác.

(1531) Giục-giã hờ rằng : giục hé răng ra nói đi.

(1533) Gặp chàng bấy giờ tôi không nỡ nhìn mặt nữa. Nàng vội ẵm liền lụy châu :
Nàng vội cố ngăn giọng lệ. (ẵm do chữ yêm).

(1534) Nát tương gan ruột : Gan ruột nát như tương.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Giờ lâu ngồi dửng-dừng-dưng,
Hỏi sao nàng khóc lừng-chừng lắm thôi ?* (1535)
Người đời một thác là rồi ».
Nhìn chàng nàng lại nhỏ bởi lụy son. (1536)
Rằng : « Nàng đâu khóc lở non,
Nàng Lan, gã Phạm có còn hay không ? (1537)
Chỉ bằng ta hỏi thung-dung,
Nhắc ra sự tích anh-hùng nghe chơi ». (1538)

5. — Hồng-Liên kể tiếp đến cách gài bẫy

Tớ bưng rượu tới, Hồng-Liên uống rồi kể tiếp

I. — Đoạn ở dưới tàu

a) Chị U-Lan trở tay về phía nhà anh nói bao giờ gặp được nhau nữa ? làm chúng tôi nào cả ruột. Chúng tôi gọi lại chuyện bôn-phận là đích cấp thời của cuộc đi. Nhưng khi đêm xuống sóng êm, tôi buồn lại nhắc đến anh, chắc giờ này anh đang ngồi ở thềm nhà chúng tôi. Chị nói, chị nằm mơ thấy cùng anh hai người dắt-díu nhau chơi bồng-lai-đảo.

- Tớ vừa bưng rượu tới nơi,
Uống rồi nàng mới tức thỗi nói mau :* (1539)
« Bấy giờ vội-vã xuống tàu,
Kéo neo tàu cũng chạy mau tức thì : (1540)
Sân tàu rủ đạo một khi,
Cất tay nàng trở mù-ty mấy bờ : (1541)
« Rằng kia Phủ-Bì trơ-trơ,
Chỗ ai ở đó bao giờ gặp va ? (1542)
Sóng Đề khi trở lại nhà,
Không thì chín suối, họa là gặp nhau ! » (1543)
Nói rồi mặt héo mảy râu.
Chàng rằng : « Nếu vậy giống nhau quá mà » ! (1544)
Nàng rằng lúc ấy cả ba,
Xúm nhau ngồi lại bạn ra nói vào : (1545)

(1535) *Ngồi dửng-dừng-dưng* : Ngồi sưng và dờ người ra.

(1536) *Lại nhỏ bởi lụy son* : lại khóc thêm nữa.

(1541) *Nàng trở mù-ty mấy bờ* : (mù là sưng, ty là nhỏ) nàng chỉ chỗ dóm nhỏ trong làn sương mù ở bờ biển.

(1542) *Chỗ ai ở đó* : chỗ chàng Tân-sĩ ở đó.

*Rằng : « Nàng bỏ nước đã lâu,
Bảy giờ ai có nhìn đâu đứng người ;* (1546)

*Giả tưởng là khách chơi-bời,
Tùy-cơ ứng-biến tới nơi sẽ bàn »* (1547)

*Thuyền ra cách bức xa ngàn,
Sao thưa, trăng tỏ, mây tàn sóng êm.* (1548)

*Thiếp rằng : « Chốc đã ngàn đêm
Bảy giờ chàng chắc ngồi thêm nhà ta ;* (1549)

*Bên rào lan héo thiết-tha,
Dưới hồ sen rụi mưa sa dầm-dề ;* (1550)

*Quê xưa cảnh cũ bộn-bề,
Tưởng chàng trông thấy ử-ê xiết nào !* (1551)

*Nàng rằng : « Năm thấy chiêm bao :
Cùng chàng điu-dắt chơi vào bông-lai ;* (1552)

*Trong khi đẹp dạ thỏa hoài,
Thình-lình tiếng sóng kêu dài thất kinh.* (1553)

b) Chúng tôi ra đứng mũi tàu ngàn-ngờ hồi lâu. Chị nói mới nghĩ được bài ca, chị ca lên cho nghe. Tôi còn nhớ cả, vậy tôi ca lại cho anh.

Tán-sĩ nghe rồi ruột gan như thắt lại.

*Bốn bề gió mát trăng thanh,
Ngậm-ngùi lại nhớ chút tình đâu-đâu ;* (1554)

*Mũi tàu đứng gần giờ lâu,
Cất đầu nàng lại âu-sầu nói ra :* (1555)

*Rằng : nay nghĩ đứng bài ca,
Lặng nghe tà sẽ xướng ra rõ-ràng ».* (1556)

*Nàng liền cất giọng rảnh-rang,
Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng'chen nhau.* (1557)

*Thiếp còn chép dạ bấy lâu,
Hồi xin ca lại gót đầu nghe chơi.* (1558)

(1549) Chốc đã ngàn đêm : mới chốc mà đêm đã phủ xuống cảnh vật tối mù như cảnh rừng núi âm-u.

Ca rằng :

I

Ta nhớ đầu, nhớ cầu cổ-thồ, (1559)

Muốn theo qua trải đủ chông gai. (1560)

Kiếp phù-sinh lắm nỗi trần-ai, (1561)

Khách bó-lầu luống than dài thở vắn, (1562)

Non nước tan tành, rồng chạy vắng, (1563)

Cửa nhà xơ-xác én bay xa. (1564)

Cảnh tang du thêm cảm nỗi chu già ; (1565)

Gan thiết thạch, tiết bá từng, trải sương

luyết phong-ba còn giữ chắc ; (1566)

Ôm khi chánh ngang trời giọt đất, (1567)

Ba tấc gươm thề chém vất lũ yêu tinh ; (1568)

Gần xa ai cũng cảm tắc thành. (1569)

Trời sao nở cánh hồng vương lưới cá ! (1570)

o o o

Trăng sáng giữa trời soi khắp cả, (1571)

Gió xao mặt nước sóng lông-tông ; (1572)

Đầu lâu đêm vắng ngồi trông. (1573)

II

Ta nhớ đầu, nhớ cha tuổi-tác ; (1574)

Muốn theo qua man-mác trời cao ; (1575)

Đêm năm canh mơ-mẩn giấc chiêm-bao, (1576)

Lụy muốn học đều-dào khôn ráo mắt. (1577)

(1559) *Nhớ cầu cổ-thồ* : nhớ thành ngữ : « giang sơn cổ thồ » là sông núi đất nước nhà.

(1561) *Nỗi trần ai* : nỗi vất vả khổ sở. *Kiếp phù-sinh* : cõi đời ngắn ngủi.

(1562) *Khách bó tàu* : (bò : chạy trốn, thường dùng với bò đào : chạy trốn việc) khách lánh nạn nước mà chạy trốn biệt đi nước khác. (cũng nói : bôn tầu).

(1565) *Cảnh tang du* : (tang : cây dâu ; du : cây du, thứ cây hay trồng nơi biên ải). Cảnh mặt trời sắp lặn chiếu xiên vào ngọn cây dâu và cây du. Nghĩa bóng là cảnh già.

(1566) *Gan thiết thạch* : gan sắt đá ; *tiết bá từng* : khí tiết của những cây bá cây từng chịu đựng với mùa rét.

(1567) *Ôm khi chánh* : Ôm khi tiết trung chính.

(1568) *Thề chém vất* : thề chém bỏ.

(1569) *Cảm tắc thành* : cảm động về tám lòng thành.

(1570) *Cánh hồng vương lưới cá* : cánh chim hồng bay ở trên trời mà oái oăm lại bị « vào lưới cá bủa giăng dưới nước.

(1577) *Lụy muốn học* : nước mắt nhiều như trong muôn cái đầu.

Tâm liệt-nữ sương thu soi phắc-phắc, (1578)
Mũi Kinh khanh gió bắc thổi ù-ù; (1579)
Tuổi dầu trẻ, sức dầu mòn, kẻ dầu ngu, (1580)
Giọt máu đỏ phủ quỳ-thần soi-xét. (1581)
Hồn cổ-quốc mấy năm viễn-biệt, (1582)
Giấc hương-quan muốn dậm nơ-màng; (1583)
Bạn đồng-tâm rất những khách tha hương, (1584)
Phủ có chị Hằng soi tức dạ. (1585)

o o o

Trăng sáng giữa trời soi tất cả, (1586)
Gió xao mặt nước sóng lồng-lóng; (1587)
Đầu tàu đêm vắng ngồi trông. (1588)

III

Ta nhớ đâu, nhớ người Đông-Hải, (1589)
Muốn theo qua quan-âi cách bao nhiêu. (1590)
Ngày chàng về áo gấm mỹ-miêu, (1591)
Chinh lúc thiệp hang beo thề bỏ mạng; (1592)
Nam bắc đôi đường phản én nhận, (1593)
Mỹ Âu muốn dậm cách vân yên. (1594)
Nhớ xưa kia non nước quây duyên, (1595)
Xuân sắc một trời thêm diễm-dã; (1596)
Lúc trăng sáng tìm hoa đổ lá, (1597)
Khi gió trong chén rượu câu thi; (1598)
Người đầu-đầu gặp-gỡ làm chi, (1599)
Nay lưỡng khiển lụy biệt ly rơi lã-chã. (1600)

(1578) *Soi phắc-phắc* : soi vào thấy trong vắt, sáng quắc.

(1579) *Mũi Kinh khanh* : mũi con thuyền chờ chàng Kinh-Kha theo gió bắc mà tiến (?)

(1582) *Hồn cổ quốc* : hồn nước cũ.

(1583) *Giấc hương quan* : (hương quan : công làng) giấc mơ được về làng cũ.

(1591) *Ngày chàng về áo gấm mỹ-miêu* : (do câu thơ Lý Bạch : công thành y cảm hoàn) khi chàng thành công mặc áo gấm về làng. Còn có thành ngữ : y cảm hoàn hương (áo gấm về làng).

(1592) *Hang beo* : nơi nguy hiểm.

(1594) *Vân yên* : mây khói.

(1595) *Quây duyên* : tiếng địa-phương có nghĩa là vầy : xum họp.

(1596) *Diễm dã* : diễm : chói lọi, hay lồng sắc đẹp thêm lên do ánh mặt trời vào, diễm đã tiếng láy làm thêm đậm nghĩa.

(1597) *Đổ lá* : (hội đổ lá về tháng ba ở đời Đường bên Tàu, trai gái hẹn hò vui vẻ với nhau) vui với nhau.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Trăng sáng giữa trời soi khắp cả,* (1601)
Gió xao mặt nước sóng lông-tông, (1602)
Đầu lâu đêm vắng ngời trông. (1603)
- Mấy thiên như khóc như cười,*
Giọng oanh mấy khúc càng tươi càng màu, (1604)
Mĩa-mai sương giục còi thu,
Dập-diu tiếng suối gió ru đêm rằm. (1605)
- Chàng rằng : « Vẩn-vit lơ lửng,*
Mối tình nghĩ đến như bầm ruột gan. (1606)
Từ khi non nước gặp nàng,
Khi thì, khi rêu, khi đàn luôn-luôn ; (1607)
Trong khi diu-dắt dạo vườn,
Cảnh vui nằng lại than buồn mấy câu : (1608)
« Vui-vầy đặng bấy nhiêu lâu ! »
Mà nay đến đổi chôn sâu chín sóng. (1609)
Kia nhà, kia nước, kia sông,
Mà người vắng-vẽ, đau lòng xiết bao ! » (1610)

c) Hồng-Liên kể tiếp : lúc ấy, có người con gái lân-la lại nói chuyện và nói có biết anh. Tôi sợ là kẻ mật-thám nên chẳng dám nói bàn điều gì cả.

- Nàng liền kể chuyện dưới lầu ;*
Rằng : « Đương lúc ấy lắm câu ngờ-ngàng ; (1611)
Tình cờ lại gặp một nàng,
Bắt quàng trò chuyện đủ đàng thăm thương, (1612)
Kể luôn đến chuyện Đông-Dương,
Ngợi khen phong-cảnh nước chàng vẻ-vang : (1613)

(1604) Nguyên văn : bốn thiên. Sửa lại mấy, vì gác lại một thiên vào phụ lục để giữ cho câu chuyện được nhất trí.

(1605) Chuyện mĩa-mai : sương là chất tượng trưng cho người đàn bà lẻ bóng sợ sự chia ly mà lại giục-giã cho tiếng còi nổi lên đề đem sự chia ly ấy tới giữa mùa thu của lòng người. — Và chuyện mĩa-mai nữa : đêm trăng sáng đề bạc tình âu yếm nhau trong làn gió thu êm ái thì nước mắt như suối lại chảy ra thánh thót dập diu.

(1609) *Chín sóng* : Do chữ cừu-tuyền, nơi âm-phủ, nơi có chín ngọn suối.

(1612) *Bắt quàng* : vơ vào.

- Khen người Nhật-bồn có gan,
Nhắc ra hình dạng giống chàng như y: (1614)
Nhưng mà bụng thiếp còn nghi,
Tuổi tên nàng ấy chàng khi biết mà ? » (1615)
Chàng rằng : « Lũ quỷ quần ma,
E khi kiếm chuyện dò-la sự nàng ». (1616)
Nàng rằng : « Thiếp cũng nghi nan,
Vây nên chẳng dám nói bàn đồ-dang ». (1617)*

II. — Đoạn về tới nước nhà

a) Chị U-Lan già có bệnh uể lải ở khách-sạn đề hai chúng tôi đi dò la tin tức. Khi biết chúa ngục là kẻ háo sắc, tôi bày kế mỹ-nhân, và tôi tình nguyện đi làm việc đó. Tôi giả làm cô gái đi lỡ đường xin với chúa ngục chỉ đường về khách-sạn. Chúa ngục mời tôi lên xe đưa về, rồi ngồi lại nhà nói chuyện làm thân.

- Thối-thối bót nói bắt quàng,
Đề xin kể chuyện đi đường bấy nay : (1618)
Tám ngày vừa tới nước Tây,
Vào thành kiếm chốn quán đầy nghỉ-ngơi ; (1619)
Còn e có kẻ biết người,
Nhủ nàng giả bệnh, thiếp chơi ngoài thành ; (1620)
Trường-tù nhắm thể xem hình,
Cha nàng giam ở bên thành phía tây ; (1621)
Bốn bề hào xẻ thành xây,
Cánh chim khó với thang mây khôn lường ; (1622)
Xưa nay kẻ tiện người sang,
Trong vòng nước lửa chốn xương muôn vụn ; (1623)
Cha nàng cả trí to gan,
Ghét dơ ngàn nỗi, giữ-giàng trăm phương ; (1624)*

(1616) *Lũ quỷ quần ma* : lũ mặt-thám ;

(1619) *Nước Tây* : Nước Tây-Ban-Nha quê nàng U-Lan.

(1619) *Quán đầy* : Quán khách đông người.

(1621) *Trường tù* : Nhà tù.

(1622) Cao đến chim bay không tới được mà thang mây cũng khó leo qua.

(1623) *Kẻ tiện* : Kẻ hèn hạ.

(1624) Cha nàng bị nhà cầm quyền ghét lắm và tìm mọi phương cách giam giữ rất kiên cố.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

- Vậy nên túng kẻ lo-lường,
Trăm toan ngàn liệu, khôn phương cứu ngài. (1625)*
*Lần-là mấy bữa đồng-dãi,
Thăm nom tin-tức, lăm lời đầu-đầu: (1626)*
*Người thì nói hồi còn đau,
Người thì nói chẳng bao lâu bị hình. (1627)*
*Nàng thì nhức-nhối trong mình,
Giục ngay chàng Phạm ra thành dò-la. (1628)*
*Cách đôi ba bữa dần-dà,
Biết ra chúa ngục họ là họ Vương. (1629)*
*Thiếp bày một kẻ hoang-đường,
Mượn mưu Trịnh-Tụ đưa nường Yên-chí. (1630)*
*Nàng rằng: « Tuy chuyện nữ-nhi,
Bày giờ đã gặp quân chi đáng mà! (1631)*
*Thuở xưa vua Nữ thứ ba,
Cùng ông Ba-Đốn trốn ra cũng thương; (1632)*
*Trong con túng nước cùng đường,
Dù hay dù dở cũng trườn cho xong». (1633)*
*Phạm rằng: « Nếu để lòng-dòng,
Việc người thay đổi khôn dùng mưu cao; (1634)*
*Chi bằng cứ việc làm nhào,
Nên hư phù nổi cao-cao có trời; (1635)*
*Họ Vương tánh khi bốc rời,
Tham tiền mê sắc, vợ người thì không; (1636)*

(1627) *Bị hình*: Bị hành hình.

(1630) *Trịnh-Tụ*: Vợ vua Sở đời chiến quốc lập mưu gì cũng được vua và quan Đại phu Trần-Thiên tán thưởng nghe theo. Thơ Đỗ Mục có câu: *Trịnh-Tụ* kiêu ngạo hàm tự tủy: (*Trịnh-Tụ* nói lời đẹp và ngon lành).

Yên chí: người con gái đẹp (do sự dùng những cỏ yên và chi làm thành phấn son tô-diêm sắc đẹp cho phụ-nữ).

(1632) *Vua Nữ thứ ba*: Napoléon đệ tam; *ông Ba-Đốn*: Badinguet, tướng truyền vua Napoléon III bị giam ở pháo đài Hams tại Bỉ, có đảng Hiệp-sĩ Carbonnari trụ-sở tại Ý, muốn đánh tháo cho ông, nên có cho một người thợ hồ tên là Badinguet giả vào chữa trong pháo đài rồi trao quần áo của mình cho ông mặc để đi ra. Và người ấy ra sau rút.

(1633) *Trườn*: Nhoai lên, hàm ý cố và dành.

(1635) *Làm nhào*: làm bừa đi.

- Nay còn kiểm chác lông-ngóng,
 Găm ra cái kẻ nàng Hồng cũng hay. (1637)
 Làn-la qua đặng mấy ngày,
 Thiếp ăn mặc đẹp chơi ngay bên thành; (1638)
 Trông ra bốn phía vắng tanh,
 Một vài xe ngựa quần-quanh xa gần. (1639)
 Bỗng đâu ngui-ngút bụi trần,
 Một x. đốc-mã rần-rần tới nơi; (1640)
 Trên thì chúa ngục đờng ngồi,
 Mừng thăm thiếp mới lần hồi gần bên; (1641)
 Mỉm cười liếc mắt trông lên,
 Giả dờ lơ-quó như quên chặng đàng; (1642)
 Lanh-quanh ước nửa dặm tràng,
 Mặt trời chênh núi đáng vàng lòng mây; (1643)
 Bước gần thiếp mới xấp tay,
 Vin cương dừng ngựa tỏ bày nễ-nang; (1644)
 Rằng: tới người Mỹ mới sang,
 Ra chơi rủ phải lạc đàng bơ vơ; (1645)
 Đường cùng ngày tối dật-dờ,
 Khôn lui khôn tới, u-ơ một mình; (1646)
 Thiếp nghe phép nước văn-minh,
 Đoàn bà tằm-tối một mình không đi; (1647)
 Xin ngài thương chút ngu-si,
 Đem lòng trở nẻo giúp khi lỡ đàng; (1648)
 Ngài dầu thương phận lỡ-làng
 Tắm lòng cảm tạ ngàn vàng khôn đàng; (1649)
 Va nghe mấy tiếng nhẹ-nhàng,
 Rằng: ta chúa ngục tên rằng Vương-La; (1650)
 Trời chiều đã quáng mắt gà,
 Thấy nàng lần-vườn lòng đã sinh nghi; (1651)
 Phải chi nàng nói khi thì,
 Sao cho đèn đối lý-bì ử ẻ? (1652)

(1637) Lông-ngóng: không chủ định.

(1640) Ngui-ngút: chỉ làn bụi hay làn khói bốc lên.

(1644) Xấp tay: Chắp tay tỏ ý cung kính.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Nếu nàng chẳng ghét lý-lê,
Lên xe tới hỡi đưa về tận nơi. (1653)
Cám ơn thiếp mới lên ngồi,
Trong xe nhìn nhỏ ra người dễ chơi. (1654)
Xe đi liền cũng tới nơi,
Bắt tay va nói lời-thối mấy lời ; (1655)
Rằng sau hãy tới thăm chơi,
Xin nàng trân-trọng thì tôi bằng lòng. (1656)
Thiếp liền biết lão mắc vòng,
Thưa rằng : « Ngai cũng người trong ân-tình ; (1657)
Tối-tăm giúp kẻ linh-đình,
Ơn sâu nghĩa nặng chút tình xin mang ; (1658)
Kính ngài chớ khá vội-vàng,
Ngồi chơi một lúc bĩ-bàng biết bao ! (1659)
Nàng Lan cũng bước ra chào,
Chỉ nàng thiếp nói : Bờ-Đào là quê ; (1660)
Từ nhà đánh bạn đánh bè,
Hay đâu cái vương đặng kẻ từng cao » (1661)

b) Từ đó khi thư từ nhẵn nhe, khi rượu chè lời lá. Tôi khen anh ta đẹp trai gái nào cũng phải mê. Tôi lại nói tôi bị một cuộc tình duyên ngang trái nên buồn mà đi dạo chơi các nước. Bây giờ có tiền của nhiều, mà thân phận yếu đuối làm sao giữ được. Anh ta xin kết đá vàng liền ngay.

- Chàng rằng : « Sắc đẹp mưu sâu,
Dù ai cũng phải đắm đuối vào trong ». (1662)
Nàng liền mặt tía tai hồng,
Xin chàng đừng bỡn thẹn lòng gái quê : (1663)
« Từ khi chứa ngục ra về,
Đưa thơ thiếp cũng đủ bề nhẵn-nhe, (1664)

(1653) Lý-lê : lẩn-lộn, không được đăng hoàng, không hay giữ gìn nề nếp. Chữ này có biến âm thành phương ngữ : lá lay, cùng nghĩa.

(1654) Nhìn nhỏ : ngêng ngáo nhìn khắp nơi.

(1959) Bĩ-bàng : Tươi tắn.

(1660) Bờ-đào : Bồ-Đào-Nha (Portugal).

(1661) Dây sản được kẻ cây từng cao, ý nói cuộc chơi bạn mà may mắn mình được gặp người cao sang.

- Đưa theo rượu ngọt gấm the,*
Trả lời va cũng lăm-le vương mời ; (1665)
Hẹn-hò đến buổi chiều mai,
Ba người lụi-hụi đứng ngời những trông ; (1666)
Ngày chiều vừa gác bóng hồng,
Xe đôi áo cặp đùng-đùng va qua ; (1667)
Thiếp thì xiêm lụa áo là,
Trăm chiều ngàn chuộng bước ra hỏi chào ; (1668)
Bầm thưa như tiếp vương hầu,
Trong khi trò chuyện, cọ đầu kê tai ; (1669)
Va liền cất tiếng nói ngay,
Miệng cười rà-rả như bày ruột gan. (1670)
Va còn lăm nổi mơ-màng,
Thiếp liền kiểm chuyện hỏi xoàng dòi câu : (1671)
Rằng : mai độ tối giờ lâu,
Chị em thiếp tới xin hầu phu-nhân. (1672)
Vuốt râu ra dạng hoa-lơn :
Rằng tôi thưa thiết gối đơn một mình. (1673)
Thiếp càng giả dạng thất kinh :
Thưa rằng : « Ngài nói giả tình đấy,thôi ». (1674)
Rằng : « Tôi nói thực mười mười,
Vợ tôi mất đã giỗ đôi ba lần ». (1675)
Thưa rằng : « Ngài lăm lòng nhân,
Đẹp trai mà lại đủ phần giàu sang ; (1676)
Thẽ-gian lăm ả hồng-nhan,
Thấy ngài ai chẳng mơ-màng chiêm-bao, (1677)
Lụa là rượu thịt mời trao,
Mà tình sóng biển đã sáu lăm rồi ». (1678)
Va rằng : « Nếu thiết như lời,
Nói sao biết vậy việc đời dễ dàu ? » (1679)

(1666) Lụi-hụi : lăm-quần cặm cụi.

(1668) Xiêm lụa áo là : váy bằng lụa và áo bằng là.

(1673) Ra dạng hoa-lơn : ra vẻ bóng đùa.

(1675) Nguyên văn : Rằng ai dám nói lấy rồi.

(1679) Nguyên văn : Chuyện nàng thì vậy việc đời dễ dàu.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Rằng : « Ngài chưa tỏ gót đầu,
 Thiếp xin kẻ hết cạn sâu nỗi nhà : (1680)
 Hoa-kỳ quê quán thiết là,
 Cha làm lồng-đốc, anh nhà đồ cao ; (1681)
 Chuyên-khoa bác-vật đã lâu,
 Cùng người bạn học tri màu tài xa ; (1682)
 Quê hương nghỉ cũng Ban-nha,
 Dạng ngài mĩa-mĩa giống va quá chừng ; (1683)
 Nề ăn nếp ở cũng ưng,
 Qua-quả lại-lại nư-năng mấy lần ; (1684)
 Hai tình lửa bén rơm gần,
 Bằng lòng thiếp mới đính phần thất-gia ; (1685)
 Chọn ngày toan kết tiệc ba,
 Thiếp liền rủ phải cha già đôi tang ; (1686)
 Anh nhà tánh-khí ngang-tàng,
 Rủ va đạo Bắc-băng-dương tìm-tòi ; (1687)
 Cha già vừa mới qua đời,
 Mẹ già ngăn-trở lắm lời không nghe ; (1688)
 Va càng ý khí hăm-he,
 Cùng anh đánh bạn đánh bè đi ra. (1689)
 Anh tới nói với mẹ nhà :
 Vào hang bắt cọp thì là danh-dương ; (1690)
 Há như những kẻ tầm-thường,
 Chơi-bời say đắm trâm đường dở-dang. (1691)
 Nói rồi khoác áo vội-vàng,
 Xống trời tách biển thẳng đàng Bắc-dương. (1692)
 Xa gần xum miêng khen vang,
 Ngày đêm mong mỗi quê hương gấm về ; (1693)
 Một năm trông mỗi trông mẹ,
 Thơ từ vắng bật, thuyền bè lặng trôi ; (1694)
 Nghe người đồn vẫn đồn vợ,

(1683) Dạng ngài mĩa-mĩa : dạng ngài hao-hao giống.

(1686) Chọn ngày toan kết tiệc ba : bày tiệc kết hoa, dây nói sắp định hôn, ăn cưới.

(1690) Danh-dương : phò danh tiếng với đời.

Chơi-vời biển giá, ngắt-ngơ sóng kinh. (1695)

Về sau ngày một vắng tanh,

Mẹ già mong-mỏi bức mình phải đau. (1696)

Nhật trình có mấy lời rao :

« *Rằng người Thụy-Điền có tàu tuần dương ;* (1697)

Đi qua biển Bắc tốt đường,

Thấy tàu người Mỹ nát tương rã-rời ; (1698)

Chẳng còn một vật một người ! »

Mẹ già nghe nói rụng rời thác oan. (1699)

Một anh, một mẹ, một chàng,

Một lần chia rẽ trăm đường đắng cay ! (1700)

Chơi Âu kiếm chước giải khuây,

Đạo vòng Anh, Pháp, châu rầy tới đây. (1701)

Xem trong phong-cảnh nước này,

Non xanh nước biếc sánh tày cõi tiên ; (1702)

Vả chẳng thiệp lăm cửa tiền,

Một thân yếu đuối giữ-gìn sao xong. (1703)

Ước chi đừng kể anh-hùng,

Se tơ kết tóc thỏa lòng lăm thói». (1704)

Vả rằng : « Hẳn chắc như lời,

Tôi xin hết sức một đời với cô ; (1705)

Dù mà biển cạn sóng khô,

Lòng tôi giữ chắc tro-tro đá vàng ». (1706)

Thiếp liền mừng-rỡ vội-vàng,

Kiểm điều đua nịnh tìm đường ngợi khen. (1707)

Vả càng ngoe-nguẩy múa men,

Cách ngày thăm viếng von-ven tới hoai ; (1708)

Cho hoa cho lựa cho sồi,

Thiếp soi tướng nghĩ nuốt mồi đã sấu. (1709)

(1695) *Biển giá* : Biển nước lạnh đóng thành băng giá ; *sóng kinh* : sóng lớn và dữ tợn như đàn cá kinh.

(1698) *Nát tương rã-rời* : nát và rã rời như tương.

(1707) *Dua nịnh* : (dua bởi du dọc trạnh ra) lựa theo ý người mà nịnh.

(1708) *Ngoe-nguẩy* : cử chỉ khoe mẽ của kẻ tiểu nhân. *Von-ven* : ngòn ngoèn, cử chỉ lần khần đáng bị.

(1709) *Thiếp coi tướng nghĩ* : thiếp coi về hăn ta, y ta.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

c) Rồi tôi đi chơi với anh ta đến ngục thất, tôi ngỏ ý muốn vào xem. Anh ta hẹn bữa sau rủ cả bạn U-Lan nữa. Chúng tôi thăm thì về nhà tính kế với nhau.

- Nhơn cơ chơi dạo yếm âu,*
Thành tây vừa đến, cất đầu trông lên ; (1710)
Thiếp rằng : « Lũy chắc thành bền,
Ấy là cung điện dài đến chi đây ? » (1711)
Va rằng : « sở ngục chốn này,
Thịt xương hầu bá chất đầy xưa nay, (1712)
Hồi còn lăm-lăm trong này,
Hơn vài trăm đũa rất bày vô nghĩ ». (1713)
Giả hình thiếp nói rằng : « Ủy,
Thang mây cánh hạc bay gì đặng qua ! (1714)
Trong này rục-rỡ nguy-nga,
Ước chi vào đặng đề ra chuyện trò ». (1715)
Va rằng : « Chìa khóa nhỏ to,
Một tay tôi nắm có lo chi mà ; (1716)
Bữa nào nắng dịu gió hòa,
Nàng cùng cô bạn chơi qua một lần ». (1717)
Thiếp càng mừng-rỡ mười phần,
Bắt tay cảm tạ ân-cần một hai ; (1718)
Thiếp liền hẹn bữa thứ hai.
Về nhà thuật lại, hai người nức-nao. (1719)
Nàng rằng : « Thiếp có mưu cao,
Suy đi tính lại thế nào cũng nên ; (1720)
Có cùng chúa ngục đã quen,
Kiểm điều giốn hót cho quên nghi-ngờ ; (1721)
Tìm cha thiếp giả đi quờ,
Mưu này kin nhiệm ai ngờ nổi chi ; (1722)
Kinh ta là đám nữ-nhi » ;
Ghé lại nàng mới thăm-thì mấy câu. (1723)

(1712) *Thịt xương hầu, bá* : thịt xương các hầu tước, bá tước.

(1713) *Rặt bày vô nghĩ* : rặt bày vô loài vô nghề, những kẻ ăn ở không theo phép tắc.

(1721) *Kiểm điều giốn hót* : (phương ngữ) giốn cột một cách lằng lơ.

(1722) *Đi quờ* : đi lằng quăng không chủ định may thì gặp.

- Cách chùng vài bữa lâu lâu,*
Đúng giờ va cũng vừa chiều tới nơi. (1724)
Mây-day trước ngực sáng ngời,
Gương đeo bên vể ánh trời sáng soi ; (1725)
Rõ ràng vàng ngọc bề ngoài,
Mà trong giẻ rách thực loài'trẻ ranh ! (1726)
Thiếp liền ngắt nhỏ Phạm-Khanh :
« Rằng may rủi cũng tử sanh một lần ». (1727)
Phạm rằng : « Quyết đã liều thân,
Gan vàng dạ đá còn cần nổi chi ; (1728)
Rày đương trong lúc hiểm-nguy,
Sao nàng lại nói lời chi bất tường ? (1729)
Gẫm trong mưu kế của nường,
Trăm phần đã chắc, lo-lường mà chi ? » (1730)

d) Bữa sau chúng tôi theo anh ta vào thăm ngục thất. Tôi hỏi về chuyện này chuyện nọ. Anh ta chỉ chỗ giam ông Đồn-Gia-La. Tôi đến gần tỏ dấu kính trọng, rút bông hoa cài trên áo tặng ông, và gọi U-Lan tới để cho biết mặt người anh-hùng.

- Ba người cặp dắt ra đi,*
Lên xe thét ngựa tức thì như bay ; (1731)
Giờ lâu vừa tới thành tây,
Xuống xe diu-dắt choàng tay bước vào ; (1732)
Khi năn-nủ, lúc ngọt-ngào,
Lẳng-lơ khăm cách, yếm-âu đủ điều. (1733)
Va thì trăm chuộng ngàn chiều,
Lòng nào còn nhớ đến điều đầu đầu. (1734)
U-Lan thủng-thỉnh theo sau,
Thoạt cười thoạt nói bước vào cửa lao. (1735)
Hình ma tướng cóc ngán-ngao,
Roi mây com bữa hầm sâu ấy nhà. (1736)

(1725) *Mây-day* : Huy chương (phiên âm chữ médaille).

(1729) *Bất tường* : chẳng lành.

(1733) *Khăm* : phương ngữ có nghĩa đủ, đầy. No ngày khăm tháng là đủ ngày đầy tháng. Khăm bụng là no bụng. Vừa khăm : vừa đủ.

(1736) *Hình ma tướng cóc* : Thành ngữ địa-phương có nghĩa là tướng xấu-xí gớm tởm.

- Thương ôi ! Cũng kiếp người ta,*
Sa chân sầy bước hoá ra dật-dờ ; (1737)
Động lòng thiếp mới hỏi vờ :
« Phải đây rất lũ bạc cờ du côn ? » (1738)
Rằng : « Ủy, va lại chỉ luôn :
Đường kia là chỗ tù khôn đẩy mà ; (1739)
Người bộ-hạ Đốn-Gia-La,
Rõ ràng nghỉ thực tướng già U-Lan. (1740)
Lắm phen quấy rối giang-san,
Bình thua nghỉ mới trốn sang nước ngoài ; (1741)
Quần-quanh Pháp, Ý mấy nơi,
Gia, Nham hai gã là người bạn thân ; (1742)
Bây giờ lại nước quấy dân,
Tôi liền hay được sai quán nắm đầu . (1743)
Thiếp nghe vừa tức vừa rầu,
Nhìn nàng nháy mắt cúi đầu bước qua. (1744)
Chào ngài va đứng xa-xa,
Gần song thiếp mới trông qua rõ-ràng. (1745)
Quả-nhiên tướng mạo đường-đường,
Thịt cây, xương đá, tóc sương, râu ngà, (1746)
Tuy là tác ốm tuổi già,
Oai-phong so với Phục-Ba kém nào. (1747)
Hoa hồng sẵn dặt ngang bâu,
Thiếp liền rút lấy đưa hầu tướng-quân : (1748)
Rằng : « tôi chút phận hồng quần,
Xa-xôi tới viếng, kinh dâng anh-hùng . (1749)

(1742) *Gia* : Gia-Lý-Ba-Đích, Garibaldi Giuseppe (1807-1882). Đại tướng Ý cũng là nhà đại ái-quốc từng bôn đảo qua Pháp (1834) qua Mỹ (1836) để trở về nước (1848) đem tinh thần hy-sinh vô biên và lòng dũng cảm phi thường phụng sự đất nước. Ông được toàn dân Ý kính mến. — *Nham* : Nham-xuồng-Đã, Gambetta Léon (1838-1882). Luật-gia và chính-trị gia Pháp. Chống đế chế, sáng lập và cầm đầu đảng Cộng-Hoà.

(1743) *Bây giờ lại nước quấy dân* : trở lại nước.

(1747) *Phục-Ba* : Mã-Viên, viên tướng già đời Hán được phong tước hiệu là Phục-Ba tướng quân (người tướng hàng phục được sóng gió) oai phong lẫm-liệt từng đã đem quân qua nước ta đàn áp cuộc khởi nghĩa của Trưng-Vương.

(1749) *Hồng quần* : quần màu hồng, chỉ về đàn bà con gái.

- Cầm hoa ngai cũng động lòng,*
Thò tay ra khỏi cửa song hỏi chào. (1750)
Nhìn nàng thiếp mới gật đầu,
Rằng : nàng cũng lại xin hầu tướng quân. (1751)
Thiếp liền giả dạng bâng-khuàng,
Choàng tay chúa ngục quay chân ra đằng, (1752)
Nghĩ thôi cũng phục gan nàng,
Trong con sấm sét nhẹ-nhàng như không ; (1953)
Nhìn cha trong lúc cũi lồng,
Nói cười một mực thung-dung như thường : (1754)
Xưa nay nữ-kiệt lắm trang,
Thâm-trầm dạn-dĩ như nàng mấy ai ! (1755)

e) Chúng tôi trở lại nhà. Chị U-Lan khi gặp cha trong ngục cứ nói cười như không, đến khi về nhà rồi mới lăn ra khóc. Chúng tôi ép chị uống rượu để đỡ buồn. Chị thấy trăng soi bên cửa sổ lại nhắc đến anh. Tôi nhớ lại một câu thơ của anh lại đọc lên. Chị uống rượu và ngâm lại câu thơ ấy.

- Trời chiều gác bóng non đoài,*
Về nhà gã Phạm đón ngoài hời-han. (1756)
« Thế nào đó hử hai nàng ?
Trót ngày mong mỗi, năm trăng chưa lâu ! (1757)
Ra đằng thấy kẻ chạy mau,
Hay là con nít xon-xao trăng cười. (1758)
Rùng mình nhớ tới hai người,
Trong lòng hồi-hộp rùng rờ thất kinh ; (1759)
Về nhà ngồi lặng một mình,
Tôi đòi gõ cửa, giật mình hồn bay ». (1760)
Nàng rằng : « Nói lớn quá tay,
Mắt song tai vách xưa nay là thường ; (1761)
Chúng ta phải sớm giữ-giàng,
Họa chẳng kể ấy cũng thường nguyên đây ; (1762)

(1754) Trong lúc cũi lồng : trong lúc bị giam cầm.

(1757) Mong mỗi một ngày mà thấy cả năm chưa lâu bằng.

(1758) Trăng : phương ngữ có nghĩa nó dứa : trăng giòn.

(1761) Lớn quá tay : lớn quá mức thường (như quá trời, quá sá). Mắt song tai vách : song cửa có mắt và vách có tai. Phương ngôn : rùng có mạch vách có tai.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Lòng tôi mừng sợ xum vầy,*
Chàng-ràng khó gỡ như giấy trăm vòng ; (1763)
Đương khi bước tới cửa song,
Cha già trông thấy dòng-dòng lụy sa ». (1764) ,
Đau lòng nàng nói không ra,
Nghẹn lời ngồi sững lụy sa dầm-dề. (1765)
Thiếp liền bước lại vô-về,
« Trời còn có mắt ử-ê nổi gì ? » (1766)
Phạm-Khanh đem rượu tức thì,
Rằng : « nàng nở dạ cũng kỳ gần đây : (1767)
Hỡi xin cạn một chén này,
Chúc mừng vận đỏ ngõ khuấy lòng vàng ». (1768)
Trăng lên bóng dội lan-can,
Nương song nàng lại thở-than mấy lời : (1769)
« Trăng soi bóng liễu phát-phơi,
Cảnh gần lại nhớ đến người đầu-đầu ! » (1770)
Thi chàng thiếp nhắc một câu :
« Rượu ngon một chén giải sầu nghìn thu. » (1771)
Nàng nghe ra dạng di-du,
Tay liền cắt chén ngâm câu trường hành. (1772)
Ba người xúm quất xúm quánh,
Cùng nhau kể chuyện Tam bành ngày xưa ; (1773)
Vui vầy một tiệc say-sưa,
Khuây lòng nở dạ, cánh vừa sang tư. (1774)

g) Sau đó thấy chúa ngục ít đi lại. Phạm-Khanh đi điều tra biết hẳn hay đi về phía thành nam. Tôi giả vờ ghen đề hẳn phải thú hết sự tình là : Ông tướng già đau, xin ra ngoài đi dạo cho khỏe. Tôi lại tỏ dấu âu yếm hẳn và nói muốn nhân dịp hẳn phải canh gác ông, xin hẳn cho tôi đi cùng đề xem phong cảnh. Hẳn chịu lời.

(1763) *Lòng tôi mừng sợ xum vầy* : lòng tôi những nỗi mừng và sợ xúm xít vào mà dày vò. *Chàng-ràng* : lòng-dòng.

(1768) *Ngõ* : ngõ hầu, đề mà.

(1771) *Nguyên văn* : Thi chàng thiếp *vịnh* một câu.

(1472) *Di-du* : nguyên nghĩa là không định chỗ : di-du bất định. *Dạng di-du* : vẻ hơi xao động.

(1773) *Chuyện Tam bành* : (phương ngữ có tiếng lời bành lời tỏ » nghĩa là kéo các thứ chuyện từ đời ông Bành tỏ ra nói tầm phào) chuyện lan-man.

- Trong năm bảy bữa bảy chữ,*
Lắm điều liền xáo riêng tư nực cười. (1775)
Thơ từ qua lại hoài-hoài,
Khi nào va tới, kiểm bài dò-la. (1776)
Cách ngày ước đặn một và,
Lâu-lâu mới thấy va qua một lần ; (1777)
Thiếp càng hỏi đón hỏi chần ;
Va rằng : « Có việc triều-thần bàn tư ». (1778)
Về sau va lại từ-từ,
Hỏi thăm va cũng ngần-ngừ lỏi-thôi. (1779)
Hay là trúng kẻ đây rồi ?
Liền sai gã Phạm ra ngoài dò-la : (1780)
Thành nam vài dặm xa-xa,
Một va lại với năm ba linh hầu ; (1781)
Xe đi ước đặn giờ lâu
Rần-rần trở lại kéo thâu vào thành. (1782)
Trời chiều con bóng vừa chênh,
Va sang thiếp mới tận tình gạn tra ; (1783)
« Sao ngày càng vắng càng xa ? »
Trả lời va cũng quạ lòa như sơ. (1784)
Thiếp liền ngánh mặt làm lơ,
Va rằng có cảm bao giờ đó chi ? (1785)
Thiếp rằng : « cực khổ lưu-li,
Phận tôi tôi chịu mắc gì đến ai ? » (1786)
Va càng tái mặt tím tai,
Mắt nhìn lăm lét, kể hai ba lời : (1787)

(1775) *Bảy chữ* : phương ngữ có nghĩa bảy giờ.

(1778) *Hỏi chần* : phương ngữ có nghĩa hỏi chặn. *Chần ngừng* : ngắt hoa, chần cơi : ngắt ngọn cho cây dâm nhánh ngang.

(1783) *Con bóng* : ánh mặt trời dội vào con người thành cái bóng, phương ngữ gọi đó là con bóng. *Trời chiều con bóng vừa chênh* : buổi chiều bóng người ngả tà-tà (mà không đứng bóng như khi buổi trưa).

(1784) *Quạ lòa* : Qua quít cho xong chuyện.

(1786) *Mắc gì* : phương ngữ có nghĩa mắc mớ gì, can cố gì. Còn nói mắc cố nghĩa là can cố.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- « Từ khi ngẫu-nhĩ gặp người,
Lòng tôi mền sắc ham tài biết bao ! (1788)
 Ấm-thấm vái nguyệt lẽ sao,
Ngày đêm mong-mỏi lơ trao chỉ hồng ; (1789)
 Muốn cho nên vợ nên chồng,
Cùng nhau thưởng nguyệt chơi bóng bĩ-bàng (1790)
 Thỏa ta mà cũng đẹp nàng,
Bữa nay đến đổi lơ-làng vậy ư ? » (1791)
 Làm thỉnh thiếp giả trơ-ngơ,
Kiếm điều trách móc sững-sờ mấy câu : (1792)
 « Tình người tin cậy bởi đâu ?
Xưa nay cũng bởi vì câu ân tình ; (1793)
 Nếu không ai lại tin mình ? »
Nghe lời va thoát thỉnh-linh nói ra ! (1794)
 « Nàng sao trách thăm hờn xa ?
Hay là mắc phải gièm pha miệng người ? » (1795)
 Thiếp rằng : « Đừng nói dồng dài,
Vì mình lắm dạn nên người hay nghi ; (1796)
 Thối-thối hãy thú thiệt đi,
Thành nam mấy bữa thăm-thì có nao ? (1797)
 Để tôi ruột tức gan trào,
Trăm năm còn mong chắc vào lưng ai ? (1798)
 Lại còn đối trá lới-thôi :
Rằng vì việc nước vua sai đó mà ; (1799)
 Rõ-ràng dễ thiếp đàn bà,
Vậy nên đến đổi bốn-ba mai chiều : (1800)
 Tủi mình chút phận má điều,
Mến ngài lắm nỗi nên xiêu tẩm lòng ; (1801)
 Đương khi lửa bén duyên nồng,
Mà tình bạc-bẽo đã hồng dỏ-dang ; (1802)
 Xin ngài hãy bước ra đàng,
Sá chi những cánh hoa tàn bư-vơ ! » (1803)
 Nghe lời va cũng ngẩn-ngơ :

(1792) Trách móc sững sờ : Trách móc làm người ta sững sờ không ngờ.

(1795) Trách thăm : trách những điều quá sâu xa.

(1798) Mong : Chờ mong.

- « Rằng tôi có thể bao giờ ? Nói oan ! (1804)
Bây giờ thiệt mắc việc quan. »
 Thiếp rằng : « Thôi chờ vài van nhiều lời, (1805)
Này này tôi hỏi thiệt ngài :
 Việc quan sao lại ra ngoài núi xa ? (1806)
Xin ngài hãy bước chân ra !
 Kẻo tôi biếng thấy những ma bạc tình ! » (1807)
Nói rồi vội-vã cắt mình,
 Va liền kéo lại tận tình nói ra : (1808)
« Việc này cơ-mặt nước nhà,
 Để tôi xin kể một và nàng nghe. (1809)
Tướng già nàng thấy bữa kia,
 Châu rầy cảm bệnh ử-ê trong mình ; (1810)
Tuy rằng chống với triều-đình,
 Cũng người tài-tri thanh-danh một đời ; (1811)
Nước nhà cũng hậu-đãi người,
 Hỏi người có muốn chơi-bời gì không ; (1812)
Người rằng chật-chội giam trong,
 Tuổi già hơi bức thiệt không bằng lòng ; (1813)
Ngài xin ra dạo một vòng,
 Mượn hơi cây cỏ họa mong sống thừa ; (1814)
Người xin chừng nấy cũng vừa,
 Cho ra thì sợ khôn ngừa lũ gian ; (1815)
Chẳng cho lắm kẻ nói bàn :
 Rằng trên nhà nước non gan lắm mà ; (1816)
Triều-đình lượng rộng ơn xa,
 Cách ngày cho phép đứng ra một lần ; (1817)
Cắt theo ba bốn tên quân,
 Cùng tôi bảo dẫn chơi quần thành nam ; (1818)
Ấy là mưu mặt cơ thâm,
 Vì nàng nên nổi tận tâm tỏ bày ». (1819)
Thiếp liền vội-vã bắt tay,
 Tạ rằng : « Lòng thiếp khờ ngáy thế nào ! (1820)

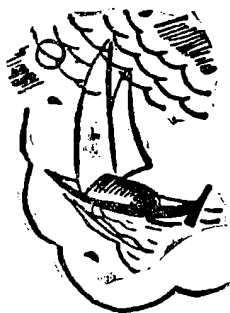
(1807) *Biếng* : Nhác, không thích.

(1810) *Châu rầy* : Hối này.

(1820) *Khờ ngáy* : khờ-khạo và thơ ngây.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Dạ ngài ăn ở yếm-ân,*
Mà tôi trách-móc lắm câu vô tình ; (1821)
Hay là thương đại nhớ kinh,
Vậy nên đến đổi bức tình sanh nghi ; (1822)
Xin ngài thương chút tình si,
Non mòn biển cạn còn ghi lời thề. (1823)
Chốn này lắm thú sơn-khé,
Bấy lâu thiếp muốn dạo xe một vòng ; (1824)
Nếu ngài chẳng chút để lòng,
Ngày mai xin hỡi đi cùng cho vui ». (1825)
Nhận lời va mới xin lui.
Ba người thông-thả cùng ngồi toan lo. (1826)
Nàng rằng : « Cơ-hội trời cho,
Nên hừ đã chắc tay co tại mình ; (1827)
Nếu mà thời vận lênh-đênh,
Thì ta cũng quyết liều mình phong-ba ; (1828)
Từ nhà cấp kiếm bước ra,
Thân này dốc trả ơn cha mới đành ». (1829)
Nghe lời như sắt như đinh,
Hai người thề cũng tận tình giúp tay. (1830)



(1822) *Thương đại nhớ kinh* : vì thương nhau quá thành ra ngây đại, vì nhớ nhau quá thành ra kinh sợ.

(1827) *Tay co* : Vững chắc tay nắm lấy cơ hội.

(1828) *Thời vận lênh-đênh* : thời vận phải trôi nổi.

HỒI THỨ NĂM

VƯỢT NGỤC

Thăm dò đường đất

a) Hồng-Liên ăn mặc lẳng lơ cùng lên xe đi với chúa ngục. (Kề tới đây nàng có ý xấu hổ với Tán-sĩ, nhưng Tán-sĩ cho hy-sinh như vậy để giúp bạn mới là phải). Hồng-Liên kể tiếp : Tôi rủ hắn đi sâu vào khắp nơi, rồi lấy ống dòm ra ngắm cảnh, ngoài miệng khen ngợi cảnh đẹp mà lòng thì ghi nhớ các ngõ ngách, rồi lấy bút chì ghi chép cả lại.

Chúa ngục nói chỗ này bữa mai sẽ phải đưa ông Đồn-Gia-La đến chơi thật là nguy hiểm.

Hồng-Liên vờ ghen tở ý nghi ngờ đi với người đẹp nào, và nhất định đòi đi xem có đúng không.

*Dần dà qua đến rạng ngày,
Xe rần ngựa rộ tới ngay tức thời ;* (1831)

*Dừng xe cho kẻ vào mời ;
Thiếp liền ăn mặc hẳn-hỏi nô-nang ;* (1832)

*Xiêm the áo mỏng nhẹ-nhàng,
Tay cầm roi giốc, vai mang ống dòm ;* (1833)

*Bước ra cười nói om-sòm ;
Thấy tôi va cũng lom-lom hỏi chào :* (1834)

*Rằng : « Nàng ăn mặc vậy sao ? »
Thiếp liền trả lại mấy câu gieo mời :* (1835)

(1833) *Roi giốc* : sợi mây chẻ một đầu thành ba tào hay 4 tào rồi giốc lại (đan) với nhau dài ra cho khỏi gãy, thành con roi.

(1834) *Lom-lom hỏi chào* : trở mặt nhìn và hỏi chào.

GIAI-NHÂN KỲ-NGÔ

- « Bấy lâu đặng lúc vui chơi,
Đông lai lăm mắt hồ môi ngõ-ngang : (1836)
Chi bằng đẹp bót kênh-càng,
Trong xe một thiệp một chàng là hay : (1837)
Nghênh-ngang dầu đỏ dầu đây,
Cổ hoa nở dạ, gió mây đẹp lòng ». (1838)
Va nghe mừng-rỡ lạ-lùng,
Rằng : Có muốn thế tôi trông quá mà ! (1839)
Nghĩ thôi cũng ngán cho va,
Tham mê sắc dục nước nhà bỏ đầu ! (1840)
Rõ-ràng bấy hiểm hãm sâu,
Vậy mà nhắm mắt đắm đầu vào trong ; (1841)
Nhưng mà thiệp cũng đánh lòng,
Vì rằng nó thực là dòng đảo-điên ; (1842)
Một đời đại gái tham tiền,
Đua theo lũ nịnh, hại kien người trung. (1843)
Hồ mình chút phận trẻ-trong,
Gái mời son phấn, đặt vòng gió trắng ; (1844)
Đủ điều liếng-xáo lằng-nhăng,
Nhắc ra lại sợ lòng chàng cười chững ? (1845)
Vì mang chút nghĩa đá vàng,
Liều thân mà giả, xin chàng xét soi ». (1846)
Chàng rằng : « người ở trong đời,
Trăm điều cũng phải tùy thời chớ sao ; (1847)
Nếu nàng sớm muộn tối đảo,
Sầu lòng, hiểm dạ, đào hào, thả chổng ; (1848)
Thì tôi ghét lạ ghét lừng,
Ghét cay ghét đắng, không trông thấy nàng ; (1849)
Nay nàng dạ ngọc gan vàng,
Cứu người trung-nghĩa, phỉnh đảng gian-tham ; (1850)

(1843) *Hại kien* : hại càn.

(1848) *Sớm muộn tối đảo* : đi ngang về tắt, ý nói lằng-lơ. (do câu ngôn ngữ Tàu chép trong Hán thư : đảo lý bất ngôn hạ tự thành hề : đảo mạn không nói mà gốc tự thành lỗi đi). Câu này ý nói nếu nàng là người lằng-lơ lại mưu mẹo hiểm độc nữa...

- Dù cho nói chạ nói thàm,*
Nghe thôi tôi cũng không nhảm lỗ tai ; (1851)
Ruột gan ai cũng như ai,
Có tôi, tôi cũng giúp vài đôi câu : (1852)
Thương người hiểu nặng tình sâu,
Liều mình băng-tuyết thả câu quán phàm ; (1853)
Há như những lũ gian tham,
Một đời coi gió bỏ buồn rằng khôn ; (1854)
Gặp cơn nguy-biến kinh hồn,
Ngồi trơ kiếm chuyện mùa mồm khua môi ; (1855)
Khen nàng mà lại hồ tôi,
Thán này chưa giúp cho đời thí nao ; (1856)
Lòng ta sắt lọc vàng trau,
Trong câu nghĩa-khi gươm dao sá gì ! » (1857)
Nàng rằng : « chàng đã thế thì,
Thiếp xin kẻ hết vắn-vi mỗi đường, (1858)
Thay xe bớt tớ vội-vàng,
Một va một thiếp thẳng đường dong cương ; (1859)
Ra đi ước một chặng đường,
Thiếp rằng : chơi vậy mới phường phong-lưu. (1860)
Va rằng : « cực đã bao lâu,
Đánh đôi chơi với tù đau bực mình ; (1861)
Bữa nay ấp cánh liền nhành,
Thỏa lòng thực-nữ, đẹp tình trượng-phu ». (1862)
Thiếp rằng : « kiếm cảnh sơn hồ,
Đôi ta dạo cảnh chuyện trò mới hay. (1863)
Va rằng : có chỗ gần đây,

(1851) *Nói chạ* : nói sỗ sàng, hớ hênh, nói thàm : nói càn bậy.

(1853) *Liều mình băng tuyết* : liều thân trong sạch : thả câu : thả mồi.

(1854) *Coi gió bỏ buồn* : tục ngữ địa phương có nghĩa gió chiều nào theo chiều ấy.

(1861) *Chơi với tù đau* : gần với lũ tù nhân đau yếu.

(1862) *Ấp cánh liền nhành* : gần gũi nhau theo tình chồng vợ. (truyện Kiều dùng chữ chấp cánh liền cành).

(1863) *Cảnh sơn hồ* : cảnh có núi và có hồ nước.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Núi sông đẹp-đẽ cỏ cây lạnh-lùng ; (1864)
Hai ta mặc sức cạn-cùng,
- Nhánh cao chim đậu, lá chông ve kêu ; (1865)
Dưới dòng nước chảy trong veo,
- Ngoài không gió thổi hiu-hiu mấy bờ ; (1866)
Áo đôi gió thổi phất-phơ,
- Bóng đôi lấp-loáng tình-cờ đáy khe ; (1867)
Trắng thề chỉ có chim nghe,
- Hoa cười chỉ có mắt ve dòm mồm ». (1868)
Va thì cười nói om-sòm,
- Lên cao thiếp lấy ống dóm xa trông : (1869)
Kìa gò kìa núi kìa sông,
- Ngoài mồm khen-ngợi, trong lòng chép ghi ; (1870)
Khen rằng nước lạ non kỳ,
- Tay cầm giấy trắng bút chì vẽ ra ; (1871)
Cách chùng vại trượng xa-xa
- Một vòng cầu đá nổi qua hai bờ ; (1872)
Trời trưa nắng cháy ngằn-ngơ,
- Xuống xe diu-dắt nhón-nhờ qua cầu. (1873)
Bên khe có cụm đá cao,
- Trở tay va nói mấy câu nồng-nà : (1874)
« Bữa qua chơi với tường già,
- Đạo quanh lối đầy sợ đà gớm gan ; (1875)
Chốn này cùng-cốc thâm-san,
- Một mai nhả sự va tràn biết bao ! (1876)
Một mình giữ trước gin sau,
- Bóng cây tiếng gió thấp cao hã-hùng ; (1877)
Cảnh vui chẳng chút thỏa lòng,
- Giọng chim như khóc, tiếng sông như sầu ; (1878)
Mà nay chơi dãi chơi dàu,
- Nước cười, chim hót, đôi sầu làm vui ; (1879)

(1867) *Áo đôi* : áo của đôi người ; *bóng đôi* : bóng của đôi người.

(1876) *Cùng cốc thâm san* : hang cùng núi thâm. *Nhả sự* hay *nhạ sự* : xảy ra việc bất ngờ.

(1879) *Chơi dãi chơi dàu* : chơi è hề thỏa thích.

- Hiềm vì một nỗi ngày mai,*
Tướng già phải điều ra chơi chốn này, (1880)
Trăng lu vì bởi chòm mây,
Bóng rơi vì bởi gió day mưa tràn ; (1881)
Người đời trong cuộc truy-hoan,
Tình mười sai chín thổ-thân xiết nào ! » (1882)
Thiếp nghe mấy tiếng thấp cao,
Đầu mày đuôi mắt giả trao tâm-tình : (1883)
Thưa rằng : « nghệ nói mà kinh,
Mây ghen trăng tỏ gió rình bóng thơm ! (1884)
Bữa nay cười nói om-sòm,
Ngày mai chưa dễ ai dòm bụng ai ? (1885)
Lạ chi thói tục xưa nay,
Càng ngon-ngọt lẫn càng cay-đắng nhiều ; (1886)
Hay nghi vì bởi quá yêu,
Lòng lỏi ngăn-ngại, mấy điều bữa qua : (1887)
Chẳng hay chơi với tướng già,
Hay là chơi với Hằng-nga xir này ? (1888)
Ngày mai tôi muốn ra đây,
Trông ngài thấy mặt mới khuấy tặc lòng ». (1889)
Xem va ra dạng ngại-ngùng,
Rằng : « đây là thiết việc công nước nhà ; (1890)
Nếu nàng nhay miệng nói ra,
Cực ta mà hại nước nhà lắm chi ». (1891)
Thiếp thì một mực đòi đi,
Va thì khuyên dỗ vãn-vi trăm chiều. (1892)
Thiếp rằng : « duyên thắm chỉ điều,
Phải dò cho cạn trăm điều nước mây ; (1893)

(1881) Trăng lu : trăng mờ ; gió day : gió lay.

(1882) Cuộc truy-hoan : cuộc theo đuổi những trò vui thể xác.

(1885) Câu này ý nói bữa nay anh vui với tôi nhưng biết đâu bữa mai anh đã dè bụng vui với người khác.

(1891) Nhay miệng : sơ ý hở miệng.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Vả chẳng núi cỏ rừng cây,
Chơi hoa thưởng cảnh đó đây lắm người ;* (1894)
Cớ chi thiếp chẳng được chơi ?
Hay là ngài kiểm những lời đầu đầu ? (1895)
Lòng tôi thề-thốt bấy lâu,
Sao cho rõ hết gót đầu mới thôi ». (1896)
Trong khi thiếp nói mấy lời,
Dường xâu nét mặt, dường rời lụy châu. (1897)
Va càng sợ thiếp âu sầu,
Rằng : « nàng muốn vậy mực dầu ra chơi ; (1898)
Xin nàng giữ chút thi thôi,
Đừng cho quân lính lời-thôi nhiều lời (1899)
Thiếp liền giả dạng vui cười,
Cắp nhau chơi khắp mọi nơi xa-gần. (1900)
Lòng tơ trăm mối phân-vân,
Nửa mừng nửa sợ tán-mân một mình ; (1901)
Lại e lộ mẹo gian tình,
Vội cười vội nói giả hình cho qua. (1902)

Về nhà bàn tính

b) Về tới nhà chúa ngục còn lắng nghe nói chuyện, Hồng-Liên kêu mệt và nói khéo cảm ơn, « chắc anh cũng mệt » đề mời hẳn ra về. Rồi ba người tính chuyện.

May gặp trận mưa chắc bữa mai ông Đốn-Gia-La không đi chơi, nên đủ thì giờ chuẩn bị mọi thứ.

Hồng-Liên viết thư mời chúa ngục tới chơi rồi tỏ ý ao ước tận hưởng mưa để được đi chơi, nhân dịp đúng ngày đề hành động.

- Trời chiều vừa trở lại nhà,*
Trong lòng vội-vã, muốn ra về liền, (1903)
Va càng ra dạng lưu-liên,
Dắt dây trò chuyện non tiên núi thần, (1904)

(1901) *Tán-mân* : luận-quần.

(1904) *Lưu-liên* : Mải miết không dứt. — *Dắt dây trò chuyện* : Nói lắng-nghe chuyện này qua chuyện khác.

- Thiếp thì ngồi sững chần-ngần,*
Như kêu gan óc như giàn lá gan ! (1905)
Đôi dung từ-tạ với-vàng,
Nhờ ơn chỉ nẻo đưa dàng bữa nay, (1906)
Cương roi cầm thả một tay,
Nghĩ thôi cũng nhọc mình ngài lắm chi. (1907)
Va rằng : « Gần đưa dung-nghi,
Như chơi cung Quảng xá gì gian-nan ; (1908)
Chỉ e khuấy-khỏa đến nàng ».
Nói rồi va cũng với-vàng xin ra. (1909)
Ba người thăm-thỉ vào nhà,
Chọn nơi cần-mật lo ra tính vào. (1910)
Nàng rằng : « hay dở thế nào ? »
Thiếp liền móc túi tay trao địa-đồ : (1911)
Vẽ-vời coi bộ bề-xở,
Nhìn ra cho kỹ lắm trò chuyện hay ; (1912)
Núi khe chỗ đó chỗ đây
Chỗ kia bụi rậm, chỗ này cầu cao. (1913)
Cùng nhau bàn-bạc giờ lâu,
Nàng rằng : « nay đã đêm sáu canh tàn. (1914)
Trăm điều chưa chút sửa-sang,
Áo quần, súng ống, mọi dàng cũng chưa ! » (1915)
Bống đầu nổi gió ùn mưa
Chảy tuôn ngoài giọt, thổi đùa vào song. (1916)
Thiếp rằng : « trời cũng chiều lòng,
Cơ-muru ta chắc tính xong mọi bề ; (1917)

(1906) *Đôi dung* : Đôi nét mặt.

(1908) *Dung nghi* : Dáng dấp và lễ độ đẹp đẽ. *Cung Quảng* : Cung Quảng-hàn cung trắng.

(1909) *Khuấy khuấy* : Quấy quả làm phiền.

(1910) *Thăm thì* : thăm thì nói nhỏ.

(1912) *Bề-xở* : lộn-xộn có vẻ thiếu gọn gàng.

(1914) *Đêm sáu* : Đêm khuya.

(1916) *Ùn mưa* : dùn mưa, cơn mưa lớn sắp đến. — *chảy tuôn ngoài giọt* : giọt, phương ngữ là đầu thêm chủ giọt mưa chảy xuống. — *Thổi đùa* : thổi càn hết về một phía.

GIAI-NHÂN KỶ-NGÔ

- Bữa nay gió đã mưa dề,*
Việc ngài chơi núi trăm bề chắc không ; (1918)
Nếu còn trẽ-nải lòng-dòng,
Công to việc lớn mặc lòng ta lo ». (1919)
Thiếp liền mở cửa ra dò,
Trận mưa như thề nghiêng vò đổ ra. (1920)
Mưa này chắc hỡi dai mà,
Ba người ngồi lại lán-la nói bàn : (1921)
« May mà thoát đặng gian-nan,
Nẻo nào ta liệu bằng ngàn lánh thân ? » (1922)
Lang-Sa giáp cõi cũng gần,
Hiền vì nghiêm-nhặt trăm phần khó qua. (1923)
Nàng rằng : « may cứu đặng cha,
Nhắm phương đông-bắc trốn ra lạnh-lùng ; (1924)
Qua sông Võ-Lăng một dòng,
Vào phần đất Ý thoát vòng đã xa ; (1925)
Luôn cơ tới viếng họ Gia,
Hỏi người một tiếng, bàn ra thế nào ? » (1926)
Phạm rằng : « mưu ấy rất cao,
Kích hư tỵ thiết, phép mầu dùng binh ; (1927)
Đi xa chẳng chút nhọc mình,
Bởi vào đất vắng thình-linh ai hay ; (1928)
Gấm trong mưu-kế bấy nay,
Mười phần chắc hẳn trong tay cả mười ». (1929)
Xúm nhau bàn nói một hồi,
Trông ra đã thấy chân trời rạng đông. (1930)
Áo song-khai sùng sáu lòng,
Phạm-Khanh giả khách mua xong sẵn-sàng, (1931)
Nàng rằng : « ta phải giữ-giàng,
Coi tài chúa ngục cũng trang hùng-cử ; (1932)

(1918) *Gió đã mưa dề* : phương ngữ, mưa tả tơi.

(1925) *Sông Võ-Lăng* : (?)

(1927) *Kích hư tỵ thiết* : đánh đố đầu này để trốn tránh thực đi đầu kia.

(1931) *Áo song-khai* : (?) Có lẽ là áo choàng mở trước ngực.

- Phải toan ứng biến tùy cơ ».*
Vội-vàng giục thiếp viết thơ sang mời. (1933)
Được thơ va tới tức thời,
Nàng Lan bước lại hỏi cười nhớn-nhờ. (1934)
Va càng máu đại hồn khô,
Cười chim nói chuột lẳng-lơ đủ bề. (1935)
Giờ lâu va cũng kiêu về,
Nắm tay thiếp nói dĩa-dề mấy câu : (1936)
« Vì mưa nên mới gặp nhau,
Lại e vì gió hôm sau rã-rời. (1937)
Ước chi lại được tạnh trời,
Ngày mai đạo kiềng gặp ngài là may ! » (1938)
Va liền đắc ý cười ngay,
Dặn-dò xin chớ cho ai nghi-ngờ. (1939)

Hành sự

c) Hai nàng gọi chủ quán thuê ngựa đi chơi. Phạm-Khanh giả làm cu-li đồn-diễn đi trước. Qua trạm gác, lính quen mặt cho hai nàng đi thông thả. Khi đến chỗ hẹn, Phạm-Khanh mở gói lấy quần áo và các thứ cho hai nàng hóa trang làm đàn ông. Sau đó cả ba nấp vào bụi chờ.

Khi xe tới, Phạm-Khanh nồ súng và cả ba thúc ngựa ra đuổi quân lính. Chúa ngục cầm cương giục ngựa chạy, nhưng vương đá đã đưa ra chặn đường, chúa ngục nhảy xuống đất mà chạy, Phạm-Khanh nhảy xỏ theo dẫm ngã nhào xuống. U-Lan bịt mắt và trối luôn chúa ngục vào gốc cây, rồi chạy ra gọi cha lên ngựa chạy mau.

- Va ra khỏi cửa nửa giờ,*
Thiếp kêu chủ quán dặn sơ mấy lời : (1940)
« Ngày mai tôi muốn đi chơi,
Thuê vài con ngựa tách vời cho êm ». (1941)
Phạm-Khanh vác cuốc mang liềm,
Giả tên điền-phủ nửa đêm tách ngàn ; (1942)

(1935) *Máu đại hồn khô* : Mè mẩn tâm thần.

(1942) *Điền phủ* : phu làm ruộng.

GIAI-NHÂN KỲ-NGÔ

- Rạng ngày thiệp với U-Lan,
Hai người hai ngựa băng ngang qua thành ; (1943)*
*Gặp hai thằng lính đứng canh
Một thằng đón ngựa rắp-ranh hỏi dò ; (1944)*
*Một thằng chạy lại nhỏ to,
Vừa cười vừa nói thưa cô đi mà ! (1945)*
*Mặt quen thiệp mới nhìn ra,
Thằng sau vốn thiết tớ nhà họ Vương. (1946)*
*Hai người tách ngựa buông cương,
Trời vừa mới tạnh, đầy đường bùn trôi ; (1947)*
*Đi vừa một chốc tới nơi,
Trông ra gã Phạm đã ngồi gốc cây. (1948)*
*(Trong khi nàng nói dặt dầy,
Tớ già bùng mẩy quả cây lại bầy ; (1949)*
*Quả này mới chín trên cây,
Xin cô nếm thử dở hay thế nào. (1950)*
*Nàng liền mở tráp lấy dao,
Cắt làm hai nửa tay trao cho chàng ; (1951)*
*Thưa rằng : ngon ngọt lạ dường ;
Đề ăn thấm đọng, xin chường về sau.) (1952)*
*Phạm-Khanh mở gói giục mau,
Thay quần đổi áo lau-chau vội-vàng ; (1953)*
*Đầu đội mũ, mắt mang gương,
Râu quanh dưới mũ, súng mang bên mình ; (1954)*
*Dạng trai đổi lại thành-linh,
Hai người nhìn lẫn thất-kinh mỉm cười. (1955)*
*Bỗng đâu tiếng ngựa hý dài,
Ngựa mình nghe tiếng trích tại lác đầu ; (1956)*
*Phạm-Khanh nắm cổ lới nhầu,
Quơ dây bẻ nhánh buộc khâu ngang mồm. (1957)*

(1953) Lau-chau : Hấp-tấp.

(1954) Mắt mang gương : đeo kính vào mắt.

(1956) Trích tại lác đầu : Tai cúp xuống và đầu lác lư có vẻ muốn chồm lên tìm nhau

- Ba người núp bụi trống nom,* (1958)
Năm ba linh kỵ lom-xom băng chừng ;
Phạm-Khanh hết sức vui mừng,
Rằng : « Ta may-mắn quá chừng hai có ! (1959)
Nó là linh kỵ đi do,
May ta sớm bước nên dò không ra. (1960)
Mấy tên linh kỵ vừa qua,
Phạm-Khanh vác đá chất ra giữa cầu ; (1961)
Đồng cao đồng thấp ngấp đầu,
Xe mây ngựa gió khấn hầu nhảy qua. (1962)
U-Lan với thiếp núp xa,
Phạm-Khanh cắp súng rà-rà phục trong. (1963)
Thiếp tuy tuổi trẻ gan hung,
Gặp con nguy-hiểm gối rùng tay sa. (1964)
Phạm-Khanh tuổi-tác đã già,
To gan trải việc xem ra hùng-hào ; (1965)
Ba người núp phía gò cao,
Trống chừng xe ngựa đã hầu tới nơi, (1966)
Trước xe linh rẽ hàng hai,
Trong xe chúa ngục với ngài ngồi chung. (1967)
Xe vừa chạy tới dưng-dưng,
Thình-linh tiếng súng lạnh-lùng hồi oi ! (1968)
Thất kinh va mới van trời,
Năm ba phát súng nổ bồi sấm vang ; (1969)
Linh hầu nhào ngã ra đàng,
Ba người xỏ súng buông cương đuổi liều, (1970)
Va thì phách lạc hồn xiêu,
Quơ roi thét ngựa nhảy liều chạy bay ; (1971)
Đụng cầu xe phải dừng ngay,
Va liền sáng-sốt loay-quay nực cười ; (1972)

(1958) *Lom-xom băng chừng* : Dò dẫm mà đi ngang qua hướng trước.

(1963) *Rà-rà* : Phương ngữ có nghĩa rón-rén.

(1964) *Gối rùng tay sa* : Đầu gối quy xuống và tay rã rời.

(1972) *Loay-quay* : loay-hoay, bối rối quanh đi và quanh lại.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Nàng Lan lớn tiếng kêu người,
« Quán ta tiếp tới giết loài gian-hung ! (1973)
Lính nhào xuống nước dùng-dùng,
Bỏ xe va mới hãi-hùng chạy ra : (1974)
Phạm-Khanh nhảy tốc theo va,
Thích cho một đấm, lăn ra giữa đường ; (1975)
U-Lan chạy lại vội-vàng,
Bắt va bịt mắt trối rằng gốc cây ; (1976)
Tìm cha nàng mới thừa ngay :
Đội ơn hai gã ra tay giúp nạn ; (1977)
Phải lo kiếm lối tìm đường,
Xa-xa rồi sẽ xin tường thủy chung. (1978)
Cùng nhau thay dạng đổi dung,
Bốn người bốn ngựa thẳng xông đường trường ; (1979)
Tướng quân đi trước đem đường,
Trông về đông-bắc buống cương rần-rần. (1980)

Trên đường trốn chạy

d) Chạy rất mệt, ngựa đói và khát không chịu đi. Cả bốn người bỏ ngựa chạy bộ. Trời vừa tối, bốn người vào một chuồng ngựa hoang treo lên lầu cao núp, Phạm-Khanh đi tìm cái ăn.

Chợt trời mưa. Bọn lính đi đuổi lùng đoàn người vượt ngục vào nhà núp mưa rồi đốt lửa hơ quần áo. Trên lầu khói xông lên. Tất cả phải nín thở mà chịu. Một lát tạnh mưa họ kéo nhau đi.

Phạm-Khanh về đưa nước và bánh cho mọi người ăn uống cho lại sức.

- Ước chừng mười dặm xa gần,
Mười phần mỗi-một, trăm phần khát-khao ; (1981)
Tướng quân sức mạnh biết bao,
Giám lâu cũng phải tổn hao tinh-thần ; (1982)

(1975) Nhảy tốc : Nhảy xò tới (như nhảy xóc).

(1976) Trối rằng : Trối chăng nhiều lần dây cho chặt.

(1980) Đem đường : phương ngữ có nghĩa là dẫn đường.

(1981) Khát-khao : khát nước quá (khao là một tiếng đệm lấy đề thêm nghĩa).

- Ngựa đi không dận không đàng,
Dần lên vật xuống tay chân mỗi dư ;* (1983)
*Suốt ngày người cũng ngắt-ngự,
Cùng đàng hết nước ngựa như trời trông ;* (1984)
*Vội vàng bỏ ngựa đi không,
Một trời mây phủ gió lồng mưa to ;* (1985)
*Mập-mờ nẻo tắt đàng co,
Bước cao bước thấp tay mò chân bằng ;* (1986)
*Đêm khuya đói khát ngã lẩn,
Bên đường sức thấy nhà tranh lơ-lơ ;* (1987)
*Kéo nhau mừng-rỡ chạy vô,
Trông quanh ngó quất là chỗ ngựa hư ;* (1988)
*Bốn bề chẳng có dân cư,
Nhìn nhau sảng-sốt, bảy chừ đi đâu ?* (1989)
*Kẻ leo người đỡ lên lầu,
Nhện giăng khỏa mặt, bụi sáu tấp bàn ;* (1990)
*Xúm nhau ngã dọc nằm ngang ;
Phạm-Khanh ló cổ ra đàng trông xem ;* (1991)
*Đầu rừng thấy lửa nhộp-nhem,
Đói lòng nghĩ nổi máu thêm kiếm ăn ;* (1992)
*Xuống lầu kiếm lối chạy băng,
Ba người đói lủi, ngủ lẩn trên lầu,* (1993)
*Thình-lình tiếng sét đâu-đâu,
Giật mình thức dậy cất đầu ngó ra ;* (1994)
*Tứ bề sấm chớp sáng lòa,
Gió ầm đổ núi, mưa óa nghiêng sông ;* (1995)

(1983) *Dận* : phương ngữ chỉ cái lót của cái yên ngựa ; *Đàng* : phương ngữ chỉ vòng sát gác chân người cỡi ngựa để kèm cho vững và khi đi thì thúc nhịp vào hông ngựa.

(1984) *Ngựa như trời trông* : ngựa đứng ỳ ra không chạy nữa.

(1986) *Nẻo tắt đàng co* : trong ánh sáng lơ-mờ thấy đàng đi nẻo bước quanh co khúc-khäu.

(1987) *Lơ-lơ* : lơ-lệ, rõ rệt.

(1988) *Chỗ ngựa* : chuồng ngựa, thú chuồng có một từng gác bên trên để người chăn trú đỡ.

(1993) *Đói lủi* : phương ngữ có nghĩa là đói rụng rời tay chân, đói lả.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

*Trong khi mưa gió ùng-ùng,
Tiếng người tiếng ngựa lưng-bùng lẫn vang :* (1996)

*Thiếp liền ngắt nhỏ U-Lan :
Hay là quán nó băng ngàn tới đây ?* (1997)

*Trước sân chợt thấy một dây,
Ồn-ào kêu réo: được đây bỏ lưng !* (1998)

*Thiếp nghe trong bụng không an,
Lạnh mình run sợ nhện-nhàng biết bao !* (1999)

*Hơn vài mươi đưa xông vào,
Một thẳng cầm đuốc chào-rào la quay :* (2000)

*Quá chừng quá đổi là may !
Lò kia củi đốt ngay ta ngồi.* (2001)

*Củi cây un đốt một hồi,
Hong quần sườn áo, đưa ngồi đưa đi.* (2002)

*Thiếp đề nó chẳng biết chi,
Khốn vì khói phủ ly-bì tối-tăm.* (2003)

*Ba người thím-thíp lặng nằm,
Khói chun đầy mũi, hằm-hằm muốn ho ;* (2004)

*Nín hơi chẳng dám thở to,
Mim môi đầy mũi bụi tro đầy mình.* (2005)

*Thiếp than mấy tiếng rập-rình,
Nếu thân chết khói thà mình chết gươm ;* (2006)

*U-lan nhìn thiếp lờm-lờm :
Đem thân thí với quán phàm ích chi !* (2007)

*Chẳng lâu nữa nó cũng đi,
Chúng ta rán chịu tí-tí hại gì.* (2008)

(1996) *Lưng-bùng lẫn vang* : tiếng kêu xen lộn vang dậy.

(2000) *Chào-rào* : lảng-xảng ; *la quay* : hét lên rồi rút.

(2002) *Sườn áo* : hơ áo bên lửa. (tiếng sườn thường dùng cho người nhưng cũng có thể dùng sườn áo).

(2004) *Thím-thíp* : thêm thiếp, nằm lim-rim mắt về một mối lo sợ. *Khói chun* khói luôn qua.

- Dưới lầu khói phủ ly-bì,
Bực hơi khôn thở nằm lì xóp ve ; (2009)
- Tương quân bức-tức khôn dè,
Xảy hơi nhầy mũi nó nghe tức thì ; (2010)
- Đưa rằng : cái tiếng chi-chi ?
Nghe như tiếng dọi « hắc-xì » trên đây ; (2011)
- Đưa rằng : ai ở chi đây ?
Hay là những tiếng chuột bầy đó chi ? (2012)
- Nói rồi đưa quái đưa nghi,
Đưa thì cười giỡn bảo đi cho rồi ; (2013)
- Đưa thì bảo hơi rốn ngồi,
Lên xem cho kỹ, xem rồi sẽ đi ; (2014)
- Lao-nhao tìm kiếm một khi,
Đưa rằng : « đồ chủ kiếm gì dặng thang ». (2015)
- Đưa rằng : « nếu chẳng có thang,
Thì ai có cánh bay ngang qua lầu ? » (2016)
- Cãi đi cãi lại giờ lâu.
Mưa vừa ngớt hột, trời hầu rạng đông ; (2017)
- Kéo nhau ra cửa đứng trông,
Ra đi lại đoán ước-phòng mấy câu : (2018)
- Phía nam giục-giã đã lâu,
Lũ này chắc cũng trốn đầu đồ thôi ! (2019)
- Chạy chân được mấy lăm hơi,
Giục quán thét ngựa tách vời đuổi theo. (2020)
- Thương thay trong lúc hiểm nghèo,
Ai ngờ miệng cộp thịt treo mà còn ! (2021)
- Giờ lâu tỉnh vía định hồn,
Lửa tàn đã dập, khói ùn còn xông ; (2022)
- Lò-mò tiếp muốn hé song,
Ngạt hơi, tối mắt, ngã đùng, nằm khoanh ; (2023)

(2009) *Nằm lì xóp ve* : (phương ngữ xóp hay xóp : tốp) nằm như xác con ve.

(2013) *Đưa quái đưa nghi* : đưa lấy lăm lẹ, đưa nghi ngờ.

(2020) *Tách vời* : theo phía xa khỏi mà bắt ra đi.

GIAI-NHÂN KỲ-NGÔ

- Dưới lầu nghe tiếng Phạm-Khanh :*
Bạn ta đâu hử ? Giặc binh triều rồi. (2024)
Thiếp rằng : mở cửa với đi !
Nước đâu một thi cho tới với nào. (2025)
Phạm-Khanh đưa nước trong gầu,
Uống rồi tỉnh dậy rờ đầu U-Lan. (2026)
Hỏi rằng : uống nước chẳng nằng ?
Không hề ỏi-hử, với-vàng xem ra : (2027)
Hai tay ôm chặt lấy cha,
Hơi nghe như tắt, mạch rả như tơ ; (2028)
Hai người trông thấy sững-sờ,
Kêu vang đấm bóp, nửa giờ tỉnh ra. (2029)
Nàng rằng : « tình cảnh chúng ta,
Như leo giá mỏng, như sa giữa vời ! (2030)
Đã hay muốn việc tại trời,
Hiềm thay khói lửa xông người ngằn-ngor ». (2031)
Phạm rằng : « đương lúc bấy giờ,
Tìm nơi kể chuyện dặt-dờ kiếm ăn ; (2032)
Bổng đâu sấm dậy sét giăng,
« Trông qua lũ nó kéo băng vào nhà ; (2033)
Tôi đề hủ-trại lũ ta !
Thò tay rút súng, quyết ra liều mình ; (2034)

(2024) *Trầy* : đi xa.

(2027) *Ới-hử* : tiếng tượng thanh một tiếng nói nhỏ trong cò hòng.

(2028) *Hơi nghe như tắt* : hơi thở nghe yếu quá như không bay được sợi tóc ; *Mạch rả như tơ* : mạch máu nhảy nhót nhẹ như tơ.

(2030) *Leo giá mỏng* : leo trên làn băng giá mỏng rất dễ bị trượt xuống nước; *Sa giữa vời* : sa ngoài biển khơi hay trong vực sâu, không chỗ vịn chỗ dựa.

(2034) *Hủ-trại* : phương ngữ có nghĩa vơ hết vào lúc trời. (Do lối chơi « trồng cây dừa » ở Quảng-Nam của con nít. Chúng dựng một cái gậy ở sâu rồi mỗi đứa dừa một tay ra nắm gậy ấy, tay đặt từ dưới lên trên cho kín gậy. Một đứa được chỉ ra nói : « Trồng cây dừa, — Chừa cây lọng, — Cây lòng óng, — Cây bí đao, — Cây nào cao, — Cây nào thấp, — Cây chùm rập, — Cây chùm toại, — v.v... » Khi nào nói tới hủ-trại thì hết thầy phải buông tay ra cho mau. Kẻ nào chậm bị đứa kia bắt được tay thì phải đứng ngoài thay nó mà nói như trên.)

- Xa-xa cách vách dòm nhìn,*
Mời hay lũ nó vô tình dứt mưa ; (2035) ,
Khi nên trời cũng a dua » !
Nói rồi dừ-dắt dừ-đưa xuống lâu. (2036)
Ba người đói khát đã lâu,
Dặt-dờ nhẹ gót nặng đầu khôn đi ; (2037)
May đâu chàng Phạm khi thì,
Ra làng xin đựng bánh mỳ dắt theo ; (2038)
Chia nhau đỡ đói lúc nghèo,
Ăn no nghỉ khỏe nhảy trèo như chơi. (2039)

Lại ra đi

e) Qua rừng lẩn về phía ga xe lửa, đoàn người, đến ga và lên xe. Khi xe tới hải-cảng đoàn người vào quán trọ có cha con viên tướng tùy thuộc củ ra đón ông Đốn-Gia-La và nói xin ở lại đề chiêu binh mãi mã mà khởi nghĩa.

Ông không ở lại và nhất định qua Ý.

Đến Ý thì ông bạn Gia-Lý-Ba-Đích đã chết. Đoàn người lại theo ông qua Pháp.

- Tướng-quân cảm tạ mấy lời,*
Muôn vắn đội đứ hai người cứu ta ! (2040)
Phải toan kiếm chốn lánh xa,
Băng ngàn ta sẽ trốn ra khỏi vòng. (2041)
Kéo nhau vội-vã ruổi-rong,
Trèo đèo lội vũng chạy vòng phía tây ; (2042)
Chập-chồng núi dựng như xây,
Luồng mù ngút đất, văng mây khóa trời ; (2043)
Tứ bề vắng gió bắt hơi,
Vượn ca dang dỏ, chim trời lộn nhào ; (2044)

(2035) *Dứt mưa* : trứ núp để tránh mưa.

(2036) *Dừ đưa* : Đả dựa hai chân để nhay xuống.

(2039) *Lúc nghèo* : Lúc ngặt.

(2043) *Luồng mù ngút đất* : luồng sương mù bao phủ hết mặt đất ; *Văng mây khóa trời* : mây che khắp trời.

(2044) *Chim trời* : chim bay trên cao không đập cánh.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

- Dò lần tới đỉnh núi cao,
 Dòm sông Võ-Lăng lao-xao mấy vòng ; (2045)
 Lập-ló khúc vạy khúc cong,
 Như con rắn trắng lộn vòng cổ non ; (2046)
 Trông về phía bắc chân non,
 Một dây xe lửa chạy vòng như bay ; (2047)
 Quanh co khúc vạy khúc ngay,
 Như hình rết tía leo dây lằng-quảng. (2048)
 Tương-quán dừng bước chỉ rằng :
 « Xe kia qua bắc, thẳng băng một đường. (2049)
 Núi non ít kẻ giữ-giàng,
 Lấy xe đứng đỡ khúc đường xông-pha ». (2050)
 Phạm rằng : « lòng muốn chạy xa,
 Hiềm vì chân mỏi là-đa khó đi ; (2051)
 Ước chỉ có cánh có vì,
 Bay qua khỏi núi tức thì tới ngay ». (2052)
 Cùng nhau đập gối bữa gai,
 Đến ga ước đã độ vài giờ đêm. (2053)
 Mấy ngày mình ẽ chừn rém,
 Lên xe một giấc ngủ êm quá chừng ; (2054)
 Tỉnh ra trời đã sáng trung,
 Xúp-lê một tiếng xe dừng ngang ga. (2055)
 Bốn người dìu-dắt bước ra,
 Tới nơi quán rượu, chật nhà khách đông, (2056)
 Bỗng đầu lại gặp một ông,
 Hình-dung hăm-hở đứng trông mặt ngài ; (2057)
 Lại kể thừa bầm hẩn-hoài :
 Nhà con gần đấy, mời ngài vào chơi. (2058)

(2046) *Lập-ló* : lập-ló hay thập-thò, khi ăn khi hiện ; *Khúc vạy* : khúc lượn hơi cong.

(2048) *Lằng-quảng* : lằng-ngỗng khi qua bên phải khi qua bên trái.

(2054) *Mình ẽ chân rém* : người ẽ ấm chân long ra (phương ngữ).

(2057) *Hình-dung hăm-hở* : vẻ mặt sốt sắng.

- Theo qua vừa đến tận nơi,
Mời vào buồng kín, tức thời lão ra.* (2059)
*Trong khi thết rượu mời trà,
Lão liền nhìn mặt tướng già trán-trán.* (2060)
*Chúng tôi có ý ngại-ngần,
U-Lan lại nói tần-mần mấy câu :* (2061)
*« Lão này coi bộ hiểm xấu,
E quôn vạch lá tìm sâu đây mà ! »* (2062)
*Phạm-Khanh tái mặt xanh da,
Liền nghe ngoài cửa gọi ra tên ngài ;* (2063)
*Chúng tôi chưa biết là ai,
Liền nghe ngoài nói hần ngài đấy cha !* (2064)
*Nói rồi bước thẳng vào nhà,
Một trai với một lão già trước khi.* (2065)
*Phạm-Khanh đưa sung tức thì,
Thiếp liền lớn tiếng hỏi : « mi thế nào ? »* (2066)
Người trai cất tiếng nói mau :
« Tôi đây chẳng phải quân phèo ở đâu ? » (2067)
*Vội-vàng quỳ gối cuối đầu,
Trông xem nét mặt âu-sầu xót-xa ;* (2068)
*Thưa rằng : « cách mặt lâu xa,
Ngài quên, tôi hơi nhìn ra mặt ngài ;* (2069)
Y-Lê đây phải là ai ? »
Ngài rằng : « anh vốn theo đòi con ta ». (2070)
*Rằng : « tôi thực tướng cậu nhà,
Một tay chém dặng Hồn-Sa đương trường ».* (2071)
*Ngài rằng : « ấy tướng Đương-Dương,
Mắt già vô ý, xem thường Triệu-Vân ».* (2072)
*Thưa rằng : « trong lúc phân-vân,
Bị thương tôi mới đem thân về làng ;* (2073)

(2062) *Quôn vạch lá tìm sâu* : quôn mặt-thăm.

(2067) *Quân phèo* : quân tầm phào, kẻ có ý làm điều hèn.

(2071) *Hồn-Sa* : (?)

(2072) *Tướng Đương-Dương* : tướng đánh trận Đương-Dương đời Tam-Quốc (là Triệu-Vân) làm cho Tào-Tháo phải cắt râu cời áo dè chạy trốn.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Sau nghe Hoàng-Tử đăng-quang,
Cậu nhà thất trận sa-trường bỏ thân ; (2074)
Hoàng-Huynh binh cũng tan dần,
Tướng-quân nghe cũng lánh thân côi ngoài ; (2075)
Ông này vẫn thực cha tôi... »
Nói rồi lại khóc lụy rơi vẫn dài. (2076)
Lão già cất tiếng thưa ngài,
Rằng : « tôi xưa cũng theo đòi Hoàng-Huynh ; (2077)
Đạn tên trăm trận quên-sinh,
Về sau tan-tác lánh mình trần-ai. (2078)
Cha con hăm-hút hôm mai,
Bấy lâu đồn nức chuyện ngài trốn ra. (2079)
Tướng ngài lánh dấu đã xa,
Chẳng ngờ ngài lại chạy qua chốn này ; (2080)
Xem ngài tác ồm mình gầy,
So xưa mặt mũi râu mày kém xa ; (2081)
Nên tôi nhìn-nhận không ra,
Con tôi nom thấy nhìn ra mặt ngài ». (2082)
Phạm-Khanh nghe nói hồi ối !
Nếu tôi hấp-tấp hại người tài cao ! (2083)
Y rằng : « ngài muốn đi đâu ? »
Ngài rằng : « qua Ý xuống tàu hôm nay » (2084)
Y rằng : « lời tục xưa nay,
Mình rồng lột cả bỏ thấy lười chài ! (2085)
Nay ngài thủ-hạ ít ai,
Trước đây quân giặc lắm người dò-la ; (2086)
Chỉ bằng truyền hịch gần xa,
Chiêu binh mãi mã kéo qua kinh-thành ; (2087)
Pha đóng một dải xông quanh,
Lòng dân còn mến Hoàng-Huynh cũng nhiều ; (2088)

(2078) *Quên sinh* : liều bỏ thân sống (sau có nghĩa rộng là tự-tử).

(2079) *Hăm hút* : hăm hiu trong cảnh nghèo đói.

(2085) *Mình rồng lột cả* : Thân rồng to lớn.

(2088) *Xông quanh* : xung quanh (phương ngữ).

- Chúng tôi chút phận bọt-bèo,*
Mang guom xin sẽ đánh liều mộ binh ; (2089)
Hiệp cùng linh đồng vài dinh,
Thừa cơ nổi dậy thỉnh-linh sấm vang ». (2090)
Ngài rằng : « lắm nổi dỡ-dang.
Ta còn tiếc nắm xương tàn nữa đâu ! (2091)
Thương vì những kẻ mày râu,
Vì ta nên nổi vớt đầu bỏ thây ; (2092)
Thương vì trăm họ thơ-ngây,
Vì ta mắc phải tội lây vạ tràn ». (2093)
Thưa rằng : « ấy việc giang-san,
Phải là việc xóm việc làng chi ai ? (2094)
Xưa nay lắm kẻ anh-tài,
Gan vàng dạ sắt thần trời cũng kinh ; (2095)
Nếu ngài tính quất tính quanh,
E khi mình lại buộc mình đấy thôi ! » (2096)
Ngài rằng : « nếu việc chẳng xuôi,
Làm cho thiên-hạ chế cười lắm chi ! (2097)
Thôi-thôi hỡi đề ta đi,
Qua phần đất Ý sợ gì dò-la ». (2098)
Áo quần giả dạng nông-gia,
Thuê xe tới bến Châu-Hà chia tay. (2099)
Xồ buồm gặp ngọn gió tây,
Thuyền như tên bắn, rạng ngày khởi sóng. (2100)
Trải qua biển nhỏ một vùng,
Trông về núi cũ chập-chồng bên mây ; (2101)
Biển-phần nước Ý là đây,
Thuyền nghề như lá lầy-quầy sóng sao ; (2102)
Ốc xanh nổi vỏ lao-nhao,
Ấy là mấy đảo thấp-cao giữa vời ; (2103)

(2090) *Dinh* : Trại đóng binh.

(2092) *Vớt đầu bỏ thây* : Chết ở chiến trường.

(2099) *Bến Châu-Hà* : (?)

(2102) *Lầy-quầy* : Đi lên đi xuống lằng-xằng. *Lao nhao* : Như nhao nhao, chỉ đám đông hay cái gì nhiều đua nhau nhô lên.

GIAI-NHÂN KỲ-NGÔ

- Trắng phau như cánh chim trời,*
Ấy là bướm vấp ra khơi mấy hàng ; (2104)
Thú vui cảnh lại phi-thường
Chẳng lo ai bắt, chẳng lường ai theo ; (2105)
Tinh-thần vui-vẻ biết bao,
Kể ra chuyện trước, bàn vào việc sau. (2106)
Ngài rằng : « lúc ở trong lao,
Trăm phần ta cũng buồn rầu tính lui ; (2107)
Chắc là cỏ dập cây vùi,
Ai ngờ thoát khỏi lòng vui tạ đường ; (2108)
Vả chẳng cái kẻ bóng hường,
Mười phần kín nhiệm ai lường cho ra : (2109)
Đương khi ta được cánh hoa,
Mở xem thấy bức tiên-ba rõ-ràng : (2110)
Liền ngày giả bệnh mé-man,
Kêu ca cho đảng tìm đảng ra chơi. (2111)
Ta xin cảm tạ ơn người,
Ơn này kết xuống chín vôi còn mang ». (2112)
Thiếp rằng : « ấy kẻ nàng Lan,
Chúng tôi bất quá giúp nâng một hai ». (2113)
Ngài rằng : « hai gã lắm tài,
Liều thân vàng đá cứu người gươm dao ; (2114)
Ngút mây một tấm nghĩa cao,
Người đời trông thấy xiết bao thở dài ». (2115)
Phạm rằng : « người ở trong đời,
Xưa nay nghĩ cũng lắm người nghênh-ngang ; (2116)
Anh-hùng liệt-sĩ lắm trang,
Nặng nề nghĩa khi, nhẹ đảng tử sanh ; (2117)
Điền-Quang, Công-Thúc hai anh,
Yên-đô bỏ mạng, Tân-đình phơi thây, (2118)

(2110) *Tiên-ba* : (Ba âm của địa-phương gọi lẫn với hoa) hoa tiên, là bức thư.

(2112) *Chín vôi* : chín vực, chín sông (cứu tuyến, cứu nguyên) : âm phủ.

(2118) *Điền-Quang* : Chỉ-sĩ nước Yên giới-thiệu Kinh-Kha cho Thái-tử Đan đề di hành thích Tân-thủy-Hoàng. Sau khi mời được Kinh-Kha thì đề cho khỏi lộ chuyện, *Điền-Quang* đã tự-tử ; *Yên-đô* : nơi mà *Điền-Quang* tự-tử ; *Công-Thúc* : (?).

Tiếng thom còn dề dền nay,
Tôi tuy hèn yếu, dốc tày hai người. (2119)

Trong khi bàn-bạc nói cười,
Khi cao trăm trượng, máu sôi ngàn đồng. (2120)

Thuyền vừa đến đảo Hoa-phong,
Tướng quân thoáng mắt xa trông giết mình. (2121)

Hỏi ngài sao lại thất kinh ?

Rằng : « kia xóp-xói bóng sinh lợp đảng : (2122)

Ấy là biểu lễ hung-tang,
Chắc là Gia-Lý suối vàng xa chơi ». (2123)

Ghé thuyền lên hỏi khắp nơi,
Quả-nhiên người đã tách vời suối sáu. (2124)

Tướng-quân than-thở lắc đầu,
Rằng : « ta khắp Mỹ khắp Âu chơi-bơi ; (2125)

Anh-hùng mấy kẻ đội trời,
Chẳng quân gian-dối, thì người hiểm-sâu ; (2126)

Có ai giữ trước vện sau,
Mất còn một bụng, nghèo giàu một gan ; (2127)

Người trong thế-giới muốn vắn,
Co tay đếm lại độ trang một và : (2128)

Nham-Xửng-Đã, Gia-Lý-Ba,
Phơi gan trải mặt thì ta cùng người. (2129)

Bây giờ Gia-Lý mất rồi,
Phù-vân nghĩ đến cuộc đời mà đau ! (2130)

Hồ mình lưu-lạc bấy lâu,
Lỡ-làng khó nổi chực châu vòng-linh ; (2131)

Ở đây chẳng ích chi mình,
Thối ta qua Pháp, thăm tình họ Nham ». (2132)

(2121) Đảo Hoa-Phong : (?) ;

(2122) Xóp xói : Pháp phối ; Bóng sinh : bóng cờ minh-sinh (biểu hiệu tang).

(2129) Phơi gan trải mặt : thò lộ hết bụng nghĩ của mình.

(2130) Phù-Vân : Mây nổi.

Tai nạn thảm thương

g) Tàu gặp bão, đâm phải núi và đắm. Hồng-Liên đương cuống-cuồng thì nhìn thấy cha con U-Lan đã ngồi dưới chiếc thuyền con đề bơi vào bờ. Nàng vừa định nhẩy theo xuống thì một cơn sóng trào qua chiếc thuyền ấy.

- Tìm nơi nghỉ lại một hôm,
Rạng ngày thuyền cũng xô buồm xuất dương. (2133)*
Đoạn này là đoạn thảm-thương,
Người đời nghĩ kiếp đoạn-trường mà đau ! (2134)
Nàng liền mặt mũi héo xầu,
Cúi đầu nghẹn họng, mở đầu ra lời. (2135)
Chàng rằng : « xin nói cho rồi,
Trước nàng hả dạ, sau tôi bớt sầu » (2136)
Cầm khăn lau mặt ngược đầu,
Rằng : « nay xin kể đoạn sầu về sau. (2137)
Từ khi bước cảng xuống tàu,
Bốn người nhìn mặt ầu-sầu tỏ ra ; (2138)
Như hình có việc lo xa ;
U-Lan năn-nỉ than ra mấy lời : (2139)
« Từ ngày vượt biển ra khơi,
Lòng đầy hăm-hở coi trời như không ; (2140)
Bây giờ chỉ thỏa việc xong, .
Lòng nguị dạ hằm, biếng trông cuộc đời » ! (2141)
Thiếp rằng : « tôi cũng thể thời,
Thôi ta sẽ mượn cánh trời làm khuấy ». (2142)
Ừn-ừn nổi gió tuồn mây,
Mưa rầm, sét rộ, sóng xây nên hòn ; (2143)
Mặt tàu sóng phủ như non,
Dẫn lên, vật xuống, thon-von giữa vời ; (2144)
Khi cao, cao ngắt chín trời,
Thấp như chôn tận chín vời suốt sáu ! (2145)

(2143) *Sóng xây nên hòn* : Sóng dựng lên như núi.

(2144) *Sóng phủ như non* : Sóng trùm lên như úp những hòn non lên trên.

(2145) *Chín trời* : Do chữ cửu trùng thiên.

- Ai-ai tối mắt choáng đầu,*
Nhào ngang, té ngựa, vớ cầu, vịn thang ; (2146)
Tan-tành sóng đập cửa gương,
Đùng-đùng nước ngập vào khoang nhầy tràn ; (2147)
Tiếng kêu, tiếng khóc, tiếng than,
Tiếng rơi, tiếng bề, nhộn-nhàng như sỏi. (2148)
Thình-lình một tiếng kêu trời !
Thuyền đà đụng núi xin người lên thôi ! (2149)
Bò thang thiếp chạy tới nơi,
Trông ra từ phía, khóa trời sóng cao ; (2150)
Khóc cha trời mẹ ngàn-ngao,
Tiếng người, tiếng sóng, ồn-ào lẫn vang ; (2151)
Bốn bề đất ngựa trời ngàn,
Chúa tàu liều thác tìm phương cứu người : (2152)
Đò con bỏ xuống tức thời,
Vội-vàng chở khách đặng bơi qua cồn ; (2153)
Giành nhau chen-chóc ép đồn,
Hùn-hùn lớp sóng ập-ồn tới nơi ; (2154)
Lộn nhào kẻ té người rơi,
Nổi lên, chìm xuống, chơi vơi sóng cuồn ; (2155)
Thiếp đà mất via tan hồn,
Bốn người chẳng biết ai còn ai không ? (2156)
Hãi-hùng loáng mắt vừa trông,
Cha con nàng đã ngồi trong chiếc đò ; (2157)
Muốn theo, thiếp mới xo-ro,
Sóng đầu phủ tới chìm đò lạnh-tanh ; (2158)
Bốn bề chẳng thấy Phạm-Khanh,
Đánh liều cũng chắc chôn mình biển sâu ; (2159)
Đừng trơ sóng phủ ngập đầu,
Bên tai nghe tiếng : « Chạy nhàu đừng lo ! » (2160)
Vội-vàng thiếp bước xuống đò,
Đưa qua đến bãi dặt-dò lần lên ; (2161)

(2148) Tiếng bề : Tiếng dờ vờ.

(2153) Cồn : Gò đồng nơi ở bờ bề.

(2155) Sóng cuồn : Sóng mạnh cuồn-cuộn lên.

(2158) Xo-ro : Lớ-rớ muốn sang dò.

(2161) Dặt dò : bước lò-dò và như có người dắt lên.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

*Quay đầu trông lại chiếc thuyền,
Lay-quay rồi cũng chìm liền, thương ôi !* (2162)

*Ba người bỏ mạng biển khơi,
Thiếp còn ngấp-ngỏi trời-đời chi đây !* (2163)

*Xưa sao hôm sớm vui vầy,
Nay sao kẻ đó người đây hai đàng !* (2164)

*Gặp chàng lắm nỗi ngỡ-ngàng,
Mắt nào còn thấy đặng chàng, chàng ôi !* (2165)

*Người sao sung-sướng một đời,
Người sao đến đổi biển trời cũng ghen !* (2166)



(2163) *Trời-đời* : trời, phương ngữ có nghĩa là cái hình nộm, hay nộm, (tức là thangka bù-nhìn) bêu giếu ở trên đời như hình nộm ; *Ngấp ngỏi* : phương ngữ có nghĩa là ngoắc ngoải) có nghĩa là sống gượng.

HỒI THỨ SÁU

NHƯNG U-LAN CHƯA CHẾT

a) Tán-Sĩ than-thở tỏ ý vô cùng đau xót, rồi lại quay ra an ủi Hồng-Liên.

- Chàng nghe mỗi nỗi truân-chiến,*
Bực mình rồi lại nén phiền nói ra : (2167)
Nghĩ nàng gặp bước phong ba,
Đau lòng tử dạ xót-xa trăm phần : (2168)
Nhưng mà nghĩ lại cho cần,
Trong vòng nhân-nghĩa gian-tân sá nào ? (2169)
Nàng Lan chết tức cũng đau,
Gẫm ra cho cạn, chẳng rầu mà chi ! (2170)
Lúc vừa gặp-gỡ sông Đê,
Trong khi trò chuyện nàng thề đình-ninh : (2171)
Làm người đứng giữa cao xanh ;
Dầu rằng lan ngọc tan-tành cũng hay ! (2172)
Nay nàng vì nước bỏ thân,
Cha con sống thác xum-vầy biết bao ! (2173)
Còn nàng so lại thế nào ?
Thù trời còn đội trên đầu tro-trơ : (2174)
Phải toan gắng chí đợi chờ,
Thân ngàn vàng nở hời-hò vậy sao ? (2175)
Nàng rằng gặp bước lao-đao,
Lòng tơ dạ tóc xón-xao trăm vòng ; (2176)

(2169) *Gian-tân* ; Gian-lao tan khò

(2175) *Hời-hò* : phương ngữ có nghĩa hững-hờ.

(2176) *Xón-xao* : uáo-động, nhộn-nhàng rối loạn.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

b) Sau khi hỏi Hồng-Liên trôi nổi ra sao, sau tai nạn ấy. Nàng kể : Khi thoát chết thì nằm nghỉ nhà người đánh cá ít hôm rồi qua Pháp thăm Ông Gambetta. Ông này cũng tỏ ý tiếc thương lắm.

Chàng hỏi, Ông có nói ý-kiến gì đến nước tôi không ? Nàng kể lời của Ông phàn nàn về nước Pháp và phê-bình nước Nhật là ếch ngồi đáy giếng.

- Xui chàng sinh dạ ngại-ngùng,
Lòng này thiếp hỏi hỏi lòng mà coi : (2177)
Giờm thiêng trăm bận lau mài,
Ngọc rồng ẩn đá, càng gởi càng tươi ! (2178)
Chàng rằng xin hỏi nói xuôi,
Về sau nàng lại nổi trôi chốn nào ? (2179)
Rằng : khi thoát đã khỏi tàu,
Vào nhà ngư-phủ nghỉ đau mấy ngày, (2180)
Về sau qua Pháp-Lan-Tây,
Tôi Nham-Xưởng-Đã tỏ bày thí-chung. (2181)
Nghe tin ngài cũng đau lòng,
Thương vì một nỗi thù chung chưa đền ; (2182)
Kiếp người thấm-thoát như tên,
Khó đem bóng bọt lo đền núi sóng. (2183)
Nước tôi ngài cũng mong trông,
Nhơn khi trò chuyện cạn-cùng mấy câu : (2184)
« Pháp Anh qua lại đã lâu,
Tình dân thói nước yếm ôu tập-tành ; (2185)
Ta yêu người Ái trung-thành,
Trong vòng máu sắt đua tranh càng hùng, (2186)
Dầu cho khổn-khó long-đong,
Trăm chìm ngàn nổi mà lòng vững trơ, (2187)
Gan đồng dạ sắt sờ-sờ,
So người các nước bây giờ vô song ; (2188)
Gắng nhau cả nước một lòng,
Đóng người đóng miệng, nhộn sóng tốt tay, (2189)

(2178) *Giỏi* : giữa mài, nhồi nắn.

(2189) *Nhộn sóng* : đám đông cùng rộn lên.

- Tự-do độc-lập đang ngay,*
Nước sôi lửa nóng có ngày thoát ra » (2190)
Rằng : « ngài mưu trí cao xa,
Chẳng hay có nói nước ta câu nào ? » (2191)
Nàng rằng : « trò chuyện bao-lao,
Nhơn cơ thiệp hởi thấp cao mấy lời : (2192)
« Nay nghe Nhật-Bồn lắm người,
Sửa-sang chánh nước đổi dời tục dân, (2193)
Nước nhà dốc dạ duy-tân,
Ngài nên vượt biển một lần qua chơi ; (2194)
Trước là giúp đỡ cho đời,
Sau cho thiên-hạ biết tài cao-xa ; (2195)
Vả chẳng thói nước Lang-Sa,
Lắm trang nghĩa-khí, tài ba anh-hùng, (2196)
Trước giùm người Mỹ nên công,
Ái-Lan nay cũng mong trông đêm ngày ; (2197)
Nếu ngài giúp đỡ lúc này,
Gỡ cho Nhật-Bồn thoát dấy cường-quyền, (2198)
Làm cho phép nước vẹn-luền,
Làm cho dân sự khắp miền âu-ca ; (2199)
Vậy thì thế-giới gần xa,
Khen ngài cũng ngợi Lang-Sa lắm mà ». (2200)
Ngài liền lớn tiếng nói ra :
« Ta còn bức nổi nước nhà lénh-chệnh ; (2201)
Đương khi Phò Pháp giao binh,
Vua hèn bị bắt đầy mình trần-ai ; (2202)

(2192) *Bao-lao* : Lan-man.

(2202) *Phò Pháp giao binh* : Trận giặc Phò Pháp (1870-1871) gây ra bởi Phò ứng hộ cho hoàng-tử dòng Hohenzollern làm vua Tây-Ban-Nha, bị Pháp phản đối.

Trận giặc xảy ra ngày 15-7-1870, binh Phò tấn công khắp các mặt, một cánh quân Pháp bị vây tại tỉnh Sedan trong cố vua Napoléon III, phải đầu hàng và chịu cho địch bắt (ngày 2-9-1870).

Tin ấy về đến Paris thì cuộc cách mạng nổi lên truất quyền vua, lập chế độ cộng-hòa trở lại và thành lập chính-phủ cứu quốc. Nhưng Paris cũng bị địch quân đến vây đánh xung quanh. (Xem lại lời chưa 178).

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Paris cũng bị chống gai,*
Nước nhà còn mất chiều mai gập-gheñh ; (2203)
Ta thề máu đỏ gurom xanh,
Tan xương nát thịt liều mình non sóng ; (2204)
Một mình ngồi chiếc ban-lông,
Thoát vây ra khỏi, tới sông Loa-Hà ; (2205)
Dựng cờ mộ lính gần xa,
Thề sông hẹn núi xông-pha giặc kinh ; (2206)
Đánh tan lấy lại mấy thành,
Cùng quân Miệt-Sĩ đồng tình quỵn-sinh ; (2207)
Thề liều một trận dưới thành,
Phá tan quân giặc mới đành lá gan ; (2208)
Sao cho tổ-quốc vẻ-vang,
Sao cho danh tiếng nhầy tràn gần xa ; (2209)
Ai dè Ba-Ngan thẳng tà,
Gan cheo, đầu chuột, bán cha, đợ mình ; (2210)
Làm cho mười mấy vạn binh,
Trói tay gurom dáo buộc mình tù lao ; (2211)
Thần sáu, mạng kiến lao-nhao,
Chết lòng nghĩa-khi, quên đau nước nhà ; (2212)
Châu đầu xúm miệng nói hòa,
Bồi tiền, cắt đất, kêu-ca dưới thành ; (2213)
Làm cho giặc Phở dể mình,
Lăm-le chớp cánh dòm rình cõi Âu ; (2214)

(2205) Ông Gambetta ngồi trên trái cầu bay ra khỏi vòng vây ngày 9-10-1870 đến Tours (trên sông Loire) để tổ-chức quân đội giải vây Paris.

(2207) Đoàn binh do ông Gambetta tổ-chức đánh trận Coulmiers (9-11-1870) lấy lại được Orléans ; quân Miệt-sĩ : quân từ thành Metz.

(2210) *Ba-ngan* : Bazaine, khi quân đương thắng thế ở Orléans thì Bazaine đem cánh quân của mình đầu hàng vì thiếu lương-thực (17-10-1870). *Cheo* : con cheo.

(2213) Hàng-ước ký ngày 26-2-1871 cắt Alsace và Metz cho Phở và chịu bồi thường chiến tranh cho Phở 5 tỷ bạc.

(2214) Nhờ trận thắng đó vua Phở lên ngôi Hoàng-Đế nước Đức (18-1-1871) và trong suốt 40 năm giữ ngôi bá chủ Âu-châu.

- Ngày đêm ta những lo sầu,
Gai ém, mật ngọt, để đâu người lòng ! (2215)
 Còn như kẻ đến việc trong,
Phe vua lắm kẻ trông mong ngói trời ; (2216)
Hư-vô, xã-hội, lắm người ;
Máu sôi quá độ bước mười nhẩy trăm ; (2217)
Ngoài thì nước Phồ hăm-hăm,
Hợp Tây, Ý, Úc, toan giãm xé ta ; (2218)
An-Nam, Mã-đảo gần xa,
Cũng còn giãng xé chưa ra thể gì ; (2219)
Nước nhà còn lắm khuynh-nguy,
Trên vai một gánh nặng trĩ như non ; (2220)
Cống đâu tới đảo con-con,
Làm cho ngày tháng hào môn cũng què ; (2221)
Nghĩ người Nhựt-Bồn mà ghê,
Dưới trên một bụng, dốc thề giang-san ; (2222)
So cùng người Mỹ người Lan,
Với người Thánh-thò, ruột gan kém nào ? (2223)
Ta đây cảm cảnh nghĩa cao,
Trong lòng cũng muốn giúp vào một tay ; (2224)
Tiểu vì Nhựt-Bồn bấy nay,
Trong ngoài lắm việc tánh say mơ-máng ; (2225)
Ngoài thì các nước thị cường,
Trăm đều điều-uớc phải nhường cả trăm ; (2226)
Trong thì chánh-phủ hăm-hăm,
Đánh cho nặng thuế le-lầm đóng tàu : (2227)
Việc ngoài chẳng chút lo-âu,
Trong nhà chăm-chỉ đề đầu dân ngu ! (2228)

(2215) *Gai ém, mật ngọt* : Dựa theo, tích Câu-Tiến năm gai ném mật để nhớ thù vua Ngô-Phù-Sai.

(2216) Những đảng phái cũ muốn tái lập chế-độ cũ. Gambetta tò-chức đảng Cộng-hòa để chống lại.

(2218) *Giãnm xé* : Giãnm nát và xé tan ra.

(2220) *Khuynh-nguy* : Nghiêng đổ ngặt nghèo ; *Nặng trĩ* : nặng.

(2223) *Thánh-thò* : Một đảng ở Đại-Tây-Dương gần nước Mỹ, trước là thuộc-địa của Pháp, khi Nã-Phá-Luân bị bắt đã độc-lập rồi (lời chú của tác-giả).

GIẢI-NHÂN KỲ-NGÔ

- Vậy mà cả nước sĩ-phu,
 Dám ai mở miệng đôi-co câu gì ? (2229)
 Khi không hùng-hiệp Cao-ly
- Làm cho các nước sinh nghi sinh ngờ ; (2230)
 Vậy mà trên dưới tro-tro,
- Nào ai quyết chí dựng cờ một phương ? (2231)
 Nào ai chí-khí cang-cường,
- Cất mình nhẹ bước qua đường Mỹ, Âu ; (2232)
 Nghênh-ngang uốn lưỡi lắt đầu,
- Bể trong điều ước câu-câu rạch-ròi ? (2233)
 Nào ai dám tới nước ngoài,
- Khua môi, múa bút viết bài báo công ; (2234)
 Hay là diễn-thuyết đám đông,
- Phun gan mửa máu động lòng người ta ? (2235)
 Nào ai học-thức cao xa,
- Đưa thơ chánh-phủ van la lối-lầm ? (2236)
 Nước nhà phải chứng âm-trầm,
- Đưa chen còn muốn âm-thầm nổi chi ? (2237)
 Nương hơi dựa bóng ly-bì,
- Đụng ai nấy nạt chịu lý hồ người, (2238)
 Hơn ba mươi triệu con người.
- Không ai biết xấu nói cười tròn vo : (2239)
 Rằng ta thà chết tự-do,
- Thà đền nợ nước chết cho rồi đời ; (2240)
 Thương ôi ! ếch giếng xem trời,
- Mặt vung còn lớn là loài đầy thôi ! » (2241)
 Thiếp liền thưa lại mấy lời :
- « Xưa nay Nhứt-Bồn, lắm người dễ khinh, (2242)
 Ấy là xem tướng chưa tinh,
- Còn trong gan ruột lắm tình khó soi. (2243)
 Ngài còn lắm việc dồng-dài ;
- Con con một đảo đoái hoài mà chi ? » (2244)

(2230) Năm 1876 Nhật ức hiếp Cao-Ly mở cửa bễ cho mình vào thông thương. Năm 1895 Nhật đánh Tàu, Tàu thua phải tuyên bố hết chủ quyền ở Cao-Ly.

(2237) Âm-trầm : nặng-nề.

(2241) Dựa theo câu tục-ngữ ếch ngồi đáy giếng xem trời bằng vung.

- Chàng nghe đủ nỗi vắn-vi,*
Mồ-hối ướt áo thăm-thì thổ ra. (2245)
Nàng rằng : « trò-chuyện lán-la,
Thình-linh khách đến, thiếp ra tức thời. (2246)
Gấm trong ngài nói mấy lời,
Công-bình chánh đại, xin người đừng cấm ». (2247)
Chàng rằng : « ngài nói thực nhằm,
Chính ngay giữa trán ngài châm một mối ! (2248)
Nay nàng kể lại đầu đuôi,
Tôi xin chép dạ muốn đời còn ghi » (2249)

c) Hồng-Liên lại kể tiếp việc mình đương ở nước Pháp, buồn đi coi múa hát thì gặp Vương-La tên chúa ngục cũng đương qua Pháp đề dò tìm tung-tích bọn vượt ngục. Nàng vội-vàng rời khỏi nước Pháp.

- Nàng còn kể chuyện lưu-ly ;*
« Trong khi trời nổi, lắm khi buồn rầu ; (2250)
Quán cơm lúc ở trên lầu,
Nghe người cười nói yếm ầu đêm ngày ; (2251)
Rằng người nước Ý hát hay,
Nhẹ mình tốt giọng xưa nay ít người ; (2252)
Giải buồn kiếm chuyện trò cười,
Ban đêm thiếp mới rủ người đi xem ; (2253)
Giọng oanh tiếng phượng ẩm êm,
Quanh rường gió thổi, nhầy thêm bóng rơi ; (2254)
Trong khi hát múa toi-bời,
Mĩa-mai loan lộn, yếm rơi nhẹ-nhàng. (2255)
Theo dõi lại có một nàng,
Kề tai nói nhỏ vội-vàng mấy câu : (2256)
« Kia-kìa bên phía nam lầu,
Một người chằm-chỉ nhìn lầu nấy giờ ». (2257)

(2245) Ướt áo : (phương ngữ có nghĩa ướt đầm) áo ướt đầm.

(2254) Quanh rường : (phương ngữ rường có nghĩa là sườn nhà và chỉ luôn cái nhà (quanh nhà).

(2257) Nam lầu : lầu phía nam.

GIAI-NHÂN KỲ-NGÔ

- Cất đầu thiếp mới liếc sơ
Rõ-ràng chứa ngục, sừng-sờ hồn kinh ! (2258)
Giả vờ thiếp mới hỏi tình,
Rằng : « Chà ! đẹp để ! thực tình nên thương ; (2259)
Tiếc thay chẳng biết quê-hương ! »
Nàng rằng : « nghĩ thực người phương Ban-Nha, (2260)
Ở chung một quán với ta ».
Thiếp nghe đề chắc Vương-La mười phần ; (2261)
May chỉ mặt phủ vồng-cân,
Trông ra nghĩ cũng mấy phần ngờ tin. (2262)
Cất mình vội-vã về liền,
Một đêm trần-trọc ngựa-nghiêng khôn nằm. (2263)
Rạng ngày nàng lại hỏi thăm :
« Sao cô dạng mặt âm-trầm lo âu ? » (2264)
Thiếp rằng : « chớ hỏi bao-lao ;
Chẳng hay người thấy nam lâu thế nào ? (2265)
Xin nàng hỏi thử cho nao ».
Nàng rằng : « Tôi biết người nào là ai ? » (2266)
Cầm tiền thiếp mới nhẹ tay,
Chạy vào nàng cũng ra ngay tức thời ; (2267)
Chạy ra vừa nói vừa cười,
Rằng : « và hẳn thực tên người Vương-La ; (2268)
Nước và có một tướng già,
Tìm mưu thoát ngục trốn qua bên này ; (2269)
Vậy nên và mới tới đây,
Dò-la tung-tích bấy chầy đã lâu : (2270)
Mới hỏi và gặp dưới lầu,
Hỏi tới hôm trước theo hầu cô nao ? (2271)
Tôi liền tỏ nỗi thấp cao,
Va rằng : phải phải ! thế nao cũng nhằm, (2272)

(2262) Mặt phủ vồng-cân : mặt phủ cái khăn choàng mạng, lối trang sức của người con gái quý phái Âu-châu. May chỉ : phương ngữ có nghĩa là may thay lúc ấy.

(2267) Cầm tiền thiếp mới nhẹ tay : Có ý nói đưa tiền thuê rồi rời tai dận.

(2271) Mới hỏi : mới khi này (phương ngữ).

- Trăm phần in hết cả trăm,
Tiếc vì che mặt nên thăm chưa tường ;* (2273)
Xem và ra dạng yêu nường ».
- Nghe lời thiếp mới nghĩ quãng mấy câu :* (2274)
Ta không giết chó trộm trâu,
- Vì dân nên nổi mang câu oán thù ;* (2275)
Nay đã lánh khỏi vực sâu,
- Nước nào cũng có trên đầu phép công,* (2276)
Dám đâu ỷ-thể thị-hùng,
- Thôi-thôi ta lại hải-hùng làm chi !* (2277)
Hiềm vì thù nó còn ghi,
- Ở đây lần-vần e khi thế nào ?* (2278)
Sang đây vừa có kỳ tàu,
- Vội-vàng viết thiếp gửi hầu họ Nham ;* (2279)
Ra đi trời đã chiều hôm,
- Xuống tàu, tàu cũng xô buồm chạy ra ;* (2280)
Tàu ra một trượng xa-xa,
- Quay đầu ngo lại hắt ta đứng bờ ;* (2281)
Chạy đi chạy lại ngẩn-ngơ,
- Kêu rằng : trở lại đợi chờ với nao !* (2282)
Đầy bờ khách đứng lao-nhao,
- Huơ khăn, vẫy mũ, vãi chào, hôn vơi ;* (2283)
Một giây thuyền lách ra khơi,
- Về sau chẳng biết va chời ngón gì ? »* (2284)

d) Hai người lại tìm lời an-ủi lẫn nhau. Hồng-Liên ca mấy bài ca họa lại những bài của U-Lan làm ở trên tàu. Sau đó, Tấn-Sĩ ra về và hẹn cứ mỗi ngày thứ năm sẽ tới thăm.

- Chàng rằng : « Nàng nói khi thì,
Mừng mừng, sợ sợ, truyện kỳ nào qua !* (2285)

(2273) *Giết chó trộm trâu* : thành ngữ địa-phương có nghĩa là trộm cướp.

(2282) *Trở lái* : quay lái tàu trở lại.

(2283) *Hôn vơi* : đưa tay lên miệng hôn rồi hất tay về phía người ra đi. Một tục chào âu-yếm của người Tây-phương.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Bực vì một nỗi đôi ta,
Buồn nhiều vui ít, trải qua lắm rồi.* (2286)
- Nghĩ tới mà ngán cho tôi,
Bây giờ nàng cũng lắm hồi chán-chê ;* (2287)
- Nhớ khi gặp-gỡ sông Đê,
Dầu lời máu mủ dãi-dề sao qua ;* (2288)
- Đương khi thường nguyệt xem hoa,
Ngày sau ai biết đồ òa gió mưa !* (2289)
- Ấu-châu nàng ở bữa xưa,
Ngày nay ai biết ưa thừa gặp nhau !* (2290)
- Cơ trời lắm nỗi biển dâu,
Việc người vì cũng mấy câu hát tuồng ;* (2291)
- Vui buồn tan hiệp không thường,
Một đời khác thể thầy Trang lơ-mờ ;* (2292)
- Vui kia là giấc tình-cờ,
Buồn này mới thực sững-sờ tỉnh ra !* (2293)
- Buồn này là giấc mộng ma,
Vui kia mới thực ngủ già trăm năm !* (2294)
- Nghĩ ra tối-tối tăm-tăm,
Người đời ai cũng như nằm chiêm bao !* (2295)
- Nàng đà lắm lúc lao-đao,
Hơi đâu chuốc lấy buồn rầu mà chi ?* (2296)
- Rủ nhau ra dạo một khi,
Bóng cây, bụi cỏ, vãn-vi chuyện đời.* (2297)
- Người xưa có nói mấy lời :
Thi hay ắt phải một đời gian-nan ;* (2298)
- Nhớ trong mấy khúc U-Lan,
Ca rồi nàng có hừng tràn gì không ? »* (2299)
- Nàng rằng : « giữa biển mệnh-mông ;
Tình-cờ trắng sáng đứng trông trên tàu,* (2300)

(2292) *Thầy Trang* : Trang-tử cũng gọi Trang-Châu sinh vào thời chiến-quốc, chết khoảng cuối năm 330 trước Tây-lịch, người cùng phái chủ trương của Lão-tử. Ông có những ý tưởng và hình tượng đề phát huy tư tưởng của Lão-tử rất hay như hình tượng ông nằm mơ thấy hóa bướm, khi tỉnh dậy ông tự hỏi có phải hiện bướm hóa ra ông không.

(2294) *Ngủ già* : ngủ quá mức thường.

*Tránh lòng nhớ trước nghĩ sau,
Ca nàng họa lại mấy câu trường-hành ;* (2301)

*Thiếp còn chép dạ đình-ninh,
Hồi xin ca lại mắt xanh phê-bình.* (2302)

Ca rằng :

I

Ta ngâm-ngẫm đôi câu chương-chương, (2303)

Muốn hai tay lồi bương lão trời già : (2304)

Hỏi : lười ông sao rách-rưới lắm mà, (2305)

Một đời luống giúp tà mà hại chánh ? (2306)

Đời sao lại có suy có thành ? (2307)

Người sao lại có đại có khôn ? (2308)

Lan huệ sao ông làm cho héo cho don ? (2309)

Gai gốc sao ông lại thả khắp non khắp núi (2310)

Bóng hoa sao nở để mưa tàn gió rụi ? (2311)

Bá tòng sao nở để cho tuyết dụi sương xó? (2312)

*Hùm, beo, ó, là lũ hồ-đồ, việc gì ông lại
thêm vầy thêm cánh ?* (2313)

*Làm cho chồn, cheo, chim, chuột, khôn đường
trốn tránh, mới sướng bụng ông sao ?* (2314)

*Gì là sống ? gì là thác ? gì là nghèo ?
gì là giàu ?* (2315)

*Mơ-màng trong một giấc chiêm-bao, ông
nói suốt thì tôi đây xin thả.* (2316)

o o o

Trăng sáng giữa trời soi khắp cả ; (2317)

Gió sao mặt biển sóng lông-lông, (2318)

Đầu lâu đêm vắng ngời trông. (2319)

(2303) Nhắc lại cái ngông của Tản-Đà viết thư lên trời xin kết duyên với Hằng-Nga.
Đây lại là một cái ngông khác.

(2309) *Lan huệ* : Hoa lan hoa huệ là những thứ hoa quý ; *Don* : quắt lại.

(2311) *Rụi* : Đường tươi tốt bị héo hắt đi.

(2312) *Dụi* : Đầy ngã chúi xuống. *Xó* : Đầy cho ngã xuống.

(2313) *Ó* : Diều hâu, loài chim ác ; *Hồ-đồ* : (?)

(2314) *Chồn* : cây ; *Cheo* : con vật giống nhinh con hoẵng (mềm hay dỏ hay mang) nhưng chỉ lớn bằng con mèo, thuộc loại ăn cỏ.

II

- Ta ngẫm-nghĩ quê cha đất tổ,* (2320)
Một phương trời sóng phủ, biển chơi vơi. (2321)
Cách mấy năm muôn dặm biển trời, (2322)
Khóc với gió mà than lời thiên-vấn. (2323)
Ruộng ta đã beo tràn hùm lẫn, (2324)
Nhà ta đã gió táp mưa sa. (2325)
Nhớ xưa kia lắm chỗ phiên-ba, (2326)
Mà nay cỏ loạn, cây trà, chim chuột rúc. (2327)
Nồi ta đã sinh meo sinh mốc, (2328)
Quán hồ lang còn đưa bốc đưa quơ. (2329)
Con cái ta đói khát chạy dật-dờ ; (2330)
Cha mẹ ta cũng bơ-vơ run-rẩy. (2331)
Hỏi vì ai xui nên cơ-hội ấy ? (2332)
Trời đâu đấy ? thần đâu đấy ? có nghe
thấy chi mà ? (2333).
Nồi máu hung ta muốn chặt dấy kinh ba, (2334)
Dầu thịt nát máu sa gan cũng đã ! (2335)

o o o

- Trăng sáng giữa trời soi khắp cả,* (2336)
Gió xao mặt biển sóng lông-lông, (2337)
Đầu tàu đêm vắng ngồi trông. (2338)

III

- Ta ngẫm-nghĩ tình xưa nghĩa cũ,* (2339)
Lúc đứng ngồi mặt ủ mày chau ! (2340)
Buổi sớm mai lấp-loáng bóng sao xưa, (2341)
Hình với bóng lụy mưa rơi dào-dạt. (2342)
Kẻ thì vút khăn yếm phấn son trối lã-chã, (2343)

(2323) *Lời thiên-vấn* : Lời than khóc đề hỏi trời.

(2326) *Phiên-ba* : phiên hoa.

(2327) *Cỏ loạn* : Cỏ tràn lan vào ; *cây trà* : Cây hoang mọc trà trộn vào.

(2334) *Chặt dấy kinh ba* : chặt cho nồi sóng lớn.

(2340) *Mặt ủ mày chau* : Mặt rầu buồn có vẻ chua chát.

Dốc thề lòng gỡ vạ kẻ thương-sinh. (2344)

Người thì liễu da mồi tóc tuyết nổi linh-

đỉnh ; (2345)

Quyết thề dạ bỏ mình vòng trời buộc. (2346)

Người thế ấy trăm thân khôn chuộc, (2347)

Tiết nghĩa kia, ai chẳng chuốc, chẳng yêu

đang ? (2348)

Bấy lâu nay hẹn ngọc thề vàng, (2349)

Vứt một thác với giang-san cho thoả chí ! (2350)

Trời sao nữ làm cho lưu-luy, (2351)

Khách anh-hùng rơi lụy bởi vì đâu ? (2352)

Ở, xanh-xanh có biết gót biết đầu ? (2353)

Nói nghe thử kẻ giận thắm hờn sâu

lắm tá ! (2354)

o o o

Trăng sáng giữa trời soi khắp cả, (2355)

Gió xao mặt biển sóng lông-tông, (2356)

Đầu tàu đêm vắng ngồi trông. (2357)

IV

Ta ngấm-nghĩ một thân yếu đuối, (2358)

Biết ngày nàoặng đuối khúc rồng co ? (2359)

Kiếp nên hư còn lắm nỗi chuyện trò ; (2360)

Lòng đâu nữ thấy non nước bụi tro mà

trở mặt ? (2361)

Hiềm một nỗi trời già thác-mắc, (2362)

Đàng cheo-leo sắp đặt đủ chông gai. (2363)

Đem đường trở lối nấy cho ai ? (2364)

Dầu lún gổ chai vai ta há rúng ? (2365)

Trong lồng cũi khó nhốt trang loan

phụng ; (2366)

(2344) *Kẻ thương sinh* : (do thành ngữ thương sinh yêu tử. Từ 8 đến 10 tuổi chết là hạ thương. Từ 12 tới 15 tuổi chết là trọng thương. Từ 16 tới 19 tuổi chết là trường thương. Dưới 8 tuổi chết gọi chung là thương) kẻ còn trẻ mà chết oan.

(2351) *Lưu-luy* : chảy nước mắt.

(2359) *Đuối khúc rồng co* : Vươn thẳng mình rồng ra để bay bổng.

(2365) *Lún gổ chai vai* : Gổ trùn lại và vai cứng thành chai ; *Rúng* : nao núng.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

Đấng anh-hùng lắm lúc phải trần-ai. (2367)
 Gặp loạn-ly mới biết sức anh-tài ; (2368)
 Còn đợi thuở ngang trời dọc đất. (2369)
 Mũi gươm bạc trong tay dấu cất, (2370)
 Lúc ra tay chém vết lữ yếu tinh. (2371)
 Giấc rồng nằm đáy biển lạnh-tanh ; (2372)
 Mượn mấy khúc cầm ca khuấy-khỏa. (2373)

o o o

Trăng sáng giữa trời soi khắp cả, (2374)
 Gió xao mặt biển sóng lông-tóng, (2375)
 Đầu lâu đêm vắng ngời trông. (2376)

Chàng rằng : « một tấm tánh linh,
 Nghe qua ai cũng động tình chơi-vời ; (2377)
 Hùng như chém cá giữa vời,
 Hiểm như núi dựng ngược trời giăng ra ; (2378)
 Cao xa rất nổi cao xa,
 Đồi dơi non-nước, van la quỷ-thần ! (2379)
 Găm trong bốn khúc mấy vần,
 So đi sánh lại chỉ cân chỉ tày. (2380)
 Cùng nhau cười tánh nói say,
 Hứng tàn rồi lại cắp tay vào nhà. (2381)
 Giã-từ chàng mới xin ra ;
 Nàng rằng : thiệp cũng lân-la chốn này : (2382)
 Chàng dầu tưởng tới thơ-ngây,
 Lều tranh khuya sớm vui-vầy là may. (2383)
 Chàng rằng : bạn học lắm thay,
 Vây thì xin hẹn mỗi ngày thứ năm. (2384)

e) Chàng luôn luôn đi lại thăm viếng Hồng-Liên nhưng cả hai vẫn giữ gìn không đi quá mức tình đồng-chí.

(2370) *Giương bạc* : Giương quý (do tích Can-Tương và vợ là Mạc-Gia)

(2377) *Tấm tánh linh* : tấm khố linh-thiêng.

(2381) *Cười tánh* : Cười tình (?) Câu hát cổ : Phụ mẫu nhà khi tánh khi say, khi vun cội liễu khi day nhánh tùng.

Một hôm xem báo thấy có một hịch-văn của Ai-Cập kêu gọi dân chúng chống Anh.

Chàng chạy đến Hồng-Liên. Nàng báo tin Anh, Ai chiến tranh. Và nàng đưa tờ báo trong có tin một tướng già Tây-Ban-Nha cùng cô con gái làm cố vấn cho quân-đội Ai-Cập.

Nói rồi cất bước xăm-xăm,
Về nhà lăm kẻ hỏi thăm ồn-ào. (2385)

Bấy lâu chàng nghỉ nơi nao ?
Trông qua tường mặt, khó-khạo lăm mà ; (2386)

Áo quần như thề xông-pha,
Bùn rơi, cát dính, ấy là cơ sao ? (2387)

Nổi mình khôn tỏ thấp cao,
Kiếm điều chàng mới nói khào mấy câu : (2388)

Sách đèn mỗi một bấy lâu,
Chơi trắng tường cảnh đạo đầu lối vườn ; (2389)

Hừng vui sẵn bước đi luôn,
Non xanh nước biếc luống-tuồng ngám-ngà ; (2390)

Đạo trời lăm nổi cao xa,
Kiếp người sống chết hóa ra thề nào ! (2391)

Càng xuy càng xét càng màu,
Càng nong-não trí, càng ngao-ngán lòng ; (2392)

Bây giờ nhớ lại không cùng,
Ngần-ngờ ngờ-ngần trăm vòng như quên. (2393)

Người nhà xúm mặt quanh nhìn,
Hay là quá học hóa nên chứng này ? (2394)

Hãy xin tỉnh-dưỡng ít ngày,
Giữ-gìn ăn uống cho khuây tỉnh-thần. (2395)

(2386) *Khó khạo* : Hóc hác.

(2387) *Áo quần như thề Xông pha* : Áo quần lấm bụi như người xông pha vào chỗ nguy hiểm nào.

(2388) *Nói khào* : nói cho loăng chuyện đi.

(2392) *Càng nong nảo trí* : càng nung nấu trí.

- Cách ngày tìm hẹn sông ngân ;*
Nàng Liền vừa lúc bóng sân lặng ngời, (2396)
Tay cầm quyền sách chăm coi ;
Đứng sau chàng lên vỗ vai thình-linh ; (2397)
Hở cơ nàng cũng giật mình ;
Quay đầu cười nói : « chàng rình thiệp chi ? » (2398)
Dắt tay vào chốn thơ-duy,
Khuyên sông điếm núi vãn-vì trót ngày. (2399)
Từ sau đúng hạn tới ngày,
Một chèo sông vỗ, trăm bài rượu đưa. (2400)
Càng ngày càng mặn càng ưa,
Sầu hao vắng mặt, vui thừa bắt tay. (2401)
Nghĩ tình Tán-Sĩ cũng may,
Nàng Lan vắng-vẻ, gặp ngay nàng Hồng. (2402)
Hai bên lửa bén hương nồng,
Mối tình khăng-khít, ai hòng gỡ ra. (2403)
Nhưng nàng tri cả mưu xa,
Thề lòng dốc trả thù cha nợ đời ; (2404)
Vậy nên hôm sớm vui cười,
Mà trong tình ý khác người trắng hoa ; (2405)
Vui chỉ cái kiếp phiên-ba,
Chơi vào một tí, xảy ra trăm đàng ; (2406)
Tôn-Sanh, Trịnh-Tử hai chàng,
Giết ngay độc rắn, dứt ngang máu hồ ; (2407)
Lắm phen trăng gió hẹn-hò,
Tình say dạ đắm, hồ-đồ thì không. (2408)

(2396) *Sông ngân* : (sông ngân-hà trên trời theo tích Chức-nữ Ngưu-lang. Con gái của trời là Chức-nữ lo việc may vá được trời gả cho Ngưu-lang là dòng chân trâu. Từ khi lấy chồng, Chức-nữ lười việc canh cửi khiến trời giận mới chia rẽ mỗi người một ngã, lấy sông ngân-hà để ngăn cách và chỉ cho một năm gặp nhau một lần vào đêm thất tịch. Qua đôi đá cho đôi vợ chồng sang với nhau. Khi gặp nhau cả hai than khóc nước mắt chảy xuống hạ giới thành mưa gọi là mưa Ngâu). *Hẹn sông ngân* : Hẹn với người tình.

(2399) *Thơ duy* : Nơi che màn để đọc sách (duy là màn). *Khuyên sông điếm núi* : Nói khen phong cảnh đẹp các nơi.

(2401) *Sầu hao vắng mặt* : Khi vắng mặt thì sầu héo hắt (như sầu voi).

(2407) *Tôn-Sanh, Trịnh-Tử* : (?)

Còn đương văn-viết chữ đồng,
Thình-linh sấm dậy, lửa nòng lại nguôi. (2409)

Nhật-trình có chép mấy lời,
Hịch-văn Ai-cập chống người nước Anh. (2410)

Hịch rằng :

Tượng mắng : Tướng tất thắng mới có
bình tất thắng, công phi-thường phải
đội kẻ phi-thường. (2411)

Xưa vua ta, Oai-Sĩ-Lưu, bức người ngoài
lắm nổi lắm cừu, xót dân nước
nhiều phen khốn-ách ; (2412)

Việc mình chẳng cho ai kẹp nách, quyền
nước dốc giành lại trong tay ; (2413)

Xấu thuế đổi thay, xa gần nướm-nở. (2414)

Lắm công việc còn đương lo sửa, phải
người Anh bức hiếp bỏ ngôi ; (2415)

Lúc từ triều sùu-sụt ngậm-ngùi, miền
khách-địa bơ-vơ gió bụi ; (2416)

Tề-tướng Chinh-Giới-Cầu cũng giỏi,
đầu đội trời ruột sôi gan sành ; (2417)

Cũng bị người Anh tìm mưu hãm hại, một
lòng khảng-khái, muôn dăm chơi-vơi ! (2418)

Thương ôi ! Vua hiền ta đã tách dăm biển
trời, tướng giỏi ta cũng chôn thân bùn cát ! (2419)

Ta nghĩ đến, gan ruột dường như dao cắt,
máu lụy rơi khác thề mưa sa. (2420)

(2407) *Tượng mắng* : nghe rằng (?) Thành ngữ đặt ở đầu một bài hịch văn.

(2412) *Tầm cừu* : tìm thù hận ; *Khốn-ách* : tai nạn khốn khó. *Oai-Sĩ-Lưu* : Ismaïl
vua Ai-Cập (1863-1879).

(2413) *Kẹp nách* : ép đi theo đường nào.

(2414) *Nướm nở* : Vui mừng tiếp đón (như niềm nở).

(2415) Năm 1879 các cường quốc Âu-châu cùng với Anh bức vua Ai-cập Ismaïl phải
từ ngôi.

(2417) *Chinh-Giới-Cầu* : (?)

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Nay người ngoài trăm thế hành-hà, việc
trong nước một tay võ-đoán.* (2421)
- Chánh lập-hiến ra tay phá tán, . thơ khất
ai liếc mắt bỏ qua ;* (2422)
- Thễ-thống nước nhà, tan-tành tro bụi ;* (2423)
- Chủ nhà yếu đuối, quân khách hăm-he ;* (2424)
- Kể từ khi chạy úp bánh xe, đến bây giờ
ngồi ôm giống trống.* (2425)
- Giang-san gai góc, nhật nguyệt lu mờ,* (2426)
- Dốc muôn lòng gầy dựng cõi bờ, ấy một
việc khó-khăn trời đất.* (2427)
- Tiền bạc ta kẻ thâu người cất, thuê-má
dân rày xấp mai gia ;* (2428)
- Tràng con nít mới mười hai mười ba, thuê
lỗ miệng cũng đồng đôi đồng một ;* (2429)
- Người học-thức đáng trang rường cột, thuê
nhân đình xấp đến hai ba ;* (2430)
- Rán mỡ lột da, hung-tàn quá sức ;* (2431)
- Thiên-hạ có đâu thể cùng cực, sách vở cũng
chưa thấy lưu truyền ;* (2432)
- Ngẫm Ninh-Lang cũng kể rằng hiền, dầu
Kiệt Trụ chưa cho là dữ.* (2433)

(2422) *Chánh lập-hiến* : Hiến-pháp chánh-trị ; *thơ khất ai* : thơ của dân đưa lên chính-phủ kêu xin giảm bớt những hình phạt và thuê-má nặng nề.

(2425) *Chạy úp bánh xe* : chạy theo vết xe đồ cũ.

(2428) *Rày xấp mai gia* : Bữa nay đánh gấp đôi bữa mai lại đánh thêm lên (phương ngữ)

(2433) *Ninh-Lang* : Néron (37-68) Vua La-Mã nổi tiếng ác-dộc, lên ngôi năm 54. Mới đầu còn khá sau dân-dân bạo-ngược quá lẽ, giết mẹ là Agrippine, đá chết hầu thiếp Poppée, đốt kinh-thành La-Mã (năm 64) liệng người vào cho thú dữ ăn thịt, tầm đầu đốt người để làm đuốc soi sáng trong vườn chơi.

Kiệt : Vua nhà Hạ rất bạo-ngược lập cùng thất, ăn tiêu xa-xi ham mê tiêu sắc, say đắm nàng Muội-Hỷ và giết hại nhiều trung thần nghĩa sĩ. Sau bị vua Thang đánh bắt được dầy ra Nam-sào. — *Trụ* : vua nhà Ân hết sức tàn-ác, giết trung thần, mê nàng Đắc-Kỷ, giết chú là Tì-Can lấy gan, mổ bụng dân bà có mang dề làm trò chơi sau bị Võ-Vương dứt đi, lập nên nhà Chu.

- Chín châu ngã ngựa, bốn biển choáng đầu ;* (2434)
Sóng Nê-hà ngàn dặm ruộng sàu, cha mẹ
ta còn kêu rầu than đói ; (2435)
Tao phía nam một năm hái trái, vợ con
ta còn trời đói van nghèo ; (2436)
Lội vũng trèo đèo, mồ-hối nước mắt ; (2437)
Cát bay đầy mặt, nắng cháy phồng da ; (2438)
Chân sát tay chà, thịt mòn xương yếu ; (2439)
Trong nhà cửa còn trời túng trời thiếu,
ngoài quan-gia đà bắt kẹp bắt quay ; (2440)
Chậm trễ một đôi ngày, gia tài phải tịch kỷ. (2441)
Thương ôi ! Thương ôi ! Máu mỡ còn mấy
thì, biết lấy chi cho đầy ruột rắn to, (2442)
Lúa gạo đặng bao nhiêu, biết lấy chi cho
no mồm cạp đói ? (2443)
Quân lính ta bị đuổi, gươm giáo ta bị thâu ; (2444)
Xén đất xén đầu, bỏ lưng bỏ túi. (2445)
Lông lá ta nó nhỏ sạch trơn sạch trụi, (2446)
Tay chân ta nó trói cánh khỉ cánh gà. (2447)
Con ông cháu cha, nó hành-hạ làm tôi
làm tớ ; (2448)
Quê cha đất tổ, nó lăm-le muốn bưng
muốn đào. (2449)
Bà con hồi sáng mắt ra nào ! Đất cát là
của ai đấy vậy ? (2450)
Bây giờ trời hờn người lầy, ruột tức gan
sôi ! (2451)
Rách khoe mắt hồi ai, hươ cánh tay cho nó. (2452)

(2435) *Sóng Nê-hà* : Sông Nile.

(2440) *Trời túng trời thiếu* : (trời là kêu la) kêu túng kêu thiếu. — *Quan-gia* : nơi chung các quan cai-trị địa-phương. — *Bắt kẹp bắt quay* : tra khảo theo lối xưa với những hình cụ ngũ trảo : kẹp nắm ngón tay, và siết dây vào người rồi quay dây cho chặt.

(2447) *Trói cánh khỉ cánh gà* : (phương ngữ) trói quặt tay lại sau lưng.

(2451) *Lầy* : giận dữ.

GIAI-NHÂN KỶ-NGỘ

- Như gương thiêng rút vỏ, như tên thẳng
lìa cung ; (2453)
- Trên Tiên-vương nghĩ cùng thỏa lòng, (2454)
Dưới triệu thư trả cho rồi nợ ; (2455)
Ông bà phò hộ, trời đất sáng soi ; (2456)
Giặc dầu mạnh thế cũng chơi-voi, (2457)
Công chắc nặng lo gì khổn khó. (2458)
Vả chẳng thế nó, giàu mạnh biết bao : (2459)
Lắm sùng lắm tần, nhiều thuốc nhiều đạn ; (2460)
Một tay chống cản, trăm phía sút-sa, (2461)
Gánh nặng đang xa, té đau ngã vội. (2462)
Như vậy sống làm trâu làm ngựa (2463)
Năm xương xanh rên-rỉ dưới gương đao, (2464)
Chẳng thà thác mà quỷ mà thần, (2465)
Giọt máu đỏ thom-tho trong tre lựa, (2466)
Lúc bấy giờ, liều thân cát bụi, (2467)
Đấng anh-hùng muốn thác như không. (2468)
Gặp hội gió mây, trang liệt-sĩ một tay chắc có. (2469)
Gắng tay tráng sĩ ! (2470)
Vứt ách quăng giùm ! (2470)
Cấp-cấp như luật lệnh ! ! (2471)
Đại Ai-Cập Nguyên-soái Á-thích-Phi-hầu, Hịch. (2472)
Một thiên liệt-liệt oanh-oanh,
Đọc rồi chàng cũng thất kinh cho tài ; (2473)
Lạc-Tấn thảo võ một bài,
So vào hịch ấy, ngang vai cấp-kề, (2474)
Lặn lưng thẳng tới sông Đê,
Nàng Liên sẵn đứng trước hè trông ra ; (2475)
Rằng : « Chàng chóng chóng vào nhà,
Đặng nghe thiệp kẻ gần xa mấy lời : (2476)

(2455) Triệu thư : muôn dân.

(2466) Thom tho trong tre lựa : Xưa viết sứt vào thê tre và trên mặt lựa.

(2474) Lạc-Tấn thảo võ : (?)

- Mời đây tiếp đặng thơ người,
 Nước Anh lắm chuyện trò cười gôm gan ; (2477)
 Khi không vượt biển băng ngàn,
 Đem binh thẳng tới vào càn sông Tô ; (2478)
 Người Ai ghét thói hăm-hồ,
 Quân dân hăm-hồ chống xó côi ngoài ; (2479)
 Cuộc này chắc cũng còn dai,
 Cò ngao dăng-diu là trời giúp ta ; (2480)
 Thiếp nay vui họa nước nhà,
 Nói ra thì phải người ta chê cười ; (2481)
 Nhưng mà nghĩ bực lắm thói,
 Nước Anh tẻ vơi người tôi lắm trò ». (2482)
 Chẳng rằng : « Nghe đảng Tự-do,
 Giữ-gìn đạo-nghĩa toan lo hòa-bình. (2483)
 Bây giờ cầm chánh triều-đình,
 Lẽ nào đến đối ỷ binh làm càn ? (2484)
 Nước Ai cũng nước lân-bang,
 Nào ai mượn nó sửa-sang việc người ? (2485)
 Hay là thế chẳng đặng thói,
 Vạy nên đến đối kéo lôi dắc dài ? » (2486)
 Nàng rằng : « Nghề cũng nực cười,
 Thế-gian lắm kẻ tin lời lái trâu ! (2487)

(2478) *Sông Tô* : Sông đào Suez. Do chương-trình của người Pháp Ferdinand de Lesseps được vua Ai-cập chấp thuận. Sông bắt đầu đào ngày 25-4-1859 đến ngày 17-11-1869 hoàn thành, dài 168 km. Rộng từ 80 đến 135 m. Ở trên mặt nước và từ 45 tới 100m. dưới đáy. Sâu 11 tới 12 m. Nước Anh lúc đầu có phá công trình đào sông không được, sau mua lại 177.000 cô-phần của vua Ai-cập (năm 1875) để giữ một quyền lớn trong việc quản-trị sông này.

Con vua Ismail (Phế-đế) là Mohammed Tewfik (1879-1892) khi nối ngôi vua cha thì bị dưới quyền kiểm soát tài chính của Anh Pháp. Năm 1882 có một cuộc khởi nghĩa chống sự kiểm soát ấy. Thủy quân Anh bắn phá Alexandrie. Pháp từ chối không dự chiến. Anh một mình thắng trận Tell-El-Kebir (13-9-1882) và chiếm luôn Ai-cập (Trong truyện nói việc Anh đem binh tới sông Tô là nói đến trận này).

(2480) *Cò ngao dăng diu* : Do tục ngữ Tàu : bạng duật tương tri, ngư ông đắc lợi (cò ngao chống giữ nhau thì ngư ông bắt được cả hai).

(2487) *Tin lời lái trâu* : (lái trâu là kẻ dối trá nhất : thật thà cũng thề lái trâu) tin kẻ gian dối.

GIAI-NHÂN KỲ NGŨ

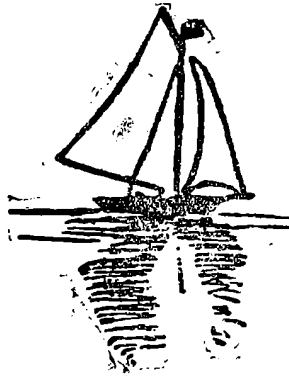
- Nữ-Hoàng cầm chánh bao lâu,
Hai mươi lăm thứ đánh nhau nước ngoài ; (2488)
Kể ra cho rạch cho rồi ;
Hai mươi bốn thứ về người Tự-do ; (2489)
Ở đời phải dẫn phải đo
Chớ nghe êm miệng, tốt trò, mà xiêu ; (2490)
Người Anh là lũ quân yêu,
Việc gì nặng túi, đánh liều làm ngay ; (2491)
Ngoại-giao thói nó xưa nay,
Chẳng phân phe nọ đảng này chi đâu ». (2492)
Chàng rằng : « Nàng nghĩ xa sâu,
Anh, Ai hai nước về sau thế nào ? » (2393)
Nàng liền quay lại án-đầu,
Tay cầm quyền sách vội trao cho chàng ; (2494)
Rằng : trong lắm chuyện thăm-thương,
Của người Lưu-Huệ rõ-ràng biến ra, (2495)
Người Anh chước quỷ mưu ma,
Hành-hà Ai-Cập kể ra trăm phần. (2496)
Chàng liền cấp sách ra sân,
Dựa ngay bên ghế, giở lần ra coi ; (2497)
Đọc qua một bản vừa rồi,
Máu sôi khức ruột, hơi nhồi lá gan ; (2498)
Sững-sờ bỏ sách ngồi than ;
Nhật-trình nàng lại trao ngang cho chàng : (2499)
Rằng chàng đọc thử mấy hàng.
Giở ra chàng cũng vội-vàng đọc ngay : (2500)

(2489) Hai mươi bốn thứ về người Tự-do : hai mươi bốn lần đánh với người giành tự-do

(2459) Quân yêu : quân yêu quái, quỷ quyết.

(2495) Lưu-Huệ : (?)

- « Trong quán Ai-Cập bấy nay,
 Có ông lão-tướng đủ tài lược-thao ; (2501)
 Ước chừng bảy chục tuổi cao ;
 Đem theo một gái ra vào cửa quán, (2502)
 Nói bàn lăm chước kinh-luân ;
 Chẳng ai biết đặng tử-phần là đâu, (2503)
 Kể đồn người nói bấy lâu ;
 Rằng phe Cách-mạng, tướng đầu Ban-Nha » (2504)
 Xem rồi mới hiểu gần xa,
 Hai người nhìn mặt úy òa giây lâu. (2505)



(2503) *Tử-phần* : cây tử và cây phần thường trồng ở đầu làng, tượng trưng cho quê hương.

Kinh-luân : sợi dọc và sợi se. Nghĩa bóng : tài xếp đặt việc chính-trị.

HỒI THỨ BẢY

TIN TỨC ĐÍCH-XÁC

a) Hai người đang ngồi trò chuyện thân mật thì có một người con gái bước vào. Nhìn kỹ Hồng-Liên nhận ra là người mình gặp dưới tàu.

Người ấy mừng, nhưng lại mĩa-mai Hồng-Liên là quên nghĩa bạn bè cũ đề về đây vui với tình. Hồng-Liên tức lắm bắt nàng phải nói rõ là ý gì. Nàng chìa tay đưa cái nhẫn vàng của U-Lan cho xem. Hai người xúm lại xin nghe tin tức.

Chuyện trò nàng hỏi đôi câu :

« Xưa chàng mới gặp nàng U mấy lần, (2506)

Thiếp thì lắm lúc chơi thân,

Nghiêng gan trút mật mười phần cho coi ; (2507)

Lòng chàng thiếp biết đủ mười,

Chàng đã biết thiếp con người thế nao, (2508)

Hai bên ý hiệp tâm đầu,

Ruột gan còn có ai đâu hơn mình ? (2509)

Vậy mà xét kỹ mối-mảnh,

Lòng chàng giữ chắc tơ tình U-Lan, (2510)

Nếu không phụng rẽ gương tan,

Trăm năm gắn chắc keo san đã rồi ; (2511)

Bây giờ may đặng nhờ trời,

Nàng Lan còn sống trên đời thế-gian, (2512)

Trước sau rồi cũng gặp nàng,

Lúc giờ chàng xử đôi đàng thế nao ? » (2513)

GIAI-NHÂN KỶ NGỘ

- Chàng ngồi ngẫm-ngẫm chấp lâu ;
 U-Lan gặp gỡ tình sầu lắm rồi, (2514)
 Hồng-Liên cũng bạn vui cười,
 Nhưng xem cho kỹ hai người như đôi, (2515)
 Chẳng qua nước chảy hoa trôi,
 Gặp đây chưa biết sau trôi chốn nào ! (2516)
 Nay nàng hỏi ngắt mấy câu,
 Hỏi mới khó nói, cúi đầu làm thinh ». (2517)
 Tiếng đầu gõ cửa thinh-linh,
 Một nàng đã thấy rập-rình liếc trông ; (2518)
 Áo quần trắng toát như bóng,
 Khăn là che mặt, bước xông hãi-hùng. (2519)
 Chàng liền cất tiếng phong-lông ;
 Nàng Lan về đó, nàng Hồng thấy chưa ! (2520)
 Hồng-Liên chưa kịp nói thưa,
 Nàng đã bước tới rềm thưa tức thời. (2521)
 Hồng-Liên nhìn mặt một hồi,
 Rằng : nàng có phải gặp tôi dưới tàu ? (2522)
 Nàng cười mỉm-mỉm gạt đầu ;
 Hồng-Liên ra đón, mời vào nhà trên. (2523)
 Ngồi xong cất tiếng nói liền :
 « Cha già mấy tiếng, linh-thiên rõ-ràng » ! (2524)
 Chàng càng chẳng biết muối-mang,
 Ngồi trờng hai mắt, nhìn nàng chăm-chăm ; (2525)
 Tác chừng ba bốn ba lăm,
 Mới hồng rắng trắng êm-đằm trẻo-trong ; (2526)
 Trông ra tướng mạo oai-phong ;
 Liếc qua hỏi : « phải biển Đông là chàng ? » (2527)
 Chàng liền thưa lại nhẹ-nhàng :
 « Tánh tôi chậm-trễ ngộ-ngang lắm thôi, (2528)

(2514) *Chấp lâu* : lúc lâu.

(2517) *Hỏi ngắt* : Hỏi khó trả lời.

(2520) *Phong-lông* : bông-lông không căn cứ, lại có nghĩa như nói đùa, nói không chắc có thật.

(2521) *Rèm thưa* : Rèm thưa.

(2525) *Muối mang* : Mối manh.

- Việc nàng chưa rõ đầu đuôi,*
Cớ chi nàng lại biết tôi vậy mà ? » (2529)
Cười rằng : « Có lạ chi nà !
Cần gì chàng biết bóng sa bèo hèn ». (2530)
Quay đầu lại gọi Hồng-Liên :
« Nghĩ có sung-sướng như tiên đủ mười ; (2531)
Một mình nước tốt non tươi,
Ở trong nệm túy, ra ngoài chèo loan ; (2532)
Giao-du những kẻ ruột gan,
Phước cô gấm lại thế-gian ai bằng ! » (2533)
Hồng-Liên tức-giận đáp rằng :
« Tôi đây nàng vật nàng dẫn tôi sao ? (2534)
Tôi tuy chút phận lao-đao,
Thân này vẫn hỡi ra vào tự-do ; (2535)
Ngắm hoa thưởng nguyệt đủ trò,
Khi xe chơi núi, khi đồ dạo sông, (2536)
Nghênh-ngang đây đó mặc lòng,
Đố ai dám tới cạnh-cùng tôi đây ! » (2537)
Nàng liền đỏ mặt nói ngay :
« Thiếp đã biết rõ hửn đây vậy mà ! (2538)
Tự-do là của của bà,
Còn ai dám tới gan tra cho cùng ! (2539)
Vả chẳng nhan-sắc lạnh-lùng,
Tài khôn, trí khéo, miệng hùng, lưỡi hay, (2540)
Gái ngoan ít kẻ sánh tày,
Tiếc vì một tí miệng hay dối lòng ! (2541)
Bạn-bè chẳng chút thủy-chung,
Xin bà hỡi hỡi trong vòng tắc gang : (2542)

(2530) *Nà : Nè.* — *Bóng sa bèo hèn :* Bóng hoa sa xuống đất, bèo cạnh dưới nước.
 Ý nói chàng không biết vì tôi là một gái tầm thường.

(2532) *Nệm túy :* nệm đẹp (còn nói nệm thúy) ; *chèo loan :* (khi đi chơi bằng thuyền thì dùng thứ chèo đẹp).

(2537) *Cạnh cùng :* cạnh hời.

(2540) *Miệng hùng :* miệng nói mạnh ; *lưỡi hay :* lưỡi uốn khéo.

(2542) *Hỡi hỡi trong vòng tắc gang :* hỡi lại một chút thôi.

- Xưa kia đi với U-Lan,
Chung tàu vượt biển Táy-Ban những ngày : (2543)
Trong tàu thiếp lấy bụng ngay.
Đem ra trò chuyện, bà dạy đủ đường : (2544)
Đến khi kể chuyện Đông-Dương,
Bà liền quay mặt kiếm đường nói ngơ : (2545)
Tưởng bà còn nhớ sờ-sờ,
Tưởng bà bụng cũng tưởng mơ đến nàng : (2546)
Xưa sao thề-thốt với-vàng,
Cắt đầu uống máu một đàng tử sinh, (2547)
Bây giờ bà thoát dặng mình,
Tìm nơi kiếm chốn vui tình người thương, (2548)
Tháng ngày dong dẫy đủ đường,
Mặc ai sống chết mơ-màng gì đâu ? (2549)
Nghĩ trong thiếp nói mấy câu,
Bà còn nghèo cổ lắc đầu gì không ? » (2550)
Hồng-Liên mặt tia tai hồng,
Mình run lầy-bầy, miệng không ra lời. (2551)
Chàng nghe cũng nín bắt hơi.
Ba người nhìn mặt một hồi lặng thinh, (2552)
Nàng liền xốc áo cất mình,
Rằng : « Tôi băng bãi lội gành, đến đây, (2553)
Trong lòng còn lăm điều hay,
Ai dè hai gã đọa-đày khinh-khi ; (2554)
Ngồi đây lạt-lẻo lăm chi,
Thôi thôi thiếp hỡi xin đi cho rồi ». (2555)
Chàng rằng : « Nàng trách chúng tôi,
Nghĩ ra cũng có lối-thôi thực mà, (2556)
Như nàng lăm tiếng kêu-ngoa,
Tôi e chưa phải con nhà thi thơ ». (2557)

(2544) *Đay* : nói lời chua chát.

(2549) *Dong dẫy* : tự ý đi chỗ này chỗ khác. Phương ngữ có chữ dong dả cũng đồng nghĩa.

(2553) *Băng bãi* : đi băng qua bãi. *Lội ghềnh* : lội qua ghềnh ý nói đi đường vất vả,

(2557) *Con nhà thi thơ* : Con nhà có nền nếp ăn học.

- Nàng rằng : « Xin hãy làm ngo,
Việc này chàng chớ mó rờ vào chi ». (2558)
Nói rồi xô cửa ra đi.
Hồng-Liên lớn tiếng tức thì hỏi ngay : (2559)
« Trong quán mật-thám đời nay,
Đàn bà con gái lá-lay lắm người ; (2560)
Chuyện này chẳng phải trò chơi,
Nàng không nói hết đầu đuôi cho tường, (2561)
Dạ tôi còn lắm lo-lường,
Khỏi nhà một bước, đổ nường dám ra ! » (2562)
Nàng rằng : « Oà lạ quá mà !
Nghỉ người mật-thám ấy là lẽ chi ? (2563)
Nếu mình không vit không tỳ,
Trăm ngàn mật-thám sợ chi đó nào ? (2564)
Nay nàng sợ trước sợ sau,
Chắc là cúi ngựa dầy cao then-thuồng ; (2565)
Thiếp nay bụng sạch dạ trong,
Tìm người chánh-sĩ anh-hùng mà chơi ; (2566)
Còn như những lũ bốc rời,
Nửa câu một tiếng khôn rơi vào lòng ». (2567)
Hồng-Liên tức máu lửa nùng,
Mắt đưa Tân-Sĩ giục lòng ra tay. (2568)
Khoát tay nàng cũng nói ngay :
« Khen cho có khi râu mày lắm ru ! (2569)
Nhưng mà ấy mạnh thất-phu,
Xưa nay quân-tử trọng-phu ai màng ! (2570)
Thân này chẳng phải bạc vàng,
Nhưng ai muốn bỏ giữa đường làm chi ; (2571)
Hỡi xin nghĩ lại nghĩ đi,
Chớ làm vội-vã e khi khó lòng ». (2572)

(2558) Mó rờ : Động đến.

(2560) Lá-lay hay lí lẽ : không đúng dân hay tò-mò biết chuyện người khác.

(2564) Không ốt không tỳ : không có vết không có tật.

(2565) Cúi ngựa dầy cao : cúi xuống nhìn đất dầy và ngựa mặt nhìn trời cao.

(2567) Bốc rời : bậy bạ (?)

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Nói rồi bước lại ngồi trong,*
Mặt mày chánh-hoảnh, mắt không có người ; (2573)
Nhật-trình sẵn đấy xem chơi,
Xem rồi vội-vũ cất lời thở-than : (2574)
Rằng : « Nay hẳn việc U-Lan,
Hai người đã biết chuyện nàng rồi chỉ ; (2575)
Khi giờ lòng thiếp hồ-nghi,
Ngỡ là hai gã li-bì vui chơi (2576)
Còn ai chết sống mặc đời,
Vậy nên mở miệng lắm lời phang ngang. (2577)
Liền tay đưa chiếc khâu vàng,
Hồng-Liên ngó thấy vội-vàng hỏi mau : (2578)
« Nàng Lan khi ở dưới tàu,
Khâu này nàng hẳn đeo vào ngón tay ; (2579)
Có chi nàng bắt đặng đây ?
Dám xin thứ lỗi, hỏi bày cho nghe ». (2580)

Người ấy kể :

b) Khi tàu đắm đã nhờ được hai cha con U-Lan vớt lên thuyền và lệnh dènh mặt biển 1 ngày sau có tàu đi qua mới kêu cứu và theo hai người chèo qua Ai-Cập.

- Chàng cùng bước tới ngồi kề,*
Nàng rằng : « Xin kề đủ bề trước sau : (2581)
Từ khi phách rẽ dưới tàu,
Thiếp về nước Ý thăm hầu nghiêm-thân ; (2582)
Nhơn ông Gia-Lý về thần,
Cha con tới đó cần-dâng tắm-thành ; (2583)

(2573) *Chánh-hoảnh* : tự nhiên, không lộ vẻ gì khác thường. *Mắt không có người* (mục hạ vô nhân) vẻ kiêu căng không coi ai ra gì.

(2576) *Khi giờ* : khi này.

(2577) *Nói phang ngang* : (phang là đánh) nói nặng lời một cách đột ngột, nói dốp vào mặt.

(2578) *Khâu* : Nhấn đeo tay.

(2582) *Nghiêm thân* : Cha.

(2583) *Cần dâng tắm thành* : Kính cần dâng tắm lòng thành. — *Về thần* : chết.

- Thiếp liền về trước một mình,*
Tàu ra giữa biển thình-linh gấp đông ; (2584)
Bốn bề sấm gió ùng-ùng,
Sóng ùn như núi thuyền vòng như đu, (2585)
Xé trời một tiếng điếc đầu,
Thuyền đà đụng núi, thủng sáu vào lòng ; (2586)
Thất kinh thiếp chạy hãi-hùng,
Đò con gần đấy, nhảy dưng vào trong ; (2587)
Chơi-vời ò nhỏ người đông,
Kẻ run người sợ, hồn không phụ hình ; (2588)
Nghiêng qua lắc lại lêng-đênh,
Ùn-ùn một cụm sóng kinh phủ khơi, (2589)
Đò triềng đồ hắt ra vời,
Đến khi ò nổi, ba người còn trong ; (2590)
Thiếp còn giốn-giác nom trông,
Sóng đầu phủ tới đập chông lên vai ; (2591)
Thiếp liền nhào ngã ra ngoài,
Hai người nắm áo lôi dài vào khoang ; (2592)
Nước đà đầy ruột chang-bang,
Tay chân xuôi-xị, mê-man nắm dài ; (2593)
Tĩnh rồi mở mắt ra coi,
Máy quang, gió lộng, mặt trời xuyên ngang ; (2594)
Thiếp thời nằm thíp dưới khoang,
Một ông già vời một nàng ngồi bên ; (2595)
Hai người nghe giọng thiếp rên,
Mình rằng : « người cũng còn trên cõi trần ! » (2596)
Thiếp nghe giọng nói gần-gần,
Mơ-màng nhớ có một lần cứu nhau ; (2597)

(2585) *Thuyền vòng* : thuyền đưa nôi lên.

(2588) *Hồn không phụ hình* : hồn không ở trong xác, do chữ : hồn bất phụ thể.

(2590) *Đò triềng* : Đò thành.

(2591) *Giốn-giác* : nhón-nhác, nhìn với vẻ vừa sợ vừa lạ. — *Đập chông* : đập thêm vào chông lên cái trước.

(2593) *Đầy ruột chang-bang* : phương ngữ có nghĩa nước vào đầy kênh bụng ra. *Tay chân xuôi xị* : tay chân buông xuôi như chết.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Giã ơn thần-thỉ mấy câu :*
« Không người tôi đã nhào đầu biển khơi ! » (2598)
Nhìn tôi nàng hỏi tức thời :
« Người đi tàu Mỹ với tôi đây mà ! » (2599)
Nhìn lâu thiếp mới nhớ ra,
Chung tàu qua biển Ban-Nha gặp nàng. (2600)
Biển trời gặp gỡ lạ-làng,
Động lòng thiếp cũng mấy hàng lụy rơi. (2601)
Đò trôi giữa biển chơi-vời,
Gió êm sóng lặng, biển trời mênh-mông, (2602)
Bóng thuyền dạt núi vắng không,
Linh-đỉnh chiếc lá, tây đông sá nào ! (2603)
Thiếp rằng : tay lái tay sào,
Chẳng còn một chú, dựa vào tay đâu ? (2604)
Phân thì đói khát giải-dầu,
Nước xô sóng giat biết đâu là nhà ! (2605)
Ba người ngồi lặng trông ra,
Phất-phơ ngọn khói xa-xa cách vơi, (2606)
Xúm nhau miệng giới tay hươ,
Trông thuyền như thẻ quay-quờ tới nơi ; (2607)
Ba người vui-vẻ nói cười,
Nàng Lan cất tiếng : thôi rồi thuyền đi ! (2608)
Thiếp rằng : nó lại có khi ?
Nói rồi trông lại thuyền đi xa lẫn ; (2609)
Trông theo trời biển vô ngần,
Giữa không, sót chút khói tàn nửa-mai ! (2610)
Ông rằng : nghĩ kỹ mà coi,
Thanh suy, sống, chết, có ai khỏi nào ? (2611)
Nếu mà mạng vận lao-đao,
Thời ta thông-thả cũng giao mặc trời ; (2612)

(2598) *Thần-thỉ* : phương ngữ có nghĩa năn nỉ, nói nhỏ dề cầu xin.

(2601) *Gặp-gỡ lạ làng* : Gặp gỡ người không cùng xứ, hay làng chỉ là một tiếng đệm (?)

(2604) *Tay lái tay sào* : người cầm lái người cầm sào.

(2607) *Miệng giới tay hươ* : miệng kêu gọi to người ở xa mình và tay hoa lên.

Quay quờ : Quay quả như sắp sửa tới gặp.

- Kiếp này khuất mắt là rồi,*
Thối đừng trách đất van trời mà chỉ ; (2613)
Người đời lắm nỗi ngu-si,
Van rần, trời chết, biết chi đạo trời ; (2614)
Nói rồi nhắm mắt lặng ngồi,
Thân này phủ mặc biển trời vắn xoay. (2615)
Ba người đối bực làm khuấy,
Lòng trông, dạ sợ, như mây tan rời. (2616)
Phía tây lấp-ló mặt trời,
Gió xao lúc-lắc, sao ngồi lung-lay ; (2617)
Nỗi trời hơn một đêm ngày,
Mệt rừ, đói nhàu, lẫn vầy ngủ ngon. (2618)
Rầm-rầm sóng dậy như non,
Gió to phủ tới, đò con chìm liền : (2619)
Một thân chìm xuống nổi lên,
Mây đầu gặp một gái tiên cứu mình, (2620)
Dắt tay đèn nguyệt cung quỳnh,
Đạn ca sáo thổi, thỏa tình lắm thay ; (2621)
Đương khi gió dập sóng vầy,
Chơi vào tiền cảnh vui-vầy nào qua ; (2622)
Vỗ tay vọt miệng mừng la,
Tỉnh ra mở mắt biết là chiêm-bao. (2623)
Hét dài một tiếng còi tàu,
Tai nghe vội-vã cất đầu trông ra ; (2624)
Bóng cò thấp-thoáng xa-xa,
Tiếng tàu cắt nước nghe ra rõ-ràng. (2625)
Ba người hết sức kêu van,
Tàu liền trở lái thẳng đàng tới nơi ; (2626)

(2614) *Van rần, trời chết* : Rền rĩ khi buồn rầu, và run sợ khi chết chóc.

(2617) *Gió xao lúc-lắc* : Gió xao động làm lúc-lắc dò ; *sao ngồi lung-lay* : sao sáng trên trời như lung-lay.

(2618) *Đói nhàu* : phương ngữ là đói lắm ; *lẫn vầy* : lẫn ra ngủ vùi.

(2620) Đoạn này tả nàng ngủ mệt và nằm mơ.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Đò con bơi lại tức thời,
Vội-vàng diu-dắt ba người lên khoang. (2627)*
Hỏi ra mới biết rõ-ràng :
Thuyền thơ Hy-Lạp chạy sang Tô-Hà ; (2628)
Chúa tàu mời rước vào nhà,
Rượu trà cơm nước mặn-mà giờ lâu ; (2629)
Khách tàu thăm viếng yếm-âu,
Kể giùm tiền bạc, người cho áo quần . (2630)
Cách ngày nghỉ khỏe tinh-thần
Thăm nàng thiếp mới lại gần hỏi-han : (2631)
« Trong khi sóng gió nhộn-nhàng,
Bạn nương một gã một nàng thế nao ? » (2632)
Nàng rằng : « lúc gặp dưới tàu,
Hồi còn lắm việc thăm sáu khôn chương, (2633)
Bây giờ may lại gặp nàng,
Trong khi chết sống vội-vàng nhờ nhau : (2634)
Duyên trời gặp-gỡ lạ sao !
Đầu trong gan ruột dám đầu đầu người » . (2635)
Nàng liền kể hết đầu đuôi,
Kể rồi nàng lại cất lời thổ than : (2636)
« Còn hai người bạn Chi Lan,
Vì tôi nên nổi sóng vàng bỏ thân, (2637)
Vui buồn nhắc lại khôn cân,
Được cha mất bạn, một thân lỡ-làng ; (2638)
Đau lòng nhớ đến bạn vàng,
Khác gì mấy bữa xiêu-tàn biển khơi » ! (2639)
Cách ngày thuyền cũng tới nơi,
Chúa tàu dò-dẫn kiếm nơi đứng mình. (2640)
Thiếp rằng : « vạn tử nhất sinh,
Nhờ người cứu giúp, cảm tình biết bao ! (2641)
Hiềm vì trời nổi bấy lâu,
Vật gì mà giả nghĩa sáu cho đành ! » (2942)

(2629) *Rước vào nhà* : Rước vào buồng giấy tàu.

(2637) *Bạn Chi Lan* : Bạn cố kết như cỏ chi cò lan.

(2641) *Vạn tử nhất sinh* : Vạn phần chết chỉ có một phần sống (thường nói thập tử nhất sinh).

*Người rằng : « ta vốn người Anh,
 Chúa tàu cứu giúp bộ-hành công chi ? (2643)
 Hưởng là trời-nổi lưu-ly,
 Xin nàng thôi chớ vắn-vi hậu tình ».* (2644)

c) Đến Ai-Cập thì gặp cuộc xung đột Anh — Ai, dân chúng biểu-tình phá-phách la lối om sòm. Một ông Nguyễn-soái Ai-Cập nhận được mặt lão tướng (Vì trước có giúp việc dưới quyền Ngài), đã đến xin mời Ngài vì nghĩa giúp cho làm quân-sư. Ngài ưng lời và bày kế làm bản Tuyên-Ngôn và chính tay Ngài viết bản ấy, mà mọi người đã thấy.

*Ba người tìm quán nghỉ mình,
 Việc đầu lại gặp thành-linh sấm mây ; (2645)
 Ai, Anh hai nước đờng gầy,
 Chưa xong miệng lưỡi, toan bày gươm đao ; (2646)
 Sĩ dân Ai-Cập ồn-ào,
 Hai bên đã sắp chào-rào máy binh ; (2647)
 Nghĩ ra cũng bởi người Anh,
 Nghênh-ngang quá sức, hà-hành lắm phen ; (2648)
 Ỗ mình nhiều súng nhiều thuyền,
 Phao-vu Ai-Cập lấp miền sông ngang, (2649)
 Làm cho muôn nước dở-dang,
 Ân Anh hai nước hết đàng lại qua, (2650)
 Vậy nên Anh phải lo xa,
 Sửa tàu, chọn lính, kéo qua giữ-gìn. (2651)
 Nói sao lắm nỗi khó tin,
 Sông Tô vốn thiết kho tiền nước Ai, (2652)
 Kinh-đô ra đến bên ngoài,
 Cách hơn trăm rưỡi dặm dài cái không, (2653)
 Chở thuyền qua lại nhờ sông,
 Đại chi đến nỗi hoài công lấp bồi ? (2654)*

(2644) *Vắn-vi* : Nói lời-thời.

(2645) *Sấm mây* : Nổi sấm và kéo mây (nghĩa bóng có việc lớn xảy ra).

(2646) *Chưa xong miệng lưỡi* : chưa xong cuộc đàm phán.

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Lại còn lắm việc lỏi-thôi,
Nhắc ra ai cũng gan nhồi lụy sa : (2655)
Người Ai sửa việc nước nhà,
Hay là thay đổi quan gia việc mình, (2656)
Người Anh kiểm chuyện đấu-tranh,
Rằng : trong việc ấy phải tình dân đâu ! (2657)
Chẳng qua mấy đũa cầm đầu,
Hay là quân lính toan cầu lợi riêng, (2658)
Sợ e thế nước nghiêngg-triềng,
Đóng binh ta phải giữ-gìn người Âu ! (2659)
Cuộc đời càng nghĩ càng đau,
Thế gì thắng mạnh thắng giàu cũng hơn ! (2660)
Nhỏ to cũng một giàng-son,
Dầu cho thay nhịp đổi đờn mặc ta, (2661)
Can chi nước ngoại đó mà,
Vậy còn ý-thế hiệp-hà lẽ nao ! (2662)
Chẳng qua cây mạnh cây giàu,
Lăm-le kiểm miếng giựt nhàu túi trong, (2663)
Sao cho tiền bạc vào vòng,
Giành nghề buôn bán, cướp công thợ thuyền, (2664)
Sao cho cướp cả chánh quyền,
Một lần nuốt sống nhai kiên mới vui. (2665)
Cách ngày bọn thiếp đương ngồi,
Thình-lình nghe tiếng : chao ôi ! vang trời ; (2666)
Đàn bà con nít tả-toi,
Tiếng binh, tiếng ngựa, tiếng người xông-xao, (2667)
Từ bề súng nổ rào-rào,
Tiếng hăm, tiếng hét, ồn-ào lộn vang ; (2668)
Thất kinh hé cửa vội-vàng,
Trống ra người nhóm nhộn-nhàng dư trăm ; (2669)

(2659) *Nghiêngg-triềng* : nghiêngg tránh, ý nói nước trông tránh nghiêngg ngã.

(2662) *Hiệp hà* : Hà hiệp, bắt nạt.

(2663) *Giựt nhàu túi trong* : giựt cần tiền bạc người ta cất kỹ trong túi trong của áo.

(2665) *Nuốt sống nhai kiên* : nuốt sống nhai cần, phũ-phàng làm bừa đi.

- Người-người sủng sáu dao găm,*
Huơng gươm ném gạch, hăm-hăm kêu vang : (2670)
« Bày hùm, lũ cáo, đánh tan !
Nước ta khôi-phục, phơi gan một lần ! » (2671)
Tướng quân kêu thiếp phản-trần :
Ấy là đến kiếp phong-trần rồi đây ! (2672)
Cầm buồm giữ lái cho hay,
Định bề lui tới, thân này mới an. (2673)
Nghे ra bốn phía vang tràn,
Cửa gương lảng-chàng, đồ hàng nát tương : (2674)
Ồn-ào gần đến bên tường,
Nàng rằng : chắc đảng hoang-đường đó thôi. (2675)
Một lời nói chữa dứt hơi,
Cửa ngoài đã thấy như sôi xông vào. (2676)
Lệnh đâu mấy tiếng truyền rao :
« Có quan Nguyên-soái đã vào vào tới đây ! (2677)
Thằng nào thừa thề làm bầy,
Giết người, cướp của : bêu thấy chém đầu ! » (2678)
Quần hoang thất tán lui đầu,
Nghе ra ngoài cửa dưới lầu lặng bóng. (2679)
Tiếng đầu một rập vang rần :
« Nguyên-nhung vạn tuế » ! xa gần reo lên. (2680)
Hé song ngó dưới trông trên,
Bốn hàng quân kéo hai bên gươm tràn ; (2681)
Ba người chẳng dám nhích chân,
Bỗng nghe gõ cửa, tiếng gần bên tai ; (2682)
Tướng-quân ra hỏi tức thời ;
Đáp rằng : « Nguyên-soái nước Ai tới hầu ». (2683)

(2674) *Cửa gương lảng-chàng* : cửa kính vỡ loảng-xoảng. *Đồ hàng nát tương* : đồ hàng bị phá nát như tương.

(2675) *Đảng hoang-đường* : Đảng chính-trị hành động không đúng đắn.

(2679) *Thất tán* : chạy tán mất ; *lặng bóng* : (phương ngữ bưng là bưng) im phăng-phắc.

(2680) *Một rập* : một loạt.

- Tướng-quân kinh hãi xiết đâu :*
Cửa trong vừa mở, quân hầu thẳng vào ; (2684)
Một người hăm-hở bước sồ,
Đai mang giáp nịt, sộ-đồ chóa người, (2685)
Đáng trang đạp đất đội trời,
Vóc cao, mặt lớn, mắt ngời như sao ; (2686)
Nhìn ngài với-vả hỏi chào :
« Chúc mừng quới thề tuối cao anh hùng ! » (2687)
Tướng quân giả dạng sượng-sùng,
Kiểm điều nói trở càn-cùng mấy câu : (2688)
Bẩm ngài : tôi biết chi đâu ?
Thực người Nam Mỹ dãi-dầu bán-huôn ; (2689)
Bây nay kiểm chốn giải buồn,
Cắp con đi dạo lương-tuồng Nam Âu, (2690)
Phải tàu xiêu-giạt bấy lâu,
Sống thừa thực cũng may đâu nhờ trời, (2691)
Bây giờ trời nổi nước Ngài,
Gặp cơn binh-cách ba người sợ run ; (2692)
Đương khi sáng vía điếng hồn.
Nhờ Ngài may khỏi xương chôn bụi trần ; (2693)
Lòng tôi cảm tạ muốn phần ;
Mà Ngài lại gọi « Tướng quân », thực lầm ! (2694)
Nghe lời sợ-sệt khôn cầm.
Mồ hơi chảy tháo dễ dầm mướt tháy ! » (2695)
Người rằng : « Ngài dẫu chi đây ?
Ngài là tướng giỏi nước Tây đây mà ! (2696)
Đủ tài lược sáu, thao ba,
Một thân trăm trận, gần xa biết ngài ; (2697)
Bây giờ còn muốn dẫu ai ! »
Ngài còn hết sức chối dãi mấy câu. (2698)

(2685) *Bước sồ* : bước trở tới ; *sộ đồ chóa người* : đồ sộ chóa con mắt.

(2688) *Nói trở* : nói tránh ra phía khác.

(2690) *Lương-tuồng* : dăng dài, không định hướng.

(2692) *Cơn binh cách* : Việc binh đao đột ngột xảy ra.

(2693) *Sáng vía điếng hồn* : sáng sột hồn vía sợ chết điếng.

(2697) *Lược sáu, thao ba* : (do chữ lược thao tam lược) phép dùng binh bí truyền.

- Người rằng : « Xin chớ nói lâu,
 Làm cơn nguy biến, bóng cầu khôn dưng ; (2699)
 Nghe tin tôi rất vui mừng,
 Vậy nên tách bước bằng chừng tới đây ; (2700)
 Trong khi trời đất gió mây,
 Động Ngài giúp sức xum-vầy biết bao ! (2701)
 Bấy lâu biển thăm trời cao,
 Mất còn sống chết, biết đâu mà tìm, (2702)
 May mà động thấy áo xiêm,
 Xin Ngài xét đến nỗi-niềm cạn sâu. (2703)
 Vả chẳng Ngài nói mấy câu,
 Chẳng qua Ngài muốn dẫu dẫu dẫu nuôi ; (2704)
 Ngày lâu Ngài hỡi quên tôi,
 Theo hầu dưới trướng đã đôi ba lần ; (2705)
 Tôi còn nhớ mặt tướng-quân,
 Xin đem tên họ phân-trần giải nghi : (2706)
 Thương-Thor Bình-Bộ chức ty,
 Tên tôi là Á-Thích-Phi đây mà ! » (2707)
 Tướng-quân nghe rõ gần xa,
 Vội-vàng cất tiếng thưa qua mấy lời : (2708)
 « Chẳng hay Ngài đã biết lời,
 Mắt già chớp-choáng, lời-thôi đá vàng ! (2709)
 Tôi nay thực tướng Tây-Ban,
 Tôi đây chưa biết Ngài bàn việc chi ? » (2710)
 Phi rằng : « Gặp lúc khuyh-nghuy,
 Xin Ngài chịu chức Quán-sư giúp đời ». (2711)
 Ngài rằng : « Nguyên-sủy nói chơi,
 Người xưa có nói mấy lời còn ghi : (2712)
 Tướng thua khoe mạnh nỗi chi,
 Quan lo nước mất, mưu gì mà hay ! (2713)
 Tôi đâu dám chịu chức này. »
 Phi rằng : « Xin hỡi tổ bày thủy chung ; (2714)

(2699) *Bóng cầu khôn dưng* : (Bóng ngựa qua cửa sổ) thì giờ gấp rút.

(2703) *Thấy áo xiêm* : thấy di vật của người quen biết cũ.

- Tôi tuy kém sức anh-hùng,
 Nỡ nào ngồi ngó non sông nổi chìm ! (2715)
 Dân nghèo đói khát lem-hem,
 Giống nòi đâu nỡ ngồi xem chón bùn ! (2716)
 Chiều theo lòng chúng thói-tôn,
 Dựng cờ xirông nghĩa, đóng đồn cần vương ; (2717)
 Hiềm vì thế nó khôn đương,
 Thuyền nhiều, súng tốt, trăm đường binh oai, (2718)
 Ta thì thế nước chơi-voi,
 Múa gươm, văn thê trong ngoài không ai ; (2719)
 Hơn thua khó nổi bằng vai,
 Nhưng mà phải trái, lòng người hiểu ngay, (2720)
 Nếu tôi gáy việc chống gai,
 Thì tôi chẳng dám lụy Ngài thì nao, (2721)
 Lẽ đâu những đấng hiền-hào,
 Bỏ thân giúp kẻ tầm-phào vậy ơ ! » (2722)
 Ngài rằng : « Nguyên-soái bấy giờ.
 Thề lòng dựng lại cõi bờ ông cha, (2723)
 Tôi tuy tài mọn sức già,
 Nỡ nào thấy nghĩa ngờ ra cho đành ! (2724)
 Vả tôi lắm nỗi lénh-đénh,
 Thanh gươm yên ngựa vắng mình đã lâu, (2725)
 Ngồi buồn luống những âu-sầu,
 Mà nay gặp, dựng minh-hầu là may ; (2726)
 Trước là báo đáp nghĩa dày,
 Sau là tập luyện chừn tay cho nhuần. » (2727)
 Phi-hầu nghe nói cả mừng ;
 Bắt tay người mới hă-hùng nói ra : (2728)

(2716) *Đói khát lem-hem* : phương ngữ có nghĩa đói khát lem luốc.

(2717) *Thối-tôn* : dấy ra và tôn lên. *Cần vương* : Nêu danh nghĩa phò vua.

(2718) *Khôn đương* : Khó đương nổi.

(2719) *Múa gươm, văn thê* : Múa gươm, chỉ tướng ra ngoài mặt trận ; Văn thê, do chữ vận trừ là tướng sắp đặt mưu kế ở trong. Vận hay văn là dời chỗ này qua chỗ khác. Trừ là thê ghi vị trí đóng quân lập thành đồ trận để chỉ huy.

(2726) *Minh-hầu* : Người khách bạn trong dòng quyền quý cùng thề nguyện giúp.

(2728) *Hă-hùng* : Phương ngữ : hă hê hững chỉ có vẻ phẫn khởi.

- « Được thêm mười vạn quán-gia,
 Chưa bằng một tiếng tướng già đi qua ! (2729)
 Vả xem trong thế nước ta,
 Lòng người chó má binh gia kiến ruồi ! (2730)
 Tính sao trăm việc cho xuôi ?
 Xin ngài bày tỏ đầu đuôi cho mà ». (2731)
 Ngài rằng : « cốt bụng người ta !
 Phải toan đánh thức gần xa một lòng ; (2732)
 Nhúm-nhem mặt nghĩa gan trung,
 Chi bằng tờ hịch thân công đủ mười ». (2733)
 Phi rằng : « việc ấy nhờ ngài ». (2734)
 Ngài liền tay thảo một bài trao ra.
 Phi-hầu khen-ngợi ngấm-ngà,
 Khi cao muốn trượng luy sa ngàn dòng, (2735)
 Đọc qua ai chẳng động lòng ;
 Khen rồi sửa một vài dòng qua-loa. (2736)
 Hịch truyền khắp cả gần xa,
 Hai người tướng đã đọc qua mấy lần. (2737)
 Chàng rằng : « ấy viết Tướng-quán,
 Nên chi đọc đến trăm phần xót xa ! » (2738)

d) Sau đó một bữa về nhà, Ngài thở dài nói sẽ chết không có chỗ chôn. Chúng tôi hỏi. Ngài trình bày rõ ràng lại nguyên do tại sao. Tại bọn người bản quốc muốn bày mưu dựa hơi đạo Hồi-Hồi để đem khối người theo Hồi-giáo vào chống Anh. Ngài chủ trương làm như vậy thì vô tình sẽ gây một thứ chiến tranh Tôn-giáo, khó lòng có nước nào giúp Ai và sẽ đi đến mất nước.

Nhưng bọn kia vì đó nghi ngờ Ngài là nhĩ tâm.

- Việc Ngài nài lại kể ra :
 Một ngày Ngài trở lại nhà buồn tanh, (2739)
 Than rằng : « Không chỗ chôn mình ! »
 Bọn tôi xúm hỏi : « sự tình thế nào ? » (2740)
 Rằng : « Vua Ai-Cập tào-phào,
 Không lòng quyết-đoán, đặng đầu nghe xằng, (2741)

(2738) Ấy viết : ấy là bài viết.

(2741) Tào-phào : không có định kiến.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Mắc lầm chước lận, mưu nhăng,
 Nghi người ngay-ngắn, tin thẳng bá-vơ ; (2742)
 Người Anh trăm kẻ phỉnh-phờ,
 Phải mưu xỏ lá, bơ-vơ giữa đảng ; (2743)
 Phi-hầu dạ sắt gan vàng,
 Thừa bên trung-nghĩa, kèm đảng lược-thao, (2744)
 Tức gan những việc bao-lao,
 Chước hèn chưa rõ, mưu cao không rành ; (2745)
 Ta bày lắm kế chống Anh :
 Mà người không dụng, việc thành sao đang ! (2746)
 Tướng Anh Lưu-Thạnh phi-thường,
 Giỏi nghề võ-thuật, rành đường binh-cơ (2747)
 Muốn đem lũ lính vật-vờ,
 Toan ra chống-cự, hỏi-hờ biết bao ! (2748)
 Nước Ai thế phải té nhào,
 Bọn ta còn biết chỗ nào chốn thân ! » (2749)
 Bọn tôi chưa rõ mười phần,
 Xin Ngài nói tách xa gần cho mình. (2750)
 « Rằng khi bàn bạc máy binh,
 Lắm người đại-đột, lắm tình lời-thôi ; (2751)
 Người bày xướng đạo Hồi-hồi,
 Bật quảng việc giáo nhận trời máy binh, (2752)
 Vậy thì cả nước đồng tình,
 Những người ngoại-quốc tan-tành trong tay. (2753)
 Ta rằng : ấy chước bày bày,
 Ấy chưa biết việc đời này gần xa, (2754)
 Hay là những bọn già-sa,
 Không thì lũ học trò già nói vơ ! (2755)

(2742) Chước lận, mưu nhăng : mưu kế gian dối lang nhàng.

(2745) Việc bao-lao : việc mung lung mờ mịt.

(2747) Lưu-Thạnh : (?)

(2748) Hỏi-hờ : cầu may.

(2750) Nói tách : nói tách bạch rõ ràng.

(2751) Máy binh : do chữ quân cơ.

(2752) Đem việc tôn-giáo chẳng vào việc quân-sự.

(2754) Chước bày bày : Chước bày vẽ bày, sù bày.

(2755) Bọn già-sa : (già lam sa di) bọn người tu hành.

- Trong khi động súng kéo cờ,
Nương theo danh-nghĩa, cỡi bờ mới yên ; (2756)
Nếu mà mượn chạ quơ xiên,
Ấy là những thói mọi phiền quá thời ; (2757)
Nay đã mười chín kỷ rồi,
Cần chi phải mượn những lời bá-vơ ! (2758)
Vả chẳng Ai-cấp bảy giờ,
Người ngoài hà-hiệp bơ-vơ trăm đàng, (2759)
Nghị-viện phải nó đuổi tan,
Dầu muôn ngàn miệng kêu van cũng đề. (2760)
Lợi-quyền xé bét xé be,
Chánh-quyền trong nước thân về một tay, (2761)
Ngóc đầu mổ mặt với ai,
Cần rằng mồm miệng nằm dài sao xong ? (2762)
Những người ruột nghĩa gan trung,
Kể chừng mấy chuyện, nổi xung lắm rồi ; (2763)
Tự-do là nghĩa muôn đời,
Cần chi phải mượn những lời lối-thói ; (2764)
Nương theo nghĩa chánh, lẽ đời,
Mỹ, Âu chi-sĩ lắm người nghênh-ngang, (2765)
Họa ra súng cấp gươm mang,
Hay là giúp súng, giúp vàng, giúp binh, (2766)
Hay là diễn-thuyết sự tình,
Hay là sách vở, nhật-trình giúp ta ; (2767)
Nếu mà chẳng biết lo xa,
Khoèo sơ một mũi, bùng ra trăm vòng, (2768)
Chẳng những thể nước khôn mong,
Sợ c thua vết sạch sông đó thời ; (2769)
Nếu xô vào đạo Hồi-hồi,
Phải tùy Ấn-độ họa thời giúp chẳng, (2770)
Người Âu nổi giận hung-hăng,
Hai bên so lại đã bằng nhau đâu ! (2771)

(2757) Mượn chạ quơ xiên : vơ vào liễu lĩnh. Mọi phiền : mọi sự, cò lổ.

(2768) Khoèo sơ một mũi, bùng ra trăm vòng : sơ ý gợi một đầu mối thì cả trăm vòng dây sẽ bùng ra thêm rối hơn lên.

(2769) Thua vết sạch sông : thua cạn hết như bị vết sạch cả sông bạc.

GIẢI-NHÂN KỶ-NGỘ

- Còn như nước Thổ bấy lâu,
Bình người đồng giáo toan hầu giúp ta, (2772)
Hiềm vì một nỗi thăng Nga,
Xưa nay vẫn chực lột da Nhĩ-Kỳ, (2773)
Gặp châu nó có đại chi,
Thira cơ bóp họng bước gì đến đâu? (2774)
Lại thêm người Mỹ, người Âu,
Nghe ta chống đạo thù sâu oán dày; (2775)
Còn ai đỡ cẳng giúp tay,
Nước Anh mượn tiếng còn hay cho người; (2776)
Tiếng quê còn nhớ mấy lời:
«Giùm lương nổi đảo», là loài đầy thoi! (2777)
Dầu cho thần thánh ra đời,
Phép chi mà gỡ cho rồi nước thua! (2778)
Thử xem Hy-Lạp thuở xưa,
Nhỏ nhen yếu đuối chẳng lựa chỉ mình, (2779)
Vây mà hết sức chống kinh,
Bây giờ độc-lập, một mình vẻ-vang; (2780)
Tuy rằng người nước cả gan,
Cũng nhờ lắm nước giúp nản đỡ tay: (2781)
Một thương nước cũ xưa nay,
Lắm trang văn học, lắm tay thánh hiền, (2782)

(2774) *Gặp châu*: Gặp dịp.

(2777) *Giùm-lương nổi đảo*: Giúp lương nổi đảo cho giặc.

(2779) *Chẳng lựa*: Không khác. *Hy-Lạp*: Grèce, nước ở vào đông-nam Âu-châu là nước có một nền văn-minh cổ rất rực rỡ. Hồi thế kỷ thứ 15 nước ấy bị Thổ-Nhĩ-Kỳ xâm chiếm và đặt dưới quyền đô-hộ mình từ 1460 tới 1821.

Sau nhiều cuộc chống trả từ 1770, cuối cùng tới 25-3-1821 mới là cuộc khởi nghĩa giành độc-lập. Thổ dân áp và chém giết người Hy rất tàn nhẫn. Quân khởi nghĩa phá tan được thủy đội Thổ ở sông Ohio và làm chủ bờ biển. Nhưng Thổ cầu viện Ai-Cập nên vua Ai giúp binh chiếm lại tất cả. May nhờ phong trào thân Hy, Anh, Pháp và Nga hội tại Luân-Đôn quyết cứu giúp Hy nên cho hải-quân tới tham chiến. Ngày 20-10-1828 thủy đội Thổ — Ai bị đánh tan. Rồi một cánh lực quân Pháp đánh đuổi quân Ai ra khỏi bờ cõi Hy, một cánh lực quân Nga đánh đến Constantinople và buộc vua Thổ ký điều ước nhìn nhận Hy-Lạp độc-lập ngày 3-2-1830.

- Một mai đèn đối ngã-nghiêng,
Lời bừa, công ách, khó hèn, sút-sa, (2783)
Những người học-thức sâu-xa,
Bực gan tức trí xui ra hết lòng ; (2784)
Hai thương dòng-dối ánh-hùng,
Thề trời hèn đất thoát vòng bùn tro, (2785)
Trống độc-lập, cờ tự-do,
Giàu, nghèo, mạnh, yếu, nhỏ, to quản gì, (2786)
Một lòng sắt đá tri-tri,
Nghe thôi ai cũng tức thì gan sôi ; (2787)
Ba thương đồng-đạo Chúa trời,
Ra tay chống với Hồi-hồi lắm phen, (2788)
Vậy nên kẻ ngợi người khen,
Giùm binh, giùm súng, giùm tiền, giùm công. (2789)
Nước Anh có kẻ Thi-Tông,
Liều thân trót máu giúp công dựng cờ ; (2790)
Nếu mà Hy-Lạp bấy giờ,
Mượn hơi Hồi-giáo mập-mờ dậy binh, (2791)
Người Âu chẳng chút đồng tình,
Còn thêm ghen-ghét chống kinh lắm nơi, (2792)
Dầu cho hết sức hết hơi,
Non sông cũng đến rã-rời mà thôi. (2793)
Vả chẳng nghĩ lại như tôi,
Vì câu nghĩa-khi bỏ trót một đời, (2794)
Nay mà xướng đạo Hồi-hồi,
Thì tôi đây vẫn còn tôi Chúa Trời, (2795)
Nếu tôi hết sức giúp người,
Giết phe đồng-đạo tôi trót biết bao ! (2796)
Phi-hầu tuy nạp mưu cao,
Lắm quân mê lín rêu-rao nòng-nà : (2797)

(2783) *Lời bừa, công ách* : (trầu bừa ruộng cò phải đeo ách để kéo cái bừa) làm kiếp trâu ngựa nghĩa là nô lệ cho người ; *Sút-sa* : sa cơ thất thế. (cũng nói sa sút).
 (2785) *Vòng bùn tro* : Cảnh như bùn xấu xa (như trét bùn tro vào mặt).
 (2787) *Sắt đá tri-tri* : sắt đá trơ-trơ.
 (2790) *Thi-Tông* : (?) *Liều thân trót máu* : liều thân vào vòng chém giết.
 (2791) *Mượn hơi* : mượn tiếng, mượn danh nghĩa.

- Chỉ ta là lũ đạo tà,*
Toan mưu làm hại nước nhà đầy thời ; (2798)
Chuyện đời bức-tức lắm ôi !
Phụng bay bắt tich, ó trôi đầy đồng ! (2799)
Ngựa hay kéo ách chồng mộng,
Trâu già dựa thế, xe rồng vấy tai ! » (2800)
Ngài phán mỗi nỗi cần cỏi,
Bọn tôi nghe cũng điếng tai giật mình. (2801)
Ngài liền cáo bệnh thành-linh,
Làm thơ luận đủ binh-linh cạn sáu, (2802)
Gởi cho Á-Thích-Phi hầu,
Nháp-nguyên thiệp hồi cất thầu bên mình. (2803)
Nói rồi nàng cũng xin trình,
Chàng liền giở vớ rở-rành đọc ngay. (2804)
Nàng còn kể lại chuyện Ngài :
Quân-cơ hiệp mặt đông tây luận bàn, (2805)
Có người Tợ-Nịnh họ An,
Là người Thụy-sĩ mừng màn tham-mưu, (2806)
Lượng va như vũng chùn trâu,
Tài va như thê quả bầu lủng tròn, (2807)
Múa-men khoe mạnh bốn-chôn,
Ăn to nói lớn có mồm không gan, (2808)
Thấy ta lắm kẻ nễ-nang,
Hỏi mình va biết ruột gan kém người ; (2809)
Nói ngông lắm việc nực cười ;
« Rằng ai có sợ chỉ người nước Anh, (2810)
Ngoài thì khoe sức ngông-nghênh,
Trong thì hủ bại, lắm hình dở-dang, (2811)

(2800) Câu này có nghĩa kẻ có tài không được dùng đúng chỗ, kẻ vô tài dựa thế mà
 nghênh ngang.

(2803) Nháp nguyên : bản giáp gốc.

(2806) Mừng màn tham-mưu : làm tham-mưu ở dưới trướng.

(2808) Múa-men : múa rối ; bốn-chôn : rối tít.

(2809) Hỏi mình : tự thấy mình.

- Tàu bè rách-rưới lang-thang,* (2812)
Quân-gia yếu đuối trăm hàng sút-sa,
Binh đi muôn dặm đường xa,
- Thua cơ một trận, chắc là bề tan,* (2813)
Tướng già lẫn-lộn mé-man,
- Tốt mồm khoe giặc, non gan cậy mình,* (2814)
Làm cho dân sự thất-kinh,
- Thêm oai lũ giặc, buồn tình quân ta,* (2815)
Nếu nay nghe kể tướng già,
- Rời ra đến đổi nước nhà phải tan ».* (2816)
Vua Ai sẵn bụng du-an,
- Truyền cho tướng-sĩ giữ ngang kinh-thành,* (2817)
Còn trong tướng-sĩ mấy anh,
- Khua môi múa miệng rắp-ranh lắm lời :* (2818)
Giặc binh chưa thấy một người,
- Việc chi đến đổi bỏ nơi kinh-thành ?* (2819)
Những trang giết hổ chém kình,
- Nghĩ thôi mình chẳng thẹn mình lắm thay !* (2820)
Thầy chùa lắm tiếng thầy-lay,
- Tướng già vẫn tin đạo Tây lắm mà !* (2821)
Vậy nên giúp sức giáo tà,
- Giả mưu mật-thám, bán nhà người ta,* (2822)
Phi-hầu chẳng biết mưu già,
- Truyền quân gìn-giữ gần xa hải lâu ».* (2823)
Chàng rằng : « tôi học bấy lâu,
- Thi thơ chán mắt, lược thao kém tài,* (2824)
Nhưng mà tính muốn đông-dài,
- Bàn giuôm, giảng trận, vui cười lắm khi ;* (2825)
Gẫm người Ai-Cập lúc nì,
- Dùng mưu lão tướng, may gì nên công,* (2826)

(2812) *Tàu bè rách rưới lang-thang* : tàu hư nát lòi-thôi.

(2817) *Bụng du-an* : Bụng muốn dòi đi đến chỗ an toàn.

(2821) *Thầy-lay* : đem pha, bán vào nói ra.

(2823) *Hải lâu* : Đền cao trên sông đào Suva.

(2826) *May gì* : may ra.

*Xưa nay lắm chước anh-hùng,
Lũ con ghen ghét, bức lòng biết bao !* (2827)

*Phạm-Tăng là kẻ tài cao,
Bày mưu chẳng dụng, ngán-ngao về làng :* (2828)

*« Rằng nay thiên hạ đã an,
Tôi xin lãnh nhậm xưng tàn cất đi » :* (2829)

*Tướng quân gặp lúc loạn-ly,
Chẳng hay ngài tnh kể chi đó mà ? »* (2830)

e) Ngài bảo U-Lan tìm chỗ lánh mình đi, để Ngài ở lại một mình đương đầu với những hiểm nguy này. U-Lan không chịu.

Ngài bảo tôi trốn ra khỏi vòng đi. Tôi còn bịn-rịn thì Ngài nói tôi còn cha anh phải trở về nhà ngay.

U-Lan khi tiễn biệt tôi thì khóc mà nhờ tôi dựng bia cho Hồng-Liên và Phạm-Khanh. Còn nhẫn vàng này thì đưa lại cho chàng Tấn-Sĩ.

*Nàng rằng : « Ngài dặn gần xa :
Thiếp nên kiếm kẻ lánh xa khỏi vòng ;* (2831)

*Ta thì đang tiếng lạ-lùng,
Một lời một bước trăm vòng dò-la ;* (2832)

*Lỡ-làng bước sầy chun sa,
Mặt nào còn thấy người ta trên đời !* (2833)

*Trước sau cũng một kiếp người,
Chẳng tha bỏ mạng giữa nơi chiến-trường.* (2834)

*Luôn cơ Ngài dặn nàng Lan,
Theo tôi kiếm lối lánh nạn cho xa ».* (3285)

*Nghe lời nàng mới lụy sa,
Rằng : « Con đã tỉnh từ nhà bước đi,* (2836)

*Thân này còn tiếc chi-chi,
Cùng cha sống chết, lòng thì mới an ;* (2837)

*Nay cha gặp kiếp gian-nan,
Con sao nỡ để cha đang một mình ?* (2838)

(2828) *Phạm-Tăng* : Người cuối đời Tần, nhiều mưu lược. Hạng-Vô vội về giúp, nhưng Hạng-Vô không thật hết lòng tin Tăng. Nhiều mưu cơ hay mà Vô không chịu dùng. Sau vì nhiều lời dèm pha, Phạm-Tăng phải từ chức về ở Bành-thành, rồi chết ở đó.

(2838) *Cha đang một mình* : cha đương đầu một mình.

- Dầu mà sùng đạn tan tàn,
 Đẻ con cũng nếm chút tình đắng cay ; (2839)
 Thương vì một nỗi cô này,
 Tấm thân vàng ngọc ở đây khó lòng ». (2840)
 Thiếp rằng : « Mang chút tình chung,
 Nỡ nào thiếp thoát khỏi vòng một thân ! » (2841)
 Ngái rằng : « Chớ nói phân-vân,
 Có nên tìm chốn giữ thân mới đành ; (2842)
 Ở nhà còn có cha anh,
 Mong trông lắm việc liều mình lẽ chi ? » (2843)
 Vâng lời thiếp phải ra đi,
 Trong lòng nặng trĩu, như chì trăm cân ! (2844)
 Bắt tay giã mặt tường-quán,
 Gởi thơ Ngái mới ân-cần Hoàng-Huỳnh, (2845)
 U-Lan nàng lại tự tình :
 « Hồng-Liên với gã Phạm-Khanh hai người, (2846)
 Vì tôi dốc trả nợ đời,
 Làm cho hai gã biển trời bỏ thây ; (2847)
 Lòng tôi đau-đớn bấy nay,
 Thiết-tha luống những đêm ngày thở-than ! (2848)
 Ước chi dựng tấm bia tàn,
 Trước nêu lòng thiếp, sau an hồn người ; (2849)
 Đã hay xét kỹ cuộc đời,
 Chạm bia, khắc liễn, trò cười mà thôi, (2850)
 Trót vì mạng chút ơn người,
 Lấy chi trả đặng nghĩa đời cao sâu ; (2851)
 - Ân tình một đội trên đầu,
 Nay nào tới đặng cõi Âu mà đền ! (2852)
 Đỡ tay cô có thương tình,
 Nghĩa này mang xuống suốt huỳnh còn ghi » (2853)
 Thiếp rằng : « Việc ấy khó chi,
 Thế nào thiếp cũng xin y lời nàng », (2854)

(2844) *Nặng trĩu* : nặng trĩu.

(2849) *Bia tàn* : bia nhỏ, sơ sài (không phải tàn là hư hỏng).

GIAI-NHÂN KỶ-NGỘ

Nàng nghe mừng rỡ vội-vàng,
Truốt tay đưa chiếc khâu vàng thỏ than : (2855)
« Trước là liễn-biệt tình nàng,
Sau may bèo nước gặp chàng Biền-đông, (2856)
Khâu này xin gói chút lòng,
Nhấn rằng thiệp hồi lăm vòng lưu-ly ». (2857)
Nói rồi khóc-lóc ly-bì,
Trống nàng thiệp cũng tức thì lụy sa. (2858)

g) Tôi trở về nhà mừng vui với gia-đình nhưng lúc nào cũng thắc-mắc vì chưa dựng được bia ấy như lời gán bó của U-Lan.

Cha tôi khuyên hãy chờ nghe rõ tin tức đã, vì chưa biết chừng họ còn sống.

Vì đó mà tôi lặn lội tới đây thì vừa gặp.

Giã-từ trở gót sơn-gia,
Quê-hương nức-nở, người nhà mừng vui ; (2859)
Ngờ may đã chết đi rồi,
Vây mà còn sống trên đời, may sao ! (2860)
Tưng-bưng kể hỏi người chào,
Quê xưa khách cũ, vui nào còn hơn ! (2861)
Thong-dong thiệp kể nguồn-cơn,
Bực vì một nỗi keo sơn lời nàng ! (2862)
Ngậm-ngùi đêm thỏ ngày than,
Cha già lạ hỏi là can-có gì ? (2863)
Chuyện nàng thiệp mới vắn-vi,
Cha già ngẫm-nghĩ rồi thì khuyên can : (2864)
« U-Lan cảm nghĩa đá vàng,
Dựng bia kỷ-niệm lòng nàng còn ghi, (2865)
Nhưng cha nghĩ lại suy đi,
Hai người chết sống còn nghi đó mà ! (2866)
Biết đâu con mắt trời già,
Có khi soi khắp gần xa đủ miền, (2867)

(2855) Truốt tay : rút trong ngón tay ra.

(2859) Sơn-gia : nước non nhà.

- Những người chĩ-sĩ danh hiền,
Hành rồi kiếm thể ven-luền cũng nên ; (2868)
Dần-dà ta hãy đợi tin,
Vội chi con phải tỉnh đêm lo ngày ». (2869)
Thiếp rằng : « gió dập sóng vầy,
Thuyền chìm đáy biển có may đâu là ! (2870)
Như con đã ít lắm mà,
Người đâu còn mong trời già làm ơn ! » (2871)
Cha rằng : « chớ nói hoa-lơn,
May may còn kể may hơn như may ; (2872)
Ở đời nghĩ chín mới hay,
Đề cha đừng-đỉnh giảng-bày cho nghe : (2873)
Cuộc đời lắm việc éo-le,
Đan ngang đất giọc khó bề tỉnh ra ; (2874)
Gẫm trong ngọn nước cánh hoa,
Lắm người trông thấy xót-xa trong lòng ; (2875)
Người thời hoa thắm nước trong,
Thấy thối đẹp dạ nở lòng biết bao ! (2876)
Nước hoa nào biết chỉ đâu !
Chẳng qua gặp-gỡ vui rầu đó thối. (2877)
Còn như triết-học những người,
Chia ra hai mặt, cuộc đời còn nghi : (2878)
Cứ theo buồn-bực mà suy,
Cõi đời là vũng hiểm-nguy dưới trời ; (2879)
Còn như kẻ đến loài người,
Trăm năm xiềng treo, một đời chiêm-bao ; (2880)
Ngọn đèn leo-lắt gió xao,
Sương đầu ngọn cỏ, đọng bao nhiêu hồi ; (2881)
Người thì chưa thấy mặt trời,
Cũng là chịu tiếng một đời người ta : (2882)
Người thì què-quặt đuôi lòe,
Vạy mà mang tiếng người ta với đời ; (2883)

(2874) Đan ngang đất giọc : Đan đất là hai việc phải làm đề thành một đồ dùng. Ý nói rúi xăng khó tìm ra manh mối. Người ta đan xong cái gì (rò, nông...) rồi đất tréo nan đề sau lặn nút khỏi sút.

(2880) Xiềng treo : Cùm xích trói buộc.

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Người thì tài đức đủ mười ;*
Sinh ra trời-nổi một đời bơ-vơ ; (2884)
Người thì rủi phải tình-cờ,
Núi chôn, sét đánh, sóng xô, xe lăn, (2885)
Biết bao là ngọn là ngành,
Vẫn-vơ xiêu tạt khó-khẩn buồn-rầu, (2886)
Nghĩ xa thì lại lo sầu,
Trời cao đất thẳm biết đâu là ngàn ? (2887)
Người đời đã có tấm thân,
Dầu ai cũng phải phong-trần một khi ! (2888)
Cứ theo vui-vẻ mà suy,
Cõi đời là động dị-kỳ thần tiên ; (2889)
Loài người là giống linh-thiêng ;
Nhỏ to muốn vật chủ-chuyển một mình ; (2890)
Nào là thủy, hỏa, lôi-đình,
Tìm mưu kiếm cách hà-hành mọi-tôi ; (2891)
Xe chạy đứt, tàu ra khơi,
Tan-tành đồn lũy rã-rời nước non ; (2892)
Chun mưa, ngọn gió, thon-von,
Chạy chun dưới đất, bay lòn trong mây ; (2893)
Nào là vật nọ loài này,
Tai nghe mắt thấy, thấy đây-tở ta ; (2894)
Mặc dầu nghĩ rộng tình xa,
Chỉ trong gang tấc lòng ta đủ rồi ; (2895)
Kể vui thì thật là vui,
Còn ai muốn tình thối lui đây mà. (2896)
Vả chẳng cái kiếp người ta,
Ngắn, dài, mạnh, yếu, xét ra khôn lường ; (2897)
Có người hang cạp nấu nướng,
Vậy mà sống đặng tìm đường trở ra ; (2898)
Có người chặt cẳng, xẻo da,
Vậy mà sống đặng đèn giá tro-trơ ; (2899)

(2885) *Xe lăn* : xe dè lăn xuống.

(2886) *Xiêu tạt* : xiêu dờ trôi dạt.

(2891) *Hà-hành mọi tôi* : hành hạ và lợi dụng làm tôi mọi cho mình.

- Có người tàu đắm dạt-dờ,
Tay diu mảnh ván tình-cờ sống lên ; (2900)
Có người đột pháo xông tên,
Nát ngẫu da thịt đầy mình máu me, (2901)
Vây mà gắng-gượng trở về,
Đồi dơi non nước é-hề gió trắng ; (2902)
Anh-hùng nước Thở ba chàng,
Dãi-dầu tên đạn mở-mang côi bờ ; (2903)
Kẻ đắm người bắn tro-tro,
Tay xô giặc mạnh dựng cờ năm phương ; (2904)
Ngàn năm rặng mặt đồng-lương,
Vây duyên cả nước, dạt đường dèm-pha, (2905)
Bàn tay ngọn lưỡi động ra,
Thấy trang vua chúa gần xa nóm lòng ; (2906)
Lang-sa có kẻ anh-hùng,
Tên La-Binh-Đầu trăm vòng gian-nan, (2907)
Cầm binh khi hiệp khi tan,
Cúi đầu chúa ngục, bực gan nước nhà, (2908)
Một thân trời giạt côi xa,
Vây mà sống đặng tuổi già tám mươi. (2909)
Xét ra cho kỹ kiếp người,
Vui buồn, sống chết có trời ở trong ; (2910)
Vây thời gã Phạm nàng Hồng,
Ta e chưa chắc bỏ vòng thế-gian ; (2911)
Hỏi cho chắc-chắn kẻ cang,
Hắn tin rồi sẽ thế nàng dựng bia ». (2912)
Nghe lời thiệp mời nghĩ suy,
Họa may hai gã có khi khỏi nạn, (2913)
Vây nén tách biển băng ngàn,
Tới đây tìm kiếm hồi-han sự tình ; (2914)

(2900) *Điu* : phương ngữ có nghĩa là niu. Còn có tiếng dù diu là nhảy lên dính đeo vào.

(2904) *Dựng cờ năm phương* : cầm cờ bình định mọi cõi.

(2905) *Đồng-lương* : cột vả rầm nhà, chỉ người chống đỡ vững-vàng cho nhà nước.

(2907) *La-Binh-Đầu* : Lafayette.

GIAI-NHÂN KỲ-NGŨ

Nếu mà lắm nổi linh-đỉnh,
Thời tìm Tán-Sĩ gởi tình nàng Lan ». (2915)

Hồng-Liên cất tiếng thở-than :
« Ông người thiếp đội muốn ngàn đèn đầu ! (2916)

Vậy mà khi mới ban đầu,
Lắm điều thất-lẽ xin hầu thả-tha ». (2917)

Nghe-lời chàng cũng thở ra :
« Vậy thời con mắt trời già cũng hay ! (2918)

Nàng Lan còn có ngày nay,
Phạm-Khanh rồi cũng có ngày gặp nhau ; (2919)

Hiềm vì Ai-Cập bấy lâu,
Trăm điều thua sút, biết đâu đang giờ ! » (2920)

Nói rồi còn nghĩ vẫn-vơ,
Đồng-hồ đã gõ sáu giờ coon ! coon ! (2921)



HỒI THỨ TÁM

ĐOẠN KẾT

Mãi mê nói chuyện quên cả ăn uống, Hồng-Liên đứng dậy vào bếp sửa soạn cơm nước. Tấn-sĩ hỏi rõ lại : người là ai ? Thì người ấy trả lời là con gái ông Tô-Cát-Sĩ nhà ái-quốc Hung-Gia-Lợi. Ba người ngồi lại ăn uống mừng rỡ.

*Ba người kẻ-lễ nguồn cơn,
Trót ngày quên cả nước non, rượu trà.* (2922)

*Hồng-Liên cười nói ba-hoa,
Đề tôi phải thế chủ nhà mới xong.* (2923)

*Nàng liền dậy bước vào trong,
Hai người ngồi lại gầy sòng chuyện sau.* (2924)

*Chàng rằng : « Nghe lúc dưới tàu,
Sao nàng đã biết đuôi đầu chuyện tôi » ?* (2925)

*Nàng rằng : « Chàng nhớ thử coi,
Phù-Lan mờ cả gặp ai những ngày » ?* (2926)

*Chàng rằng : « Tôi hồi nhớ đây,
Bấy giờ có gặp một thầy phong-tao,* (2927)

*Cùng nhau kẻ tích họ Cao,
Nói ra lắm chuyện hùng-hào gian-nan,* (2928)

*Nói luôn đến chuyện Ba-Lan,
Bấy giờ tôi vẫn phản-nàn chưa thôi ».* (2929)

(2924) *Gầy sòng* : Gầy cuộc (địa phương có chữ sòng là dịp, cuộc, thí dụ : sòng kiện, sòng buồn, sòng này...)

(2926) Nhắc lại chuyện xem mộ Phù-Lan - Đoạn này đề vào Phụ-lục II.

- Nàng rằng : « Đấy thực cha tôi,
 Tên Tô-Cát-Sĩ, là người Hung-Nha, (2930)
 Mân-Lê tên thiệp đấy mà,
 Lúc giờ nghỉ mát ngồi xa phía ngoài ; (2931)
 Tuy là chưa thấy mặt người,
 Nhưng khi trò chuyện lòng tai lắng lời ». (2932)
 Chàng nghe mừng-rỡ vui cười,
 Rằng : « Tôi nghe tiếng tên Ngài đã lâu, (2933)
 Anh-hùng nức tiếng Mỹ, Âu,
 Gan trung, mặt nghĩa, quỉ sào, thần kinh, (2934)
 Ngang trời dọc đất một mình,
 Nghe thôi ai cũng hết linh ngợi-khen, (2935)
 Hồ tôi mắt thịt ngu hèn,
 Anh-hùng đứng trước mà nhìn không ra ! (2936)
 Ngỡ là cũng khách hào-hoa,
 Cậy năng xin lỗi ngài nhà chợ tôi ». (2937)
 Hai người chuyện vãn đương vui,
 Tiệc chiều Hồng đã dọn rồi bước ra, (2938)
 Mời rằng : Xin hãy vào nhà,
 Chúc mừng đôi chén, gọi là tin may ; (2939)
 Trời còn biết tiếc người ngay,
 Còn nàng chắc cũng bắt tay có hồi. (2940)
 Ba người xúm lại cùng ngồi,
 Mùi hương thơm nức, chén mời ngà say. (2941)



(2930) Hung-Nha : Hongarie.

(2931) Lúc giờ : lúc bấy giờ ;

(2932) Lắng tai : để tai lắng nghe.

PHẦN PHỤ LỤC

MẤY LỜI PHỤ THÊM

Chúng tôi cắt cho chấm dứt truyện ở câu 2941 này. Vì xem ý truyện còn hết sức dài, đến dòng chữ cuối cùng của tác-giả là câu 3620 vẫn còn chưa là dứt truyện.

Có lẽ tác-giả còn muốn viết tiếp thêm nhiều nữa mà vì nửa chừng nhuốm bệnh rồi thác, nên con cháu chỉ giữ lại được đến đó.

Chúng tôi thấy đến câu 2941 tạm dứt đi, thì cốt truyện tự đầy đủ được, mà thêm một đoạn còn dài không ăn nhập gì vào đó, hay sẽ ăn nhập trở lại ở rất xa về sau, thì độc-giả sẽ hoang-mang.

Bởi vậy mặc dầu hết sức kính-trọng di-bút của tác-giả, chúng tôi cũng xin cho tạm dứt truyện ở đây, để in tiếp ngay đoạn sau vào phần phụ lục này. Quý bạn độc-giả đọc tiếp, nếu tán thành việc chúng tôi làm thì từ lần in sau chúng tôi vẫn giữ như đã trình ở trên. Trái lại nếu quý bạn cho rằng chúng tôi làm thế là bậy, thì từ lần in sau, chúng tôi lại in tiếp theo như bản-thảo.

PHỤ LỤC I

- | | |
|---|--------|
| Trăng thu một trời tròn quay, | |
| Gác lên đầu núi treo ngay ngọn tùng ; | (2942) |
| Sáng thừa lấp-ló vào song, | |
| Trông ra chàng lại động lòng chơi trăng ; | (2943) |
| Rằng : nay cảnh đẹp chỉ bằng, | |
| Sông Đà ta hãy gió trăng một đờ ; | (2944) |
| Trót đêm mặc sức truyện trò, | |
| Nàng rằng : thiếp cũng chúc cho thế mà ; | (2945) |
| Hiềm vì một cánh hoa già, | |
| Đem chung vào giữa hai tòa sen tươi ; | (2946) |
| Xuân tàn lắm nỗi hồ ngưoi, | |
| Xui chàng thêm tiếc hoa cười ngày xưa. | (2947) |
| Hồng-Liên mủm-mím cười thưa : | |
| Tục Âu thiếp nhớ quê xưa lắm lời ; | (2948) |

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Bông vừa hai tám bông tươi,
 Năm năm rồi mới đủ mười nở nang ; (2949)
 Vậy thời tác giặc như nòng,
 Chu, ận chi đến đối vợi vàng thương xuân ? (2950)
 Nàng rằng : lời ấy khôn phân,
 Đàn bà con gái sao cân động mà ? (2951)
 Đàn ông có thể xem ra.
 Nói rồi liếc mắt đưa qua bên chàng. (2952)
 Chàng liền giở chén nhẹ nhàng,
 Cười rằng : tôi nhớ tục làng quê xưa ; (2953)
 Gái thời hai chín là vừa,
 Trông thôi ai cũng tình ưa mắt mơn ; (2954)
 Chè tươi dầu đỏ cũng ngon,
 Gái mà năm bảy cũng còn dễ thương ; (2955)
 Nhưng mà việc ấy khó lường,
 Tình ưa ý muốn ai thường giống ai ? (2956)
 Nàng rằng : chàng nói phân hai,
 Sớm lan, muộn cúc, đánh nài cả đôi ; (2957)
 Hãy xin nói dứt cho rồi,
 Gái to đẹp để độ hồi bao nhiêu ? (2958)
 Chàng rằng : nàng hỏi khác khau,
 Xưa nay tôi ít năng niu chơi bời ; (2959)
 Vậy nên khó nổi trả lời,
 Hồng-Liên giục giã : chàng thôi ngại chi,
 Bụng mình cứ thẳng nói đi, (2960)
 Chàng liền để chén vãn-vì mấy lời :
 Cứ theo trong ý nghĩ tôi, (2961)
 Đã rằng gái đẹp chẳng hồi nào không.
 Hồng-Liên nghe nói cười bùng : (2962)
 Ông này nói thực lạ lùng lắm thôi !
 Vậy xin nói nốt cho rồi. (2963)
 Chàng rằng : nếu gọi là người mỹ-nhân,
 Phải đầu tốt áo tốt quần, (2964)
 Má hồng mặt đẹp trộm phần dễ coi ;
 Sao cho thông-thạo việc đời, (2965)
 Tình người thế-tục đủ mười trải qua ;
 Văn-chương cũng bực tài ba, (2966)
 Nghề hay cũng sẵn hai ba trong mình ;
 Gặp chầu gái lịch trai thính, (2967)
 Gìn lòng sắt đá, nguội tình trăng hoa,
 Lại thêm đàn kịch thi ca, (2968)
 Trăm đều thông thuộc mới là gái xinh ; (2969)

Mắt đời lắm kẻ chưa tình, Thấy trang hai chín rệp rình, lạ sao ?	(2970)
Tôi đâu dám nói tầm-phào, Hãy xin kể chuyện bao-lao mấy lời :	(2971)
Hy-Lạp xưa có một người, Trăng rằm mắt vía, hoa tươi kém màu,	(2972)
Thần trời thấy cũng yếm-ầu, Hóa ra chim trắng cùng nhau kết nguyên,	(2973)
Sinh con là ả Phi-Liên, Dung nhan tột bực, mẹ hiền kém tươi,	(2974)
Nhà vua yêu sắc lấy người, Tuổi đã bốn chục nói cười còn xinh,	(2975)
Trông qua ai cũng thất-kinh ; Sau cùng Ba Lễ mê tình trốn đi,	(2976)
Chạy vào nước Thổ-Lỗ-Vi, Nhà vua ghét lũ vô nghi ím gan,	(2977)
Đem binh vây đánh phá tan, Bắt nàng trở lại, xuân tàn năm mươi,	(2978)
Vậy mà nhan sắc còn tươi, So về lúc trẻ đủ mười vẻ thanh.	(2979)
La-Mã xưa có một anh, Cười nàng A-Chí niên canh quá thời,	(2980)
Sắc tài ngang ngửa một đời, Tuổi hơn ba chục, như người mười lăm,	(2981)
Sáu mươi càng thắm càng dằm, Thấy thôi ai cũng trở-trầm ngợi ca .	(2982)
Ai-Cập vua gái Đồ-lo, Cũng là một đấng tài ba trong đời ;	(2983)
Giện em cướp mất ngôi trời, Tìm quan La-Mã tên người Sư-Oai,	(2984)
Và là rất bực tướng tài, Oai hùm mặt sắt còn ai dám kề,	(2985)
Vậy mà nàng lối võ về ; Say mê sắc đẹp, quên bề nghi xa,	(2986)
Cát binh trăm trận xông pha, Liều thân chết với hoa già cũng vui ;	(2987)
Binh thua và phải thoái lui, Cấp nàng va cũng đánh đôi đánh đàn ;	(2988)
Tướng quân A-Đầu tức gan, Đem quân theo đuổi bắt nàng phải lui,	(2989)
Điệu về sấm đất, sấm thui, Nàng nghe thông thả trau dồi sửa dung,	(2990)

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Điểm trang đẹp-để lạ-lùng,
 Một đồ đàn-dịch thung dung qua hầu ; (2991)
 Tướng quân trông thấy choáng đầu,
 Mê hồn mất vía, bỏ nhau vợ con, (2992)
 Cặp nàng lợi vũng trào non,
 Chạy qua Ai-Cập, quên còn hồ-ngươi ; (2993)
 Lúc giờ tuổi quá ba mươi,
 Mười năm sau cũng còn tươi như thường ; (2994)
 Đến khi bỏ mạng gương vàng,
 Dung nhan còn đẹp như nàng gái tơ. (2995)
 Ấy là bà gái cò sà,
 Còn như kẻ đến đời giờ thiếu chi : (2996)
 Lưu-A tài sắc một thì,
 Ngọc so then giá, hoa bì kém tươi ; (2997)
 Bảy giờ lắm chuyện nực cười,
 Có ông thầy cả tám mươi tuổi đầu, (2998)
 Tu-hành đạo Chúa mọc đầu,
 Mê vì sắc gái quân đầu mệnh người ; (2999)
 Xuân-xanh nàng đã bảy mươi,
 Trông qua ai cũng hơi ỏi sắc màu ! (3000)
 Tiếng-lâm đồn khắp cõi Âu,
 Chết còn lắm kẻ lụy sâu vì hoa. (3001)
 Nước Nga, vua gái Nga-la,
 Lên ngôi tuổi đã hơn ba chục rồi, (3002)
 Sóng thu sắc-sảo lạ đời,
 Lắm gan hùng hồ rã rời vì hoa, (3003)
 Sau hơn sáu chục tuổi già,
 Thiếu niên lắm kẻ lụy sa huê tàn. (3004)
 Cứ theo tích ấy mà bàn,
 Bông thơm dầu tới xuân tàn còn tươi ; (3005)
 Nàng rằng : nếu hẳn như lời,
 Thiếp chưa nên tùi bông rơi lá xầu. (3006)
 Chàng rằng : chẳng những Mỹ, Âu,
 Đông-dương các nước đâu-đâu cũng nhiều ; (3007)
 Đàng thi có giỏi mấy điều :
 Lớ sưng còn lắm màu điều hơn bông ; (3008)
 Thần-tiên lắm chuyện lạ-lùng,
 Có bà Vương-Mẫu tác chừng hơn trăm, (3009)
 Đa bằng mặt ngọc êm đằm,
 Sả-vương gặp gỡ trong chằm Mộng-Vân, (3010)
 Đời sau lắm kẻ mộng xuân mơ-màng. (3011)

- Còn như kẻ chuyện đời Đàng,
Cố bà Võ-Hậu dung nhan lạnh-lùng, (3012)
Đem mình gửi chốn chùa Không,
Cao-Tôn trông thấy, hậu cung nạp vào. (3013)
Bỏ hầu, bỏ vợ ngán ngao ;
Cao-Tôn nhắm mắt, tiếm nhào ngôi vua ; (3014)
Dầu cho thầy thuốc thầy chùa,
Thấy thôi ai cũng xúm đũa mê sa ; (3015)
Đến khi tám chục tuổi già,
Điêm-trang đến đổi người ta mất làng ; (3016)
Anh-hùng hào-kiệt lắm trang,-
Đua nhau giành cái hoa tàn mà chơi. (3017)
Nhật-Bồn có ở Tây-dải,
Con nhà họ Tào vợ người họ Diêm ; (3018)
Tư dung, hương sắc, đều kiêu,
Một thân so-sánh Im-lìm trăm bông ; (3019)
Bông mai rất bực hương nồng,
Nhưng cây còi-cộc xem không đũa-dàng, (3020)
Bông anh rất bực xuê-xoang,
Nhưng mùi lạt-lẻo không hương thí nào, (3021)
Liễu dương yểu-điệu biết bao,
Bông hoa trụi lủi, thơm tho vắng cảnh, (3022)
Hương mai dòi lại bông anh,
Nở trên nhành liễu, rấp-ranh dạng nàng ; (3023)
Có người Sư-Trực hoang đàng,
Trăm tình ve-vãn đón đường nhẩn-nhe, (3024)
Giọng oanh động một lần nghe,
Bực mình và mới làm-le làm càn, (3025)
Giết chồng, ăn cướp lấy nàng,
Lúc giờ tuổi đã xuân tàn năm làm. (3026)
Xưa nay những à mây tằm,
Nào ai kẻ thảng kẻ năm đó mà. (3027)
Hồng-Liên nghe nói thưa qua :
Cứ như chàng kẻ dang-ca khi giờ, (3028)
Vậy thì bọn thiếp còn to,
Hỏi xin nhường lại mối tơ cho nàng. (3029)
Một đồ cười nói bĩ-bàng.
Đêm thu vầy lại một đoàn gó xuân ; (3030)
Đò xuôi theo nước dần-dần,
Đầy rừng mớc trắng lộn ngàn màu trắng ; (3031)
Xa-xa lấp-loáng ngọn đàng,
Lòng sông gió giọng, bóng trăng sóng nhồi ; (3032)

GIAI NHÂN KỲ-NGỘ

Rừng thu cây cộc nhánh còi,
Lá khô gió thổi một vài giữa không ; (3033)

Đò trôi lơ-lãng theo sông,
Mân-Lê nàng mới động lòng ca ngâm. (3034)

Ngâm rằng :

Non tây trăng lấp ló, thêm liễu bước khoan thai ; (3035)

Sóng vàng soi lỗ đổ, móc trắng ướt khăn đai ; (3036)

Khe Táo choàng tay dạo, sông Đề cúi mặt soi ; (3037)

Đò thả ngơ giăng khòe, mây bay liếc mắt coi ; (3038)

Để kêu đồng dân-dôi, chuông động núi chơi-voi ; (3039)

Cảnh đẹp không chừng dôi, lòng vui vẫn vậy hoài. (3040)

Gió vàng đem vút thổi, sao đầu cán vừa dài ; (3041)

Biển rộng non cao ngất, người thương ở với ai ? (3042)

Chỉ e trời lạnh-lẽo, sương đóng cứng như chal | (3043)

Ngâm-ngà điệu nổi điệu trầm,
Non cao địch thổi hang trầm oanh kêu. (3044)

Hồng-Liên nghe cũng buồn thiêu,
Rằng : sao âm điệu tao tiêu lắm mà | (3045)

Chàng rằng : nàng bực tài ba,
Người trong phong nhã, con nhà trung-trinh ; (3046)

Cha già xuất tử nhập sinh,
Chưa cay khốn khó một mình đảm đang ; (3047)

Rủi đầu gãy gánh giữa đường,
Khí cao, nghĩa cả, tiếng vang trong ngoài ; (3048)

Non sông nàng cũng một vai,
Lòng trời lơ lẩn việc người dở dang, (3049)

Sắt đồng một dạ một gan,
Vậy nên mở miệng nghe càng thêm đau. (3050)

Hồng-Liên ngồi dậy hỏi mau :
Nàng người danh giá bấy lâu vậy mà, (3051)

Sao nàng chẳng chịu nói ra ?
Bấy giờ dám hỏi Cụ nhà ở đâu ? (3052)

Nàng ngồi ngẫm nghĩ chập lâu,
Thình-lình ngâm lại mấy câu trả lời. (3053)

Ngâm rằng :

Non nước còn đâu đó nữa nào ! (3054)

Khuyên cô chớ hỏi chuyện chiêm bao. (3055)

Mà-mồ thành-quách lơ-thơ cỏ, (3056)

Bầu bạn bà con lác-dúc sao ; (3057)

Nòi giống tan hoang đã lắm lúc, (3058)

Cối bờ gầy dựng biết ngày nào !	(3059)
Con em yếu đuối, cung tên cứng,	(3060)
Vạn-vái trời xanh chất-ngót cao !	(3061)
Hồng-Liên nhắc lại đầu đuôi :	
Xưa kia gặp gỡ bốn người tại đây ;	(3062)
Đều là sống sót thân gầy,	
Cầm tay gắng gở, tỏ bày ruột gan,	(3063)
Cùng nhau đánh nghĩa đá vàng,	
Bây giờ lại gặp thêm nàng cũng hay ;	(3064)
Duyên trời gặp-gỡ lạ thay,	
Xin nàng kể hết xưa nay gót đầu ;	(3065)
Nàng liền sốc áo sửa bầu,	
Rằng: tôi cũng giống Á-Châu hùng-hào ;	(3066)
Có vua Á-Quỷ tài cao, .	
Một tay chiếu cuốn cối Âu rã-rời,	(3067)
Dựng cờ mở đất khắp nơi,	
Ông cha tôi thực giúp người làm công,	(3068)
Cung thương đề dấu non sông.	
Giã ơn phong tới nước Hung Trị-vì ;	(3069)
Cuộc đời thay đổi lạ chi,	
Ông cha hùng hồ con thì ngựa trâu,	(3070)
Khi thì nước Thồ xé trâu,	
Khi người hồi-giao đề đầu lăm phen ;	(3071)
Nước nhà càng sút càng hèn,	
Sau về nước Úc cầm quyền giang-san ;	(3072)
Khi ta là lũ mọi vàng,	
Thấy ta hèn yếu, trăm đảng phan-phui ;	(3073)
Muốn ta dốt đặc như cui,	
Động đâu kiếm miếng đánh dùi đánh sàng ;	(3074)
Quyền dân pháp nước đón ngăn,	
Hành-hà hết sức, vật dần đủ nơi ;	(3075)
Dân ta khó nổi đội trời,	
Đứng lên ngã xuống giống nòi gian-nan ;	(3076)
Vậy nên vỡ mặt nếm gan,	
Nằm queo trên đồng máu tàn vái-van.	(3077)
Bảy trăm bốn chục một ngàn,	
Chính năm vua Phò binh càn phía nam ;	(3078)
Thừa cơ cũng lúc trong năm,	
Vua Mã-Hòa-Lý xông ăm phía tây,	(3079)
Quân Úc trăm trận chớ thấy,	
Kinh-đô cũng bị giặc vây xúm chum ;	(3080)
Nữ hoàng thoát khỏi miệng hùm,	
Chạy Hung-Gia-Lợi tay dùm vua con ;	(3081)

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Kêu ca khóc-lóc nỉ-non,
Vái-van thế nước thon-von rã-rời, (3082)
Dân ta nếu giúp đỡ người,
Tự-do trả vắn trả lời về-vang ; (3083)
Lạ chi cái bụng giống vàng ;
Khi hành tức trí khi van dịu lòng ; (3084)
Dân ta hết sức anh-hùng,
Giặt cờ chém ngựa, binh hùng võ tan ; (3085)
Nữ-hoàng dựng lại giang-san,
Cơ đồ nước Úc, cây tàn lại tươi ; (3086)
Đền công vua cũng nhìn lời,
Nước ta từ ấy đủ mười về-vang. (3087)
Cuộc-đời lắm nỗi thương tang,
Nữ-hoàng mốt lạc, lý hoàng nổi lên, (3088)
Khốn thay những chúa ngu hèn,
Sinh trong buồng tối, sống trên tay người, (3089)
Hiếu đâu thế nước cuộc đời,
Một thân chỉ biết chơi-bời kiều xa ; (3090)
Nghĩ đâu đến nghiệp ông cha,
Biết đâu đến sự dân nhà khó-khăn, (3091)
Nghe theo những tiếng lằng-nhằng,
Nghe theo lời nịnh những thằng tiểu nhân, (3092)
Lỗi nghĩ mất cả lòng dân,
Cướp cho hết cả quyền gần quyền xa, (3093)
Nâng niu một lũ quan tà,
Trong quyền bầu-cử hóa ra bạc tiền, (3094)
Lời ngay lẽ thẳng cấm kềm,
Nghe vợ nghe vũng quân điên lũ ngoài, (3095)
Nước nhà tùy nát xương hơi,
Tiếng tăm dùng chữ nước ngoài hành văn, (3096)
Nào là buôn bán làm ăn,
Nào là phong-tục, áo, khăn, cửa nhà, (3097)
Trăm năm thói tốt ông bà,
Bỗng không mấy chốc hóa ra tro tàn ; (3098)
Dân cùng không chỗ kêu van,
Quyết liều trôi máu phá tan nước nhà ; (3099)
Những người nghĩ rộng thấy xa,
Rủ nhau dăng số kêu ca đủ lời ; (3100)
Xưa nay lẽ thẳng trong đời,
Hùm voi không mạnh bằng lời người ta ; (3101)
Sớ dăng chánh-phủ xem qua,
Biết lòng dân oán sâu xa lắm rồi ; (3102)

- Nghị-viên nhóm đủ mọi người,
Sửa sang pháp luật đòi đời quan-gia. (3103)
- Đương khi sắp đặt nước nhà,
Biển dâu sàng-sốt xảy ra bên ngoài ; (3104)
- Phá-Luân ý sức cội oai,
Một tay muốn vét sạch-sỏi cõi Âu, (3105)
- Đem binh gây việc tranh đấu,
Quân gia nước Úc chúí đầu bỏ thây ; (3106)
- Kinh-thành liền cũng bị vây,
Úc hoàng lại kéo một bày qua ta ; (3107)
- Gặp cơn vận nước sút sa,
Lòng người đâu nỡ đem da bỏ vào ; (3108)
- Dân ta rón sức hùng hào,
Đem quân cứu viện, đuổi nhào Lang Sa ; (3109)
- Úc hoàng còn lại nước nhà,
Mười phần nhờ sức dân ta cả mười, (3110)
- Nghĩ ra càng gớm thối người,
Khí rên van vái khi cười quên ngay | (3111)
- Rồi ra trở mặt liền tay,
Sao cho kiếm miếng đọa đầy mới vinh ; (3112)
- Nhơn khi loạn Pháp tày đình,
Máu trôi khắp đất, tiếng kinh dậy trời, (3113)
- Dân nghèo đói khát tả-tơi,
Tan-hoang nhà cửa rã rời bán buôn, (3114)
- Lòng dân trông thấy rầu buồn,
Ai ai cũng muốn lấp nguồn loạn-ly, (3115)
- Úc hoàng mượn tiếng thăm-thì:
Rằng sinh loạn lạc cũng vì tự-do, (3116)
- Nước nhà ra bụi ra tro,
Cửa nhà lán-lóc vì cho dân quyền. (3117)
- Ấy điều mượn chạ vợ xiên,
Nghĩ đâu cho thấu đủ miền căn do ; (3118)
- Vả chẳng lẽ thẳng nói to,
Ấy là chủ nghĩa tự-do dân quyền ; (3119)
- Trăm năm biển khổ chìm thuyền,
Tự-do là thuốc chữa chuyên cõi đời (3120)
- Muốn cho tự chủ thành-thời,
Dân quyền là phép đòi đời non sông ; (3121)
- Nếu mà hai cái cũng không,
Một đời rên-rỉ cùm gông roi đòn, (3122)
- Loài người ngày một thon-von,
Trong vòng sâu thẳm, thân còn mà chí | (3123)

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Xưa nay nhà nước khuynh nguy,
 Phải là một đứa một thì chi đầu ; (3124)
 Trong cơn loạn lạc bấy lâu,
 Rồi đầu gặp quý đầu trâu mặt ngựa ; (3125)
 Có tên Đặc-Niết họ Mai,
 Làm quan ngoại vụ hơn mười năm lâu, (3126)
 Chánh quyền một gã tóm râu,
 Hầm-hầm kiếm chức đề đầu dân đen ; (3127)
 Nước nhà chánh-trị leng-beng,
 Lòng người ngày một ngu hèn sút-sa ; (3128)
 Bề ngang hầu hống dân ta,
 Chặt ngang chân cẳng nước nhà đương đi ; (3129)
 Làm cho nước Úc suy-vì,
 Xóp ve mặt lính, ù lý lòng dân, (3130)
 Học hành cầm cứng bàn chân,
 Công thương lẫn lóc, nông dân bụi-ngùi, (3131)
 Nước nhà thùng-thình bước lui,
 So vai nước bạn thụt lùi, sau xa. (3132)
 Ấy đều tội ác tại va,
 Làm cho đến nỗi xấu-xa nước ngoài ; (3133)
 Tây thời nước Phò chê cười,
 Đuôi đi chẳng nhận là người chủ mình ; (3134)
 Nam thời nước Ý chống kinh,
 Máy trạm dậm đất thành-linh mất không ; (3135)
 Còn như kẻ đến phía đông,
 Hành-hà khỗ-cực, người Hung oán sâu ; (3136)
 Nước Nga mặt bắc xé râu,
 Kề ra nước yếu đứng đầu một tay ; (3137)
 Nước nhà đến nỗi ngày nay,
 Cũng vì mấy đứa dương thầy trời đời ; (3138)
 Lo sao bụi được miệng người,
 Tát ngang và ngựa, rã-rời khí dân ; (3139)
 Máy tay chánh-trị xa gần,
 Hãy xin mượn kiếng thành bản mà soi. (3140)
 Và tên Đặc-Niết họ Mai,
 Nghĩ va cũng chút có tài nên khen, (3141)
 Hiềm vì mưu lán tối đen,
 Đòi thay tấm bụng mùa men lỗ mồm ; (3142)
 Chánh quyền tay bốc tay ôm,
 Chẳng cho dân sự mở mồm kêu rao, (3143)
 Tự-do ra sức búng đào,
 Chui trong nghị viện quân phào iũ va, (3144)

Dòm chừng ngó bóng ngu ngu,	
Nương hơi dựa hám mắt lờ đã lâu,	(3145)
Nghị viên chẳng nói một câu,	
Quan trên mở mép, cúi đầu dạ ngay ;	(3146)
Gắm trong thế giới xưa nay,	
Nghị đầu lại có một ngày đã xong ;	(3147)
Kỷ sau hoãn lại trông mong,	
Ban ngày dứt nhét, còn hồng sợ ai ;	(3148)
Giàu sang rệt lữ dựa vai,	
Mấy thằng cứng cổ chiều mai đi đời ;	(3149)
Bán buôn thuyền thợ có lời,	
Tóm thâu về cả phe người họ Mai ;	(3150)
Đánh liều ôm túi tiền tài,	
Lòng đầu nghĩ đến mĩa mai miệng đời ;	(3151)
Lại còn cờ bạc chơi bởi,	
Rượu chè, đàn đĩ, bốc rơi trăm đường ;	(3152)
Ả đầu cô thỏ luông tuông,	
Một đời chết đắm trong trường phần son ;	(3153)
Qai hùm láo liếng mắt chôn,	
Hàm he bè bạn bốn chân thị hùng ;	(3154)
Thối hư nét xấu lạ lòng,	
Trét trây vấy vá tứ tung nhà trời.	(3155)
Và tên Đặc-Niết là người,	
Khéo màu trau chuốt, nhiều lời đãi đưa ;	(3156)
Nói ngon lắm kẻ bụng vừa,	
Hết lòng với lữ thiếu thừa bên vua,	(3157)
Cửa sau cửa trước chui bừa,	
Ngày lâu tiếng xấu bay thừa khắp nơi ;	(3158)
Giồi thân va cũng thạo đời,	
Trau dung đẹp dễ, giồi lời sẵn sàng ;	(3159)
Một đời chúc quý mưu gian,	
Dựng chuông đóng cũi nhốt đàn ngựa trâu ;	(3160)
Thằng nào cứng cổ ngằng đầu,	
Giả tình qua lại bạn bầu làm quen ;	(3161)
Thằng nào ruột tục dạ hèn,	
Tìm mưu giùm giúp cho tiền đưa hoa ;	(3162)
Thằng nào tốt miệng kêu, la,	
Ném cho một đám vinh hoa giữa mâm ;	(3163)
Còn thằng nước ngoài khó bâm,	
Vin vai hót cẳng lom khom thường ngày ;	(3164)
Áo quần nhà cửa trong tay,	
Ấy lòng nhốt lữ ăn mày quán ngu ;	(3165)

GAJ-NHẢN KỲ-NGỘ

- Của tiền tay phát tay thu,
Quan lương thút mút, công nhu tào phào ; (3166)
Giả danh là cách ngoại giao,
Giả danh nuôi lũ đón rào tuần gia ; (3167)
Phanh phui phí nhỏ phí to,
Mấy trăm vạn bạc bụi tro tan tành ; (3168)
Còn ai mở miệng đấu tranh.
Một tay vết sạch sành sanh của đời ; (3169)
Hơn ba mươi triệu con người,
Xấu cao thuế nặng rã rời ruộng trâu ; (3170)
Làm ăn thiếu trước thiếu sau,
Quan gia còn kiểm lăm câu hiếp hà ; (3171)
« Bời dân biếng trễ kiêu xa,
VẬY nên đến nỗi hết nhà hết trâu ». (3172)
Đầy đường đói khát buồn rầu,
Vào nhà van vái đề dầu đánh ngay ; (3173)
Chợ quê lắm kẻ ăn mày,
Cũng vì cùng khổn từ ngày đã lâu ; (3174)
Nước nhà trôi nổi đến đâu,
Cậy ai mà chẳng lo rầu, trời ôi ! (3175)
Trong khi thế nước lồi thối,
Tướng già còn sốt chùng đôi ba Ngải ; (3176)
Còn như danh giá họ Mai,
Công lao chẳng có trí tài rỗng không ; (3177)
VẬY mà nhảy nhót tước công,
Lòng va cũng sợ kẻ rùng người xô, (3178)
Giả hùm quen giữ thói hồ,
Cậy binh nước ngoại đón dò vào ra ; (3179)
Ngoại giao giữ kín trong nhà,
Muốn cho rảnh việc đàn ca chơi bời ; (3180)
Kẻ đâu thế nước rã rời,
Gẫm ra như lão là người bỏ đi. (3181)
Hãy còn lắm việc dự kỳ,
Cô đầu con hát đua thi đêm ngày, (3182)
Quan gia xúm lại mê say,
Dân nghèo chìm nổi chưa cay không màng ; (3183)
Biết bao núi bạc non vàng,
Đề mà chơi hát chán chương buông lung ; (3184)
Hãy còn lắm chúc lạ lùng,
Kết thề thần thánh hội đồng ba vua ; (3185)
Cậy binh ý sức xúm ùa,
Quyền dân đảo bới, quyền vua vun trồng ; (3186)

- Chỗ nào dân muốn vẫy vùng,
Đưa tin ba nước hội đồng đánh tan ; (3187)
Chừa ra Anh, Mỹ cách ngàn,
Còn đâu dân cũng vái van hết lời. (3188)
Bấy giờ khảng khái lắm người,
Ăn ngay nói thẳng giúp đời cứu dân ; (3189)
Rồi ra trối cổ xiềng chân,
Rời ra bỏ mạng chôn thân xiết nào ! (3190)
Va ngời lắc vế vuốt râu,
Rằng : bay còn dám chọc tao nữa nào ! (3191)
Tướng là đất thấp trời cao,
Từ đây sung sướng vênh vao mọi đời ; (3192)
Biết đâu trong bụi ngoài khơi,
Lắm phe độc lập, lắm người tự do, (3193)
Thầm thì tiếng nhỏ tiếng to,
Biết đâu hình bóng mà dò cho ra ; (3194)
Địa lôi chôn khắp gần xa,
Chờ thời đợi thế bước ra châm mồi. (3195)
Đùng đùng một tiếng long trời,
Lang-Sa cách mạng rụng rời cõi Âu ; (3196)
Những phường vua chúa lắc đầu,
Lòng người sôi nổi như hầu vũ đê. (3197)
Họ Mai tịt ngón hết nghề,
Khôn phương giâm khớp, vớ bề gương đao ; (3198)
Lòng dân trông thấy ngán ngao,
Sôi gan tức máu ào ào nổi lên ; (3199)
Dâng thơ kể hết sự tình,
Trầm bề sui giục triều đình sửa sang ; (3200)
Học trò lắm kẻ nghiêng ngang,
Trước dân lớn tiếng kêu vang reo hò : (3201)
Phải cho sách vở tự-do,
Phải cho kiện cáo đôi co chánh tà ; (3202)
Phải cho lập hiến nước nhà,
Phải cho chém mấy thằng tà đảo điên ; (3203)
Phải cho dân được chánh quyền,
Phải cho độc lập về viêng nước nhà. (3204)
Trong khi rộn rục gần xa,
Dân ta bầu cử cha nhà đem thơ ; (3205)
Qua đó nước Úc bấy giờ,
Van đòi vua Úc phải trừ chánh hung ; (3206)
Đi qua vừa đến cửa cung,
Kẻ đồn người quyền rùng rùng trong đêm ; (3207)

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Đón đưa trước đuốc sau đèn,
 Sáng trưng mấy dặm, đưa chen muôn người, (3208)
 Kêu rằng: dân chủ ra đời!
 Tự-do vạn tuế! « động trời tiếng vang; (3209)
 Nghị trường chưa kịp mở màn,
 Người ta đã chực muôn vàn bốn bên; (3210)
 Hịch cha lớn tiếng đọc lên,
 Muôn người một miệng: « đồng tình » tiếng vang; (3211)
 Cùng nhau kéo tới bệ vàng,
 Kêu vang thể nước nhận nhằng, vua nghe. (3212)
 Kéo nhau cả lũ cả bè,
 Họ Mai mang gói kè-kè trốn ngay. (3213)
 Máy thẳng gian nịnh xưa nay,
 Minh làm quan lớn một tay triều đình, (3214)
 Đã không hết kính, hết thành,
 Bỏ thân cứu chúa, liều mình tạ dân, (3215)
 Lại không chúc quý mưu thần,
 Đẹp yên loạn-lạc cho dân bằng lòng, (3216)
 Lỗi chi lỗi chết lỗi chồng,
 Bỏ vua, trốn nước, thoát vòng chạy ngay; (3217)
 Vây còn mang mặt, mang mày,
 Trông người thiên hạ, dạn dày xiết bao! (3218)
 Nghĩ thôi, thôi cũng ngán-ngao,
 Xưa nay những kẻ tâm-phào thiếu chí, (3219)
 Hồng-Liên thưa lại tức thì:
 Từ xưa lắm đứa chì-bì mặt tham, (3220)
 Ăn xơ của nước chàm-bàm,
 Nổi giậy cho giặc buộc glàm người ta, (3221)
 Làm cho hồ đến nước nhà,
 Mà nào có biết xấu xa thẹn thùng; (3222)
 Còn ngài chí khí anh-hùng,
 Ba chìm bảy nổi, đường cùng lênh-đênh; (3223)
 Quê cha đất tổ lánh mình,
 Nghĩ thân trôi nổi bồng bình mà thương; (3224)
 Chàng liền cặn kẽ hỏi nàng:
 Tiếng ngài lắm lúc sấm vang vào đầu, (3225)
 Nhưng còn lắm việc xa sâu,
 Tôi đây chưa biết tận đầu tận đuôi, (3226)
 Xin nàng nhận dịp kể xuôi,
 Nàng rằng: cha lúc ba mươi tuổi đầu, (3227)
 Dân nhà thương mến cử bầu,
 Lên làm nghị-sĩ bắt đầu từ khi, (3228)

- Lúc giờ danh tiếng chưa chi,
Nói bàn chưa chín, thố thì chưa rành ; (3229)
Chưa quen thể nước dân tình,
Gắm trong tài trí chưa kinh lòng người ; (3230)
Trong khi bàn bạc việc đời,
Than dài thở vắn hồ người cho mình : (3231)
Rằng : ta nghệ cũng thẹn tình,
Quyền dân gánh vác trong mình chan chan ; (3232)
Muốn ra thay mặt kêu van,
Trám đều khuất lấp, phụ phàng dân ta ; (3233)
Nếu mà từ chức về nhà,
Lại e mất bụng trẻ già trong dân ; (3234)
Thôi thôi ta cũng liều thân,
Đền bồi nợ nước chả cần chê khen. (3235)
Bấy giờ lắm chú nghị-viên,
Ăn xôi ngọng miệng bỏ quên phận mình, (3236)
Làm cho quan lớn ưa tình,
Việc gì bàn bạc dẫu quanh bịt bủ ; (3237)
Lạ chi những thói dân ngu,
Xưa nay chánh-trị mặc dù quan trên, (3238)
Cong lưng đóng góp đã quen,
Nào ai dám hỏi việc trên nước nhà ; (3239)
Quan gia đặc thể hành hà,
Của tiền mặc sức vô ra một mình ; (3240)
Kẻ chi những lũ trẻ ranh,
Thân làm nghị-sĩ dân tình xấu xa ; (3241)
Cha tôi ngựa miệng nói ra !
Những quân rượu thịt nước nhà biết chi ! (3242)
Hành hà mấy đứa ngu si,
Sao cho nặng túi đầy bì thời thôi ; (3243)
Thối người bạc bẽo như vôi,
Nước nhà đến thế là rồi, còn chi ! (3244)
Từ sau bàn bạc việc gì,
In ra cặn kẽ, phát đi xa gần, (3245)
Trẻ già cất tiếng đọc rân,
Tức quân cướp cọn, lần lần tỉnh ra. (3246)
Bây giờ những lũ quan tòa;
Sợ dân thức dậy lo xa giữ gìn, (3247)
Giấy tờ cấm chẳng được in,
Cho tôi kiếm cách bày bên viết thăm ; (3248)
Nhiều người chép vắn biên ngàm,
Truyền cho thiên hạ âm-thầm xem coi ; (3249)

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Dân ta rõ biết cặn còi,
 Rầm rầm thức dậy, réo đòi kêu ca : (3250)
 Đòi sau dự toán nước nhà,
 Trong vòng tiền bạc vào ra món gì, (3251)
 Phải cho dân biết tức thì,
 Quan gia thua trí, phải y như lời. (3252)
 Giận cha đập bẻ tù người,
 Nhấn nhẹ hăm dọa, lăm lời kiêu ngoa : (3253)
 Rằng : ngài con ông cháu cha,
 Ngồi cao tuổi trẻ tài ba đủ đều, (3254)
 Tiếc vì lăm việc hay liều,
 Vuốt ve râu cạo, trêu lêu miệng rỗng, (3255)
 E khi mắc họa bỗng không,
 Từ sau tôi hãy xin ông phải chừa ; (3256)
 Nếu ông biết thế nương dữa,
 Một đời sung sướng cũng vừa bụng ông ; (3257)
 Nếu mà bất thái nghênh ngang,
 Quan cao lộc cả còn trông ở người. (3258)
 Cha tôi nghe nói nực cười,
 Rằng : ta giàu có mấy đời ông cha ; (3259)
 Muốn cho sung sướng thân ta,
 Nằm ăn cũng chán phải ra làm gì ; (3260)
 Thương vì dân cực nước suy,
 Một ngày một khó một suy lăm rồi ; (3261)
 Lòng ta thề thốt với đời,
 Giúp dân cứu nước đoái hoài việc chi ; (3262)
 Bây giờ dân sự khuyh nguy,
 Dầm dề máu mủ, ly-bì thuế sâu, (3263)
 Rán cho hết mỡ hết dầu,
 Đem dùng vào chỗ đâu-đâu lăm rồi ; (3264)

.....

(Lạc mất một đoạn)

- Nói rồi đứng dậy làm ngay,
 Rửa nhau chẳng chút mó tay của người. (3265)
 Những điều ích nước lợi đời,
 Một người sướng trước muôn người vui theo. (3266)
 Dân ta từ đó đỡ nghèo,
 Nghiệp buôn nghề thợ càng trào càng cao. (3267)
 Cha tôi ý-khi hùng hào,
 Lượng sâu như biển trí cao như trời, (3268)
 - Một thân gánh vác việc đời,
 Dầu cho thật nát xương rồi như không ; (3269)

- Nghiêng nhà kết kẻ anh-hùng,
Thanh-danh từ đấy sấm rung một đời ; (3270)
Trong nghị-viện, giữa đồng người,
Kêu dân khò sỏ, nhiều lời thấp cao ; (3271)
Miệng như nước, lưỡi như dao,
Anh nào chống lại, ngã nhào thua ngay ; (3272)
Nghị trường ngang ngựa một tay,
Găm trong nghị-sĩ xưa nay ai bì ; (3273)
Đảng kinh lắm tiếng thăm thì :
« Trong trường miệng lưỡi làm gì được va, (3274)
Bầy dê đánh với cọp già,
Thế nào cũng phải bị va hóp hồn ! » (3275)

.....

(Lạc mất một đoạn)

- Những người cồ hủ lò mờ,
Cuộc đời chẳng biết bây giờ là đâu, (3276)
Rủ nhau xúm miệng nhóm đầu,
Bàn nhăng nói chạ, lắm câu nực cười : (3277)
Tướng hiền vua thánh lắm người,
Tiếng tăm vẫn đề trong đời xưa nay, (3278)
Đều là chuyên chế một tay,
Nước nhà giàu mạnh xưa nay cũng thường ; (3279)
Bây giờ bày đặt nhiều đường,
Cộng-hòa, lập hiến, phi thường đảo-diên, (3280)
Làm cho vua chúa mất thiêng,
Làm cho đến nỗi quân quyền dò-dang, (3281)
Lộn nhào kẻ tiện người sang,
Làm cho gốc nước ngựa ngang không bền ; (3282)
Xúm nhau đua dọc quan trên,
Hăm he dân sự bỏ quên phận mình ; (3283)
Chỉ người diễn-thuyết nhật-trình :
Rặt quân ngang dọc rặt tình rêm pha ; (3284)

.....

(Lạc mất một đoạn)

- Hỡi còn bướng bỉnh lắm lời,
Kẻ ra mỗi miệng hết hơi không cùng. (3285)
Xưa nay những kẻ công trung,
Ngày lâu rồi cũng động lòng người ta ; (3286)
Gặp châu bầu cử dân nhà,
Ai ai cũng chắc cha già một tay ; (3287)
Quan tà sợ sệt lo quay,
Trong ngoài dứt nhét đêm ngày dò la ; (3288)

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Bày ra cuộc rượu cuộc trà,
Đón đàng hàm dọa, tới nhà đồ khuyển ; (3289)
- Phe chà cũng lắm tay hiền,
Nhật-trình diễn-thuyết, vẹn tuyền theo cha ; (3290)
- Hai bên miệng lưỡi xông pha,
Một thân quan hệ nước nhà biết bao ; (3291)
- Bấy giờ lắm á má đào,
Chạy ra diễn-thuyết kêu rao khắp đàng ; (3292)
- Đến đâu cát tiếng nhẹ nhàng,
Chống bên lũ dữ, giúp đàng công trung ; (3293)
- Đến ngày tuyền cử làm xong,
Cha già hẳn đứng vào trong vẹn tuyền ; (3294)
- Đàng kinh tra mặt vô duyên,
Đàng ta mừng rỡ biết thiên vận nào ; (3295)
- Cha làm nghị-sĩ đứng đầu,
Đem ra sửa lại thuế xâu tiền tài ; (3296)
- Chăm lo hết sức móc soi,
Này bên công phí này bài tứ tiêu. (3297)
- Nghị trường bàn bạc lắm đều,
Thình-linh một tiếng sét kêu bề trời ; (3298)
- « Pa-Ri dân dậy toi bởi ! »
Nghe thôi ai cũng hồn rời phách xiêu. (3299)
- Cha liền nói lớn mấy đều :
Nước nhà còn, mất, vững, xiêu, lúc này ! (3300)
- Dẫu bên tiền bạc sửa ngay,
Cũng còn chưa chắc dứt dây oán thù ; (3301)
- Bởi vì dân sự bấy lâu,
Trông mong hết sức buồn rầu lắm phen ; (3302)
- Vậy mà kẻ dưới người trên,
Hăm he bóp nắn tập quen cúi lòn, (3303)
- Nước nhà ngày một thon-von,
Bây giờ nếu muốn vương tròn mọi bên ; (3304)
- Chi bằng một lát gương thiêng,
Chặt ngay ngọc độc dứt liền gốc tai : (3305)
- Một là Đặc-Niết họ Mai,
Mượn hơi thần thánh sính tài quỷ ma ; (3306)
- Một tay phá nát nước nhà,
Lỗi làm về chúa vinh hoa về mình ; (3307)
- Xưa nay quan lớn triều-đình,
Hết ngay thờ nước, hết tình vì dân ; (3308)
- Từ khi Đặc-Niết cầm cân,
Trên không ích nước dưới dân ngã lòng ; (3309)

- Đại thần thế ấy sao xong,
Phải toan thay kẻ công trung mới là. (3310)
Hai là chánh-phủ nước ta,
Mấy người cầm giữ nước nhà trong tay ; (3311)
Cứ theo lẽ tể tướng xưa nay,
Quyền cao tể phải dạ dày mới cân, (3312)
Từ khi Đạc-Niết hiện thân,
Nước nhà như thế thẳng bàn, phải thua ; (3313)
Lỗi làm trút cả cho vua,
Hư hao kiếm miếng, trút ủa các quan ; (3314)
Mình thì ngủ kỹ ăn ngon,
Nước nhà chẳng biết mất còn thanh suy ; (3315)
Ấy là Tể-tướng lỗi nghi,
Phải toan kiếm thế đuổi đi mới đành ; (3316)
Ba là quyền thế triều-đình,
Lầu cao các cả linh-đình vẻ vang ; (3317)
Thấu cho hết bạc hết vàng,
Làm cho sung sướng nở nang thân mình, (3318)
Còn ngoài làng xã dân tình,
Sưu xiêu thuế giạt, gió thành mưa tan, (3319)
Đình điền chồng chất nặng oằn,
Ruộng nhà bán ráo còn van còn đòi ; (3320)
Vợ con đói rét loi-nhoi,
Xa xuôi xiêu giạt tìm tòi miếng ăn, (3321)
Muôn vãn của hết người khan,
Cũng vì phá nát phép hằng nước dân, (3322)
Phải toan sửa lại một lần,
Sao cho dân được mười phần sống vui. (3323)
Bốn là tiền bạc phan-phui,
Rán dầu, rán mỡ, đập dùi đập sàng, (3324)
Tiêu cần phí chợ làng-nhăng.
Ngàn thăng hút máu, muôn thăng lột da ; (3325)
Quan giàu rất đổi kiêu xa,
Hàng ngoài mua sắm hàng hà biết bao, (3326)
Của tiền ngày một tốn hao,
Tôi e rồi lại té nhào như xưa ; (3327)
Phải toan kiếm cách ngăn ngừa,
Từ sau cạo sạch cho chừa thói tham. (3328)
Năm là chánh-trị phương châm,
Hướng nào giữ chắc chỉ nam một bề ; (3329)
Đừng đều dùm bọc bạn-bè,
Quan gia đừng kiếm lối lẽ đặt thêm ; (3330)

GIAI-NHÂN KỲ-NGÔ

- Thuế sưu bắt chốt bắt nê-m,
Đề cho dân sự ấm êm lần lần ; (3331)
Và quan là đề giúp dân,
Chớ không phải đề dưỡng thân thằng cùng, (3332)
Mà nay làm việc lạ lòng,
Quan gia nhìn lại như sùng đục sáng ; (3333)
Ơn riêng cũng được thưởng thăng,
Khi thò trái miệng máy thằng dèm chê, (3334)
Trường quan như rạp hát thuê,
Ngồi trên nhiều bạc u-mê mặc lòng ; (3335)
Của là thiên-hạ của công,
Phải là của tổ của tông đũa nào ; (3336)
Bây giờ tiêu phí tầm phào,
Dân ta ra sức nộp vào làm chi ; (3337)
Gặp cơn nhà nước khuynh nguy,
Nhịn ăn bớt uống cũng vì phận dân ; (3338)
Trước là cung đồn viên nhân,
Sau là lán nhỏ nhơn dân dựng nhờ ; (3339)
Mà nay đến đổi hời hờ,
Vệ thời dân sự nương nhờ vào đâu ; (3340)
Thương ôi ! các cụ cầm đầu,
Ngày đêm múa hát yếm ôu cửa nhà ; (3341)
Càng ngày càng sút càng sa,
Người ngoài khinh-dề, dân nhà đói lã,
Hồi còn trọn mắt nhơn rằng, (3342)
Cần đũa phép tắc, đón ngón thư từ ; (3343)
Người ngay kiểm thế xu trừ,
Chận ngang hợm sĩ nấu như xương dân ; (3344)
Lòng người hết chỗ vì vãn,
Chắc là thế nước đã gần tắt hơi ; (3345)
Phải toan dựng lại cuộc đời,
Bỏ loài tham nịnh, chọn người công minh ; (3346)
Việc chi phải thuận dân tình,
Đòi thay sửa đặt triều-đình các quan ; (3347)
Hộ mình trăm việc đều khoan,
Bớt xâu nhẹ thuế cho toàn mạng dân. (3348)
Một thiên kẻ hết xa gần,
Hai bên nghị-sĩ rần rần ó theo ; (3349)
Rằng : nay nhà nước hiểm nghèo,
Quan-gia rệt lữ lèo-hèo khó coi ; (3350)
Làm cho xấu nước tồn oai,
Một đời chỉ biết móc xoi của người ; (3351)

- Và như Tề-tướng họ Mai,
Tốt đồ khéo nói trong ngoài ngựa-nghiêng ; (3352)
Quan to thế ấy ai kiêng,
Sửa sang chánh nước là quyền tại dân ; (3353)
Phải toan sắp đặt một lần,
Phải cho nghị-sĩ mười phân chánh quyền ; (3354)
Nào là bàn nói chép in,
Phải cho dân sự có quyền thung-dung ; (3355)
Thuế thời bớt ngạch chánh cung,
Lo ngoài ngân giốc giữ trong nước nhà. (3356)
Xúm nhau lại cử cha già,
Cầm thơ qua Úc rầy rà cãi co ; (3357)
Thế cùng vua cũng phải cho,
Mười phần dân được tự-do cả mười. (3358)
Nước ta rúi có một người,
Tên Tà-La-Quỹ, thiệt loài rước voi. (3359)
Xưa nay bợ dít họ Mai,
Say mê Đạo-Giáo, chê bai học-hành, (3360)
Thề lòng chống với văn-minh,
Bây giờ trông thấy đáng kinh mnh hơn, (3361)
Thẹn-thường va mới nổi cơn,
Ra tay phá nát giang-sơn cho đành ; (3362)
Rằng : ta quan lớn rõ ràng,
Mà nay ngồi với quân ranh lũ cùng ; (3363)
Cất binh chiêu mộ đảng hung,
Xưa nay chó chạ mèo đồng thiếu chi, (3364)
Xúm nhau gây cuộc loạn-ly,
Đốt nhà, cướp ruộng, chặt mì, phá khoai ; (3365)
Phản thì vua Úc giúp ngoài,
Nước Nga thừa thế móc soi đủ đảng, (3366)
Xui cho dân giáo nghênh-ngang,
Mình thì ngồi ngó hai đảng hơn thua ; (3367)
Dân ta kiện cáo đến vua,
Úc-hoàng kiếm chuyện thù-thù qua loa : (3368)
Ngoài thì bắt tội tà-la,
Trong thì gươm súng đưa qua cho người ; (3369)
Dân ta tức giận bởi-bởi ;
Cha tôi diễn-thuyết mấy lời thưa qua : (3370)
Úc-hoàng quên việc nước nhà,
Xui người làm loạn phá ta rõ ràng. (3371)
Lầm le trâu ngựa một đoàn,
Cuộc này chưa dễ giữa đảng mà thôi ; (3372)

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Thêm binh hai chục vạn ngoài,
Quyên vàng ngàn vạn, các người nghĩ sao ? (3373)
- Nghị-viên lớn tiếng ồn-ào :
Tự-do chẳng được, chết nhào mà thôi ! (3374)
- Đề đầu kẻ đập người vui,
Hối xin liều chết với đời cho cam. (3375)
- Dân ta nghĩa khí hàm-hàm,
Cha tôi trông thấy dầm-dầm lụy rơi : (3376)
- Rằng : tôi thay mặt nước tôi,
Cúi đầu cảm tạ lòng người thế nì. (3377)
- Cùng nhau uống máu đồng thề,
Bầu cha coi hết mọi bề quân-gia. (3378)
- Giặc binh kéo đến nước nhà,
Dân ta hết sức xông pha đuổi dài ; (3379)
- Tà-la thoát khỏi vòng ngoài,
Chạy về kinh Úc kiếm bài thêm binh ; (3380)
- Quân và chẳng chịu chống kinh,
Rằng : mình đâu nữ giết mình cho đang ! (3381)
- Việc này lỗi ở miếu-đường,
Bọn ta đâu chết cũng thương lấy nôi. (3382)
- Va liền đòi lấy binh ngoài,
Hai bên xáp trận kéo dài hơn thua. (3383)
- Học trò Úc cũng tức vua,
Đùng-đùng vác súng xúm ùa kéo ra ; (3384)
- Phó-phường nổi dậy gần xa,
Bốn bề đón đánh quân và vui đầu ; (3385)
- Bắt ngay loài một lũ sâu,
Vát thây dưới súng, bêu đầu ngọn cây ; (3386)
- Úc-hoàng cũng phải chạy quay,
Kinh-thành nắm hết trong tay học trò. (3387)
- Tiếc vì đám quạ bày cò,
Một thành rớt lũ học trò không xong. (3388)
- Úc-hoàng chạy thoát ra vòng,
Hiệp quân đang nguy đùng-đùng kéo sang. (3389)
- Nghĩ tình lúc ấy mà thương,
Lao-nhao lúc nhúc một trường trẻ con. (3390)
- Sự tình trăm phía thon-von,
Mai chiều thế nước mắt còn ngửa nghiêng. (3391)
- Ví như một lũ đi thuyền,
Giận cho tên lái, bắt liền chém ngay, (3392)
- Thuyền thời nằm động trong tay,
Nhưng không biết trở biết day thế nào ; (3393)

- Lênh-đênh sóng gặt sóng xao,
Trăm bề chẳng biết thế nào là an. (3394)
- Biện-võ là tướng Ba-Lan,
Liều mình trăm trận, trải gan một đời, (3395)
- Bực mình thế nước tại-bờ,
Thề lòng chẳng chịu một trời đội chung, (3396)
- Bấy lâu lánh dấu anh-hùng,
Nghe tin người cũng vào vòng cầm binh. (3397)
- Nước ta tướng giỏi có danh,
Tên là Khô-Lạc vào thành giúp mưu. (3398)
- Trong thành hết sức đồng cừu,
Ngoài thì binh Úc bịt bù phủ vây. (3399)
- Binh ta đốc dạ cứu nguy,
Hiềm vì hai đảng đêm ngày có đôi, (3400)
- Cãi nhau lắm việc lời-thôi,
Sau rồi lại cử cha tôi cứu người. (3401)
- Hai muôn quân kéo tức thời,
Giặc quân sáu vạn tới nơi chống kinh, (3402)
- Quân ta hết sức liều mình,
Người thua súng nhỏ nên thành dở-dang ; (3403)
- Nửa ngày đua sức sa tràng,
Thua cơ ta phải liệu đảng tháo lui ; (3404)
- Trong thành thấy thế phan-phui,
Hết ăn rồi cũng tính chui ra đầu. (3405)
- Tà-la binh đuổi theo sau,
Quân ta tức giận đón đầu đánh tan ; (3406)
- Giặc liền cạy thế Thái-San,
Hal mươi bốn vạn bốn đảng kéo qua. (3407)
- Bấy giờ trong thế nước ta,
Lương tiền thút rút quân già rã-rời ; (3408)
- Cha tôi gắng sức gắng hơi,
Khuyến dân đúc súng, dỗ người tập binh ; (3409)
- Trong thì chánh nước kinh-dinh,
Ngoài thì chống cự giặc kinh một tay, (3410)
- Một thân lo lắng đêm ngày,
Thấy thôi ai cũng thương thay cho tình ; (3411)
- Nào là các cố tu-hành,
Nào là mấy cụ dưỡng mình xưa nay, (3412)
- Bấy giờ thấy thế đắng cay,
Cũng ra hết sức giúp tay nước nhà ; (3413)
- Người thì vác đao xông pha,
Người thì la lối: người ta dày vò ; (3414)

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Khốn thay thế nó quá to,
 Bình nhà thua kém kinh-đô tan-tành. (3415)
- Cha tôi gắng gở tướng binh,
 Nói: xưa người Mỹ chống Anh lúc đầu, (3416)
- Ba thành đã bị xé thâu,
 Vậy mà hết sức xúm nhau chống kinh, (3417)
- Chúng ta phải hết sức mình,
 Đừng cho người Mỹ rấp rinh chế cười. (3418)
- Quân ta nghe bấy nhiều lời,
 Rật thương, bó máu, tình tươi bội phần. (3419)
- Lại còn hai vị tướng-quân,
 Hào-lưu, Biện-võ vốn thần dụng binh ; (3420)
- Hào-lưu cứ hiềm chống kinh.
 Phía đông Biện-võ đem binh đuổi dài ; (3421)
- Ba-lan lại có một ngai,
 Tướng-quân họ Điền đủ tài lược thao, (3422)
- Giúp ta hết sức hùng-hào,
 Đánh ngang phía bắc đuổi nhào Úc quân, (3423)
- Tiệt-Xu một trận binh thần,
 Giặc kinh mất vía, bỏ thân muôn vắn ; (3424)
- Bình ta oai tợ sấm vang,
 Tà-la ngóng gió tìm đường chạy ngay. (3425)
- Cuộc đời nghĩ lại cũng hay,
 Khi hư xúm lại kẻ rầy người chê, (3426)
- Xem chừng thế thẳng trở về,
 Thì thôi ai cũng vỗ-về ngợi khen ; (3427)
- Nước ta lúc mới đưa chen,
 Âu-châu các nước xem hèn xem khinh ; (3428)
- « Nước Hung lắm thế lênh-đênh,
 Chống sao cho lại Úc binh hùng-cường » ! (3429)
- Bây giờ khen ngợi um-sùm :
 « Úc sao thẳng nòi nước Hung đó mà » ! (3430)
- Khốn thay thói tục xấu-xa,
 Anh em đánh lộn kêu-ca người ngoài ! (3431)
- Úc-hoàng thấy thế chơi-voi,
 Lòng đau nghĩ đến cận-còai sầu-xa, (3432)
- Làm vì miệng lưỡi người Nga,
 Rước voi quên cả xấu-xa nước mình ! (3433)
- Nước Hung là nước đồng-minh,
 Chuyện chi đến nỗi cộ binh Nga-hoàng ? (3434)
- Nước Nga cộ thế hùng cường,
 Bấy lâu không việc còn đương ngựa nghè, (3435)

- Vả chẳng thấy Úc càng bề,
Quyền vua thút-mút, đòi về quyền dân, (3436)
Một là đồng bệnh tương lân,
Hai là giúp đỡ nước gần lấy công, (3437)
Ba là đánh đổ nước Hung,
Ngày sau thâu xé Âu-đông cũng vừa ; (3438)
Ấy là lòng cũ dạ xưa,
Bây giờ may lại thừa ưa gặp chầu, (3439)
Nghe lời mừng rỡ gác đầu,
Kéo binh thẳng tới đập nhau nước Hung ; (3440)
Rêu-rao lăm tiếng lạ-lùng :
« Nước Hung là giặc vấy vùng tự-do, (3441)
Nước Nga chẳng biết tự-do,
Tự-do là thực thù to chúng mình | (3442)
Nước Hung sự nghiệp dựng thành,
Cối Âu khôn giữ thái bình các vua ; (3443)
Vậy nên phải đập cho thua,
Dựng càn chuyên-chế, phá đũa tự-do ; (3444)
Ấy là quyền phép trời cho,
Ấy là bòn phận ta lo đêm ngày » | (3445)
Dân Hung lăm nổi đàng cay,
Đưa thư các nước tỏ bày kêu van, (3446)
Lạ chi những thói dã man :
Già tay lữ yếu, non gan đảng kinh | (3447)
Lóng tai Nga, Úc hiệp binh,
Ai kêu trời mặc, làm thình lắc đầu. (3448)
Úc, Nga ý sức mạnh giàu,
Binh năm mươi vạn kéo vào nước Hung, (3449)
Dân ta tức rối lạ-lùng,
Đành liều chết với non sông một lần ; (3450)
Hịch truyền khắp cả xa gần,
Kể ngay tội Úc hại dân rõ ràng ; (3451)
Tám trăm, bốn chín, một ngàn (1849)
Thực ngày mười bốn, trong vòng tháng tư, (3452)
Thề lòng khôi phục kinh sư.
Vậy người Phiến-thế hùng cử cầm binh, (3453)
Ngày đêm máu chảy đầy thành,
Rạng ngày tướng sĩ liều mình hăm vây ; (3454)
Hai bên gươm giáo xúm vây,
Quân ta như kiến phủ ngay vào thành, (3455)
Tướng hùng Phiến-thế nạp mình,
Toàn quân bó gláp đổ thành nước ta ; (3456)

GIAI-NHÂN KỲ-NGŨ

- Làm-le dựng lại nước nhà,
 Hiềm vì nước Úc, nước Nga thị hùng, (3457)
 _Viện binh càng tiếp càng đông,
 Quân ta bốn phía khôn trông chống kinh. (3458)
 Hào-Lư tướng giỏi cầm binh,
 Dày tài thao lược, mỏng tình công trung, (3459)
 Bấy lâu mong chí lạ lòng,
 Cùng cha ghen ghét vắng vùng lăm phen ; (3460)
 Quân Nga một thóm biết liền,
 Miệng mồm đồ ngọt, bạc tiền đưa qua ; (3461)
 .. Lạ chi quan lớn nước ta,
 Thấy tiền còn biết nước nhà là đâu ; (3462)
 Xếp binh bố giáp ra đầu,
 Mấy muôn tướng sĩ buồn rầu khóc than ; (3463)
 Va còn trơ mặt mê-man,
 Tìm mưu kiếm chước đỡ can nhiều lời ; (3464)
 « Phải toan nhịn xấu một thời,
 Thương vì một nỗi muôn người thác oan. » (3465)
 Quân ta không chỗ kêu van,
 Bỏ liều tánh mạng phá tàn binh cơ, (3466)
 Xúm nhau chém ngựa, xé cờ,
 Van trời chối đất dật dờ trót đêm ; (3467)
 Một lòng dạ chuột lòng chim,
 Cũng còn lăm kẻ gan lim ruột đồng ! (3468)
 Tướng quân Khố-lạc anh hùng,
 Đóng binh giữ chắc Hồ-mông một thành ; (3469)
 Thăm dò biết cả địch tình,
 Nửa đêm ngậm thẻ thỉnh linh phủ vậy ; (3470)
 Giặc kinh khắp nội bỏ thầy,
 Binh lương khí giới chất đầy muôn xe. (3471)
 Quân ta thừa thế chẻ tre,
 Càng ngày càng nhóm, cò che rạp đàng, (3472)
 Binh oai ngày một dậy vang,
 Thề lòng dốc tới chận ngang kinh thành. (3473)
 Làm cho binh Úc tan tành,
 Làm cho nước Úc dưới thành kêu ca ; (3474)
 Quân ta say máu ngà ngà,
 Liền ngày trất thẳng xông pha giặc kinh ; (3475)
 Vỡ-la hồ cả đồn binh,
 Mấy muôn tướng sĩ ra tình hăm he, (3476)
 Tự do năm về mây che,
 Ngọn cờ độc lập lập lòe gló bay ; (3477)

Vua tôi nước Úc khoanh tay, Quân ta mừng rỡ đương bày tiệc vui ;	(3478)
Trông ra một chú lui-hui, Mặt mày buồn bã chạy vùi tới nơi,	(3479)
Xiết bao trách đất van trời, Xem ra mới biết là người ngh]-viên ;	(3480)
Nhảy vào khóc lóc nói liền : « Thôi rồi sự nghiệp đảo điên nước nhà	(3481)
Hào-lư bán cả ông chạ, Đành lòng theo giặc nước nhà tan hoang	(3482)
Họ Tô thất thế, vội vàng, Kéo ngay một đạo binh tàn sang sông ».	(3483)
Quân ta nghe nói lạ-lùng, Ruột gan nhức nhối, muôn dòng ngồn ngang	(3484)

HỒI THỨ CHÍN

Tướng-quân trông thấy vội-vàng. Tỏ lòng khảng khái, cợn dềng thì chung	(3485)
« Bọn ta thề với non sông, Thân này khác thề lông hồng nhẹ thay	(3486)
Cúi đầu cho chúng dọa đầy, Chẳng thà da ngựa bọc thân cho rồi	(3487)
Dầu mà còn một tí hơi, Lòng ta nào nỡ tay rời gươm đao ;	(3488)
Hiềm vì thế nước đã nhào, Trông sau ngó trước thế nào khôn xong ;	(3489)
Thân ta bao quản long-đong. Muốn đi, muốn ở, mặc lòng các quân ».	(3490)
Quân ta đứng dậy rần-rần Lòng trung dạ nghĩa một lần thưa qua :	(3491)
« Chúng tôi bỏ họ bỏ nhà, Đem thân trả nợ nước nhà bấy lâu,	(3492)
Nên hư được mất mặc dầu, Trong vòng sống chết xin hầu tướng-quân ;	(3493)
May mà trời thuận lòng dân, Nước ta thoát khỏi gian truân lúc này ;	(3494)
Rủi thì vì nước bỏ thân, Làm ma trung nghĩa xum vầy có nhau	(3495)
Tiếng thơm còn để đời sau, Họa là con cháu ghi sâu chữ thù »	(3496)
Muôn người một dạ đồng cừ, Tướng-quân mừng rỡ, tiền khu kéo liền ;	(3497)

GAJ-NHÂN KỶ-NGỘ

- Tới đâu quyền sủng, quyền tiền,
Hồ-mông kéo lại sửa kiển trỉ thành, (3498)
Đêm ngày gắng gở quân binh,
Giục lòng kẻ mạnh thương tình người đau ; (3499)
Hịch truyền cặn kẻ mấy câu :
« Xưa kia lắm kẻ buồn rầu hơn ta ; (3500)
Trong tay một đội quân già,
Thừa cơ dựng được nước nhà lắm khi ; (3501)
Thử xem nước Thồ-nhĩ-Kỳ,
Nồi bên Châu Á mạnh gì bao lắm, (3502)
Chỉ đem lính kỵ bốn trăm,
Đánh tan La-Mã, xô ãm cõi Âu ; (3503)
Lại còn một việc chưa lâu :
Phá-Luân thừa thế xé thấu kinh thành ; (3504)
Cơ đồ nước Úc tan tành,
Quân ta ra sức chống kinh đuổi ngay ; (3505)
Gãm cơ được mất xưa nay,
Thế ta chưa dễ đoạ đầy cho qua ; (3506)
Mấy ngàn trung nghĩa nước ta,
Năm trăm ngựa mạnh, một tòa thành cao, (3507)
Thừa cơ dĩ dật ãi lao,
Một ngàn đương vạn, giặc nào cũng tan ; (3508)
Anh em gắng hết ruột gan,
Thề nhau thịt nát xương tan với thành ; (3509)
Vậy thời đường hiềm cũng bình,
Bình hèn cũng mạnh, giặc kinh cũng suy ». (3510)
Quân ta cặn nổi vân-vi,
Thề thà trôi máu, quân gì bỏ thây. (3511)
Giặc binh bốn phía phủ vây,
Gươm đao làm hiệu, súng xấy làm thành ; (3512)
Súng rền bẽ toác trời xanh,
Đạn bay mưa vãi, lựu doanh lửa tàn | (3513)
Khởi lên ngúi ngút mây vàng,
Địch quân thừa thế tràn ngang vào thành ; (3514)
Quân ta thí mạng chống kinh,
Địch quân thất thế rừng mình tháo ra ; (3515)
Hiềm vì sự thế bên ta,
Đạn lương thuốc mứt, quân gia hao mòn, (3516)
Trong thành ngày một thon vón,
Ngoài không binh viện, thôi còn trông ãu | (3517)
- ★
- Úc-quân lại dụ xuống ãu,
Bàn cùng Khỏ-lạc mấy câu sau này : (3518)

- « Tướng quân thiệt đúng tướng tài,
Thường đem tàn tốt đuổi dài đại quân; (3519)
Bây giờ thế đã gian truân,
Lòng ngài vẫn giữ mười phân vừng vàng; (3520)
Ngài coi cái chết như thường,
Lòng trung liệt ấy dội vang hoàn cầu; (3521)
Nhưng nay cả nước đã đầu,
Viện binh chẳng đến thì hầu mong chi ? (3522)
Tướng quân giữ một thành nguy,
Bấy lâu một dạ trung thì thiệt trung; (3523)
Chỉ xin ngài nghĩ cho cùng:
Ích gì cho nước mà hồng bỏ thân ? (3524)
Làm thêm tàn hại sinh dân;
Tôi xin bàn với tướng quân giảng hòa. » (3525)
Tướng quân bình tĩnh nói ra:
« Tôi xin tạ cái ơn đã nhọc tôi ! (3526)
Nhưng mà loạn lạc tôi bởi,
Nghĩ hòa không phải là lời không hay; (3527)
Hãy xin đánh ước thế này:
Quân tôi không phải là bày thua ai, (3528)
Vệ đừng trối buộc chân tay,
Các anh phải đợi là người tự-do; (3529)
Tiền, lương, súng ống mọi đồ,
Các anh không được mó rờ tới nơi; (3530)
Trước khi mở cửa thành này,
Chúng tôi còn tế mấy người trận vong, (3531)
Cùng nhau rơi giọt lụy chung,
Đề cho không phụ tám lòng với ai; (3532)
Úc-hoàng nếu có nhận lời,
Thì đây tướng sĩ mới rời chân ra; (3533)
Ví dầu còn nói gần xa,
Thì ta chết với thành ta một ngày. » (3534)
Úc-quân biết thế khôn lay,
Về cùng vua Úc tỏ bày trước sau; (3535)
Úc-hoàng rõ nỗi nông sâu,
Túng đường nên cũng hẹn nhau như lời. (3536)
Tướng quân khẳng khái lên đài,
Nói cùng tướng sĩ những lời tâm can: (3537)
« Anh em tướng sĩ ba quân !
Một lòng trung liệt, mấy lần xông pha; (3538)
Đi đâu ai cũng thua ta,
Nhỏ mà được lớn, ít mà được đông; (3539)

GIẢI-NHÃN KỲ-NGỘ

- Cùng nhau sắt đá một lòng,
Sao cho kéo lại non sông mới đành ; (3540)
Bấy lâu giữ một cô thành,
Bốn năm mươi vạn giặc kinh khôn lay ; (3541)
Hay đâu đồn-dập họa tai,
Làm cho tàn hại giống nòi lấm thây ; (3542)
Lấy ai kéo lại cuộc này,
Các nơi thất bại hàng ngày nghe tin ; (3543)
Hào-lư đã lộ gian tình,
Cúi đầu theo giặc cầu vinh thân mình ; (3544)
Viện binh xa cách muôn nghìn,
Chúng ta nguy khốn quá chừng lấm ôi | (3545)
Nào khôn, nào mạnh, đâu rồi |
Hao mòn gan ruột, rã-rời chân tay ; (3546)
Bây giờ liệu với thành này,
Hơi tàn cũng được mười ngày nữa thôi ; (3547)
To gan mà phải bỏ đời,
Chỉ bằng gắng sống chờ thời lập công ; (3548)
Cùng nhau thề với núi sông,
Nằm gai nếm mật, giữ lòng thù chung ; (3549)
Than ôi | cái sức đã cùng,
Mà lòng sắt đá anh hùng còn đây | (3550)
Gặp nhau rồi cũng có ngày,
(Thân này thề với nước này ngày sau | » (3551)
Ba quân nghe hết mấy câu ;
Ai ai cũng nhỏ giọt châu sụt sùi. (3552)
Mây đen gió lạnh ngậm ngùi,
Cùng nhau cúng vái những người trận vong ; (3553)
Lo bề đắp điểm thủy chung,
Mở cờ, đóng trống, binh nhung chỉnh-tề, (3554)
Kéo nhau ra khỏi thành trì,
Úc-quân trông thấy trăm bề ngợi khen, (3555)
Bấy giờ khắp cả trong miền,
Úc, Nga chung sức giúp yên nơi bời. (3556)
Rời ra Nga, Úc ăn lời,
Bắn hàng tướng, sủy, chém bầy hầu vương ; (3557)
Nghị viên cùng với quan trường,
Nhiều anh cũng chết vì phùng dã man. (3558)
Chúng làm hết sức ngược tàn,
Bà già chẳng nề, gái ngoan chẳng từ ; (3559)
Vào đâu cũng hết cũng ừ :
« Bọn kia làm giặc là từ bay khuyên » (3560)

- Đua nhau cướp của cướp tiền,
Cười ta là bọn rất hèn rất ngu. (3561)
- Sĩ dân tức giận dầu sâu,
Tay không há để làm sao được mà ! (3562)
- Mấy người danh sĩ nước nhà,
Hoặc là bị giết hoặc là phiêu lưu ; (3563)
- An nhàn với bọn quốc cữu,
Chỉ là một lũ Hào-Lưu mấy thằng ; (3564)
- Quốc dân ai cũng nghiêng rằng :
Muốn đem xẻ thịt muốn bằm nát xương ! (3565)
- Góm thay những đũa gian hùng !
Hại nòi bán nước đề hồng giàu sang ! (3566)
- Đời người được mấy tác gang,
Mà bêu tiếng xấu đề ngàn muôn năm. (3567)
- Cha tôi giữ phía đông nam,
Bình tàn chỉ được độ năm ngàn người ; (3568)
- Quân thù kéo đến bời bời,
Cha tôi vừa đánh vừa lui lần lần ; (3569)
- Tuyệt sương đầy dọa tám thân,
Trăm phần cực khổ, trăm phần đắng cay ; (3570)
- Quán gia rời rã chực tay,
Lại thêm lam chướng hằng ngày phát sinh ; (3571)
- Nhiều người đối rét bỏ mình,
Quân mòn gần hết, giặc kinh đuổi theo. (3572)
- Cha tôi thấy thế hiềm nghèo,
Kéo vào nước Thỏ mới kêu cứu cùng. (3573)
- Đáp rằng: « ngày trước tổ tông,
Vốn là cùng với nước Hung có thù ; (3574)
- Nhưng nay ngài đã cùng đồ,
Về đây ai nỡ dầy vò cho đang ; (3575)
- Vả ngài là kẻ phi thường,
Quân tàn mà đánh binh cường như chơi ; (3576)
- Vận cùng mà chí không dời,
Anh-hùng như thế ở đời mấy tay ! » (3577)
- Ăn cần hậu đãi mấy ngày,
Úc, Nga hay được toan bài bắt tươi ; (3578)
- Đem qua mấy nén vàng mười,
Xin cùng vua Thỏ đổi người sang cho. (3579)
- Đọa rằng: « nếu giữ bo bo,
Thì đây ta phải làm to chuyện mà ! » (3580)
- Thỏ-hoàng tức giận Úc, Nga,
Nói rằng: « Tô-Cát thật là người trung, (3581)

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

- Thật là một kẻ anh-hùng,
Phải là một đứa gian-hung đâu mà ! (3582)
- Cứ theo công pháp nói ra :
Phạm về chánh-trị đã qua nước ngoài, (3583)
- Nước nào cũng chứa hần hoi,
Úc, Nga sao khéo cạy tãi với ta ; (3584)
- Nếu mà muốn việc can qua,
Tuy là nước nhỏ nhưng ta sợ gì. » (3585)
- Từ rày Úc Thỗ phân ly,
Cùng nhau đã muốn thử nghề đao binh. (3586)
- Mấy nhà lãnh sự Thỗ-kinh,
Khuyên can nước Thỗ, dỗ dành Úc, Nga ; (3587)
- Toan mưu tìm kiếm gần xa,
Quyết sao giữ được bình hòa mới an. (3588)
- Thỗ đình có một đại thần,
Bàn cùng cha thiếp ân-cần mấy câu : (3589)
- « Chúng tôi dám đấu gì đâu,
Thiệt lòng giữ trước gìn sau cho ngai, (3590)
- Chỉ vì mấy nước ở ngoài,
Cho rằng nuôi cạp làm tai họa người ; (3591)
- Bây giờ giao tế rã-rời,
Muốn đều hòa hiếu phải mời ngai đi ; (3592)
- Chúng tôi ngày tỉnh đêm suy,
Bâng khuynh luống những năn nỉ với nhau ; (3593)
- Chỉ vì không mạnh không giàu,
Nên không khước được mấy câu nói càn ; (3594)
- Riêng mình lo lắng muôn vàn,
Nói ra e những ngại ngần lắm thay ! (3595)
- Nhưng tôi còn có chước này,
Làm cho họ khỏi đặt bày lời thôi : (3596)
- Xin ngai theo đạo Hồi-Hồi,
Thì ngai trong nước chúng tôi vững vàng ; (3597)
- Ấy đều giao ước rõ ràng,
Chẳng hay ngai có tán thành vậy không ? (3598)
- Tôi đây suy nghĩ đã cùng,
Trừ ra kế ấy, thì không kế gì. » (3599)
- Cha tôi rơi lụy dầm-dề,
Tạ rằng : « mang tiếng nam-nhi dưới trời, (3600)
- Nước non đã mất đi rồi,
Thân này còn muốn ở đời làm chi ! (3601)

- Nhưng mà chưa chết tức thì,
Cũng là gắng sống đề vì giang-sơn, (3602)
Khu trừ những lũ cường-quyền,
Trừ cho hết thói hung tàn Âu-châu. (3603)
Về đây đã bấy nhiêu lâu,
Các ông ưu đãi, ơn sâu lắm rồi; (3604)
Nhưng khuyên theo giáo Hồi-Hồi,
Thì tôi không theo lời được đâu; (3605)
Nếu nay sợ chết theo nhau,
Tự mình hồ thẹn, đời sau chê cười; (3606)
Ví bằng số đã hết rồi,
Thân này gởi chốn biển khơi cũng đành | > (3607)
Đại-thần mấy thứ đồ-dành,
Cha tôi cứ giữ đình-ninh một lòng. (3608)
Đêm ngày vơ-vẩn bên song,
Nghĩ thôi chán nổi long-đong phận mình | (3609)
Trước kia gần bữa giao binh,
Nước Hung truyền hịch, động tình gần xa, (3610)
Hoa-Kỳ khen ngợi nước ta,
Số người muốn giúp kẻ đã nhiều tên; (3611)
Bấy giờ họ biết được tin,
Ai ai đều cũng thương tình cha tôi. (3612)
Báo-chương dư-luận bồi bồi,
Những lời khen ngợi, những lời khen trung. (3613)
Tính bề giúp kẻ anh-hùng,
Từ trên đến dưới một lòng với nhau, > (3614)
Phái sang Thỏ một chiếc tàu,
Rước cha tôi với bạn-bầu mấy ông. (3615)
Toàn cầu khen ngợi tấm lòng,
Mà bên Nga, Úc cũng không dám gì. (3616)
Cha tôi sang nước Hoa-Kỳ,
Trăm bề hậu-đãi, trăm bề khuyến-lưu. (3617)
Cha tôi giữ chí phục thù,
Tạ từ nước Mỹ, đáp tàu sang Anh; (3618)
Tỏ bày tâm trạng nước mình,
Bị người ngoại quốc hà hành khổ dân; (3619)
Tìm người đồng chí xa gần,
Quê người đầy đọa mấy xuân một lòng. (3620)

PHỤ LỤC II

Một đoạn từ sau câu 1040, dài 190 câu vì tác-giả muốn nhân đó đề dạy đời, khiến tình tiết trong truyện đương ở đoạn hết sức gay go thú vị, người đọc tự nhiên thấy bị kéo sang một việc khác không dính trực tiếp gì đến truyện.

Sợ đề nguyên như vậy sẽ khiến độc-giả chán ngán mà giảm giá trị tác-phẩm nên đứng ở phương diện nghệ-thuật, chúng tôi mạn phép tác-giả cắt đi cho vào phần phụ lục này ghi dấu từ 1040/1 tới 1040/191.

Chúng tôi sợ dĩ bạo tay như vậy là vì theo lời chua trên đầu bản thảo đây chỉ là một vị-định-cảo, tác-giả chưa kịp có thì giờ đọc lại và sửa chữa.

Tuy nhiên quý bạn độc-giả sẽ đọc đoạn ấy ở đây, nếu tán thành việc chúng tôi làm thì thôi, nếu quý bạn thấy chúng tôi làm như vậy là bậy thì từ lần in sau chúng tôi lại đề nguyên như cũ.

Vội vàng kiếm chức giải khuây,	
Mượn tình sơn thủy gỡ dây ưu phiền.	1040/1
Ngày trời thấm thoát như tên,	
Xuân vừa đi khỏi, hạ liền tới nơi ;	1040/2
Canh-sơn nức tiếng vui chơi,	
Vườn công chàng mới kiếm nơi giải sầu.	1040/3
Xuân viên qua mấy nhịp cầu,	
Tới đây lại nhớ một câu Khá-triền :	1040/4
Phù-lan (1) mồ côi gần miền,	
Động lòng chàng mới viếng thiếng anh-hùng ;	1040/5
Bị tàn một tấm râu phong,	
Cỏ xanh ngui ngút từ trong chí ngoài.	1040/6
Một mình cảm cảnh ai hoài,	
Nhớ trang tiên tán thương người tự do.	1040/7

(1) Phù-lan là người nước Mỹ tên là Franklin.

Tên ngài kẻ nhỏ người to, Ai ai cũng phải trầm trồ thốt ra.	1040/8
Đương khi vận nước sút sa, Tuổi hơn bảy chục, thân qua ngàn trùng ;	1040/9
Một mình gánh cả ngoài trong, Rân he người nước cận cùng chúa Anh ;	1040/10
Hai bên hết sức đổ dành, Sao cho lánh khỏi mối binh mới là ;	1040/11
Chúa Anh ý thế hành hà, Găm trong sự thế nói mà vào đầu ;	1040/12
Đem thân thề với cao sâu, Nước non mở mặt dãi dầu quân bao ;	1040/13
Quân sơn muôn dặm lao-đao, Kêu ca khắp nước ra vào mấy vua ;	1040/14
Cận còi mỗi nỗi được thua, Pháp Tây hai nước giúp ủa sức binh ;	1040/15
Bây giờ nhà nước hiền vinh, Nghĩ ngài cũng lắm công trình gian nan ;	1040/16
Mà nay cỏ lán cây tràn, Mồ không đề tẩm bla tàn mà thôi.	1040/17
Cuộc đời nghĩ cũng thương ôi, Trong vòng phú quý lắm người dở dang :	1040/18
Một đời ở chợ ăn cần, Ích chi cho nước họa tràn đến dân ;	1040/19
Ngửa nghiêng ý thế ý thần, Đề người bần lâm khoe thân bạc vàng,	1040/20
Chạm long vẽ phụng đủ đàng, Dối lừa mắt tục khoe khoang cõi đời ;	1040/21
Lại còn lắm chuyện nực cười, Dựng đàn thất cấp lo đời cứu nguyên ;	1040/22
Thử đem so với anh hiền, Cách nhau trời vực dặm nghìn biết bao ;	1040/23
Vả ngài chí cả tài cao, Một đời lắm nỗi ngán ngao ề hề ;	1040/24
Trong khi sấm sét bốn bề, Tìm ra điển khí, dèm chê lắm người ;	1040/25
Ngài nghe vừa nói vừa cười, Người đời biết một biết mười là ai ;	1040/26
Những người nghĩ rộng lo dài, Trăm năm chắc cũng có người biết ta ;	1040/27
Mà nay Âu, Á gần xa, Tàu hoả, giây thép, hỏa xạ rành rành ;	1040/28

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

Nào là trị bệnh phá thành, Gắm lời ngài nói sắt đánh rạch rời.	1040/29
Kìa ai áo vải mấy người, Xô nhào vua chúa đổi dời nước non ;	1040/30
Nghĩ ra cho thấu nguồn cơn, Cứng vì đạo học mất còn đầy thôi ;	1040/31
Xưa kia Khổng-Tử có lời, « Những trang hiền thánh là người thi thơ. »	1040/32
Ông cha đâu có vật vờ, Sức hèn, dạng xấu, trơ-vơ sá nào ;	1040/33
Túi mình chút phận lao đao, Tuổi trời gấm ghé thảo mao rồng nằm ;	1040/34
Theo thầy muôn dặm xa xăm, Cũng vì túi chút trăm năm nợ đời ;	1040/35
Xương-Lê xưa cũng có lời : « Chí ta cầm vững cuộc đời sá bao ; »	1040/36
Nay ta mượn chữ giải giào, Thôi thôi nghĩ lại âu sâu mà chỉ !	1040/37
Trước mờ lẩn quẩn khôn đi, Người đâu lại gặp một khi lạ làng ;	1040/38
Tay cầm điều thuốc xuê-xoang, Thung dung bước lại gần chàng hỏi han.	1040/39
Chàng liền cốt mao vợi vàng, Bày ra tên họ quê hương rõ ràng.	1050/40
Người liền hỏi chuyện Đông-dương, Chàng bày hình thế mỗi đường cạn sâu.	1040/41
Người rằng cảm nỗi người Âu, Lòng tham dạ muốn biết đâu mà lường ;	1040/42
Bây giờ coi thế Đông-dương, Trăm phần lát lẻo như sương đầu nhành ;	1040/43
Nước này phía bắc chạy quanh, Cách Tàu một giải giậu ranh thế nào ?	1040/44
Chàng rằng có thí gì đâu, Một người một ngựa đã hầu khó ngăn.	1040/45
Nghe lời người cũng thở than, Cất tay lại chỉ cây bằng cao cao :	1040/46
Rằng kìa mấy cụm dùm dào, Của ông Cao-Tiết trồng bên mộ ngài.	1040/47
Chàng rằng Cao-Tiết là ai ? Người liền lớn tiếng rằng : người quên sao ?	1040/48
Người này tiết cả tài cao, Gấm ra thiết đúng anh hào Ba-Lan.	1040/49

Chàng rằng cách vực xa ngàn, Nghe tên chưa tỏ hành tàng thế nào ?	1040/50
Xin người tỏ nỗi cạn sâu, Người liền ngồi xuống gót đầu kê ra :	1040/51
Ba-Lan thuở trước mạnh mà, Binh oai rầm rộ gần xa về châu ;	1040/52
Một tay nắm chắc tai trâu, Khiếp oai khắp cả cõi Âu rặng rời ;	1040/53
Hay đâu cuộc thế đổi dời, Một mai thế nước ră rời ngựa nghiêng ;	1040/54
Bây giờ xét lại căn nguyên, Cũng vì các chúa giành quyền phân nhượng ;	1040/55
Ba-Lan tuy gọi nước Vương, Nhưng trong chánh trị nửa phường nước dân ;	1040/56
Trong khi kế vị lập-quân, Chọn dòng quý tộc đề dân sự bầu ;	1040/57
Đến khi tuyền cử lao nhao, Đủ bề liếng xáo, gươm dao, miệng mồm ;	1040/58
Giành nhau kẻ bốc, người ôm. Một tay quyền cõi dạ rơm thiếu gì ;	1040/59
Nước nhà danh tiếng kẻ chi, Dân nghèo kêu réo li bì ai thương ;	1040/60
Vậy nên thế nước dở dang, Mình làm mình chịu ai thương đó mà,	1040/61
Chàng rằng năm trước quan nhà, Sang Âu có tới nước Ba một lần ;	1040/62
Bóng trời vừa rạng vẻ vân, Hé song trông thấy dân bần lao nhao ;	1040/63
Nhóm nhau kẻ réo người kêu, Van tiền trời gạo xiết bao dãi dầu.	1040/64
Có người Hiếu-lộ theo hầu, Thấy dân mất nước mà đau đốn lòng ;	1040/65
Về triều thưa lại các ông : Lo răn dẫu trước, e chông bánh sau.	1040/66
Cuộc đời nghĩ đến mà đau, Người dù mọn sức ta đâu nỡ lòng ;	1040/67
Phổ, Nga, Úc cật cường hùng, Rủ nhau chia xé hải hùng lăm thối ;	1040/68
Vậy mà mùa miệng khua môi, Rằng ta theo đạo chúa trời, với ai ?	1040/69
Người rằng : thực cũng như lời, Cối trần động máy chúa trời vậy a !	1040/70

GIAI-NHÂN KỲ-NGŨ

Ví bằng ai cũng thế mà, Thì trong trái đất thái hòa đã lâu ;	1040/71
Gấm cho thối tục hiềm sâu, Những quân thế lợi mượn câu chúa trời ;	1040/72
Ba-Lan đến đổi rã rời, Gấm ra há phải tội rơi vạ trần :	1040/73
Năm bảy trăm sáu một ngàn, Vua Nga đánh lộn Ba-Lan mấy lời,	1040/74
Vàng ròng nói ngọt lắm thôi, Rước vua Hy-Liệt sửa ngôi trị đời ;	1040/75
Vua Nga là đức chúa trời, Trăm đều tin cậy chúa tôi trên đầu ;	1040/76
Vua Nga mượn chước đề đầu, Thừa cơ thu xé, mưu sâu rạch ròi ;	1040/77
Vua Nga trăm cách móc xoi, Xui cho dân giáo mượn hơi dềnh dàng ;	1040/78
Hai bên xáo thịt nhồi xương, Rồi ra lại kéo binh sang đẹp nàn ;	1040/79
Làm cho hết kiếp Ba-Lan, Nhường dân cắt đất kêu van dưới thành ;	1040/80
Nghĩ thôi thôi cũng bức mình, Lắm lòng mê-tín lắm tình dờ-dang.	1040/81
Ba-Lan thế dẫu tài tàn, Lòng người còn hời mơ-màng non-sông,	1040/82
Thề nhau chẳng đội trời chung, Năm gai nếm mật vầy vùng lấm nơi ;	1040/83
Lắm người dọc đất ngang trời, Toan mưu dùm giúp cho người về-vang ;	1040/84
Phổ, Úc nghĩ cũng thẹn đường, Mở dòng nô-lệ, dục đường văn-minh ;	1040/85
Ba-Lan hết sức kinh-dinh, Bỏ bên dân-chủ, lập thành chánh vua ;	1040/86
Chọn ngôi hoàng-tử tôn ulla, Đưa thơ các nước phân bua đủ đều.	1040/87
Mỹ Âu các nước vui theo, Vua Nga một mực kỳ kèo chẳng nghe.	1040/88
Ba-Lan chống-chỏi trăm bề, Dưới trên một bụng quyết thề non sông ;	1040/89
Còn như lẽ phải lẽ không, Đề cho thiên-hạ miệng chung giữa đường.	1040/90
Phải chi động ít nước cùng, Giùm công, giúp miệng lưu-xoang đã rồi ;	1040/91

Tiếc thay quý-tộc những loài, Quên bề nghĩa-lợi toan bài lợi riêng ;	1040/92
Phá nhau trăm kiếp ngựa nghiêng, Trối tay, kệp nách, vè-viên đủ vòng ;	1040/93
Vua Nga thấy thế bằng lòng, Kiếm đều khiêu-khích, đặt vòng hiểm sâu ;	1040/94
Rằng Ba-Lan dựng bấy lâu, Lòng dân có muốn chi đâu vậy mà ;	1040/95
Rất là những lũ kiêu ngoa, Vạch đường chỉ lối chẳng qua báo thù ;	1040/96
Chúng ta nếu chẳng đề đầu, Ngày sau khôn giữ cõi Âu hòa-bình.	1040/97
Quân gia kéo đến thành-linh, Xô nhào đảng chánh, đổ-dành phe quan ;	1040/98
Vậy mà những lũ dòng sang, Đầy cơm, bầu nước, chắt dâng đón đưa ;	1040/99
Nét hư đến chết không chừa, Sao cho mạng ách lỗi bừa mới vui ;	1040/100
Phò vua ra dạ phan-phui, Thay lòng, trở mặt, giúp vui với Nga ;	1040/101
Ba quân sấm sét kéo qua, Ba-Lan tức trí, hóa ra chống kình ;	1040/102
Trên Ông Cao-Tiết cầm binh, Ngài là tướng giỏi, thanh danh rõ rành ;	1040/103
Đương khi người Mỹ chống Anh, Ngài theo giúp sức máy binh trong màn ;	1040/104
Lại qua quen với Phù-Lan, Mưu cao, chức cả, luận bàn lắm phen ;	1040/105
Tài ngài người Mỹ cũng khen, Toan đem lộc cả dựng đền công cao ;	1040/106
Ngài liền phân-giải thấp cao : Xưa nay liệt sĩ sá nào công danh ;	1040/107
Ta liều vạn tử nhất sanh, Xông tên đột pháo vì giành tự-do ;	1040/108
Còn như chức trọng quyền to, Lòng tôi có chút màng mơ chi mà ;	1040/109
Bây giờ trông lại nước nhà, Bầm gan tím ruột biết là bao nhiêu !	1040/110
Thân này sống chết cũng liều, Sao cho rửa hổ mới tiêu hận này ;	1040/111
Mong cho dòng giống xum vầy, Lòng tôi có chút thí này mà thôi ;	1040/112

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

Huống chi những thói nước người, Giữ lòng độc-lập, khôn dòi lòng son ;	1040/113
Thương ta thể nước thon-von, Ngày đêm mong mỏi vuông tròn biết bao ;	1040/114
Nếu ta tham mến ngôi cao, Buộc mình đất ấy mặt nào thấy ai ?	1040/115
Người đời lắm tiếng mỉa-mai, Rằng ta bỏ nước giúp người vậy a ;	1040/116
Trượng-phu mấy kẻ những là, Xưa nay ai nỡ sa-đà đắm vui.	1040/117
Nói rồi giọt lệ sụt-sùi, Múa gương phát áo trở lui nước nhà.	1040/118
Mỹ Âu bốn phía gần xa ; Nghe ngòi tiết khí nồng nà ngợi khen.	1040/119
Năm bảy chín hai một nghìn, Liều đem châu-chấu chống kiên cố xe,	1040/120
Quân thua một trận rất ghê, Vua nhà mất vía, toan bề chỉ qua ;	1040/121
Sai quan đem bức tiên-hoa, Sang Nga xin hối giảng hòa thô binh.	1040/122
Ngài nghe nổi giận lôi đình, Trách vua yếu đuối ra tình non gan.	1040/123
Vua nhà chẳng chút nói bàn, Nửa đêm lén lút trốn sang đảng kinh.	1040/124
Trong khi dân chí tan tành, Dầu cho chức nhiệm, mưu lành, không dung ;	1040/125
Mưu sâu mắc phải chức tung, Tài hay mắc phải chúa dung cũng nài ;	1040/126
Xưa nay nghĩa-sĩ mấy người, Bỏ thân cho nước, ngậm cười như không ;	1040/127
Khốn thay những kẻ bất trung, Giùm lương cho giặc, còn trông nổi gì ;	1040/128
Ngài bèn vệt lụy ra đi, Chạy ra ngoại quốc chờ khi đợi thời.	1040/129
Năm sau trung nghĩa những người, Toan bề tái cử lại mời ngài ra.	1040/130
Hịch truyền khắp cả gần xa, Bắt vua đảng ngụy, chém cha lũ tàn.	1040/131
Phò vương lại tiếp lệnh sang, Đem quân ngòi đón giữa đảng đánh tan.	1040/132
Làm cho quân giặc muôn vàn, Bốn bề tan tác không còn chiếc xe.	1040/133

Ba-Lan lúc ấy cũng e ;	
Nga-hoàng nghe được hăm he luận bàn :	1040/134
Ta không phá được Ba-Lan,	
Mặt nào còn thấy gương san nữa mà ;	1040/135
Rầm rầm mười vạn binh qua,	
Sai quan danh tước Sồ-Hòa cầm binh.	1040/136
Phò vương nghĩ cũng tức mình,	
Sai quân cứu viện đồng tình giúp Nga.	1040/137
Ngài càng gắng hết sức già,	
Một tay chống Phò chống Nga ngang tàng ;	1040/138
Mộ thêm tử sĩ mấy ngàn,	
Thề sông hẹn núi phôi gan chiến trường.	1040/139
Binh Nga kéo tới chật đường,	
Hai đảng đấu chiến sa trường máu trôi ;	1040/140
Trống la dậy đất dậy trời,	
Tiếng người tiếng súng rã rời núi non ;	1040/141
Máu như suối, thấy như cồn,	
Binh Nga tiếp cứu ùn ùn tới thêm ;	1040/142
Quân Ba tang tác khôn tìm,	
Ngài còn múa súng hươu gươm một mình ;	1040/143
Trong khi tên đạn linh đình,	
Bị thương ngài vụt nhào mình xuống yên ;	1040/144
Nổ gan một tiếng kêu lên :	
« Ba-Lan mạng nước chết liền hôm nay ! »	1040/145
Quân Nga liền lại trối tay,	
Trăm đầu xui giục đầu ngay cho rồi.	1040/146
Tức gan ngài nói mấy lời,	
« Anh-hùng chí sĩ làm người xưa nay.	1040/147
Quân thua thì phải bỏ thầy,	
Nước nghèo bỏ mạng, lẽ ngay muôn đời ;	1040/148
Nếu ta góit vập đầu vùi,	
Mặt nào còn thấy những người thế gian. »	1040/149
Ba-Lan mấy đạo binh tàn,	
Cảm ngài nghĩa khí, muôn vàn bỏ thân ;	1040/150
Chết gươm chết đạn vô ngần,	
Thừa ra thì lại bỏ thân lửa nồng.	1040/151
Thương ôi ! sống chết một lòng,	
Trao mình cho nước anh-hùng làm thay !	1040/152
Bàng kia còn đó bấy nay,	
Khi ngài từ Mỹ thực tay ngài trông.	1040/153
Trông cây như kẻ anh-hùng,	
Cam đường còn đó động lòng biết bao ! »	1040/154

GIẢI-NHÂN KỲ-NGỘ

Nghe lời chàng cũng ngán ngao, Than dài thở vắn xiết bao ngậm ngùi.	1040/155
Người rằng : « trò truyện quá vui, Trông chừng bóng ác đã lui về đoài ;	1040/156
Ngày nào chàng động thành thơ, Đôi ta có lẽ gặp hoài tại đây. »	1040/157
Nói rồi hăm hở đi ngay, Chàng còn đứng lại bên cây ngai ngừng !	1040/158
Vận suy thương kẻ anh-hùng, Nước nhà nghĩ đến đường cùng mà đau ;	1040/159
Dốc lòng ngày khác qua Âu, Tới Ba viếng chút mộ khâu của ngài.	1040/160
Phù-Lan cũng đống anh tài, Công thành thân thất một đời mấy ai ;	1040/161
Ngậm ngùi tủi vận thương thời, Xấp tay hai lạy mộ ngài bước ra.	1040/162
Từ bề mây kéo là đà, Chớp giăng đến đất, mưa sa đầy dằng ;	1040/163
Dưới cầu chạy núp vội vàng, Tình cờ gặp lũ bên dằng dặt mưa ;	1040/164
Trò tay nhắc kể chuyện xưa, Phù-Lan bắt diều đấu thừa là đây.	1040/165
Một hồi bớt gió tan mây, Đất ngùi hơi nóng, trời vầy màu thanh ;	1040/166
Chàng càng thơ thần một mình, Ngâm thi điệu cổ ngụ tình thương kim.	1040/167

THI RẰNG :

Cầu Xuân-viên, cửa Khải-triền,	1040/168
Gió chiều lát lẽo, mặt trời ngliêng.	1040/169
Một mình tới diều mỗ Phù-Lan,	1040/170
Đấu cũ ngậm ngùi, dài thở than :	1040/171
Tự do là mỗ chúng ta đấy !	1040/172
Anh-hùng một tiếng giá ngàn vàng.	1040/173
Tay cầm cờ hịch miện kêu van,	1040/174
Dạ vàng gan sắt trao gang-san,	1040/175
Biền trời muôn dặm thân long đông,	1040/176
Nước nhà còn mất thề một lòng ;	1040/177
Ngàn cân máu nóng ba tấc lưỡi,	1040/178

PHAN-CHÂU-TRINH

Quỷ khóc thần sầu người há không.	1040/179
Một bữa Paris định điều ước,	1040/180
Chiếc buồm đưa người về Nữ-ước ;	1040/181
Mây tan, khói rã, trăng sáng lò,à,	1040/182
Bốn biển xa gần chung hưởng phúc.	1040/183
Nhớ ngài xưa kia tài bất đền,	1040/184
Sấm sét cũng nghe ngài sai khiến ;	1040/185
Một dây hai đầu ngồi nói chuyện ;	1040/186
Xa xôi chẳng luận cách trời biển.	1040/187
Rất đổi sấm sét còn nghe lời,	1040/188
Dầu đem máu đỏ hướng chi người ;	1040/189
Bây giờ tự do khắp bốn biển,	1040/190
Biên Đông sẵn lòng xin rước ngài. »	1040/191



PHỤ LỤC III

Đây là bài ca, tiếp sau câu 1294, cũng do những lẽ nói ở phần phụ lục II, chúng tôi gác lại và dành in dưới đây.

CA RẰNG :

Biền dù cạn, non dù xa,
Thù này đặc đặc căm lòng ta |
Xin ai ngóng lại nước non nhà |
Đoái quát trông quanh lòng xót xa |
Xưa kia là chốn phiên ba,
Mà nay cỏ lán cây dùm dầ,
Máy dệt tan tành, lò khói rã,
Xe nước bỏ hoang ruộng sút sa ;
Chợ vắng đêm khuya dủ dĩ la,
Chùa hoang tháp bỏ dơi làm nhà ;
Làng xóm điêu tàn, rêu cỏ khô khan,
Đé reo chuột túc, dóm nhóp nhàn ;
Con ông cháu cha ai biết đến,
Đón trâu ngựa ngằn đứng đầu làng ;
Nhà toi, vách tả, áo lang thang.
Kể từ đất nước về cường Anh,
Ông cha sự nghiệp phá tan tành ;
Quân yêu chúa quý kéo nhau đến,
Ần ở càng ngày càng hà hành ;
Cỏ gông, churen cùm, roi ướp dít,
Máu khô, mỡ ráo, còn rấn sành ;
Hùm còn kém gan, rắn thua độc,
Quơ bốc, quơ hốt, phá phui phanh ;
Túng thuế, căm cổ ruộng đất sạch ;
Nhà cửa tan hoang không một manh ;
Cha mẹ bỏ con, chồng bỏ vợ ;
Kiếm ăn trôi nổi, thân lạnh đánh ;
Giỗ chạp bỏ hết, ông bà quên ;
Thầy trò xác đói, giao quạ kên ;
Mưa sầu gió thảm bay ngui ngút ;
Núi sông rơi lụy cây cỏ rên.
Thương ôi ! Non nước chết đi rồi |
Mặt nào còn sống đề trôi đời ;
Thà liều một thác cho khuất mắt ;
Trong vòng tội tứ khổ lắm thôi |
Hè ta đuổi cò quách lữ hời ;
Xong rồi múa hát chơi ta chơi.

PHỤ LỤC IV

Cũng vì những lý do đã nói ở trên, từ sau câu 1300 còn một đoạn dài 73 câu, chúng tôi gác lại ở phần phụ lục này ghi số 1300/1 tới 1300/73.

Cuộc đời nghĩ đến mà đau,	
Ai ưa những kẻ đề đầu xưa nay :	1300/1
Người Anh lắm nỗi đắng cay,	
Coi người nước Ái như bầy muông chim ;	1300/2
Phía nam trăm kiếp nỗi chìm,	
Nhà toi vách tả khôn tìm dứt mưa ;	1300/3
Phất phơ áo mỏng giày sưa,	
Xông pha gió bụi, dày bữa tuyết sương ;	1300/4
Trẻ trong đôi phải bỏ trường.	
Gái tơ đôi phải ngỡ đường chồng con ;	1300/5
Lúa khoai cắt sống gặt non,	
Đi khuya về tối, bụng còn đói xo ;	1300/6
Đêm đông lạnh lẽo lo co,	
Tay khô, tay dết, mân mọ không rời ;	1300/7
Chủ vườn chủ ruộng lắm người,	
Ăn hà ăn hiếp, thuê mướn bắt trăm ;	1300/8
Xúm nhau kẻ xắt người băm,	
Anh Tô hai nước quyết chắm đề đầu.	1300/9
Lại còn múa miệng khua hầu,	
Lắm điều chưởi rửa lắm câu chê dèm :	1300/10
Rằng : người Ái dốt lem nhem,	
U-mê ám chướng ai thêm dạy chỉ,	1300/11
Chi-Na Ấn-Độ ngu si,	
Đem so người Ái, khôn khi bằng mười ;	1300/12
Làm cho thiên hạ chê cười,	
Nước Anh mang tiếng vì người Ái-Lan.	1300/13
Nói soa nói chạ nói càn,	
Thiếp xin kẻ thử mấy trang anh hùng :	1300/14
Họ Vu là đáng biên hùng, (<i>Vu-cổ-lưu-ninh</i>)	
Họ Oai, họ Mộ cũng giòng kinh luân ;	1300/15
<i>Oai-nộ-môn-lỗ — Mộ-lưu-câu</i>)	

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

Lưu-Ninh rất bực tướng quân, Cùng ông Lâm-Đốn xuất quân xưa nay ;	1300/16
Mã-đôn Nhục-Tồn, hai ngài, Đều làm thống-lãnh cũng người Ái-Lan ;	1300/17
Anh-hào học sĩ muôn vàn, Kề ra xe chở đấu trận thiếu chi ;	1300/18
Bây giờ đến đổi lưu ly, Trăm quân cướp cọn, trách gì người hừ ;	1300/19
Nước Anh găm lại bây giờ, Đua tàu bốn biển, dựng cờ năm phương.	1300/20
Lắm người sợ nó phú-cường, Tìm đâu hót chọ, kiếm phương nịnh xằng ;	1300/21
Gọi ta là đảng hung hăng, Chẳng thương mà lại vật dằn thế ư ;	1300/22
Thướng ôi ! tuyết dũa xương cưa, Hám he liễu yếu cũng chừa từng xanh ;	1300/23
Phép hung lệnh giữ nước Anh, Cùm xiềng Ấn-Độ khôn hành Ái-Lan ;	1300/24
Định bàn chờ lúc vào quan, Ấy là người muốn ngỏ toàn đáy thoi ;	1300/25
Thiếp thì chẳng quản chi đời, Khen chê chối, mặc cho người khen chê ;	1300/26
Và người thế-giới ê-hề, Mỗi người một kiếp ai hề giống ai !	1300/27
« Nhơn nhơn chí sĩ lắm người, Khuyên lành ghét dữ cứu đời gian nan ;	1300/28
« Còn như triết học mấy trang, Soi trời móc biển tìm đàng cao xa ;	1300/29
« Lại như văn học mấy nhà, Sông xoi tứ mối, lửa lò văn hay ;	1300/30
« Tao-đàn ngang ngựa một vai, Đọc qua ai cũng khoanh tay cúi đầu ;	1300/31
« Còn như những kẻ phong hầu, Tay cầm ba thước chém đầu năm quân ;	1300/32
Thây non, máu tuổi xa gần, Vỗ gươm đắc ý rằng thân dụng binh ;	1300/33
« Tay không áo vải lênh-dênh, Mượn hơi thời vận sát sanh một mình,	1300/34
Nghênh ngang một giắc phù vinh, Đẹp lòng nở dạ, ấy danh anh-hùng ;	1300/35

Trối thầy kẻ dối người cùng,	
Coi vàng như đất, hậu cung trăm ngàn ;	1300/36
Lầu son gác tía muôn vàn,	
Mâm ăn mấy trượng, là tàn bạo quân ;	1300/37
Một đời nhĩn áo nhĩn quần,	
Cha tiền, mẹ bạc, lằn thần chiều mal,	1300/38
Biết chỉ tới nước tới đời,	
Coi tiền hơn mạng, là người tài nô ;	1300/39
Đá vàng một tiếng hẹn hò,	
Ngậm cay nuốt đắng, gay-go trăm đàng ;	1300/40
Vậy mà giữ vẹn lòng vàng,	
Đời người tri-kỷ là trang đa tình ;	1300/41
Mềm lưng, uốn gối, tập tành,	
Cám ơn đầu lưỡi, hậu tình ngoài môi ;	1300/42
Bạc tròn quyền-quý một đời,	
Thay lòng đời mặt là người nịnh nơn ;	1300/43
Đời mà Phiếu-mẫu làm ơn,	
Bơ-vơ áo chiếc quần đơn một mình,	1300/44
Bèo trôi mây giạt lênh-đênh,	
Ấy người bạc-mạng chôn mình rãnh mương ;	1300/45
Kiếp người nghĩ đến mà thương,	
Nên hư họa phúc một trường hoa lớn ;	1400/46
Suy cho thấu biết nguồn cơn,	
Hay là kiếp trước có nơn-duyên gì ?	1300/47
Hay là phú tách hào ly,	
Hay là chí-khí có khi sai thù ?	1300/48
Hay là dạy bảo nhiễm nhu ?	
Hay là tại kẻ giao du chơi bời ?	1300/49
Nếu mà trăm việc ở đời,	
Trong vòng vận mạng khôn đời đặng nao ;	1300/50
Vậy thì sống chết chiêm bao,	
Vul nào lại có buồn nao bao giờ ?	1300/51
Đã hay máy tạo u-ơ,	
Việc mình còn tính đợi chờ mà chỉ ;	1300/52
Dầu mà gặp vận lưu-ly,	
Vì dân trời máu tên ghi ngàn đời. »	1300/53
Nói rồi chàng mới trả lời :	
« Hán nho xưa có tên người Nã-Thiên ;	1300/54
Anh ta có luận một thiên,	
Xưa nay phú quý vân yên một thời ;	1300/55
Anh-hùng hào kiệt lắm người,	
Ngang trời dục đất muôn đời uy-danh. »	1300/56

GIAI-NHÂN KỲ-NGỘ

Nàng rằng một kiếp phù sanh, Sao cho rằng phước mong mệnh lắm mà ?	1300/57
Xin chàng giải rõ gần xa, Chàng liền cặn kẽ thưa qua mấy lời :	1300/58
« Sử truyền xưa có một người, Hỏi ông cổ thánh lắm lời cao sâu.	1300/59
Kiếp người sung-sướng ở đâu ? Ngài bèn bảo lại mấy câu rõ ràng :	1300/60
Có Trinh-Lưu-Sĩ là chàng, Cơm canh đạo chánh, bạc vàng lẽ ngay ;	1300/61
Ghét tà như thề mắt gal, Ngày đêm lo-lắng giống nòi về vang ;	1300/62
Hết lòng giúp kẻ cô đơn, Cứu người già yếu, bần hàn sút sa ;	1300/63
Tiết trinh nức tiếng vợ nhà, Con lân cháu phụng xuê xoa đủ điều ;	1300/64
Thờ cha lấy thảo làm đầu, Đá vàng một tiếng bợn bầu kính tin ;	1300/65
Da mồi dầu tuyết đã yên, Thình lình giặc tới cõi biên dậy trần ;	1300/66
Rút gươm chàng quyết liều thân, Dựng cờ xướng nghĩa giục quân đồng bào ;	1300/67
Sĩ dân bốn phía vui theo, Đánh tan quân giặc, tiếng reo kinh thành ;	1300/68
Nước nhà ngọ chữ thái-bình, Ngậm cười chàng đã bỏ mình gươm đao ;	1300/69
Non sông lụy chảy dồi dào, Kẻ to người nhỏ ồn-ào kêu van ;	1300/70
Bia cao đề tiếng muôn vàn, Đình chùa rực rỡ vái van trung hồn ;	1300/71
Làm trai đứng giữa cùn khôn, Sống vui chết vẻ có oan chi mà ! »	1300/72
Nghe lời nàng mới thở ra, « Rằng trai thời vậy, đàn bà thời sao ? »	1300/73

PHỤ LỤC V

Nơi sau câu 1588, có một bài ca chữ ba, chúng tôi lấy ra cho vào phụ lục ở đây, vì xét ra nội dung bài ca ấy ở miệng nàng U-Lan thốt ra thì không hợp chỗ và không hợp tâm lý nhân vật tiểu-thuyết.

CA RẰNG:

Ta nhớ đâu, nhớ đầu biên Á,
Muốn theo qua sóng khỏa ngàn trùng;
Bốn ngàn năm còn dãi dẫu Lạc-Hồng,
Kìa biên, kìa núi, kìa sông, kìa đô-óp;
Từ Đinh-Hoàng dựng cờ độc lập,
Đến Nguyễn triều thấu thập cõi Nam-Trung,
Trải xưa nay lắm sức anh-hùng,
Liều trời máu vẽ nên màu cầm tú.
Hai ngàn vạn đồng-bào sanh, tỵ,
Sử văn-minh đem đọ kém gì ai.
Quyết thề lòng dựng lại cảnh Bồng-Lai,
Chén rượu câu thi cười ha-hả.

x x x

Trăng sáng giữa trời soi khắp cả,
Gió xao mặt nước sóng long tông,
Đầu tàu đêm vắng ngồi trông.



In xong : ngày 15-4-59
tại XÃ HỘI ẤN - QUÂN
5-7-9 Ngô-đức-Kế Saigon
ngoài 3000 bản , thường
có 100 bản trên giấy quý
không bán

二陸人壽遇成題

題是登新樓而別美
理山破甘由樓而別
士是公壽(古)銀袖人
解板由壽而別成是
一(古)而士人甘是子
來情何論然一是一
後令人盡新解

為

